

MỘNG - BÌNH - SƠN

ÔN CÔ  
TRI TÂN

溫故知新

QUYỀN BA

SÓNG MỚI Xuất bản

MỘNG-BÌNH-SƠN

# ÔN-CỐ TRI-TÂN

Những tấm gương phản chiếu  
moral đời trong truyện  
Đông-Châu Liệt-Quốc

TIMSACH.COM.VN

TẬP III  
(Trọn bộ)

Sóng Mới Xuất Bản

## TÔN-VŨ VỚI ĐOÀN NỮ-BINH

— Gái đẹp dễ kiếm, tướng giỏi khó tìm.  
Đại-vương thương hai nàng gái mà bỏ mắt  
tướng tài thì mong bá-chú tan thành mây khói.

Ngũ-Viên muôn đem binh về báo thù nước Sở, xin  
với vua Ngô là Hạp-Lư cho mượn quân. Hạp-Lư thấy  
Ngũ-Viên là người nước Sở sợ không chắc đã hết lòng  
diệt Sở, nên không đồng ý. Ngũ-Viên liền giới thiệu  
Tôn-Vũ. Hạp-Lư mừng rỡ nói :

— Nhà ngươi thử vì ta mà triệu Tôn-Vũ đến đây.

Ngũ-Viên nói :

— Người ấy đâu phải là kẻ tầm thường, nên đem  
kết vật đến đón mới được.

Hạp-Lư theo lời, lấy mười nén vàng kim, một đôi  
ngọc bích, sai Ngũ-Viên đến La-phù-sơn triệu Tôn-Vũ.

Ngũ-Viên đến nơi vào yết kiến Tôn-Vũ giải bày  
lòng quyến luyến của Hạp-Lư, Tôn-Vũ theo Ngũ-Viên  
vào triều yết kiến.

Hạp-Lư trông thấy Tôn-Vũ đến với bước xuống  
thêm thi lễ và mời ngồi, hỏi thăm các sách binh pháp.  
Tôn-Vũ đem mười ba thiên binh pháp dâng cho Hạp-Lư.  
Hạp-Lư trao cho Ngũ-Viên đọc qua một lượt, nghe đến  
đâu Hạp-Lư cũng đều khen ngợi.

Hạp-Lư nói :

— Bình pháp này rất quý, thật có tài kinh thiên vi  
địa, chỉ tiếc nước ta bé nhỏ, quân ít biết cách nào áp  
dụng được ?

Tôn-Vũ nói :

— Cứ như binh pháp tôi chẳng những dùng trong đám quân sĩ mà thôi. Dẫu đến đàn bà con gái biết theo mệnh lệnh của tôi cũng có thể thắng giặc được.

Hạp-Lư vỗ tay cười lớn :

— Chao ôi, thưa nay đàn bà con gái mà lại có thể sai cầm gươm đánh giặc được sao ?

Tôn-Vũ nói :

— Nếu không tin lời tôi xin Đại-vương cho tôi luyện tập các cung nữ, nếu không đánh giặc được tôi xin chịu tội.

Hạp-Lư truyền đem ba trăm cung nữ giao cho Tôn-Vũ luyện tập.

Tôn-Vũ nói :

— Xin Đại-vương cho tôi hai nàng sủng-cơ để làm đội-trưởng.

Hạp-Lư truyền gọi hai nàng sủng-cơ là Tà-Cơ và Hữu-Cơ đến trước mặt Tôn-Vũ và nói :

— Hai người này là người yêu của ta, phòng có thể làm đội-trưởng được chàng ?

Tôn-Vũ nói :

— Làm được. Nhưng việc quân cần phải thường phạt thi mới nghiêm minh. Xin Đại-vương cho lập một người làm Chấp-pháp, một người làm Quân-lại để truyền bá hiệu lệnh, một người làm Cò-lại để đánh trống, và mấy người làm Nha-tướng cầm gươm đứng trên đài cho trọng thể.

Hạp-Lư nhận lời. Tôn-Vũ chia đám cung nữ ra làm ta-dội và hữu-dội, cho Tà-Cơ lãnh ta-dội, Hữu-Cơ lãnh hữu-dội. Hai đội đều mặc quan phục và cầm binh khí.

Tôn-Vũ truyền bá hiệu lệnh gồm có ba điều:

- 1) Không được hồn loạn hàng ngũ.
- 2) Không được làm trái pháp luật.
- 3) Không được nói cười lầm lì.

Hẹn đến sáng mai, hai đội nữ binh phải tập hợp đồng đủ đến giáo trường để thao diễn.

Hôm sau, trống canh năm vừa tan, hai đội nữ binh đều đến giáo-trường, người nào cũng mình mặc áo giáp, đầu đội mũ trụ, tay cầm kiếm sáng quất. Tà-Cơ và Hữu-Cơ đều mặc quần áo tướng, đứng đầu hàng.

Tôn-Vũ thân hành ra chỉ bảo mâu mực và bày thành trận thê. Lại truyền đem hai lá cờ vàng đưa cho Tà-Cơ và Hữu-Cơ để cầm đứng trước, còn các cung nữ thi đứng sau, hễ nghe hồi trống thứ nhất thì vung kiếm lên, hồi trống thứ nhì hai đội lui ra hai bên, hồi trống thứ ba thi hai đội xắp lại. Hễ bên nào nghe tiếng kièng thì phải rút lui.

Các cung nữ nghe tuyên bố đều bung miệng cười. Chức Cò-lại đánh một hồi trống, đoàn nữ binh kè ngồi người đứng không đều nhau.

Tôn-Vũ đứng dậy nói:

— Hiệu lệnh không nghiêm, pháp luật không minh là tội của quan tướng đó.

Nói xong cho chức Quân-lại tuyên bố một lần nữa.

Chức Cò-lại đánh trống một lần thứ hai, các cung nữ chia ra làm hai hàng, nhưng hàng ngũ xiêu veo, và mọi người đều bung miệng cười rõ lên như trước.

Tôn-Vũ liền vén tay áo cầm dùi trống mà đánh. Tà-Cơ, Hữu-Cơ cùng các cung nữ lại cười ồ lên một lần nữa. Tôn-Vũ nồi giận, cau mày gọi chức Chấp-pháp đến qui trước mặt, Tôn-Vũ nói:

— Pháp luật không minh, mệnh lệnh không thi hành là tội của hàng tướng, vậy phải trừng trị như thế nào ?

Chức Chấp-pháp nói :

— Nên đem chém.

Tôn-Vũ liền truyền lệnh đem hai người nữ đội-trưởng ra chém để làm gương cho quân sĩ.

Bọn Nha tướng thấy mặt Tôn-Vũ hăm hầm nỗi giận không dám dỗ ngươi, liền đến áp bắt Tả-Cơ và Hữu-Cơ trói lại.

Hạp-Lư ngồi trên đài trông thấy, vội vàng sai Bá-Hi cầm cờ tiết chạy xuống giảo trường nói với Tôn-Vũ :

— Hai nàng ấy là cung phi yêu dấu nhất của vua, thiếu hai nàng ấy nhà vua ăn không ngon, ngủ không yên, xin Tướng-quân chờ chém.

Tôn-Vũ nói :

— Việc quân không phải nói đùa. Tôi đã chịu mệnh làm tướng thi trong đám quân đâu có mệnh vua cũng không được phép theo nữa, huống hồ tha cho kẻ có tội làm sao quân sĩ phục tùng ?

Nói xong, Tôn-Vũ truyền chém Tả-Cơ và Hữu-Cơ đem bêu đầu trước hàng quân. Các cung nữ đều sợ run cầm cập.

Tôn-Vũ lại chọn hai người khác làm đội-trưởng rồi lại truyền bá hiệu-lệnh. Lần này không ai dám khinh thường pháp lệnh, nhất nhất tuân theo khuôn phép.

Bấy giờ Tôn-Vũ sai chức Chấp-pháp đến trước mặt Hạp-Lư tâu :

— Quân đội đã chỉnh tề rồi, xin tùy ý Đại-vương sai khiếu. Hiện giờ đâu Đại-vương có khiếu họ nhảy vào lửa họ cũng không dám tránh.

Hộp-Lư thường Tả-Cơ và Hữu-Cơ lầm, sai làm lê hậu táng nơi Hoành-sơn, rồi lập đền thờ gọi là Ai-cơ-tử.

Vì tình thương Tả-Cơ và Hữu-Cơ, Hộp-Lư tỏ ý không muốn dùng Tôn-Vũ. Ngũ-Viên hay được nói :

— Đại-vương muốn tranh thiên hạ, làm bá chủ chư hầu, thế thì phải cầu người tướng giỏi. Nếu không có Tôn-Vũ ai là người dám trèo non lặn suối trải ngàn cay đắng ? Gái đẹp dẽ kiêm, còn tướng giỏi khó tìm. Nay vì thương hai nàng gái đẹp mà bỏ mắt một tướng tài thì mộng bá chủ của Đại-vương chỉ là một làn khói tan trong không trung mà thôi.

### *Aban xét :*

**TINISAC** — Muốn dân mến không thể bỏ nhân nghĩa.  
Muốn dân an không thể bỏ pháp-luật.

Xưa nay phép trị dân gồm có hai cách ; Vương-đạo và bá-đạo. Vương-đạo chú trọng điều nhân, bá-đạo chú trọng điều lợi. Tuy nhiên, dù Vương-đạo hay bá-đạo pháp lệnh vẫn phải nghiêm minh thì mới giữ được trật tự xã hội.

Pháp là khuôn khổ, lề lối đặt ra quy định trật tự xã hội, lệnh là đường lối công bố của pháp. Nhưng pháp có nghĩa rộng rãi hơn luật lệ, bao gồm cả quan hệ xã hội.

Ở một nước mà pháp lệnh được chú trọng thì trật tự xã hội được nghiêm chỉnh. Pháp lệnh không phải đè sai khiến người, mà còn để cải hóa người nữa. Do sự tuân theo pháp lệnh mà cuộc sống con người có một tư tưởng tự trọng.

Thời xưa, người ta phân lối cai trị bằng hai cách : nhân-trị và pháp-trị. Nhân-trị là lấy nhân đức cải hóa, pháp-trị là lấy pháp lệnh dạy dỗ, theo tình thế xã hội.

Nếu một xã hội hủ hóa, dân chúng khinh lèn pháp luật trật tự bị khinh rẻ, nhà cầm quyền hèn yếu không trị nỗi dân, nếu không dùng pháp trị thì không làm sao đem lại trật tự xã hội được. Trái lại một chế độ xã hội, dân chúng bị gìn giữ cấp thống-trị áp-birtc, hà khắc, sống trong đe dọa thì dùng pháp trị sẽ gây oán hận trong lòng dân, mà phải dùng nhân-trí mới ổn định xã hội.

Tuy nhiên, dù nhân-trí hay pháp-trí, kẻ cầm đầu cũng đóng một vai trò quan hệ trong việc điều hành trật tự. Pháp lệnh là của chung cho xã hội, không phân biệt giai cấp thống-trị và bị-trị, nếu kẻ cầm đầu khinh lèn pháp lệnh thì pháp lệnh sẽ vô hiệu, và dân chúng không tuân theo. Kẻ cầm đầu chính là người có trách nhiệm trong phản lệnh trước nhất.

Xưa nay, giai cấp thống-trị thường coi pháp lệnh trong nước là của mình, dùng để điều khiển kẻ bị-trị. Quan niệm như thế thật sai lầm. Từ tướng úy đưa kè-thông-tri đi đến thái độ hống hách, kiêu căng, tạo cho xã hội một mâu thuẫn đi đến chỗ phá hoại luật pháp.

Thường thường pháp lệnh bị mất hiệu lực chính là lỗi ở kẻ lãnh đạo không biết bảo vệ nó. Pháp lệnh bảo vệ bằng hai cách: kẻ trên làm gương cho kẻ dưới và thường phạt công minh.

Ở lãnh vực hành chánh, pháp lệnh đối với dân đã quan hệ như vậy thì ở lãnh vực quân sự, pháp lệnh đối với quân ngũ lại cần phải nghiêm chỉnh và sắc bén hơn. Trong quân ngũ, người lính đã có sẵn ý thức cương hành do hoàn cảnh sinh hoạt và ý thức chính chiến gây nên. Người lính không sợ uy băng dân chúng. Cho nên, pháp lệnh trong quân ngũ cần phải cao độ hơn để tránh áp ý thức cương hành, tạo cho pháp lệnh một cái uy tuyệt đối. Muốn lập uy không phải chỉ ban hành pháp

lệnh và trừng phạt nồng nàn, muốn lập uy cản bộ lãnh đạo trong quân ngũ trước nhất phải gương mẫu và chịu những hình phạt trước nhất.

Tóm lại, thì uy bằng tinh cách làm gương thì người dưới khuất phục mà không oán, còn thì uy bằng lối đàn áp thì người dưới bất mãn mà không tuân.

Tôn-Vũ là một nhà quân-sư lỗi lạc, đã dùng uy-pháp của mình điều khiển quân cơ. Việc Tôn-Vũ dùng đối nử binh để tập luyện chính là một thử thách và là một kinh nghiệm đối với các binh gia vậy.

Thời nay, tính chất quân phiệt phát sinh, chính là một hình thức quân-pháp không tôn trọng, và kẻ cầm đầu trong quân ngũ là những kẻ vô kỷ luật đã tạo ra tình trạng ấy.

**TINHSACH.COM.VN**

## ĐỨC KHÔNG-TỬ BỎ NƯỚC LỘ

— DỊ LỆ CHẾ CHI.

Lỗ Định-Công thấy Khồng-Tử là người tài, mời về giúp nước Lỗ. Đức Khồng-Tử lãnh chức Tướng-quốc, chỉnh đốn kỷ-cương trong nước, dạy dân lấy lễ nghĩa, lèm sỉ làm đầu.

Ba tháng về sau, phong tục nước Lỗ cải biến, các nhà buôn bán không man trá, trai gái phân biệt nhau không còn hỗn loạn, thầy của rời ngoài đường không ai thèm nhặt. Người các nước du lịch đến nước Lỗ được tiếp đãi rất khiêm tốn.

Dân nước Lỗ làm một bài ca để tôn trọng Đức Khồng-Tử. Bài ca ấy truyền tụng đến nước Tề. Tề Cảnh-Công thắc kinh nói với các quan :

— Nếu vậy thì nước Tề ta sau này tất bị nước Lỗ chiếm mất, ta phải tìm cách đề phòng.

Quan Đại-phu nước Tề là Lê-Di tâu :

— Muốn cho nước Lỗ không cường thịnh, ta nên tìm cách ngăn đón lại.

Tề Cảnh-Công hỏi :

— Khòng-Khâu là bậc hiền tài đang cầm quyền chính nước Lỗ, ta làm sao ngăn đón được ?

Lê-Di nói :

— Con người ta hé được quyền thế hay sinh lòng tự kiêu. Xin Chúa-công lập một bộ nữ nhạc đem biểu vua Lỗ. Vua Lỗ nhận bộ nữ nhạc tất phải say mê, trè biển thế nào Khòng-Khâu cũng bắt binh vua Lỗ và vua Lỗ chán ghét Khòng-Khâu. Vua tôi bắt hòa tất nhiên nước không thể cường thịnh được.

Tề Cảnh-Công cho là diệu kế, liền sai Lê-Di chọn trong đám gái hát, lựa những cô nàng thật xinh đẹp, tuổi mới trăng tròn, cả thảy tám mươi người, chia làm mươi đội cho mặc toàn gấm vóc, hàng ngày tập múa hát.

Khúc hát ấy gọi là Khang nhạc, có nhiều vũ điệu cảm dỗ phi thường, lối trình bày lại rất lạ mắt, thuở nay chưa từng thấy.

Khi luyện xong, Lê-Di lại chọn một trăm hai mươi con ngựa đẹp, cương vàng yên nạm, mỗi con một sắc, trông rất kỳ thú, sai người đem dâng cho Lỗ Định-Công.

Sứ giả lại cất một cái rạp lớn noi Cao-môn nước

Lỗ, phía Đông bày đàn ngựa, phía Tây bày đoàn nữ nhạc, rồi đệ quốc thư dâng vào cho Lỗ Định-Công.

Quí Tôn-Tư trước kia làm Tướng-quốc nước Lỗ, sau khi giao cho Đức Khòng Tử bình chánh, thấy nước Lỗ hùng cường, Quí Tôn-Tư cũng đem lòng tự phụ, lại nghe nói nước Tề đem dâng một bộ nữ nhạc đẹp lảm, lòng ham muộn, liền thay đổi thường-phục, lén ra cửa Cao-môn để xem. Gặp lúc người nhạc-trưởng đang tập trình diễn, tiếng ca lanh lanh, diệu múa dịu dàng. Quí Tôn-Tư đứng xem một lúc lòng ngất ngây như điên dại.

Ngày hôm sau Quí Tôn-Tư vào triều yết kiến Lỗ Định-Công. Lỗ Định Công hỏi ý kiến về việc vua Tề tặng đoàn nữ nhạc. Quí Tôn-Tư nói :

— Đó là lòng từ tể của vua nước Tề, ta không nên từ chối.

Lỗ Định Công nghe nói đến sắc đẹp của bọn nữ nhạc lòng ham muộn, liền mặc thường phục, cùng với Quí Tôn-Tư ra xem thử.

Có người mật báo cho viên nhạc trưởng biết, viên nhạc-trưởng liền truyền bọn ca nhi cổ công múa hát, giọng hát vervo như tiếng nhạc thiên thai, diệu múa èo là chẳng khác khúc nghê thường trên cung điện, khiến cho vua Lỗ dù mặt sắt cũng không khỏi ngây tình.

Các thị-vệ khoe với Lỗ Định-Công :

— Ở phía Đông còn có đàn ngựa trông đẹp lảm.

Lỗ Định-Công nói :

— Chỉ một chỗ này cũng đã đẹp chán, cần gì phải xem ngựa ?

Đêm ấy, Lỗ Định-Công vào cung trấn trọc mãi không sao ngủ được. Hình bóng già nhân cự lớn vờn trước mặt, bên tai hàng ngàn tiếng oanh thò thê.

Sáng hôm sau, Lỗ Định-Công sợ đói các quan đến hỏi sẽ sanh ra nhiều ý kiến, nên chỉ đòi một mình Quý Tôn-Tư đến để viết thư phúc đáp cho vua Tề. Lại lấy một trăm nén vàng tặng cho sứ giả, rồi đem nữ nhạc vào cung chia cho ba mươi người, còn ngựa thi giao cho Ngũ-Nhân chăn nuôi.

Lỗ Định-Công và Quý Tôn-Tư được số nữ nhạc lồng mè mang, ngày thì múa hát, đêm thì chiếu chăn, suốt ngày đêm chẳng hề nghỉ đến việc triều chính.

Đức Không-Tử hay được việc ấy thở dài than :

— Thế là nước Lỗ điêu tàn rồi.

Người học trò của Đức Không-Tử là Trọng-Do đứng hầu bên cạnh hỏi :

— Chúa-công lười biếng, chẳng lo gì đến chính trị, thấy nên đi sang nước khác để khỏi mang tiếng.

Đức Không-Tử nói :

— Nay mai sắp tế-giao, nếu Chúa-công còn giữ được đại lễ thì cũng chưa đến nỗi nào.

Đến lúc tế-giao, Lỗ Định-Công vừa tế xong tức khắc về cung, chẳng nghĩ đến phần tế. Người coi việc phần tế dعا hỏi Lỗ Định-Công, thì Lỗ Định-Công phó thác cho Quý Tôn-Tư. Quý Tôn-Tư phó thác cho gia thần.

Đức Không-Tử đi tế về, mãi cho đến chiều tối cũng chẳng thấy lê phần đem đến, mới bảo Trọng-Do :

— Nếu vậy thì cũng tại lòng trời.

Đức Không-Tử ngồi gảy một khúc đàn cầm. Gảy

xong, sắp sửa hành trang rời bỏ nước Lỗ. Trọng-Do và Nhiêm-Cầu bỏ chức đi theo Đức Khòng-Tử.

Đức Khòng-Tử bỏ nước Lỗ sang nước Vệ, rồi sang nước Tống.

### Nhận xét :

— Chưa có người nào hành vi, phẩm hạnh không doan chính mà họ có thể yêu nước được.

Đức Khòng-Tử dùng lễ trị nước. Đối với Đức Khòng-Tử một người thiếu lễ thì không có tư cách con người, một nước thiếu lễ thì không thể tồn tại.

Vậy lễ là gì mà Đức Khòng-Tử chú trọng như vậy ?

Theo quan niệm nho giáo, lễ rất rộng rãi, bao trùm cả sinh hoạt xã hội loài người. Lễ là lối cư xử giữa người này, người nọ, giai cấp này hay với giai cấp nọ. Lễ chẳng những chỉ có người dưới đối với người trên, mà có cả người trên đối với người dưới nữa. Nó là một hình thức tạo ra trật tự xã hội, nó là phương thức để giáo dục con người đi đến chổ hòa nhã, khiêm hư, đại đức.

Với chính sách pháp-trị thời xưa, thì « pháp » cũng là một khuôn khổ buộc người phải theo để duy trì xã hội. Nhưng lễ không giống pháp. Pháp do tập đoàn thống trị đặt ra, thì Lễ do nhân sinh quan của lớp người mà có. Cho nên dùng lễ trị dân có một tinh mộc quan trọng về triết-học hơn là về pháp-trị.

Pháp trị chỉ là phương pháp đối phó với xã hội, lễ-trị trái lại là phương pháp giáo hóa xã hội có tính cách vĩnh viễn.

Sở dĩ Đức Khòng-Tử đặt nặng quan niệm lễ-trị đối với xã hội là vì Đức Khòng-Tử quan niệm rằng xã

hội loài người sở dĩ đưa đến chỗ mâu thuẫn nhau, làm mất trật tự, gây phiến loạn là do tâm tình con người không kinh nề nhau. Cha không biết giữ lễ với con, con không biết giữ lễ với cha, anh em không biết giữ lễ với nhau, gia đình sẽ xảy ra việc bất hòa, tranh chấp. Vua không biết giữ lễ với bệ tôi, bệ tôi không biết giữ lễ với vua, triều thần không biết giữ lễ với nhau tạo nên triều đình hỗn loạn. Dân chúng không kinh nề người trên kinh nhường người dưới, không tôn trọng lễ nghi, thì trong nước sanh ra hỗn loạn. Lễ là phương thức giáo hóa con người biết kinh nề nhau, từ chỗ kinh nề nhau đi đến chỗ thương yêu nhau, đem lại một hòa khí tốt đẹp, tạo cho xã hội một trật tự từ trên xuống dưới.

Từ xưa đến nay, người ta chỉ có hai đường lối trị dân, là nhân-trị và pháp-trị, Nhân-trị là lấy lòng nhân cảm hóa, pháp-trị là lấy pháp luật răn dạy. Chỉ có Đức Không-Tử mới có một đường lối mới là Lê-trị.

Dùng nhân-trị, tuy dân chúng biết ơn, song với một xã hội hỗn loạn như thời Xnôn-Thu, Chiêm-quốc mà dùng nhân-trị thì dân chúng sẽ khinh tề, trật tự xã hội không thể vẫn hồi được. Còn dùng pháp-trị, chỉ làm bù đao, đem lại trật tự tạm thời, dân chúng sẽ vì pháp luật khắc khe mà thán oán. Lê-trị là một phương pháp tốt đẹp đứng giữa đường lối nhân-trị và pháp-trị. Vì Lê là do nhân-sinh-quan con người mà có, phát sinh từ căn bản là nhin. Nhưng lại mang một hình thức bắt buộc có vẻ như « pháp ». Mọi người ai cũng giữ lễ thì dù kẻ bất lương cũng không thể tránh việc giữ lễ đối với thiên hạ được. Cho nên phương pháp Lê-trị là phương pháp vừa cảm hóa, vừa răn dạy, mà chỉ có nhà hiền triết như Đức Không-Tử mới thấy rõ cái lợi hại lúc đương thời. Dùng cái lễ trị nước chính là

một triết thuyết sâu xa, có một tầm quan trọng khả dĩ cho các nhà chính trị đài sau suy ngẫm vậy.

Về việc Đức Khòng-Tử bỏ nước Lỗ, đời sau có người chê Đức Khòng-Tử là người thiếu nǎng lực.

Đức Khòng-Tử làm đến chức Tướng-quốc. xây dựng cho nước Lỗ hùng cường, thế mà không cầm hóa được một ông vua, đẽ cho ông vua Lỗ bỏ iě, thì còn cầm hóa dân chúng sao nổi. Gần gũi một người có trách nhiệm lãnh đạo qđốc gia, mà không đủ sức dùng lẽ cầm hóa họ thì quả là Đức Khòng-Tử thiếu khả nǎng trong chính sách dùng lẽ trị dân của ông rồi.

Mặt khác, Đức Khòng-Tử là một nhân tài trong thiên hạ, sao lại đẽ mắc mưu một Lê-Di nước Tề là kẻ tăm thường ? Kẽ Lê-Di đem dâng đoàn nữ nhạc chǎng qua là một kẻ mỹ-nhân thường tình, cđ đáng gì đâu, sau Đức Khòng-Tử không tìm cách ngăn cản vua Lỗ, hoặc tìm một kế đẽ cứu vãn vua Lỗ ?

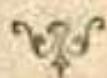
Sau khi lẽ tể-giao, vua Lỗ không tăng phǎn tể, Đức Khòng-Tử lấy cờ ấy bỏ nước Lỗ, có phải Đức Khòng-Tử vì phǎn tể ấy bỏ nước Lỗ chǎng ?

Đối với một bậc Thành-nhân mà luận như thế quả không đúng. Chủ trương của Đức Khòng-Tử là dùng lẽ trị dân, vua Lỗ đã không giữ được lẽ tíc là đã bỏ cả giềng mối cǎn bǎn của Đức Khòng-Tử rồi, vì thế mà Đức Khòng-Tử không giúp nǔa, chứ không phải vì phǎn tể..

Đối với Đức Khòng-Tử việc lấy lẽ trị dân khôn ; phải chính sách chung cho cả nước, cả nhân loại. Vua Lỗ mê đoàn nữ nhạc, bỏ bê triều chính, Đức Khòng-Tử cho là không quan hệ, nhưng chỉ việc vua Lỗ không chú trọng đến phǎn tể là Đức Khòng-Tử rời bỏ vua Lỗ ngay. Xem thế thì Đức Khòng-Tử nắm vững chính sách minh, và cho Lỗ là điều quan trọng trên hết.

Bắc Thành-nhân như Đức Khổng-Tử không vì một cá nhân, không vì một dân tộc mà là vì nhân loại. Đức Khổng-Tử rời bỏ vua Lỗ, nước Lỗ không thành vấn đề, vì vua Lỗ, nước Lỗ chỉ là một thành phần của nhân loại mà thôi. Tử bỏ chỗ này đi đến chỗ khác gìn dựng chính sách của mình, chẳng qua là hành động một môi trường để hoạt động chính-trị. Trách Đức Khổng-Tử rời bỏ vua Lỗ, nước Lỗ, chỉ là ý nghĩ thiền cẩn, tầm thường không hiểu tư-tưởng của một Thành-nhân.

Đức Khổng-Tử giúp nước Lỗ chỉ vì sứ mệnh, và ra đi, đi khắp nơi cũng chỉ vì sứ mệnh thôi.



## MỐI THÙ CÂU-TIỀN, PHÙ-SAI TÌM SÁCH HÀN

— Vạn hữu đều có hơi măt. Thủ-tướng là cái bờ ngoài, luôn luôn tìm cách che lấp chán-tường. Khi không muốn cho người khác thấy chán-tường của mình là kèc có một chán-tường xấu xa.

Vua nước Ngô là Hạp-Lư từ khi diệt được nước Sở sanh lòng tự-kiêu, không còn lo việc nước, chỉ lo ăn chơi, sưa sang cung thất, lập Trường-lạc cung, dập dài Cô-Tô, lui mờ con đường chín khúc, vòng quanh chín núi, mùa Xuân, mùa Hạ thì chơi ngoài thành, mùa Thu, mùa Đông thì chơi trong thành.

Năm thứ 24 đời Chu Kinh-Vương, Hạp-Lư đã già yếu, nhưng tinh khí còn nóng nẩy, gấp lúc vua nước Việt là Doãn-Thường mất, con là Câu-Tiền lên nối ngôi. Hạp-Lư muốn cử binh sang đánh nước Việt để trả thù.

Ngũ-Viên là quan Tướng-Quốc nước Ngô can :

— Dẫu là việc báo thù, nhưng thà lúc nước Việt có tang mà cử binh sang đánh là bất nghĩa.

Hạp-Lư không nghe, giao việc quốc chính cho Ngũ-Viên và Thái-tử Phù-Sai, rồi kéo ba vạn binh sang nước Việt.

Vua Việt là Câu-Tiễn thân hành cầm quân chống lại. Hai bên đóng cách nhau mười dặm ở đất Huê-ly, ngày nào cũng giao chiến nhưng không phân thắng bại.

Hạp-Lư tức giận đem hết quân lực bày trận dưới chân núi Ngũ-dài-sơn, nghiêm cầm quân sĩ không cho kinh-đông, chờ cho quân Việt trè biển sẽ tấn binh.

Câu-Tiễn trông thấy quân Ngô nghiêm chỉnh, nói với quan Đại-phu Chu Kế-Dinh :

— Khi thế quân Ngô đang hăng hái lâm, ta chờ khinh thường, phải lập kế gì cho họ rối loạn rồi mới thắng nỗi.

Chu Kế-Dinh trở về dinh nghĩ ra một kế, liền đến tâu với Câu-Tiễn :

— Ta nên dùng lũ tội nhân...

Câu-Tiễn khen hay. Ngày hôm sau, mặt truyền quân lính bắt lũ tù nhân ba trăm người, chia làm ba toán, mỗi người tav cầm gươm kè vào cõi mình, kéo nhau đến dinh Ngô nói lớn :

— Chúa-công tôi không biết lượng sức mình, đe dọa tội với qui-quốc. Nay qui-quốc kéo binh đến đây, chúng tôi không dám tham sống, xin chế thay cho Chúa-công tôi.

Nói xong cả bọn tù nhân lần lượt dâm gươm vào cõi chết.

Quân Ngô không hiểu gì cả, đứng ngạc nhiên nhau, rồi khắp dinh tra đều nhao nháo kéo ra xem. Bỗng thấy quân Việt ngồi hiếu trống kéo đến, bên hữu có Chu Kế-Dinh,

bên tả có Linh-Cô-Phù, chính giữa Câu-Tiên đốc đại binh xông vào một lượt. Quân Ngồ rối loạn. Hạp-Lư bỏ chạy. Tướng Việt là Linh-Cô-Phù đuổi theo chém trúng vào chân phải của Hạp-Lư đứt mất ngón chân cái, Hạp-Lư rời giày, ngã lăn xuống đất, may nhờ có Chuyên-Nghi đến kịp cứu thoát.

Linh-Cô-Phù bắt được chiếc giày của Hạp-Lư đem về nộp cho Câu-Tiên. Câu-Tiên hài lòng lắm.

Bấy giờ Hạp-Lư tuổi đã già, đau quá không thể chịu nỗi, đi được bảy dặm đường bỗng kêu một tiếng r้อง từ trán. Bá-Hi hộ tống thi thề Hạp-Lư đem về nước Ngồ, chôn cất theo vương lễ.

**T**ÙNG  
Phù-Sai lên nối ngôi Hạp-Lư, lấy việc Câu-Tiên giết ông mình là Hạp-Lư làm đại憾, thường ngày nuôi chí báo thù, nên bắt mười người nội thị thay phiên nhau đứng trước sân chầu, mỗi lần thấy Phù-Sai đi ngang qua thi hét lên :

— « Phù-Sai ơi ! Mày quên cái thù vừa nước Việt giết ông mày rồi sao ? »

Mỗi lần như thế, Phù-Sai lại khóc lớn lèu và đáp :

— « Dạ, không bao giờ tôi dám quên. »

Phù-Sai lại truyền Ngũ-Viên và Bá-Hi luyện tan thủy quân ở Thái-hồ, lập trường bắn ở Linh-nham sơn để tập bắn, định khi hết tang sẽ sang đánh nước Việt.

Năm thứ 26 đời Chu Kinh-Vương, vua Ngồ là Phù-Sai đã mãn tang, mới cáo với nhà Thái-miếu rồi sai Ngũ-Viên làm Đại-tướng, Bá-Hi làm Phó-tướng, cử đại binh theo đường thủy qua Thái Hồ, đánh nước Việt báo thù.

Vua nước Việt là Câu-Tiên họp triều thần thương nghị.  
Quan Đại-phu Phạm-Lãi tâu :

— Nước Ngô bị ta giết mất vua, nay lập chí báo thù, khi thế đang hăng, ta khó lòng địch nổi. Nên nghĩ cách cỗ thù là hơn.

Quan Đại-phu Văn-Chung nói.

— Theo ý tôi không gì bằng sai người ra xin lỗi để cầu hòa, gây tình thân thiện với nhau rồi sẽ liệu.

Câu-Tiên nói :

— Trong hai người, một người muốn thù, một người muốn hòa. Hai kẻ ấy đều không phải là thượng sách. Nước Ngô đang cố ý trả thù, nếu ta nhục chí chỉ làm cho quân Ngô hăng thêm mà thôi. Đầu thua hay thắng cũng phải đánh một trận rồi sẽ liệu.

Câu-Tiên nói xong, điềm ba vạn binh ra đón nơi đất Tiêu-sơn.

Ban đầu quân Ngô gặp sức kháng sự mãnh liệt nên lui bước. Câu-Tiên thừa kế rượt theo, giết quân Ngô khá nhiều.

Vì sao được mấy dặm bông gặp đạo quân Phù-Sai kéo đến. Phù-Sai đứng trước mũi thuyền giục trống rất hăng, làm quân Ngô tăng nhuệ khí, quay thuyền trở lại cự địch.

Giap lúc gió bắc nổi lên, sóng búa dữ dội, Ngũ-Viên và Bá-Hi mỗi người điều khiển một chiếc thuyền lớn, giơ rong buồm thuận gió mà tiến. Quân Ngô dùng cung nỏ bắn như mưa, quân Việt ngược gió không thể cự nổi. Tướng Việt là Linh Cô-Phù bị đám thuyền chém, Tư-Hán bị tên từ trận, vua Ngô thừa thắng đuổi theo, giết quân Việt không biết bao nhiêu mà kể.

Câu-Tiên chạy vào Cô-thành, bị quân Ngô vây kín bốn mặt, không còn đường đi lấy nước.

Phù-Sai mừng rỡ nói với các tướng :

— Ta chắc nỗi trong mười ngày quân Việt phải chết khát.

Không ngờ trên đỉnh núi Cồ-thành có một cái suối rất lớn, dưới suối có nhiều cá ngon. Câu-Tiễn liền sai người bắt mấy trăm con cá đem biếu vua Ngô.

Vua Ngô thấy thế kinh sợ nói :

— Nếu trong Cồ-thành có nước và lương thực đầy đủ như vậy ta phải tăng cường lực lượng mới phá nổi.

Nói xong, truyền quân công phá rất ngọt. Câu Tiễn sợ hãi, giao cho Phạm-Lãi giữ thành, còn mình lén trốn về Cối-kê sơn, đi kèm lại quân mã, góp nhặt hơn năm ngàn người.

Câu-Tiễn thở dài than :

— Từ đời tiên-quân ta đến nay chưa bao giờ thất trận nặng nề như vậy. Cũng bởi tại ta không nghe lời Phạm-Lãi và Văn-Chủng.

Văn-Chủng hiến kế :

— Nay tuy việc đã nguy cấp, nhưng cho người ta cầu hòa cũng chưa muộn.

Câu-Tiễn nói :

— Nước Ngô đã quyết chí báo thù khó cầu hòa được.

Văn-Chủng tâu :

— Nước Ngô có quan Thái-tè Bá-Hi, người ấy đã tham lạm mê sắc hay ghét những kẻ có tài hơn mình, nay tuy cùng Ngũ-Viên lo việc nước, nhưng không hợp ý nhau. Ta đem lẽ vật đến nhờ Bá-Hi liệu việc cầu hòa tất công. Ngũ-Viên dù có cầu trò cũng chẳng được.

Câu-Tiễn nói :

— Nhà ngươi định đem lễ vật gì để yết kiến Bá-Hi?

Văn-Chủng thưa:

— Quân trung thi không hiếm gi bằng nữ sắc. Ta tìm mỹ-nữ đem dâng, nếu trời còn vì nước Việt, Bá-Hi tất nghe lời.

Câu-Tiền liền sai sứ trở về kinh đô nói với Hoàng-hậu nước Việt truyền các mỹ-nữ trong cung họp mặt, rồi tuyển được tám người có sắc đẹp, cho mặc quần áo rất lịch sự, lại kèm thêm hai mươi đôi ngọc-bích, và một nén hoàng kim, đem hôm ấy sai Văn-Chủng sang dinh Bá-Hi xin vào yết kiến.

Bá-Hi ban đầu toan từ chối, nhưng sau nghe nói có nhiều đồ lễ vật và gái đẹp, liền đổi ý kiến, thuận cho Văn-Chủng vào.

Văn-Chủng vào quỳ trước trường, nói:

— Chúa-công tôi là Câu-Tiền hãy còn trẻ tuổi, chưa biết gì, gây bất bình với nước lớn, nay hối hận, muốn đem cả nước Việt làm tôi nước Ngô, nhưng sợ vua Ngô không chịu. Chúa-công tôi biết ngài là người có công lớn với nước Ngô, có thể cản đàng việc hệ trọng, nên sai tôi đem chút lễ bạc đến cầu ngài, nếu được ngài thương tình thì còn nhiều ân nghĩa về sau.

Nói xong, Văn-Chủng cầm bàn kê các món lễ vật dâng lên cho Bá-Hi. Bá-Hi làm mặt giận, hỏi:

— Nước Việt người sớm tối về nước Ngô, thi bao nhiêu của cải nước Việt là của nước Ngô cả, ta cần gì một chút lễ vật mà cho nước người giảng hòa?

Văn-Chủng nói:

— Nước Việt tôi đâu thua, nhưng nay bình ở Cối-kê còn hơn năm ngàn. Số quân tinh nhuệ ấy cũng đủ

dùng trong một trận tử chiến, chưa chắc gì nước Ngô đã thắng nổi. Mà dù nước Ngô có thắng đi nữa nước Việt tôi cầu cứu với Sở, thì chưa chắc nước Việt tôi đã về tay nước Ngô. Vả lại, Chúa-công tôi mà mất nước thế nào cũng đốt hết kho tàn, đem thân đi trốn thì nước Ngô có chiếm được đất Việt chẳng qua cũng chỉ chiếm được một khoảng đất hoang vu chứ ích gì. Nay nước Việt tôi đem làm tôi nước Ngô, nếu ngài giúp sức thì của cải nước Việt sẽ về nước Ngô, mà trước nhất là về Ngài, như thế chẳng lợi hơn sao ?

Văn-Chùng nói nồng một hồi làm cho lòng tham của Bá-Hi nồi dậy. Nghĩ đến nữ-sắc và vàng ngọc, Bá-Hi mỉm cười, nói :

— Quan Đại-phu không sang dinh Ngũ-Viên mà lại sang dinh tôi túc là đã biết đạo đức của tôi đến bực nào rồi. Thời thi ngày mai tôi đưa quan Đại-phu vào yết kiến vua Ngô rồi sẽ liệu.

Bá-Hi nhận các đồ lě vật rồi lưu Văn-Chùng trong dinh, bày tiệc thết đãi

Sáng hôm sau, Bá-Hi đưa Văn-Chùng vào yết kiến Phù-Sai, và đem những tình ý của Câu-Tiễn thuật lại. Phù-Sai sa sầm nét mặt, nói :

— Nước Ngô và nước Việt có cái thù không đội trời chung lě nào lại cho giảng hòa ?

Bá-Hi tâu :

— Đại-vương không nhớ lời của Tôn-Vũ hay sao ? Việc binh nên dùng tạm chờ không nên dùng lâu. Vua Việt đã chịu đem dâng nước và làm tôi nước Ngô. Vợ vua Việt xưa làm thiếp nước Ngô, bao nhiêu ngọc vàng châu báu của nước Việt đều đem dâng cho nước Ngô tất cả. Thế thi nước Việt chỉ xin có một điều là giữ lại

tôn miếu để cúng tế. Nếu Đại-vương cố diệt nước Việt để báo thù thì Câu-Tiền tất phá hết nhà tôn miếu, đốt hết đèn đài, giết vợ bỏ trốn. Đại-vương chỉ thu được một mảnh đất hoang, đã không được gì lại mang tiếng ác với chư hầu. Tôi tưởng thế này cũng trả được thù xưa rồi vậy.

Phù-Sai nói với Văn-Chửng :

— Vua nước Việt có xin làm tôi vua nước Ngô chàng ?

Văn-Chửng sụp lạy, tâu :

— Đã xin làm tôi Đại-vương thì thế nào Chúa-công tôi cũng vâng mạng.

Bá-Hi nói với Phù-Sai :

— Vợ chồng Câu-Tiền đã xin về Ngô thì nước Ngô đâu tha cho nước Việt cùng chẳng khác gì chiếm nước Việt rồi. Đại-vương còn chần chờ gì mà không quyết đoán ?

Phù-Sai liền tha cho nước Việt, chấp nhận lời cầu hòa.

Ngũ-Viên hay được tin liền vào yết kiến Phù-Sai. Khi vào đến nơi thấy Bá-Hi và Văn-Chửng đã đứng bên cạnh Phù-Sai, Ngũ-Viên hầm hầm mặt giận, nói :

— Đại-vương đã cho nước Việt giảng hòa rồi sao ?

Phù-Sai nói :

— Ta đã chấp thuận lời thỉnh cầu ấy.

Ngũ-Viên nói :

— Không nên ! Đại-vương làm như vậy là thất sách.

Văn-Chửng sợ hãi lui ra mấy bước. Ngũ-Viên nói :

— Nước Việt và Ngô tiếp giáp nhau, hai nước không thể cùng đứng vững được. Nếu Ngô không diệt

được nước Việt thì sau này nước Việt diệt nước Ngô. Như các nước Tấn, Tân, dẫu ta có chiếm được cũng chẳng ích gì, vì ta không thể đặt bộ máy cai trị trên mảnh đất xa xôi của họ được. Còn Ngô và Việt, hai nước cùng chung một giải, các con sông nối liền nhau, thuyền bè đi lại như thông thương trong một nước, đó là điều lợi để Đại-vương mở rộng đất đai, biến nước Ngô thành một nước cường thịnh bậc nhất trong chư hầu. Vả lại, vua nước Việt là kẻ thù của tiên-vương ta, có sao Đại-vương bội lời thề, tha kẻ thù?

Phù-Sai ngồi nín lặng không nói nên lời, chỉ đưa mắt nhìn Bá-Hi. Bá-Hi nói :

— Quan Tướng-quốc nói như vậy là lầm. Nếu bảo Ngô, Việt hai nước cùng một đường thủy mà phải diệt lẫn nhau, thì Tấn, Tân, Tề, Lỗ cùng một đường bộ, có lẽ cũng phải diệt nhau hay sao? Còn nếu bảo là thù của tiên-vương, không thể tha được, thế thì quan Tướng-quốc thù với nước Sở biết đường nào, sao không diệt Sở, lại cho Sở giảng hòa? Nay vợ chồng Câu-Tiên đều tinh nguyện về Ngô, nếu ta không tỏ lượng khoan hồng còn mặt mũi nào trông thấy chư hầu nữa.

Phù-Sai nghe nói như còi mở được điều bối rối, nói với Ngũ-Viên :

— Bá-Hi luận rất phai, quan Tướng-quốc nên bình tĩnh xét việc, đợi khi nào nước Việt công hiến ta sẽ chia phần cho nhà ngươi.

Ngũ-Viên cau mày, tham :

— Tiếc thay, ta không nghe Nô Bù-Ly, càng chung với Ông giàn thần cộng sự.

Quá căm tức, Ngũ-Viên bước ra ngoài, nói với quan Đại-phu Vương Tôn-Hùng :

— Nước Ngô lâu lăm cũng chỉ khoảng hai mươi năm nay hóa thành hoang địa mà thôi.

Vương Tôn-Hùng không tin, hỏi Ngũ-Viên :

— Vì sao quan Tướng-quốc lại đoán được ?

Ngũ-Viên nói :

— Minh không trả thù người tát người trả thù minh.

Phù-Sai cho Văn-Chửng về báo lại với Câu-Tiễn.

Câu-Tiễn sai Văn-Chửng đến tạ ơn, Phù-Sai nói :

— Bao giờ vợ chồng Câu-Tiễn sang nước Ngô ?

Văn-Chửng nói :

— Chúa-công tôi mang ơn Đại-vương, xin Đại-vương tạm hoãn kỳ hạn. Nếu Chúa-công tôi thất tín, cũng không thể tránh khỏi tội.

Phù-Sai thuận lời, ước định trong tuần tháng năm, vợ chồng vua Việt phải sang Ngô. Lại sai Vương Tôn-Hùng theo Văn-Chửng sang Kinh-thành nước Việt để thúc giục vua Việt đi cho đúng kỳ, còn quan Thái-tè Bá-Hi thì đem một vạn quân đóng ở Ngô-sơn để chờ vua Việt. Nếu vua Việt sai hẹn thì đem quân diệt nước Việt tức khắc.

Điều khiền xong, Phù-Sai kéo đại binh về nước.

Văn-Chửng về tâu lại với Câu-Tiễn :

— Vua Ngô rút quân, sai quan Đại-Phu Vương Tôn-Hùng theo tôi về đây để giục Đại-vương khởi hành. Còn quan Thái-tè Bá-Hi nay đóng quân nơi Ngô-sơn cũng để đợi Đại-vương sang triều cống.

Câu-Tiễn nghe nóiira nước mắt, ngồi im lặng.

Văn-Chửng nói :

— Kỳ hạn đã đến nơi, xin Đại-vương sắp xếp việc

nước, chứ ngồi khóc mà ích gì?

Câu-Tiễn trở về kinh-thành thu góp tiền bạc, vàng ngọc đóng thành mẩy xe, tuyển lựa được ba trăm ba chục mỹ nữ, định ý đem ba trăm dâng cho Phù-Sai, vua nước Ngô, còn ba mươi người hiến cho Bá-Hi.

Kỳ hạn đến, Câu-Tiễn dần dà chưa khởi hành, Vị-vương Tôn-Hùng phải thúc giục mãi, Câu-Tiễn khóc và nói với triều thần :

— Ta nỗi nghiệp tiền nhân, không dám lười biếng, nay vì thua một trận mà phải đem thân làm tội đồ xú khác chuyền này chắc không hy vọng trở về.

Các quan đều khóc theo. Văn-Chửng tàu với Câu-Tiễn :

— Ngày xưa, vua Thanh bị giam ở Hạ-dài, vua Văn-Vương bị cầm nơi Dũ-lý mà sau dựng nên nghiệp vương. Tề-hoàn Công phải chạy sang nước Cử, Tần. Văn-Công phải chạy sang nước Địch mà sau dựng lên nghiệp bá. Xem thế thì cảnh khò chỉ là cái lò đúc nén người tài, Đại-vương cứ vững lòng tin ở mệnh trời. Tôi dám chắc nước Việt ta có ngày nhò ở sự bền chí của Đại-vương mà hưng thịnh đó.

Câu-Tiễn gạt nước mắt lẩn lẽ nhà Thái-miếu, rồi dắt vợ ra đi. Các quan triều thần tiễn đến bờ sông Tích-Giang, Phạm-Lãi nói :

— Các bậc thánh-hiền thời xưa cũng gặp nhiều cảnh gian nan, nhiều điều tủi nhục, chẳng phải một mình Đại-vương phải chịu đâu.

Câu-Tiễn nói :

— Ngày xưa, vua Nghiêu dùng Thuấn, Vũ mà được thiên hạ, nay ta phải bỏ Việt sang Ngô, giao nước nhà lại cho các quan Đại-phu, các quan Đại-phu phải làm sao để khỏi phải phụ lòng ta trong cát.

Phạm Lãi nói với các quan triều thần :

— Tôi thiết tưởng làm tôi đè cho vua nhục thì thà chết còn hơn. Nay Đại-vương bỏ nước sang quê người, há trong bấy tôi chúng ta không có vài kẽ hào kiệt để vì Đại-vương mà chia buồn hay sao ?

Các quan đồng thanh đáp :

— Chúng tôi đều là tôi của Đại-vương, dù xa hay gần chúng tôi vẫn giữ một lòng trung liệt. Đại-vương muốn điều gì xin cứ sai khiến.

Câu-Tiên nói :

— Cám ơn các quan. Nếu các quan còn mến ta thì cứ xin tự hỏi ý mình, xem ai có thể theo ta, ai có thể ở nhà giữ nước.

Văn-Chủng nói :

— Ở nhà xem xét việc nước thì Phạm-Lãi không bằng tôi, cò đi theo Đại-vương tùy cơ ứng biến thì tôi không bằng Phạm Lãi.

Phạm-Lãi nói :

— Văn-Chủng xét việc rất sáng suốt, Đại-vương nên đem việc nước giao cho Văn-Chủng. Còn tôi, tôi xin theo phò Đại-vương để giúp cho Đại-vương đủ chí nhẫn耐 đựng nước báo thù.

Phạm-Lãi nói dứt lời, các quan đều theo着他 xin nhận trách nhiệm của mình trước mặt Câu-Tiên.

Quan Thái-tế Khổ-Thành nói :

— Tuyên bố mệnh lệnh vua, tờ đức chính của nhà vua, và quyết đoán những việc khác đè dân biết xú phản đó là nhiệm vụ tôi.

Quan Hành-nhân Duệ-Dung nói :

— Đi sứ các nước chư hầu, ứng đối không kém tôi làm nhục quốc thê đó là nhiệm vụ tôi.

Quan Tù-trục là Hạt-Tiễn nói :

— Ai làm điều gì trái lẽ, đâu là kè uy quyền, tôi nhất định cản ngăn, không để hại nước.

Quan Tư-mã Chư Kế-Dinh nói :

— Luyện tập quân sĩ, chỉnh đốn binh mã để đến lúc nào cần thiết có thể đem thân đến nợ nước, không phụ với chư hầu, đó là điều tôi xin hết sức lo lắng.

Quan Tư-nông Cao Như nói :

— Đốc lòng giáo dục dân chúng, lo cho dân an cư lạc nghiệp, tạo cho nước mạnh dân giàu, việc đó tôi xin gánh vác.

Quan Thái-sử Kế-Nghê nói :

— Xem xét thiên văn địa lý, để rõ biết được 'việc' kiết hung trong và ngoài nước, đó là nhiệm vụ của tôi, tôi xin hết lòng...

Câu-Tiễn nói :

— Ta đâu sang làm một tù nhân nước ngoài nhưng được các quan đốc lòng giữ nước, thì dù khò cuc đến đâu cũng quyết nhẫn nhục để trở về báo thù đền ơn các quan.

Nói xong, Câu-Tiễn cho các quan triều thần trở lại, còn mình thì cùng với Pham-Lãi xuống thuyền sang nước Ngô. Vua tôi tiễn biệt nhau, nước mắt ràn rụa.

Câu-Tiễn ngửa mặt lên trời than:

— Cái chết ai cũng kinh sợ, nhưng ta thấy cái chết rất thường.

Vợ Câu-Tiễn bước theo chồng, tay vịn mạn thuyền, mặt nhìn đàn ô thước bay lượn trên ven sông, lòng hoài cảm căt giọng hát :

Đàn chim cao bay,

Vây vùng đường mây.

Thân thiếp vô tội,  
Trách trời độc thay.  
Gió thổi hây hây,  
Cánh chim lữ thú.  
Trở về có ngày.  
Bước chân ly biệt.  
Muôn ngàn đắng cay.  
Nước mắt voi đầy...

Câu-Tiền nghe mĩa câu ta thán của vợ, lòng bối rối nói :

— Ô ! Chim trời đã cắt cánh thi giang sơn gồm  
thu trong khoé mắt, ngày về chắc không lâu, cần gì phải  
hát câu vĩnh biệt.

Thuyền nhỏ neo, xuôi mải, Câu-Tiền không quay  
lại nhìn lại, trong lúc đó đám triều thần sững sờ  
nhìn theo cánh buồm trắng, mỗi lúc một nhỏ dần rồi  
mất dạng.

Khi Câu-Tiền đến địa phận nước Ngô, Phạm-Lãi  
vào yết kiến quân Thái-tử nước Ngô là Bá-Hi hiện đang  
đóng quân ở Nô-sơn, và dâng các đồ kim bạch cùng  
mỹ nữ.

Bá-Hi nói :

— Văn-Chung sao không thấy đến ?

Phạm-Lãi nói :

— Văn-Chung còn phải giữ nước cho Chúa-công  
tôi nên không thể đến được.

Bá-Hi đi theo Phạm-Lãi đến hội kiến với Câu-Tiền.  
Câu-Tiền tỏ lòng biết ơn Bá-Hi đã giúp đỡ mình.

Bá-Hi nói :

— Thế nào tôi cũng tìm cách xin cho ngài trở về  
nước Việt.

Câu nói ấy đặt niềm hy vọng vào lòng Câu-Tiễn, khiên Câu-Tiễn tư an ủi được phần nào.

Bá-Hi đem quân giải Câu-Tiễn về nước Ngô, đưa ra mặt Phù-Sai. Câu-Tiễn trần vai áo, sụp lạy dưới thềm, và nói :

— Tôi là Câu-Tiễn nước Việt, vì không biết sức mình nên đắc tội với Đại-vương, nay Đại-vương xá tội cho, được sang đây hầu hạ thật cảm nghĩa vô cùng.

Phù-Sai nói :

— Nếu ta nghĩ đến cái thù tiên vương ta thì không thể nào dung cho người được.

Câu-Tiễn tha thiết nói :

— Tôi tôi thật đáng chết, nhờ Đại-vương nhân đức tha cho kẻ tôi hèn.

Bây giờ Ngũ-Viên đứng bên cạnh, quắt mắt ra lửa, giọng nói vang như sấm :

— Con chim bay trên mây xanh ta còn muôn giương cung ra bắn, huống hồ nay nó lại đậu trước sân. Câu-Tiễn là người nham hiểm, bây giờ thân cá chậu chim kinh kiêng lời nịnh hót để khỏi chết, mai sau đắc chí, khác nay như bồ về rừng. Đại-vương hỏi hín sao kịp ?

Phù-Sai nói :

— Đầu thù oán ai mà kè áy đã hối cài, ta nỡ lòng nào khu khứ mỗi thù áy cho dành ? Ta cũng chẳng phải yêu vua nước Việt, song giết đi sợ trái đạo trời.

Bá-Hi nói :

— Quan Tướng-quốc cư ngẩn đến cái lợi hiện tại mà không xét cái lợi về sau. Đại-vương đối xử như thế thật là kẻ đại-nghĩa.

Ngũ-Viên thấy Phù-Sai nghe lời sám minh, không hề đến lời can gián của mình, tức giận bỏ ra ngoài.

Phù-Sai nhận các đồ lě vật của Câu-Tiền rồi sai Vương Tôn-Hùng làm một cái nhà thạch thất bên một Hạo-Lư, giam vợ chồng Câu-Tiền ở đấy, cho mặc quần áo xấu, bắt chăn ngựa.

Bá-Hi ngày nào cũng lén sai người đem thực phẩm đến cho, nên vợ chồng Câu-Tiền không đến nỗi đói khát lắm.

Mỗi khi Phù-sai đi chơi lại bắt Câu-Tiền dắt ngựa. Người nước Ngô trông thấy tẩm tẩm cười bao nhau :

— Kìa, vua nước Việt.

Câu-Tiền cùi gầm mặt xuống, không nói gì cả.

Ở nơi thạch thất hai năm, Câu-Tiền được Phạm-Lãi sớm tối hầu-hạ không rời nửa bước. Lúc nào Câu-Tiền buồn rầu, Phạm-Lãi lại kiểm lời an ủi.

Một hôm, Câu-Tiền vào yến kiến Phù-Sai, Phạm-Lãi theo hầu, đứng phía sau. Phù-Sai trông thấy nói với Phạm-Lãi :

Ta nghe nói người tiết phụ không lấy chồng ở nhà phả-vong, kẻ danh hiền không làm tôi ở nước diệt. Nay Câu-Tiền vô đạo, nước bị diệt, vua bị đầy nơi thạch thất, như thế là nhục lâm rồi, ta muốn tha tội cho nhà ngươi, nếu nhà ngươi biết lỗi lối bỏ Việt theo Ngô thì sẽ được trọng dụng.

Câu-Tiền nghe nói thất kinh, ôm mặt khóc ; vì sợ Phạm-Lãi ham phú qui bỏ mình.

Phạm-Lãi sụp lạy, vào nói với Phù-Sai :

— Kẻ đã mất nước không dám xưng minh hay, tướng đã thua trận không dám cho minh là giỏi. Tôi là kẻ bất trung, bất tin ở nước Việt, phản hèn trác thiều, không giúp được Chúa-công tôi, để đặc tôi với Đại-vương, nay được Đại-vương thương tình không giết, cho vua tôi được gần gũi nhau, như thế đã mãn nguyện rồi, có đâu dám ham công danh phú quý.

Phù-Sai nói :

— Nhà người không chịu làm quan nước Ngô thì hãy heo vua Việt trở về thạch thất.

Phạm-Lãi nói :

— Xin vâng lệnh !

Câu Tiễn cùng Phạm-Lãi trở về thạch thất, ăn mặc tối tan. Ngày ngày đi cất cỏ ngựa. Vợ Câu-Tiễn cũng đi gánh nước, quét phán, còn Phạm-Lãi thì đi kiếm củi, nấu cơm, mặt mũi gầy gò.

Phù-Sai cho người đi dò thám, biết được vua tôi nước Việt lâm lung tối ngày, không hề oán hận, buồn than, cho rằng đó là kẻ giá áo cui cơm, nên không để ý đến nữa.

Một hôm, Phù-Sai đến chơi Cô-Tô dài, trông thấy vợ chồng Câu-Tiễn ngồi bên đồng phán ngựa, Phạm-Lãi cầm chổi đứng hầu một bên, mới ngoảnh lại nói với Bá-Hi :

— Câu-Tiễn chẳng qua là vua một nước nhỏ, còn Phạm-Lãi chẳng qua là một kẻ học trò, thế mà lúc hoàn đạn không quên đạo vua tôi, thật đáng kính.

Bá-Hi nói :

— Chẳng những đáng kính mà còn đáng thương nữa.

Phù-Sai nói :

— Ta thấy tình cảnh ấy cũng thương tinh, nếu hắn đòi lỗi có thể tha được chăng ?

Bá-Hi nói :

— Đại-vương mờ lưỡng hải hà, dung tha kẻ khốn cùng, gia ân cho vua nước Việt thì thế nào vua Việt cũng đội ơn.

Phù-Sai nói :

— Ta sẽ truyền cho quan Thái-sử chọn ngày tốt để tha Câu-Tiền về nước.

Bá-Hi liền cho người sang Thạch-thát mật báo cho Câu-Tiền biết.

Câu-Tiền mừng lắm, bảo Phạm-Lãi bói một quẻ xem hung kiết thế nào.

Phạm-Lãi bói xong nói với Câu-Tiền :

— Dẫu có tin như vậy song chưa lấy gì làm mừng.

Ngũ-Viên nghe Phù-Sai sắp tha Câu-Tiền, vội vàng vào yết kiến Phù-Sai và nói :

— Ngày xưa vua Kiệt giam vua Thang, vua Trụ giam Văn-Vương mà không giết, đến lúc đạo trời quay lại chuyền họa thành phúc, thì vua Kiệt bị vua Thang đuổi, vua Trụ bị nhà Châu diệt. Nay Đại-vương giam Câu-Tiền mà không giết, tôi e nước Ngô sắp có cái họa như nhà Hạ và nhà Thương đó.

Phù-Sai nghe lời nói của Ngũ-Viên có ý muốn giết Câu-Tiền, bèn sai người triệu Câu-Tiền vào. Bá-Hi được tin, báo cho Câu-Tiền biết, Câu-Tiền sợ hãi, nhưng Phạm-Lãi vẫn bình tĩnh nói với Câu-Tiền :

— Đại-vương đừng sợ. Vua Ngô giam Đại-vương đã ba năm mà không nỡ giết, huống chi bây giờ, xin Đại-vương cứ an tâm vào yết kiến.

Câu-Tiền nói :

— Ta nhẫn nhục được bấy lâu nay là nhờ công của hiền khanh

Câu-Tiền vào yết kiến Phù-Sai, chầu chực đã ba ngày mà Phù-Sai không lâm triều. Bá-Hi ở trong cung ra truyền cho Câu-Tiền trở về Thạch-thát.

Câu-Tiền lấy làm lạ hỏi duyên cớ. Bá-Hi nói :

— Đại-vương nghe lời Ngũ-Viên định giết ngài

nên sai triều đến nhưng gặp lúc Đại-vương bị cảm thương hàn không thể dậy được. Tôi vào thăm bệnh, thấy thê tâu với Đại-vương xin cho ngài trở về Thạch-thất, chờ lúc Đại-vương thiêu bệnh rồi sẽ liệu.

Câu-Tiễn tỏ lời cảm ơn Bá-Hi rồi về Thạch-thất, chờ đến ba tháng sau vẫn chưa thấy Phù-Sai có lệnh gì mới.

Lấy làm lạ, Câu-Tiễn sai Phạm-Lãi bồi một què xem lành dữ thế nào.

Phạm-Lãi bồi xong, nói :

— Phù-Sai bệnh chưa khỏi, song đến ngày Kỷ-tị thì bớt, rồi đến ngày Nhâm thân thì thiêu hàn. Bây giờ Đại-vương cố xin vào thăm, trong lúc đó phải nhắm mắt nếm phân của Phù-Sai rồi lạy mừng mà nói kỳ bệnh khỏi. Đến kỳ bệnh khỏi thật tất Phù-Sai phải cảm ơn mà tha cho Đại-vương.

Câu-Tiễn úa nước mắt khóc, và nói :

— Ta đây dẫu chẳng ra gi cũng một ông vua không lẽ lại chịu nhục nếm phân cho người ta hay sao ?

Phạm-Lãi nói :

— Ngày xưa vua Trụ giam Văn-Vương nơi Dũ-lý, giết con Văn-Vương là Bá-Áp Khào, rồi làm mắm đem cho Văn-vương ăn, thế mà Văn-Vương vẫn chịu nhục ăn thịt con. Ta muốn thành đại sự cần gì phải cầu chắp điều nhỏ mọn. Vua Ngò tinh nết đàn bà, không quả quyết, nay tha, mai giết, nếu không dùng kế ấy đánh vào tinh cảm thì làm sao thoát nạn được.

Câu-Tiễn gạt lệ theo lời, đến nói với Bá-Hi :

— Tôi nghe nói Đại-vương bị bệnh, lòng hồi hộp không yên, xin theo ngài vào thăm để tỏ tình thần tử.

Bá-Hi nói :

— Ngài có lòng tốt, xin đợi tôi chuyền tẩu đã.

Bá-Hi vào yết kiến Phù-Sai, thuật lại lời nói của Câu Tiên. Phù-Sai đang lúc buồn bã, nghĩ thương tinh Câu-Tiên nên thuận cho vào.

Câu-Tiên vào sụp lạy, gấp lúc Phù-Sai muốn đi ngoài nên lấy tay xua đuổi Câu-Tiên ra, rồi truyền nội thị đem thùng đến cạnh giường nằm.

Câu-Tiên nói :

— Khi tôi ở Đông-hải có học người y sư cách ném phân mà biết bệnh chóng hay chậm.

Nói xong, Câu-Tiên đứng chờ cho Phù-Sai đi tiêu xong, bước đến giờ thùng, thò tay bốc phân quì xuống nệm. Mọi người xung quanh đều bịt mũi lại. Câu-Tiên bước đến sụp lạy tâu :

— Tù nhân xin chúc mừng Đại-vương. Bệnh Đại-vương đến ngày Kỷ-tị thì bớt, sang tháng ba vào ngày Nhâm-thân thì khỏi hẳn.

Phù-Sai nói :

— Vì sao nhà ngươi biết được ?

Câu-Tiên đáp :

— Tôi nghe người y sư có dạy phân là Cốc-vị, hē thuận khí thi sống, trái thời khí thi chết. Nay tù nhân ném phân Đại-vương thấy vị đắng và chua, hợp thời khí xuân hạ phát sinh, vì thế mà biết được.

Phù-Sai cảm động, nói :

— Câu-Tiên đối với ta còn hơn thần-tử đối với quân vương. Ta chưa thấy ai ném phân để đoán bệnh bao giờ.

Thấy Bá-Hi đứng bên cạnh, Phù-Sai hỏi :

— Quan Thái-tề có ném được không ?

Bá-Hi sụp lạy, đáp :

— Tôi rất yêu Đại-vương, song việc này không sao làm được.

Phù-Sai nói :

— Chẳng những quan Thái-tè mà Thái-tử con của ta cũng không thể nào làm được ? Việc ấy ?

Phù-Sai truyền thia Câu-Tiễn, không bắt về Thạch-thất nữa, được tự tiện tìm chỗ ở, đợi khi Phù-Sai khỏi bệnh sẽ cho về nước.

Quả nhiên, Phù-Sai khỏi bệnh đúng như kỳ hạn Câu-Tiễn đã nói. Phù-Sai cho Câu-Tiễn là kè tận trung với mình, truyền bày tiệc trên Văn-dài, cho Câu-Tiễn vào dự.

Câu-Tiễn vẫn khiêm tốn, mặc áo theo lối tù nhân. Phù-Sai liền truyền tâm gội và ban áo mao. Câu-Tiễn hai ba lần từ tạ rồi mới dám nhận.

Phù-Sai nói với các quan :

— Vua Việt là người nhân đức, ta không nên làm nhục lâu. Ta định tha về nước nên tiếp đai tử tế.

Các quan Đại-phu đều nhường Câu-Tiễn, và mời ngồi vào tiệc.

Ngũ-Viên thấy Phù-Sai quên hận thù xưa, lòng căm tức không chịu được, bỏ chỗ ngồi lui ra ngoài.

Bá-Hi nói :

— Đại-vương là người nhân đức, gặp kẻ nhân đức thì đem lòng thương, vì vậy mới tha cho vua Việt. Tôi nghe nói « đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ». Ai thất đức thi bỏ đi, ai nhân đức thi ngồi lại. Quan Tướng-quốc là người cương dũng, ít hay nghĩ đến điều nhân nên thận với lòng không muốn dự tiệc.

Phù-Sai cười lớn, nói :

— Quan Thái-tè nói phải lắm !

Khi rượu được vài tuần, Câu-Tiền và Phạm-Lãi đứng dậy dâng chén chúc thọ Phù-Sai. Phù-Sai hài lòng lắm, uống đến say mèm, rồi sai Vương Tôn-Hùng đưa Câu-Tiền ra nhà quán xá.

Sáng hôm sau, Ngũ-Viên vào tâu với Phù-Sai :

— Hôm qua Đại-vương lấy lẽ khách mà dài kẻ thù, như vậy ý nghĩa thế nào ? Câu-Tiền là kẻ nham hiểm, bên trong chứa gươm đao, bên ngoài giả cách cung kính, những người như thế thật đáng đề phòng, sao Đại-vương không thấy cái hại về sau. Đại-vương bỏ lời trung trực nghe lời dèm pha, nghĩ đến cái nhân nhò mà nuôi kẻ thù lớn, khác nào buông nắm lồng trên lò than mà mong cho lồng khỏi cháy, ném quả trứng xuống đá mà mong quả trứng không bể. Thế nghĩa là gì ?

Phù-Sai lắc đầu, nói :

— Ta bị bệnh đã ba tháng, quan Tướng-quốc chẳng có một lời thăm viếng, không có một lẽ mọn kính dâng. Còn Câu-Tiền bỏ nước sang đây, đem thân tôi tớ, chịu nỗi phân ta để xét bệnh. Nếu quan Tướng quốc bảo ta giết kẻ ấy thì còn gì nhân luân. Ta không muốn vì lời nói của Tướng-quốc mà trở thành kẻ bất nhân, bất nghĩa.

Ngũ-Viên nói :

— Đại-vương xét việc như thế là lầm rồi. Khi con hổ mà thu hình lại tất muốn chụp mồi. Vua Việt vào làm tôi nước Ngô không thể không oán hận. Kẻ oán hận mà giũ được kiên nhẫn thì thật là thâm độc. Bây giờ Câu-Tiền cúi xuống nỗi phân Đại-vương, nhưng chắc gì sau này Câu-Tiền không ngẩng lên mà ăn bộ đồ lồng của Đại-vương. Đại-vương không xét đẽ mắc mưu kẻ thâm độc thì thật nông cạn lắm.

Phù-Sai nói :

— Quan Tướng-quốc chờ nỗi nứa. Ý ta đã quyết định rồi, đâu có cần ngăn cản chẳng ích chi.

Ngũ-Viên biết không thể can được, lòng hối hận học trò về dinh.

Đến ngày thứ ba, Phù-Sai bày tiệc nơi Sà-môn để đưa Câu-Tiễn về nước. Các quan triều thần đều đến trao chén chúc mừng, chỉ có Ngũ-Viên không đến dự.

Phù-Sai nói với Câu-Tiễn :

— Ta cho hiền-hữu về nước, nên nhớ ơn ta, chó có đem lòng oán hận.

Câu-Tiễn sụp lạy, thưa :

— Đại-vương không nỡ giết kẻ cõi cùng, cho được sống mà về nước, đời đời tôi nguyện chẳng dám quên ơn. Trời cao thăm thẳm, soi xét lòng tôi, nếu tôi phụ Ngô thì trời nào dung thứ.

Phù-Sai nói :

— Người quân tử chờ có hai lời.

Câu-Tiễn vội sụp lạy, nước mắt chảy đầm đìa, làm ta vé quyển luyến lắm. Phù-Sai cầm tay Câu-Tiễn đưa lên xe. Phạm-Lãi cầm cương, Câu-Tiễn phu nhân cũng sụp lạy tạ ơn. Vó ngựa rập ròn thẳng tiến về phía Nam.

Câu-Tiễn thở phào một hơi, nói :

— Ta tưởng ra đi là không trở lại, ngờ đâu còn trông thấy được quê hương ?

Văn-Chủng và các quan triều thần nước Việt hay tin Câu-Tiễn về nước đồng ra khỏi Kinh-thành trăm dặm tiếp đón. Mọi người đều hồn hở.

Câu-Tiễn bảo Phạm-Lãi xem ngày tốt để tiến vào Kinh-thành, Phạm-Lãi bói một quẻ rồi nói :

— Ngày mai tốt, xin Đại-vương đi gấp mới kịp.

Ngày hôm sau, Câu-Tiên cùng đoàn tùy tùng hộ giá vào Kinh-đô mờ tiệc hân hoan.

Câu-Tiên lấy trận thua ở Cối-kê làm sỉ nhục, mới đắp thành Cối-kê rồi thiêu đốt ra đáy đè ghi nhớ thù xưa. Lại giao hết quyền chính cho Phạm-Lãi sắp đặt.

Phạm-Lãi xem thiên-văn, xét địa lý, lập ra một cái thành, bao bọc núi Cối-kê, phía Tây-bắc lập Phi-dục-lâu, ở Ngoại-tang sơn để làm thiên môn ; phía Đông-nam lập Lâu-thành-dầu, còn mặt Đông-bắc thì đè trống già cách tuyển ngôn rằng : « Đã thần phục nước Ngô không dám lấp đường cống hiến ».

Tuy nhiên, bỏ trống phía ấy mục đích là để tiến quân đánh nước Ngô báo thù.

Khi thành vừa đắp xong, trong thành bỗng hiện lên một quả núi chu vi mấy dặm, như hình một con rùa nằm phục ở đó, cổ cây rất rậm rạp. Có người nhận ra quả núi ấy là núi Đông-vũ sơn ở xứ Lang-gia, nhưng chẳng biết vì sao lại chuyền đến đây được.

Phạm Lãi nói với Câu-Tiên :

— Tôi đắp thành này ứng với thiên-tượng, bởi vậy núi ấy hiện lên, đó là điểm nước ta dựng nên nghiệp bá.

Câu-Tiên mừng lắm, đặt tên núi ấy là Qui-sơn, và nói với Phạm-Lãi :

— Ta thật thất đức, để cho nước nhà suy đốn, đem thân làm nô-lệ nước người, chịu trăm ngàn nhục-nhã. Nếu không có quan Tướng quốc và các quan Đại-phu chăm lo giữ nước thì sao được như thế này ?

Phạm-Lãi nói :

— Đó là nhờ hồng phúc của Đại-vương, chứ chúng tôi có ơn huệ gì. Xin Đại-vương chờ bao giờ quên cái nhục ở Thạch-thất thì nước ta mới mạnh được.

Câu-Tiên nói :

— Ta xin ghi nhớ mãi lời dặn đó.

Bây giờ Câu-Tiễn lại giao việc quốc chính cho Văn-Chung và giao việc quân-chính cho Phạm-Lãi. Trong nước trăm họ thấy đều an-vui.

Câu-Tiễn từ khi ném phân sanh ra bệnh hôi miệng, Phạm-Lãi sợ Câu-Tiễn lấy thế làm phiền, mới tìm một thứ rau ở quả núi phía Bắc-thành ấy gọi là rau chiếp. Rau này ăn được, nhưng có mùi hôi, sai người đi hái đem về cho cả triều cùng ăn, để cho mùi hôi không còn phân-biệt. Sau này người ta gọi núi ấy là Chiếp-sơn.

Câu-Tiễn gấp muôn báo thù nước Ngô nên chầm-chì làm việc suốt ngày đêm, khi nào buồn ngủ thì lấy cỏ lục đánh vào mắt, khi nào chân lạnh thì lại lấy nước rưới thường vào, mùa Đông thường ngồi gần nước băng, mùa Hạ ngồi bên đống lửa, lấy cuội xếp lên trên, chứ không nằm giường nệm. Lại treo một cái mặt ở bên chỗ thường ngồi, thỉnh thoảng nếm một ít để luôn luôn tưởng đến việc cay đắng. Đêm nào Câu-Tiễn cũng sụt-sùi khóc, miệng nhắc đến hai tiếng « Cối-kê ».

Sau một thời gian, Câu-Tiễn thấy từ khi nước bị suy bại dân số sút kém, mới ra lệnh cấm con trai không được lấy vợ già, ông già không được lấy vợ-trẻ. Con trai hai mươi tuổi chưa lấy vợ, con gái mười bảy tuổi chưa lấy chồng thi bắt tội cha mẹ. Dàn bà chưa sắp đẻ đều phải đến trình quan đẻ cho thầy thuốc săn sóc. Sinh con trai thì được thường một hồ rượu và một con chó, sinh con gái thì được thường một hồ rượu và một con lợn. Ai sinh ba con thi được quan nuôi hộ, ai chết thi Câu-Tiễn thân hành đến đưa đám và than khóc.

Mỗi khi Câu-Tiễn đi đâu đều đem cơm và đồ ăn đ𝐞 trong xe, hễ gặp trẻ con đều cho ăn uống và hỏi họ tên.

Đến mùa làm ruộng, Câu-Tiền cũng vác cày đi cày, vợ Câu-Tiền cũng chăm lo việc canh cùi, cùng với dân chúng chia xè nỗi cực nhọc. Trong bảy năm không thu thuế của dân, ăn mặc rất tiết kiệm. Tuy nhiên, chẳng tháng nào không sai sứ sang cống hiến nước Ngô.

Phù-Sai khen Câu-Tiền là kẻ trung thành, sai người phong thêm đất cho nước Việt phía Đông đến Câu-dụng, phía Tây đến Huế-lý, phía Nam đến Cô-miệt, phía Bắc đến Bình-nguyên, cả thảy hơn tám trăm dặm.

Câu-Tiền sai người đem mười vạn tấn cát-bố, một trăm vò cam mật, năm đôi hồ cừu, mười chiếc tǎn-trúc sang dâng cho Phù-Sai để tạ ơn tặng đất.

Phù-Sai rất bàng lòng, lại sai người đem Vũ-mao cho Câu-Tiền.

**Ngũ-Viên** thấy vậy cáo bệnh bỏ không vào triều. Phù-Sai nói với Bá-Hi :

— Ngày nay nước mạnh dân an, ta muốn mở thêm cung thất lấy chỗ vui chơi, chẳng biết nên tìm chỗ nào ?

Bá-Hi nói :

— Ngay nơi Cô-Tô thành nước ta đài cao, cảnh không đẹp đâu bằng, những đời vua trước chưa tạo thành một nơi du lâm. Nay Đại-vương nên nhân đấy sửa lại, bề cao phải được 100 trượng, bề rộng phải chứa được 1.000 người, rồi họp các cung phi mỹ nữ múa hát, tôi tưởng không còn gì thú hơn.

Phù-Sai khen phái, liền ra lệnh chọn các thứ gỗ lớn để xây đài Cô-tô.

Tin ấy đồn đến nước Việt, Văn-Chủng hay được vào nói với Câu-Tiền :

— Tôi nghe nói con chim bay trên mây cao thường chết vì miếng ăn tốt, con cá lặn dưới vực sâu thường chết vì miếng mồi thơm. Nay Đại-vương muốn báo thù nước Ngô sao không tìm xem vua Ngô thích bã mồi gì mà trị ?

Câu-Tiễn nói :

— Dầu có tìm mồi ngon cũng khó có cách trị được.

Văn-Chửng nói :

— Các cách đe phá nước Ngô tôi nghĩ ra bảy kế :

1.— Chịu tổn của cải để mua chuộc lòng vua Ngô.

2.— Lấy giá đất mua thóc và cỏ đe cho nước Ngô bị khan hiếm

3.— Đem mỹ nữ dâng vua Ngô làm cho vua Ngô mê hoặc bỏ việc nước.

4.— Đem gỗ tốt đến dâng nước Ngô để vua nước Ngô lập dền dài cung thất làm hao tốn nhân lực, dân chúng ta thán.

5.— Dùng kè mưu thần đe làm cho nước loạn.

6.— Hại kẻ tôi trung nước Ngô đe làm vua tôi ly giàn.

7.— Tích cửa, luyện quân đợi dịp nước Ngô suy yếu đem quân sang đánh.

Câu-Tiễn nói :

— Quan Tướng-quốc luận phải lắm, nhưng trong các kế ấy nên dùng kế nào trước ?

Văn-Chửng nói :

— Nay vua Ngô sắp sửa cắt Cô-tô dài ta nên tìm gỗ tốt đem dâng.

Câu-Tiễn nghe theo lời, sai bọn mộc-công vào rừng tìm cây lớn đốn đem về. Bọn mộc công tìm thấy được hai cây lớn, một cây là cây Tử, một cây là cây Nam,

đốn đem về dâng cho Câu-Tiền. Câu-Tiền mừng rõ dùng thuốc xanh đỏ vẽ hình rồng rắn trên cây rồi sai Văn-Chung đem dâng cho Phù-Sai.

Phù-Sai thấy gỗ quý, mừng rõ vô cùng. Ngũ-Viên nói:

— Ngày xưa vua Kiệt làm Linh-dài, vua Trụ làm Lộc-dài, cửa kho hết sạch, dân chúng thán oán. Câu-Tiền muốn hại ta nên đem hai cây gỗ ấy đến dâng. Xin Đại-vương coi đó là một cạm bẫy.

Phù-Sai nói :

— Câu-Tiền được gỗ quý không đè mà dùng, lại đem dâng cho ta, như thế lòng của Câu-Tiền đáng quý, sao lại từ chối.

Nói xong, truyền đem hai cây gỗ ấy sửa dài Cô-tô.

Dài Cô-tô sára trong năm năm trời mới xong, cao 300 trượng, rộng 84 trượng, trèo lên dài có thể trông thấy suốt 200 dặm. Trăm họ ngày đêm phục dịch lao lực, đau chết rất nhiều.

Câu-Tiền nghe Cô-tô dài đã hoàn tất, liền hỏi Văn-Chung :

— Ta đem gỗ tốt dâng cho nước Ngô là đè nước Ngô lập đèn dài tốn hao công quí, dân chúng khổ sở, nay kể ấy đã thành công, bây giờ nên thực hiện kế hoạch nào nữa ?

Văn-Chung nói :

— Nước Ngô lập xong dài cao tất cẩn đến ca nhí, vũ nữ. Nếu ta không tìm được một kẻ tuyệt sắc giai nhân thì làm sao vua Ngô say đắm được ?

Câu-Tiền nói :

— Kẻ tuyệt sắc sơ nước ta không có, biết liệu làm sao ?

Văn-Chung nói :

— Đại-vương chó lo, trong dân gian không thiếu gì kè có sắc, chỉ cần tìm kiếm là được. Nhưng nếu ta lục soát trong dân chúng sợ làm dân chúng kinh động. Tôi có một kế có thể xem hết con gái trong nước để tùy ý Đại-vương lựa chọn.

Câu-Tiễn hỏi :

— Quan Tướng-quốc có kế gì tìm được mỹ nữ ?

Văn-Chung đáp :

— Xin Đại-vương phái một trăm nội thị đi lẩn với bọn thầy tướng, len lỏi khắp nơi, hề thấy người con gái nào có sắc đẹp thì biên tên họ và chở ở. Dùng cách ấy mà chọn thì lo gì không có người.

Câu-Tiễn theo kế ấy. Mới trong nửa năm đã tuyển được hơn hai ngàn mỹ nữ. Bèn sai chọn lại trong số gái đẹp, lựa ra được hai người đẹp nhất là Tây-Thi và Trịnh Đán. Câu-Tiễn giao cho Phạm-Lãi rèn luyện nghệ thuật múa hát, và đào tạo tư tưởng yêu nước.

Trong ba năm, Phạm-Lãi tập luyện đoàn nữ-nhạc rất tinh xảo về nghệ thuật. Câu-Tiễn sai Phạm-Lãi đem hiến tất cả cho vua Ngô.

Phạm-Lãi đề nàng Tây-Thi và Trịnh-Đán ngồi chung một xe, ngoài phủ rèm châu, hương thơm ngào ngạt.

Khi đến nơi, Phạm-Lãi vào yết kiến vua Ngô, tâu :

— Đông-hải tiện thần là Câu-Tiễn mang ơn Đại-vương rất trọng, không thể đem thiếp đến hầu bên giường được, nên tìm khắp trong nước được hai người giỏi nghề múa hát, sai tôi đem đến nạp vào vương-cung để giữ việc quét dọn.

Phù-Sai truyền dẫn Tây-Thi và Trịnh-Đán vào.

Vua trông thấy hai nàng, Phù-Sai như hồn xiêu phách lạc, ngờ là hai vì tiên nga giáng hạ, nhìn không chớp mắt.

Ngũ-Viên thấy thế can :

— Nhà Hạ mất nước vì nàng Hỉ-Muội, nhà Ân mất nước vì nàng Đắc-Kỳ, nhà Châu mất vì nàng Bao-Tự. Xem thế thì mỹ nữ là vật làm cho mất nước, xin Đại-vương chớ quí nó.

Phù-Sai nói :

— Người ta ai chẳng có lòng háo sắc. Câu-Tiễn tìm được gái đẹp mà chịu đem hiến cho ta, tấm lòng trung thành ấy không lấy gì ví nòi. Quan Tướng-quốc chớ nghi ngại.

Phù-Sai nhận lấy mỹ nữ. Hai mỹ nhân đều tuyệt sắc. Phù-Sai yêu mến cả hai. Nhưng vẻ đẹp lộng lẫy và nồng nàn ủy mi hơn lại là nàng Tây-Thi, bởi vậy Tây-Thi được ở Cô-tô dài với Phù-Sai, đi chơi dâu cùng cũng nghi vê như một vị Hoàng-hậu. Còn Trịnh-Đán thì ở Ngô-cung ít được săn sóc hơn.

Trịnh-Đán thấy mình và Tây-Thi cùng là phận hồng nhan mà mình bị hầm-hiu hơn có ý buồn lòng, nhưng không nói ra được. Độ một năm Trịnh-Đán lâm bệnh tử trần.

Phù-Sai mến sác, lòng thương tiếc vô cùng, đem chôn ở Hoàng-mạo sơn và lập đền đè thờ cúng.

Tây-Thi được Phù-Sai yêu dấu hoàn toàn, chiều chuộng đủ cách, sai Vương Tôn-Hùng lập ra quán Khuê-cung ở Linh-nhan sơn, trang sức toàn bằng châu ngọc để làm chỗ cho Tây-Thi du ngoạn.

Ở đây có lập ra Hường-diệp-lan để nghe tiếng gót hài của Tây-Thi đi dạo, trên núi có Ngoạn-hoa-trì, Ngoạn-nghuyệt-trì, lại có giếng Ngo-vương tinh, nước giếng trong suốt. Tây-Thi thường đứng trên giếng soi mặt. Mỗi khi như vậy, Phù-Sai đứng bên cạnh, lấy tay vuốt tóc Tây-Thi đè âu-yếm.

Lại có một cái động gọi là Tây-Thi động Thường

ngày Tây-Thi và Phù-Sai ngồi ở đó. Đá ở ngoài cửa động có nhiều chỗ sứt, về sau người bảo là vết chân Tây-Thi.

Trên núi lại có cẩm đài, nơi mà Tây-Thi cùng với Phù-Sai ngồi gảy đàn. Phù-Sai lại cho người trồng hoa ở Hương-son để Tây-Thi cùng với cung nhân chờ thuyền đi hái hoa.

Lại có Thái-liên-hình ở phía Đông-nam Kinh-thành, làm chỗ Tây-Thi cùng Phù-Sai hái sen.

Phù-Sai lại bắt đào một con sông nhỏ ở trong thành từ Nam sang Bắc, rồi làm một cái buồng gầm dọc theo con sông đào để cùng Tây-Thi đi chơi, gọi là Cầm-phàm-hình.

Phía Nam thành có Trường-châu-uyên để làm nơi săn bắn, và có Ngư-thành để nuôi cá, Ấp-thành để nuôi vịt, Kê-bi để nuôi gà, Tิru-thành để uống rượu.

Lại thường cùng với Tây-Thi ra nghỉ mát ở Nam-loan Tây-động-định. Cái loan ấy rộng hơn mươi dặm, ba mặt đều có núi, chỉ có mặt Nam trông như cửa quan. Phù-Sai cho nơi đó là chỗ duy nhất có thể nghỉ mát được nên đặt tên là Tiên-hạ-loan.

Từ khi được Tây-Thi, Phù-Sai ở luôn trên Cô-tô đài, bốn mùa vui chơi đùa địch, chẳng thiết đến việc gì cả. Quan Thái-tề Bá-Hi và Vương Tôn-Hùng thường hầu hạ bên cạnh, còn Ngũ-Viên muốn vào yết kiến, Phù-Sai cũng kiêng cớ từ chối, không cho vào.

Vua Việt là Câu Tiên hay tin Phù-Sai say đắm Tây-Thi lo việc ăn chơi, bỏ cả quốc sự, mời triệu Văn-Chủng đến hỏi việc trả thù. Văn-Chủng sụp lạy, tâu :

— Tôi nghe nói nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm đầu, muốn trả thù xin Đại-vương lo cho dân được đầy đủ trước đã. Năm nay nước Việt mùa màng không sung túc, Đại-vương nên xin với vua Ngô để vay thóc về chu cấp cho dân. Thóc nước Ngô nuôi dân nước Việt là

cái kế làm cho hưng Việt đó.

Câu-Tiễn theo lời, liền sai Văn-Chủng đem lẽ vật đút lót cho Bá-Hi để Bá-Hi đưa vào yết kiến Phù-Sai.

Phù-Sai cho Văn-Chủng vào yết kiến ở Cô-tô dài. Văn-Chủng sụp lạy, tâu :

— Nước Việt tôi năm nay mất mùa, nhân dân đói khát, xin Đại-vương phát cho vay một vạn hộc thóc ở kho Thái-sương để cứu nước Việt khỏi đói. Sang đến mùa lúa chín, nước tôi xin đem nộp.

Phù-Sai nói :

— Vua Việt thắn phục nước Ngô ta, dân Việt đói cũng như dân Ngô đói, ta há không giúp đỡ sao ?

Ngũ-Viên hay tin có sứ nước Việt đến, vội vã vào yết kiến Phù-Sai. Khi biết được Phù-Sai hứa cho vay thóc, vội can :

— Không nên ! Đại-vương giúp lương cho kẻ thù chẳng khác tim lối tự vận. Vua Việt sang vay thóc không phải vì dân Việt đói, mà cốt làm cho dân Ngô đói đó.

Phù-Sai nói :

— Khi Câu-Tiễn bị giam ở nước ta phải dắt ngựa cho ta du ngoạn, cả chư hầu ai cũng biết. Nay tha cho về cảm ơn ấy vẫn một lòng trung thành, hàng năm cống hiến, lẽ nào lại sanh lòng bội phản được.

Ngũ-Viên nói :

— Đại-vương xét việc như thế thực là lầm. Chính việc lưu đày Câu-Tiễn nơi Thạch-thất, bắt Câu-Tiễn dắt ngựa, làm bỉ mặt với chư hầu tức Đại-vương đã ung đíc trong lòng Câu-Tiễn một mối thù bất diệt. Dẫu Đại-vương có tha Câu-Tiễn khỏi chết cũng không thể xóa vết thương nhục nhã của Câu-Tiễn được. Câu-Tiễn thắn phục Đại-vương ; là để chuẩn bị một dịp trả thù ghê gớm, thế

mà Đại-vương cho Câu-Tiễn là kẻ trung thành ! Tôi nghe Câu-Tiễn ngày đêm chăm chỉ luyện tập quân binh, cố ý báo thù, thế mà nay Đại-vương lại giúp thóc cho Câu-Tiễn tôi e một ngày kia giống thóc trở thành thuốc độc. Cố-tô dài sẽ là nơi của giống hươu nai nhảy giòn mà thôi.

Phù-Sai nói :

— Câu-Tiễn đã xin làm bẹ tôi ta, lẽ nào lại dám đánh vua ? Sao quan Tướng-quốc ngộ xét như vậy ?

Ngũ-Viên nói :

— Vua Thang đánh vua Kiệt, Vũ-Vương đánh vua Trụ không phải là bẹ tôi đánh vua sao ?

Bá-Hi đứng bên cạnh, hét lớn :

— Sao quan Tướng-quốc lại sánh Đại-vương ta với vua Kiệt, vua Trụ là kẻ háo sắc, bất nhân ? Ngày xưa Tề Hoàn-Công hội chư hầu ở Qui-Khâu có ước với các nước cho vay thóc để giúp nhau trong cơn đói khát. Giúp thóc là một hành động đại nghĩa, làm cho kẻ đói biết ơn, tôi chắc dân nước Việt sống với hạt thóc của người nước Ngô không bao giờ nghĩ đến việc phản phúc như quan Tướng-quốc đã nghĩ.

Phù-Sai nói :

— Nước Việt đem lẽ vật cống hiến cho ta xưa nay, bạc vàng châu báu chất đầy kho, thế mà chưa tiếc, nay ta tiếc một vạn hộc thóc hay sao ? Vả lại, sang năm đến mùa lúa chín, nước Việt đem sang trả thì việc gì dân Ngô đói !

Phù-Sai liền ra lệnh cho nước Việt vay thóc, và nói với Văn-Chủng :

— Ta không nghe lời các quan triều, cho nước Việt vay thóc. Sang năm được mùa phải đem nạp đủ chờ thắt tím.

Văn-Chủng sụp lạy, tâu :

— Đại-vương thương nước Việt tôi mà cho vay, khỉ nào nước Việt tôi dám thất tín.

Văn-Chủng lanh một vạn héc thóc đem về nước Việt, Câu-Tiền mừng lắm. Các quan triều thần hay tin đều chúc mừng.

Câu-Tiền truyền đem thóc phát cho dân nghèo. Trăm họ ca tụng ơn đức Câu-Tiền không ngớt.

Năm sau, nước Việt được mùa to, Câu-Tiền hỏi Văn-Chủng :

— Nếu ta không trả thóc nước Ngô thì thất tín, còn trả thì làm lợi cho nước Ngô, nên tính lẽ nào ?

Văn-Chủng nói :

— Chủ trương của ta bên ngoài ô cho nước Ngô thấy đức tin của ta, bên trong phải làm cho nước Ngô kiệt quệ về kinh tế. Vì vậy, chúng ta nên chọn thứ thóc tốt đem lược hín rồi trả cho nước Ngô. Dân nước Ngô thấy thóc tốt tắt để dành làm giống cho mùa sau như thế chúng ta sẽ thêm một cơ hội tốt.

Câu-Tiền theo kế ấy, đem thóc lược chín trả cho nước Ngô, không thiếu một hột nào.

Phù-Sai khen :

— Câu-Tiền thật là người thành tín.

Nói xong, đem thóc phát cho dân. Dân chúng thấy thóc tốt, quả nhiên dành lại làm giống cho mùa sau.

Năm ấy khắp nước Ngô đều gieo thóc lược của nước Việt, chẳng mọc được cây lúa nào cả. Phù-Sai cho là do thủy thổ bất phục, chứ không nghĩ đến ám mưu hiểm độc của Câu-Tiền.

Câu-Tiền nghe nước Ngô bị đói, toan đem quân đánh báo thù, Văn-Chủng can :

— Chưa nên đánh vội, vì nước Ngô còn Ngũ-tử-Tư là kẻ trung thân.

Câu-Tiễn tại hỏi Phạm-Lãi, Phạm-Lãi nói:

— Cũng chẳng bao lâu nữa, xin Đại-vương nên lòng nhẫn耐 dã. Bây giờ nên cỗ luyện tập binh mã thật tinh nhuệ.

Câu-Tiễn hỏi:

— Quân sĩ nước ta còn phải tập luyện nữa ư?

Phạm-Lãi nói:

— Kỹ thuật tác chiến chẳng bao giờ tuyệt kỹ được, đâu tập luyện đến đâu cũng vẫn còn khiếm khuyết. Ta có ít thì giờ thì tập ít, có nhiều thì giờ thì tập nhiều. Nay cần tập thêm kiểm pháp và cung nỏ, hai môn này cần phải có minh-sư chỉ dạy mới nên. Tôi có quen một Xứ-nữ ở Nam-lâm giỏi nghề kiểm, và Trần-Ám người nước Sở giỏi về cung nỏ, xin Đại-vương triệu hai người ấy đến giúp.

Câu-Tiễn lập tức triệu hai vị minh-sư đến tập luyện cho quân lính mình.

Ngũ-Viên nghe tin Câu-Tiễn luyện tập binh mã, liền vào yết kiến Phù-Sai:

— Đại-vương cứ tin lời nước Việt một lòng thắn phục, nay nước Việt dùng Phạm-Lãi ngày đêm tập luyện quân sĩ, các nghề kiểm kích, cung nỏ đều tinh thông. Tôi e cái họa nước Ngô đến không lâu.

Phù-Sai liền cho người sang nước Việt dò xét, quả nhiên nước Việt đang luyện quân, Phù-Sai hỏi Bá-Hi:

— Nước Việt đã đầu phục ta sao còn luyện tập binh mã?

Bá-Hi nói:

— Nước Việt vừa được Đại-vương phong đất cho,

bờ cõi nời rộng, nếu không lo việc binh bị làm sao giữ nồi. Huống chi, việc tập luyện quân sĩ cũng chỉ là chuyện thường tình của một quốc - gia, có gì mà Đại-vương phải e ngại ?

Phù-Sai nghe Bá Hi dàn giải, không đề ý đến việc ấy nữa.

Ngũ Viên thấy Phù-Sai không đề ý đến họa lớn sắp xảy ra tức tối ăn ngủ không được, tìm lời can gián mãi. Phù Sai nồi giận, mắng :

— Quan Tướng-quốc nói toàn là lời giàn dở, ta không muốn nghe nữa.

Dứt lời, ngồi bịt tai lại. Ngũ-Viên thở dài than :

— Xã-tắc nước Ngô đã đến lúc tan tành. Tiếc cho tiên-vương thuở xưa có công xây dựng, nay chỉ vì Đại vương nghe lũ nịnh thần mà phải mất nước.

Phù-Sai hét lớn :

— Ôi chao ! Người lại tỏ cái giọng ấy ra nữa. Ta nghĩ vì tiên vương ngày trước mà không nỡ giết lão thần. Vậy ta cho nhà ngươi về tự xù lấy, đừng bao giờ trông thấy mặt ta nữa, và đừng đề cho tai ta phải nghe giọng quái gở ấy.

Ngũ-Viên nói :

— Tôi không giúp được nước Ngô để cho nước Ngô phải mất thật là bất tài, chẳng khác nào Long-Bàng gấp vua Việt, Tỷ-Can gấp vua Trụ. Chữ trung, chữ tín đối với một hôn quân không còn giá trị gì. Từ đây tôi xin vĩnh biệt Đại vương.

Nói xong, Ngũ-Viên chạy ra trước sân rút kiếm đâm vào cõi tự vận. Nội thị lấy thanh kiếm của Ngũ-Viên đem nộp cho Phù-Sai. Phù-Sai nói :

— Từ nay ta khỏi còn nghe giọng nói ròm tai của

Ngũ-Viên nữa.

Sau khi giết Ngũ-Viên, Phù-Sai cho Bá-Hi làm tướng quốc, lại định phong đất thêm cho nước Việt, nhưng Câu-Tiễn từ chối, nói :

— Đại-vương đã ban ân quá nhiều, kẻ bè tôi này chưa có công gì xứng đáng, vậy chưa dám nhận.

Từ ấy, Câu-Tiễn ngày đêm lo việc báo thù, còn Phù-Sai chẳng hề lưu ý đến hành động của Câu-Tiễn, chỉ một mực kiêu ngạo, lại bắt đầu đi đắp Hán-thành, xé một con kênh ở phía Đông-bắc xuyên sang Tây-bắc cho nước sông Giang, sông Hoài chảy vào sông Nghi, ăn thông với nước Tề.

**T**Con của Phù-Sai là Hữu được lập lên làm Thái-tử bấy giờ thấy hành động của Phù-Sai mỗi lúc một tàn ác, muốn tỏ lời cản ngăn, nhưng không dám nói thẳng, mới nghĩ ra một kế để làm cho Phù-Sai tinh ngợ.

Một hôm đang mát trời, Thái-tử Hữu đeo cung, mang tên ở hậu viền đi vè, áo quần ướt đẫm. Phù-Sai lấy làm lạ hỏi :

— Sao lại ướt cả áo quần như vậy ?

Thái-tử Hữu nói :

— Vừa rồi con ra chơi ở hậu viền, nghe tiếng con ve kêu ở trên cây, tiếng con ve kêu rất hăm hở, ngờ là mình được thành thợi, ngờ đâu dang sau có con bọ dừa đang rình chụp con ve. Con bọ dừa rất đặc ý, ngờ đâu có con chim hoàng-tước đang bay lượn trên cây rình mồ con bọ dừa. Con chim hoàng tước cũng không ngờ con đang tinh bắn nó. Bên cạnh con lại là cái hố sâu, con ham bắn chim hoàng-tước nên bị trượt chân ngã xuống ướt cả áo quần.

Phù-Sai nói :

— Mày chỉ ham cái lợi trước mắt mà không thấy cái hại sau lưng. Thiên hạ chắc không ai ngu như mày.

Thái-tử Hữu nói :

— Thế mà thiên hạ có người ngu hơn : Nước Lỗ là dòng dõi Chu công, lại nhờ đức nhân từ của Khổng-tử dạy dỗ, chẳng hề tham vọng xâm chiếm lâng bang, thế mà nước Tề tự nhiên đem quân đánh Lỗ, những tướng lấy được nước Lỗ, ngờ đâu bị nước Ngô ta giúp Lỗ đánh Tề. Ta lấy được Tề, tướng có thể chinh phục được, đào sông qua Tam-Giang, ngày đâu nước Việt lại rình rập diệt nước Ngô ta. Thiên hạ như thế tướng còn ngu hơn chuyện con vua bắn chim hoàng-tước.

Phù-Sai nồi giận nói :

— Đây là cái giọng của Ngũ-Viên ngày xưa, ta chán lầm rồi. Bây giờ mày bắt chước đè ngăn trở công việc làm của ta nữa sao ? Nếu mày là con ta từ nay chớ nói như thế nữa.

Thái tử Hữu bị quở mắng, sợ hãi lui ra Phù-Sai giao Thái-tử Hữu cùng Vương-tử Địa, Vương-tôn Di-Dung ở nhà giữ nước, còn mình sang hội với Lỗ Ai-Công ở đất Hoằng-trì đè tranh với Tấn ngồi bá chủ.

Lúc này Câu-Tiễn cho người dò xét nước Ngô, thấy Phù-Sai vẫn dâm mê tiêu sặc, không màng đến việc triều chính, trong nước thì liên tiếp mây năm mất mùa, lòng dân thán oán, liền lập tức thương nghị với Phạm-Lãi rồi cử binh đánh nước Ngô.

Quân Việt vừa kéo ra cửa thành, Câu-Tiễn ngồi trên xe trông thấy bên đường có một con ework ương đang phình bụng như có vẻ tức giận lầm, Câu-Tiễn cúi đầu tỏ vẻ cung kính.

Các tướng thấy vậy hỏi :

— Đại-vương thấy gì mà kính như vậy ?

Câu-Tiễn nói :

— Ta trông thấy con enson-ương tức giận, nghĩ đến quân sĩ trong lúc lâm trận mà kính.

Quân sĩ nghe nói đều bảo nhau :

— Con enson-ương tức-giận mà còn được Đại-vương kính như vậy, chúng ta cố gắng đánh quân thù thế nào cũng được lòng thương của Đại-vương.

Ba quân đều hăng hái một lòng quyết tử. Người trong nước tiễn con em đi tòng chinh đều dặn dò : « Nếu không diệt được nước Ngô thì chờ trở về ».

Vua Ngô là Phù-Sai hay tin quân Việt đến đánh liền kéo hết quân trong nước ra đóng nơi bờ sông để nghênh chiến. Quân Việt chia làm hai đạo, một đạo do Phạm-Lãi cầm đầu, một đạo do Văn-Chủng hướng dẫn, còn Câu-Tiễn dẫn sáu ngàn quân quyết-tử đi trung phong để tiếp viện.

Hai bên định đến sáng mới giao phong, nhưng đêm ấy Câu-Tiễn truyền đạo trung quân im lặng, bơi thuyền tiến lên năm dặm, bất thình lình nồi hiệu trống, xông vào đoàn thuyền quân Ngô hỗn chiến.

Quân Ngô không đề phòng, Phù-Sai hoảng-sợ vội chia quân hai mặt để chống cự. Nhưng đánh chưa được bao lâu, quân Ngô cả thua, bỏ chạy. Hai tướng nước Ngô là Tào-Cô và Từ Môn-Sào đều tử trận, Phù-Sai đem tàn quân chạy thẳng về Kinh thành cố thủ.

Câu-Tiễn đuổi theo vây thành, nhưng trông thấy thành nước Ngô đã cao lại chắc, hào rộng khe sâu, không thể nào phá vỡ mau được, mới nghĩ ra một kế, đắp một cái thành nhỏ bên ngoài, gọi là Việt-thành, định ý vây lâu ngày làm cho quân Ngô cùng quẫn.

Quả nhiên, chẳng bao lâu quân Ngô cung quẩn, trong thành lương thực hết, Bá-Hi già bệnh không ra chầu. Phù-Sai sợ hãi sai Vương-tôn Lạc trấn vai áo, qui xuống đất tiến sang tàu với Câu-Tiền :

— Ngô-thần là Phù-Sai, ngày trước đất tôi với Đại-vương nơi Cối-Kê, nay Đại-vương kéo binh sang đánh Ngô-thần, Ngô-thần xin Đại-vương nghỉ đến tinh thuở xưa mà xá tội cho

Câu-Tiền thấy vậy lòng chưa quyết, Phạm-Lãi nói với Câu-Tiền :

— Đại-vương ngày đêm lo nghĩ việc báo thù, suốt hai mươi năm trời khổ cực, nay sắp thành công thì lại vì tinh cảm nhỏ nhen mà bỏ chí lớn sao ?

Câu-Tiền nghe theo lời, không cho giáng hỏa. Sứ nước Ngô đi lại bảy lượt mà Phạm-Lãi và Văn-Chủng nhất định không chịu

Bá-Hi ở trong thành thấy thế đã nguy, liền lén ra mở cửa thành đầu hàng quân Việt.

Quân Việt kéo vào thành, Phù-Sai hay tin Bá-Hi đầu giặc thẩy kinh cùng với Vương-tôn Lạc và ba người con chạy sang Dương-sơn, đi suốt ngày suốt đêm, bụng đói người mệt, hai mắt hoa mờ.

Phù-Sai thở dài than :

— Ta đã đi lầm đường rồi ! Nếu biết nghe lời Ngũ-Viên thì đâu có ngày nay.

Vương-tôn Lạc nói :

— Tôi xin sang yết kiến vua Việt một lần nữa, cố xin mang sống cho Đại-vương.

Phù-Sai nói :

— Ta cũng không muốn về nước nữa. Nếu vua Việt thuận cho ta làm phụ-dụng đời thần phục

nước Việt ta cũng bằng lòng.

Vương-tôn Lạc vào đến dinh Việt, Văn-Chủng và Phạm-Lãi không tiếp. Câu-Tiễn thấy sứ nước Ngô lau nước mắt trở về, lòng thương hại, sai người đến bảo Phù-Sai :

— Ta nghĩ cái tình nhà ngươi ngày trước nên cắp cho năm trăm nóc nhà nơi Dũng-đông đè trọng đời sinh sống.

Phù-Sai sụt sùi, đáp :

— Nước Việt không thương tình phá xã tắc nước Ngô, bảo tôi phải bỏ tôn miếu, nhận năm trăm nóc nhà đè nuôi sống, thế thì nhục nhã quá, tôi không thể vâng mệnh được.

Sứ giả trở về nói lại với Câu-Tiễn. Câu-Tiễn bảo Phạm-Lãi và Văn-Chủng :

— Sao hai ngươi không bắt Phù-Sai giết đi ?

Phạm-Lãi nói :

— Phù-Sai dẫu mất nước cũng là một ông vua, chúng tôi không dám tự ý giết, xin Đại-vương ra lệnh.

Câu-Tiễn liền chống gươm đứng trước quân sai người nói với Phù-Sai :

— Ở đời không có ông vua nào vạn tuế, Huống chi nay ngươi đã già rồi, cái chết không còn tiếc lâm, sao không tự hủy mình, đè đợi người ta đưa gươm kè cõ ?

Phù-Sai ngẩn mặt nhìn bốn phương, thở dài rồi bảo quân lấy ba tấm lụa đắp mặt mình lại, đoạn rút gươm đâm vào cõ.

Câu-Tiễn truyền đem thi thể Phù-Sai chôn ở Dương-sơn, còn ba đứa con Phù-Sai thì đày ra Long-vi sơn.

**Khi Câu-Tiễn kéo quân vào thành nước Ngô, các**

quan văn võ đều lạy mừng. Bá-Hi cũng có mặt ở đây. Câu-Tiền nói với Bá-Hi :

— Nhà ngươi là quan Thái-tề nước Ngô, nay vua Ngô ở Dương sơn sao không đi theo.

Bá-Hi hờ thẹn lui ra. Câu-Tiền sai lực sĩ bắt giết đi, lại diệt cả tộc họ và nói :

— Ta làm như thế để báo thù cho Ngũ-Viên đó.

Xong việc, Câu-Tiền mở tiệc ăn mừng nơi cung Văn-dài của nước Ngô, để cùng tướng sĩ vui khúc khải-hoàn.

Các quan trên đài ai nấy đều vui vẻ cả, riêng Câu-Tiền nét mặt trầm tư. Phạm-Lãi thấy vậy nghĩ thầm :

— Lúc thành công mỗi nghị kỵ đã chớm nở trong lòng Đại-vương rồi.

Ngày hôm sau, Phạm-Lãi vào từ giã Câu-Tiền, nói :

— Tôi nghe nói, hễ vua nhục thì bè tôi phải chết. Ngày trước Đại-vương bị nhục ở Cối-Kê mà tôi không chết là định ăn nhẫn để báo thù nước Ngô. Nay nước Ngô đã bị diệt rồi xin Đại vương gia ân cho thân già này được an nghỉ.

Câu-Tiền thở dài nói :

— Ta nhờ ngươi mới gây dựng được cơ nghiệp thế này, ta đang nghĩ cách để đền ơn, có sao nhà ngươi lại nỡ bỏ ta mà đi ? Nhà ngươi ở lại thi ta giao hết quyền chính cho, còn nếu bỏ đi, vợ con ngươi ta sẽ giết hết.

Phạm-Lãi nói :

— Giết tôi còn hơn, chứ giết vợ con tôi ích gì ?

Đêm hôm ấy Phạm-Lãi đi một chiếc thuyền nhỏ qua Tam-giang, vào Ngũ-hồ.

Câu-Tiễn sai Văn-Chủng đuổi theo bắt lại, nhưng lúc Văn-Chủng đi đến nửa đường bỗng lượm được thư của Phạm-Lãi, nét mực vừa ráo.

« Vua Việt mồi dài mỏ quạ, đó là người chịu nhẫn nhục mà ghét kẻ có công. Cùng ở lúc hoạn nạn thì được, chứ chung hưởng lúc an lạc thì không toàn. Nay ngài không đi tất mang họa. »

Văn-Chủng buồn rầu trở về dinh Hôm sau Câu-Tiễn rút quân về đem cả nàng Tây-Thi về nước. Câu-Tiễn phu nhân mặt sadderai người bắt Tây-Thi đem ra bờ sông, buộc vào một viên đá lớn, ném xuống giữa dòng và nói :

— Nó là vật vong quốc còn đe làm gì ?

Bấy giờ Văn-Chủng có công to mà Câu-Tiễn không ban thưởng xứng đáng nên buồn lòng không muốn vào chầu. Câu-Tiễn vốn biết cái tài của Văn-Chủng, tư nghĩ :

— Nay nước Ngô đã diệt xong còn dùng nó làm gì nữa. Nếu một mai hân làm phản thì lấy ai trị nòi ? »

Từ ấy, Câu-Tiễn muốn tìm cách giết Văn-Chủng nhưng chưa tìm ra duyên cớ.

### Nhận-xét :

— Lòng con người chưa đầy tham vọng. Tuy nhiên khi ô nhục, cùu-hận, đau-dớn, thất bại chẳng chất lên thì tham-vọng lâng xuông, đợi chờ đến lúc những cái chẳng-chất ấy với đi, thì tham-vọng trỗi lên, chiếm cả lòng người.

Cô-nhân vì lòng người nham hièm con người sâu hơn đáy biển, không thè nào dò được. Tục ngữ Việt-Nam có câu : « Dò sông, dò biển dễ dò, ai mà lấy thước đe dò lòng người ». Sông biển còn có đáy, lòng nham-hièm con người thật vô biển.

Thế thì chúng ta thử hỏi cùu hận là cái gì? Tại sao nó lại ở trong lòng người, và sâu xa bi hiềm đến thế?

Xét về mặt tâm lý cùu hận sở dĩ phát sinh là do cảm tình con người sanh ra cùu hận, đau đớn, tủi-nhục, nếu không có cảm tình thì con người không ai giận ai, không ai oán hờn ai. Đã có thương yêu tất có oán ghét, đã có hận lòng, thích chí tất có bất bình, bất mãn.

Như vậy, oán hận phát sinh không do lý trí con người. Nếu oán-hận mà ở phần lý trí con người thì chẳng có gì nguy hiểm lắm, bởi vì khi nói đến lý trí tức là nói đến sự suy xét phải trái, và ai cũng muốn cởi mở để tránh những tai họa về sau.

Đã thuộc về phần tình cảm tất nhiên từ 1g ngoài lanh vực suy xét. Không thể vì người ta làm phải mà mình không giận, cũng không thể vì người ta biết phục thiện mà kẻ khác không oán thù. Nếu vì một lý do nào đó, thấy mình cảm mến người thù, thì đó cũng do cảm tình một phần lớn.

Ít kẻ vân dụng lý trí để trấn áp cảm-tình, phân tách lẽ phải trái trước khi hờn giận, vui buồn, mà phần đông là cảm tình, lôi cuốn lý-trí, bắt lý trí nhận định sự phải trái theo cảm tình của mình.

Chính đó là việc khó khăn của con người, tạo nhiều hoàn cảnh rắc rối trong lẽ sống.

Các nhà tu hành theo thuyết nhân-quả chủ trương từ bỏ sự phát sinh cảm tình của con người, vì cảm tình luôn luôn là vị kỷ. Sự hờn giận, thương ghét do lòng tự ái, tự phى, tự mãn của con người mà có. Chỉ có lòng vị-tha mới sáng suốt đối với cảm-tình mà thôi.

Tóm lại, con người chúng ta, nếu không là bậc tu hành đặc đạo, ai cũng có hờn, giận, thương, ghét theo tinh chất vị-kỷ cả. Tuy nhiên, sự thương ghét, hờn giận ấy

không phải ai cũng giống nhau, có kẻ nồng cạn, có kẻ sâu sắc.

Nhưng tại sao có sự nồng cạn và sâu sắc ấy ?

— Nồng cạn khi mà cảm-tinh không bị lý-trí phụ-hoa và xác định, sâu sắc khi cảm-tinh được lý-trí thừa nhận và xác định theo đường lối suy luận của lý-trí.

Cho nên, kẻ mang cùu hận trong người, một khi đã đe cảm-tinh xông vào lãnh vực lý-trí, làm cho lý-trí mờ ám rồi thì kẻ ấy trở thành nguy hiểm, và mỗi thù ấy chẳng bao giờ mất trong lòng người.

Đe thỏa mãn hận thù, lý-trí bắt buộc phải tìm đủ cách đe trả thù, do đó gây ra nhiều phuộc tạp, và sự nham hiểm không thè nào lường được.

Câu-Tiễn và Phù-Sai chính là hai mẫu người của cảm-tinh, và đã đem cảm-tinh du nhập vào lãnh vực lý-trí, đe biến thành hai con người nham hiểm không lường.

Đem mỗi thù Ngô, Việt ra mổ xé, chúng ta thấy những thù đoạn sâu sắc mà Câu-Tiễn và Phù-Sai đã áp dụng rất ghê gớm.

Trước hết, Phù-Sai lấy việc Câu-Tiễn giết cha làm cùu hận, bắt một số nai thi đứng trước sân đèn, mỗi khi thấy mắt Phù-Sai thì nhắc nhở đến thù hận. Đó chỉ là một phương pháp kích thích cảm-tinh, làm cho cảm-tinh luôn luôn bị nung sôi.

Cũng như Câu-Tiễn, sau khi được Phù-Sai tha về nước, lấy sự nhục nhã làm hận thù, ném nát, hành hạ tẩm thân mình, đó cũng chỉ là phương pháp kích thích cảm-tinh.

Tại làm sao có sự kích-thích cảm-tinh đó ?

— Bởi vì cảm-tinh do cảm giác mà có, mà cảm giác là một cơ quan cảm-xúc luôn luôn giao tiếp với mọi hoàn

cánh bên ngoài, có thể biến đổi theo nhiều trạng thái mâu thuẫn nhau. Nếu không dùng phương-pháp kích-thích thì không thể giữ được một cảm-tinh theo quá trình thời gian được.

Cùng là kẻ nuôi cừu hận, nhưng xét giữa Câu-Tiền và Phù-Sai thì Câu-Tiền nguy hiểm hơn Phù-Sai rất nhiều. Phù-Sai sau khi đã bị cảm-tinh mình phản bội, còn Câu-Tiền qua một thời gian nhẫn nhục, không dễ cảm-tinh mình làm lay chuyển hận thù.

Cừu hận bao giờ cũng là chuyện không hay đối với xã hội loài người, song ở đây chúng ta phải phục chí kiên nhẫn của Câu-Tiền. Đem thân làm tội cho kẻ khác, không vì nhục nhã, khổ-cực mà nán lòng, trái lại càng khổ-cực, càng nhục-nhã Câu-Tiền lại biết vận dụng cái khổ-cực, nhục nhã ấy trở thành một sức mạnh để hỗ trợ cho lập trường mình nữa.

Một kẻ không chịu nhục, không khuất thân trước kẻ thù, đem thân mình hy sinh cho nghĩa cả, đó là người chí khí ít kẻ làm được. Tuy nhiên, một kẻ kiên nhẫn, nhẫn nhục, làm bất cứ một cái gì hèn hạ, cố lưu thân mình lại để đạt đến một thắng lợi cuối cùng trong đời mình, để lại vinh hạnh cho mai sau, như Câu-Tiền thì trong thế gian không phải ai cũng làm được.

Một bài học cho con người Phù Sai là ăn oán không phản minh. Chinh hành động ăn không ra ăn, oán không ra oán của Phù Sai đã đưa Phù-Sai đến chỗ diệt vong vậy.

Lời tự: nói : « Hữu thể bắt khả ý tận » Lúc có thể chờ đem sứ ụng hết thể lực của mình đối với kẻ khác. Phù-Sai đã không giết Câu-Tiền, lại nhốt Câu-Tiền vào thạch động, hành hạ đủ cách, đó là Phù-Sai đem hết quyền thể của mình đối xử với kẻ thất thể.

Cuộc đời không phải là cái vỉa, mà là một trạng

thái thay đổi bất ngờ, cho nên kẻ hiếu dời không bao giờ sử dụng quyền hạn của mình trong lúc đặc thế mà không nghĩ đến nguy cơ.

Ngoài cái nhẫn-nhục phi thường của Câu-Tiễn, chúng ta còn thấy ở đây một sự kiện khác, là Phạm-Lãi, Văn-Chửng hai vị tôi thắn xuất sắc của nước Việt có tài chính trị lối-lạc.

Sự nhẫn nhục của Câu-Tiễn kết hợp với ý chí nhẫn nhục của các tôi thắn tạo thành một sức mạnh đáng kinh.

Nếu nhà Châu có Tù-Nha mưu đồ vương nghiệp, nước Tề có Quản-Trọng xây nên bá-nghiệp thì ở nước Việt, Phạm-Lãi, Văn-Chửng cũng không kém bẩn linh, tuy rằng Phạm-Lãi, Văn-Chửng chỉ thi tho tài năng của mình trong phạm vi trả thù giữa hai nước.

Cir như kế hoạch của Văn-Chửng hưng Việt, diệt Ngô, chúng ta có thể phân tách như sau :

— Chịu tổn của cải để mua chuộc nước Ngô. Đó là đường lối địch vận.

— Lấy giá đất mua thóc và cỏ để làm cho nước Ngô khan hiếm. Đó là đường lối lũng đoạn kinh-tế địch.

— Đem mỹ-nữ sang dâng để làm vua Ngô mè hoặc. Đó là thuật chiến tranh tâm lý.

— Đem gỗ quý và thợ khéo mà dâng vua Ngô lập dinh thự, làm hao của khổ dân. Đó là đường lối cô-lập-hoa giữa quân dân, gày mâu thuẫn giữa giai-cấp bình dân và hoàng-tộc.

— Dùng kế mưu thắn làm cho Ngô rối loạn. Đó là đường lối chia rẽ ngay trong nội-bộ địch.

— Hại kẻ trung thắn làm cho vua Ngô cô-thế. Đó là chủ trương phân hóa lực lượng địch.

— Tích của luyện quân, chờ dịp nước Ngô yếu, xâm

lần. Đó là chiến thuật quân sự.

Cùng một giai đoạn mà Văn-Chùng thực hiện bao nhiêu kế hoạch như vậy, bảo sao, toàn diện nước Ngũ không bại lụn.

Đi sâu vào kế hoạch Văn-Chùng, chúng ta thấy quả là một kẻ có tài chính trị độc đáo Tuy nhiên, xã hội loài người là một trường tranh đấu, mưu trí càng sâu sắc bấy nhiêu gây nhiều độc hại bấy nhiêu. Người ta sống vì quyền lợi, vì danh-dự, vì cái hình thức bề ngoài mà từ xã hội này đến xã hội khác không ngừng việc tranh đấu, chém giết, sát hại lẫn nhau. Tình thương không thể trang trải để làm dịu đi những cái xâu xé ấy.

Nhân sinh ba vạn sáu nghìn ngày, đó là mức định của đời sống con người, đấu ai hung dữ, giàu có, địa-vị cao sang đến đâu cũng không thoát khỏi cái ngày cuối cùng.

Thế mà lúc sống, con người vẫn thù oán nhau, chém giết nhau, mưu mô sát hại nhau, đe rỗi cuối cùng cũng chỉ là một nấm đất, không hơn không kém.

Tuy biết vậy, song luật tạo hóa đã cấu tạo cho loài người, cũng như vạn hữu trong vũ trụ, mỗi cá thể chúng ta chất chứa một sức mâu thuẫn tự tại. Xã hội có mâu thuẫn loài người mới trường tồn. Mâu-thuẫn là luật tất nhiên phải có, không thể đem tình thương hoặc lý trí ra tiên diệt luật mâu thuẫn thiên nhiên được. Cho nên, dù trong xã hội loài người đã có bao nhiêu tôn-giáo, bao nhiêu lớp người nghĩ đến tình thương, song việc làm của những kẻ cao cả ấy chẳng qua cũng chỉ đe ngăn cản bớt phần nào những việc quá ác mà thôi, chứ không thể đem đạo đức, tình thương diệt mọi thù hận, xâu xé của xã-hội loài người.

Càng đem tình thương, đạo-đức ra làm môi trường

thu hút mọi người, đưa con người đến chỗ ăn hóa, hiền hậu, thì thù hận, tinh-cách mâu thuẫn của con người lại càng tinh vi hơn, đến nỗi việc thương ghét, ân thù không còn phân biệt nữa.

Loài người tự hào là một sinh vật khôn ngoan nhất trên quả đất, thử hỏi cái khôn ngoan của con người đã làm gì biến đổi được qui luật mâu thuẫn tất nhiên của vũ trụ chưa, hay cái khôn ngoan ấy chỉ là cái khôn ngoan để làm theo qui luật tất nhiên của vũ-trụ.

Nói đến thù hận, nói đến sự tàn sát lẫn nhau, nhìn vào xã hội chật chúa đầy cạm bẫy để hòng tiêu diệt nhau, chúng ta thấy đang chán thát. Nhưng chỉ đáng chán cho những ai chân yếu gối dùn, không còn sức tranh đấu, và đang bị sức mâu thuẫn xã hội bên ngoài đe ép mà thôi, còn như những kẻ đang hồi phớt triền, tần thè còn mạnh sức tranh đấu còn nhiều, dĩ nhiên kẻ ấy lấy sức tranh đấu mình ra làm cùu cánh cho đời sống của mình, và họ cũng sẽ bị tiêu diệt khi họ thiếu sức. Không thể tách rời con người ra khỏi vũ trụ, thì cũng không thể đưa con người đến chỗ toàn thiện.

Loài người chỉ khi neo không nhở khi trời mà sông không nhở quả đất mà không chết, thì mới có thể nói đến việc tách rời qui luật thiên nhiên, tức là bỏ hẳn mâu thuẫn giữa nội tại và giữa cả thế với ca thế được.

Tuy nhiên, nói như vậy không phải đầy con người vào một lĩnh vực bắt tri bắt thức. Con người có một khái niệm vi, cho nên vừa chịu theo qui luật thiên nhiên, vừa tranh đấu để cải biến qui luật thiên nhiên, và bước đường tranh đấu để cải biến ấy, con người đã làm, đang làm, và còn phải làm mãi.

Mỗi thù Ngõ, Vết trên cây, chúng ta chỉ xem đó là một hiện tượng tất nhiên của xã hội loài người, gồm thâu trong một khung cảnh hẹp, để thấy mà thôi.

## DỰ-NHƯỢNG VỚI MỐI THÙ CHỦ

— Muốn ăn trái cây trước phải bóc vỏ

Bấy giờ, quyền hành nước Tấn thuộc vào bốn họ : Tri, Triệu, Hán, Ngụy chia nhau cai quản.

Tri-Bá có công lập vua Tấn Ai-Công lên ngôi, nên giành hết quyền hành, lại muốn diệt cả ba họ Triệu, Hán, Ngụy để thu đất đai mà nước Tấn đã phong cho ba họ ấy.

Bọn gia thần của Tri-Bá bên trong có Tri-Khai, Tri-Quốc là thân thuộc, bên ngoài có Hi-Tì, Dự-Nhượng là tay chân.

Mưu-si Hi-Tì nói với Tri-Bá :

— Bốn quan Khanh quyền lực ngang nhau. Nếu chúng ta khởi sự át ba nhà kia chống cự, chỉ cần tìm cách trừ từng nhà một là hơn.

Tri Bá hỏi :

— Làm cách nào để trừ ba nhà ấy ?

Hi-Tì nói :

— Nay nước Việt đang thịnh, chiếm quyền bá chủ của nước Tấn, ngài nên mượn cơ cát quân đánh Việt để giành lại quyền bá chủ. Lại tâu với vua Tấn bắt ba nhà kia mỗi nhà phải nộp vào công già một trăm dặm đất để thu thuế dùng vào binh-phí. Nếu họ chịu thì họ Tri ta sẽ có thêm một trăm dặm đất, khi thế hùng cường, bằng không, ngài tâu với vua Tấn đem quân trừ diệt. Đó là kế "muốn ăn quả phải bóc vỏ trước dã".

Tri-Bá nói :

— Kẻ ấy rất hay. Nhưng trong họ ấy phải trừ họ nào trước?

Hi-Ti nói :

— Họ Tri ta vẫn thân với họ Ngụy, mà có hiềm khích với Triệu. Vậy phải trừ Hàn, Ngụy trước, họ Triệu là kẻ thù ta thấy thế phải qui phục.

Tri-Bá liền sai Tri-Khai đến yết kiến họ Hàn là Hàn-Hồ, và nói :

— Anh tôi phụng mệnh vua Tấn sắp cát quân đánh Việt để tranh lại ngôi bá chủ, truyền cho ba quan Khanh mỗi họ phải nộp vào công gia một trăm dặm đất để thu thuế quân phi.

Hàn Hồ nói :

— Người về trước, ngày mai ta sẽ trả lời.

Tri-Khai lui về, Hàn-Hồ họp các gia thần lại thương nghị, Mưu-sĩ Đoàn-Qui nói :

— Tri-Bá lòng tham không đáy. Nay giả mệnh vua cát đất của ta, nếu ta chống cự tức là chống cự với vua e không chính nghĩa, chỉ bằng cứ chịu cát đất. Hễ Tri-Bá được đất họ Hàn tất đòi cứ đất họ Triệu và Ngụy nữa, chừng đó chúng ta lợi dụng sự mâu thuẫn của các họ kia mà đề phòng.

Hàn-Hồ cho là phải, sai Đoàn-Qui vẽ bức địa đồ trăm dặm đem trao cho Tri-Bá.

Tri-Bá mừng lắm. Hôm sau lại sai Tri-Khai sang đòi cát đất họ Ngụy.

Ngụy-Câu bất bình toan chống lại, mưu thần Nhâm-Chương nói :

Hắn đã muốn đất thì cứ cho. Kẻ mất đất tất sợ, kẻ được đất tất kiêu. Kẻ kiêu thì khinh người, kẻ sợ thì tương thân. Đem quân tương thân mà đánh quân khinh người thi Tri Bá làm sao chịu nổi.

Ngụy-Câu khen phái, đem một trăm đăm đất nạp cho Trí-Bá.

Trí-Bá lại sai người sang đòi đất họ Triệu. Triệu-vô-Tuất nỗi giận nói :

— Đất phong là của tiền nhân ta để lại, đem nạp cho ai được. Hàn và Ngụy có đất thì cứ đem nạp cho Trí, ta quyết không làm chuyện dưa mị ấy.

Trí-Bá nghe tin nỗi giận sai người trói với hai họ Hàn, Ngụy kéo quân vây đánh họ Triệu. Triệu-vô-Tuất có thể phải rút về thành Tấn-Dương cố thủ. Trí-Bá cùng với quân Hàn, Ngụy vây phủ quanh thành.

Tuy vậy, thành Tấn-Dương rất kiên cố, và nhân dân trong thành mến Triệu-vô-Tuất lắm, nên quân Trí-Bá và Hàn, Ngụy vây suốt một năm mà vẫn chưa phá nổi.

Một hôm Trí-Bá ngồi xe nhỏ đi quanh thành tìm được một nguồn suối chảy vào "sông Tân-thùy, nên này sanh một kế, truyền quân đắp nước sông cho chảy vào thành, làm cho thành Tấn-Dương ngập nước.

Tình thế rất nguy ngập, mưu thần Triệu-vô-Tuất là Trương-mạnh-Đàm phải giả làm thường dân, đến thương lượng với Hàn-Hồ và Ngụy-Câu liên kết ba họ Triệu, Hàn, Ngụy để trừ Trí-Bá.

Hàn-Hồ và Ngụy-Câu chỉ vì sợ oai của Trí-Bá nên phải theo, nay được tin liền mật ước với Triệu-vô-Tuất phản lại Trí-Bá.

Trí-Bá không đề phòng bị quân Triệu, Hàn, Ngụy hợp lực đánh một trận tan thành. Trí-Bá bị bắt. Già thần của Trí-Bá là Dự-Nhượng cố gắng đem binh đến cứu nhưng không kịp.

Tri-Bá bị Triệu-vô-Tuất kết tội rồi chém đầu. Dự-Nhượng hay tin Tri-Bá bị bắt, bỏ trốn vào Thạch-thất-sơn.

Tuy đã giết được Tri-Bá và trừ cả tộc họ, song Triệu-vô-Tuất lớn; giận chưa nguôi mới đem cái đầu lâu của Tri-Bá dùng làm đồ tiêu tiễn.

Dự-Nhượng hay được việc ấy khóc lớn, nói:

— Ta chịu ơn họ Tri, nay họ Tri đã bị diệt còn bị người ta làm nhục đến nỗi xương tàn, như thế ta còn mặt mũi nào tham sống nữa.

Nói xong, Dự-Nhượng đổi tên họ, giả kẻ làm công đất con dao nhọn lén vào nhà họ Triệu, định ám sát Triệu-vô-Tuất.

Rủi thay, Dự-Nhượng lại bị người nhà Triệu-vô-Tuất bắt được đem vào nạp.

Triệu-vô-Tuất hỏi Dự-Nhượng:

— Nhà ngươi có thù gì với ta mà giắt dao nhọn đến ám sát ta?

Dự-Nhượng nói:

— Tôi là bê tôi của họ Tri. Tôi vì họ Tri mà bảo thù.

Bọn gia nhân nói với Triệu-vô-Tuất:

— Người này phản nghịch, xin ngài chém cổ cho rồi.

Triệu-vô-Tuất nói:

— Họ Tri đã diệt, thế mà Dự-Nhượng vẫn nhớ ơn. Kẻ trung thành như vậy sao nỡ giết.

Liền truyền tha cho Dự-Nhượng và nói:

— Ta tha cho nhà ngươi, nhà ngươi còn thù oán ta nữa chăng?

Dự-Nhượn nói :

— Ngài tha cho tôi là một ơn riêng, tôi không quên. Nhưng việc báo thù là nghĩa lớn của tôi, tôi không thể không làm.

Bọn gia nhân nói với Triệu-vô-Tuất :

— Xin giết kè vong ân ấy, kèo sau này mang hại.

Triệu-vô-Tuất nói :

— Ta đã hứa tha thì không thể nuốt lời. Vậy cứ tha cho Dự-Nhượn và phải đề phòng hắn sau này.

Ngay ngày hôm ấy, Triệu-vô-Tuất truyền sứ sang thành Tân-dương đe vào đấy ở, đề phòng sự báo thù của Dự-Nhượn.

Còn Dự-Nhượn suốt ngày đêm không lúc nào không nghĩ cách báo thù, nhưng chưa tìm ra kế.

Người vợ Dự-Nhượn khuyên Dự-Nhượn theo làm tài họ Hán và Ngụy để cầu phú-quí, Dự-Nhượn nỗi giận bỏ đi. Anh ta muốn vào Tân-Dương nhưng sợ người ta biết mặt, nên mới xén râu, cạo chân mày, son mình, giả làm người hùi, đi ăn xin ngoài chợ.

Người vợ đi tìm chồng, khi đi ngang qua chợ nghe tiếng nói của Dự-Nhượn mừng rỡ chạy lại. Nhưng lúc trông thấy mặt Dự-Nhượn nàng ngạc lầm-bầm :

— Lạ thật! Tiếng nói thì giống chồng mình, có sao người lại không phải.

Dự-Nhượn thấy vợ nhận ra tiếng nói của mình, liền lấy than nuốt vào cho khan tiếng, rồi lại lén lút đi ăn xin như cũ.

Có người bạn vốn biết chí phục thù của Dự-Nhượn, nay thấy xuất hiện một kè ăn xin khác thường lóng nghi ngờ, gọi tên thì quả nhiên Dự-Nhượn quay lại.

Người bạn hỏi :

— Hiền huynh quyết chí báo thù. Theo ý tôi hiền huynh cứ đến xin làm tôi nhà họ Triệu, hễ được họ Triệu tin dùng thì việc trả thù dễ như trở bàn tay, can gì phải làm ra chuyện đó ?

Dự-Nhượng nói :

— Nếu đã làm tôi mà hại họ Triệu là bất nghĩa. Đời tôi rất ghét kẻ bất nghĩa, chẳng bao giờ chịu làm như vậy. Từ đây chúng ta vĩnh biệt nhau, chẳng còn thấy mặt nhau nữa.

Triệu-vô-Tuất sửa sang thành Tân-Dương xong, thấy bờ đê của Trí-Bá đập lúc trước kiên cố lắm, phá đi sợ tốn công dân chúng, nên làm một cái cầu bắc ngang trên bờ đê để dân chúng qua lại khỏi bị trôi ngại.

Cầu làm xong, Triệu-vô-Tuất thân hành ra xem. Dự-Nhượng hay được tin ấy, giắt con dao nhọn vào mình, giả làm xác chết nằm dưới gầm cầu, để chờ Triệu-vô-Tuất đến.

Khi Triệu-vô-Tuất đến, con ngựa kéo xe bỗng hiên một tiếng rồi lùi lại, không chịu đi. Ai nấy lấy làm lạ.

Triệu-vô Tuất liền xuống xe, sai người xem xét chung quanh, xem có gì làm cho ngựa sợ chăng.

Quân hầu đi lục tìm một lát rồi trả lời đáp :

— Không có gì lạ cả. Dưới gầm cầu chỉ có một xác người chết nằm gục ở đó mà thôi.

Triệu-vô-Tuất truyền quân lôi xác chết lên xem.

Tuy hình dung đời khác, song Triệu-vô-Tuất cũng nhận ra đó là Dự-Nhượng.

Dự-Nhượng thấy Triệu-vô-Tuất đã biết mình, không còn giả chết nữa, đứng phắt dậy, trợn mắt nói :

— Kẻ thù của ta lại đến đây sao ?

Triệu-vô-Tuất mắng :

— Trước kia nhà người lầm lỗi, ta tha không giết, sao lại không ăn năn sửa lỗi, còn mang lấy hận thù ?

Dự-Nhượng nói :

— Ngài tha tôi không giết, tôi chẳng quên ơn, nhưng Tri-Bà là chủ tôi, người đã chia cơm xé áo, đãi tôi đìa vì một mưu thần, nghĩa ấy rất trọng, tôi không thể vì ơn của ngài mà quên nghĩa lớn.

Triệu-ô-Tuất nói :

— Người đã không đòi lòng thì ta phải giết người mới được.

Nói rồi truyền kẻ tả hữu đem Dự-Nhượng ra chém.

Dự-Nhượng nước mắt chảy ròng ròng nói :

— Kẻ đã quyết báo thù thì không bao giờ sợ chết, chỉ hổn vì nghĩa cả chưa đáp đền. Tôi hứa lần báo thù bị thất ba may bị ngài giết vong hồn tôi xuống suối vàng vẫn cauва an. Nếu ngài là kẻ nhân từ, xin ngài cõi áo cho tôi định mấy cái vào áo ngài, rồi ngài sẽ giết tôi, tôi mới hả dạ.

Triệu-vô-Tuất thương tình, cõi áo cầm bào trao cho Dự-Nhượng, Dự-Nhượng tay tâ cầm roi, nhảy tới vụt vào chiếc áo Triệu-vô-Tuất ba lần, miệng hét :

— Ngày nay ta mới trả thù được cho Tri-Bà.

Nói xong, rút dao đâm cõi tự vận.

*Nhận-xét :*

— Vì một người khác mà làm là nghĩa. Không trái với quyền lợi chung là trung. Nhưng trung nghĩa có tiêu nghĩa và đại nghĩa, tiêu trung và đại trung.

*Hành động Dự-Nhượng tỏ ra một người có nghĩa.*

Kẻ có nghĩa mang ơn ai không hề quên.

Thật ra đời nào cũng lấy việc trung, nghĩa, hiếu, thảo nhân, đức làm đầu, dù phải trải qua bao nhiêu chẽ đẽ, xã hội loài người vẫn giữ lấy tư tưởng ấy, vì tư tưởng ấy là tượng trưng cho cản bàn của lẽ sống.

Tuy nhiên, trải qua mỗi chẽ đẽ, tư tưởng loài người mỗi đổi thay. Cái trung nghĩa, đạo đức thời xưa không giống như cái trung nghĩa, đạo đức của thời nay.

Dưới thời phong-kiến, nền văn hóa Trung-hoa đào tạo cho giai cấp trí thức bình dân một quan niệm phung sự có tánh cách cá nhân hơn là tập thể. Nếu nói đến chữ trung, thì chữ trung ấy chỉ phung sự cho cá nhân mà thôi. Nói đến nghĩa, thì nghĩa ấy chỉ cần đến đáp cho một người.

Quan niệm như vậy, nền văn hóa phong-kiến đào tạo cho lớp người trong xã hội chỉ biết từng phục tùng người, và đến tài năng giúp cho một người để vun đắp sự nghiệp riêng. Thời phong-kiến là thời vua chúa độc tài, nếu quan niệm như vậy không được phổ biến trong dân chúng để làm cản bàn cho nếp sống thì nền phong-kiến ấy bị lật đổ còn gì. Cho nên, lúc xét đến những mẫu người trung, nghĩa thời xưa chúng ta không lấy làm lạ khi thấy một người này tự đèn hiến thân mình cho kẻ khác, và chỉ đem lại quyền lợi riêng cho kẻ ấy thôi, và họ cũng hành diện, tự cho mình là bậc siêu nhân.

Ngày nay, quan niệm trung nghĩa đòi khác. Quyền lợi cá nhân không có nghĩa gì đối với xã hội cả. Chỉ có quyền lợi xã-hội mới được người đời chú ý tới. Kẻ nào đem thân hy sinh cho nhân quần xã hội, đem lại hạnh phúc cho dân tộc mới được dân tộc biết ơn, còn như kẻ đem thân hiến cho một người để làm lợi riêng cho kẻ ấy thì đó chỉ là

chuyện riêng của kẻ ấy, không được xã hội liệt vào bậc anh hùng.

Bởi vậy, hy-sinh là hành động quý giá, nhưng biết cách hy-sinh cho ích lợi chung thì sự hy-sinh ấy mới hoàn toàn có ý nghĩa.

Hành động Dự-Nhượnng đối với Tri-Bá chỉ là hành động riêng, sự biết ơn riêng của một người không có gì đáng ca ngợi.

Dự-Nhượnng bất tri, đã không trả được thù, làm toại nguyện mình mà còn tìm cách giả dối là đánh chiếc áo của Triệu-vô-Tuất để coi như đã rửa hận thì thật buồn cười. Tại sao lại phải ép mình chịu chuyện giả dối như thế? Kẻ không làm tròn ý nguyện đầu chết đi cũng cam lòng, có gì đâu phải lấy cái giả dối trên đời này để tự mình cởi mở?

Dự Nhượnng không đáng nói, kẻ đáng nói chính là Triệu-vô-Tuất, người đã biết Dự-Nhượnng thù mình, muốn ám sát mình, thế mà còn tha không giết. Hành động ấy do nhân đạo, hay do một dụng ý nào?

Nếu bảo là nhân đạo thì thật không đúng. Nếu nhân đạo, Triệu-vô-Tuất không giết Tri-Bá và lấy chiếc đầu lâu của Tri-Bá làm đồ tiễn tiện. Triệu-vô-Tuất không giết Dự-Nhượnng chính là ngón đòn chính trị. Triệu-vô-Tuất để cao Dự-Nhượnng, kẻ có nghĩa với chủ chính là muốn cho bọn gia thần mình một bài học về trung tín với mình đây. Cố nhân khai thác tâm lý người đời bằng cách khuyến khích, nêu gương.

Ấu đó cũng là một lối xử thế.



## NHẠC-DƯƠNG BỎ CON VÌ NƯỚC

— Không có ta thì không ai dùng được Tướng-quân, không có Tướng quân thì không ai làm nổi công việc của ta. Nay Tướng-quân đã thành công, chịu nhiều khó nhọc cũng nên hưởng lấy thành phần.

Nước Ngụy tiếp giáp với nước Trung-Sơn. Nước Trung-Sơn là nước thuộc giống Xích-địch, vua nước Trung-Sơn là Cơ-Quật tánh thích uống rượu, lại ngạo nghễ với các quan đại-thần, tin dùng kè nịnh, nhân dân trong nước cực khổ lắm.

Vua Ngụy muốn đánh nước Trung-Sơn, bàn với

Đại-phu Ngụy-Thành :

— Ta nhân cơ hội này diệt nước Trung-Sơn rất dễ.

Ngụy-Thành nói :

— Nếu không đánh, đế nước Triệu chiếm được Trung-Sơn thì Triệu càng mạnh thế hơn.

Địch-Hoàng nói :

— Nếu muốn đánh Trung-Sơn tôi xin tiến cử một người ở đất Cốc-khâu, văn võ toàn tài, có thể làm tướng được.

Vua Ngụy hỏi :

— Người ấy tên gì ? Có tài như thế nào ?

Địch-Hoàng nói :

— Người ấy tên Nhạc-Dương. Trước đây Nhạc-

Dương có lượm được một thoi vàng ở dọc đường, người vợ trông thấy nói : « Chí-si không uống rượu Đạo-toàn (1) Liêm-giả không nhận của ta-lai (2). Thoi vàng này không biết lai lịch thế nào mà chàng lượm đem về là bỉ ời ». Nhạc-Dương nhận ra lời nói ấy, liền đem thoi vàng bỏ lại chỗ cũ, rồi từ giã vợ sang du học ở nước Lỗ và Vệ. Qua một năm, Nhạc Dương nhớ vợ trở về. Người vợ đang dệt cùi hỏi chồng đã thành công chưa ? Nhạc-Dương nói chưa. Người vợ liền cắt đứt khung lụa đang dệt. Nhạc-Dương hỏi tại sao, người vợ nói : « Học có thành thì mới dùng được, cũng như lụa có dệt xong thì mới may mặc được. Nay phu quân chưa thành đạt mà trở về, có khác nào như tấm lụa này bị cắt đứt, còn dùng vào đâu. Nhạc-Dương hiểu ý lại từ giã vợ lên đường tiếp tục việc học, qua bảy năm mới trở về. Hiện nay người ấy vẫn vĩ toàn tài, thực là một kẻ có chí lớn.

Vua Ngụy nghe nói liền sai Địch-Hoàng đi triệu Nhạc-Dương. Mọi người nghe nói liền can :

— Không nên ! Chúng tôi nghe Nhạc-Dương có người con tên Nhạc-Thư, hiện đang làm quan tại nước Trung-sơn. Nếu dùng Nhạc-Dương đánh Trung-sơn không tiện.

Địch-Hoàng nói :

— Nhạc-Dương là kẻ nghĩa dũng, vua Trung-sơn nghe lời Nhạc-Thư mấy lần triệu ra giúp việc, nhưng Nhạc-Dương cho vua Trung-sơn là kẻ vô đạo, nhất định không chịu theo. Nếu chúa công biết dùng Nhạc-Dương tắt Nhạc-Dương tận trung.

(1) Đạo là kẻ trộm, toàn là suối.

(2) Ta-lai là than thở mà gọi lại. Ý nói lời ta-thán.

Vua Ngụy nghe lời, nhất định sai Địch-Hoàng triệu Nhạc-Dương đến.

Nhạc-Dương theo Địch-Hoàng vào yết kiến vua Ngụy. Vua Ngụy hỏi :

— Ta muốn đem việc đánh nước Trung-son giao cho nhà ngươi, ngặt ngươi có người con hiện đang làm quan ở Trung-son thì biêt liệu làm sao ?

Nhạc-Dương nói :

— Kẻ trượng phu đã thờ chúa thì hết lòng vì chúa, đâu lại dám vì tình riêng mà bất trung. Nếu tôi không diệt được nước Trung-son xin chịu tội.

Vua Ngụy mừng rỡ nói :

— Nếu được vậy ta còn gì tin tưởng hơn.

Bên phong Nhạc-Dương làm Nguyên-Soái, Tây-môn-Báo làm tiên-phuông, đem năm vạn quân sang đánh Trung-son.

Vui Trung-son là Cơ-Quật sai Đại-tướng Cồ-Tu đóng quân ở Thân-son để chống quân Ngụy. Hai bên đánh nhau hơn một tháng chưa phân thắng phu.

Nhạc-Dương nói với Tây-môn-Báo :

— Ta đã hứa trước mặt Chúa-công nhất định diệt nước Trung-son nay đánh hơn một tháng rồi mà chưa thắng, thật lấy làm xấu hổ. Ta xét thấy nơi Trung-son rừng cây rậm rạp, nếu có kẻ gan dạ đến đây đốt rừng, làm cho quân Trung-son rối loạn, rồi thừa cơ tiến đánhắt thắng trận.

Tây-môn-Báo xin đi, Nhạc-Dương nhậm lời.

Bấy giờ vào mùa thu, vua Trung-son sai sáu đem rượu thịt đến Thân-son để Cồ-Tu ban thưởng quân sĩ.

Cồ-Tu nhân đêm sáng trắng, đem rượu ra uống cho vui, không hề nghĩ đến việc quân.

Đêm hôm ấy trống canh ba vừa điềm, Tây-môn-Bảo lén đem quân đến, mỗi người cầm một bó đuốc bằng cành cây khô, trong chúa đồ dẫn hỏa, rải ra đất rìng.

Cồ-Tu đang say rượu, thấy lửa cháy khắp dinh trại, liền đem quân đi cứu hỏa. Nhưng khắp vùng Trung sơn chỗ nào cũng có lửa cháy. Quân Trung-sơn náo loạn, kéo nhau chạy về phía sau núi. Nhạc-Dương biết rู้, đem quân phục sẵn ở đấy, đánh một trận tơi bời, Cồ-Tu kéo tàn quân chạy về Bạch-dương-quan, nhưng quân Ngụy lại đuổi theo, đi đến đâu phá vỡ đến đấy. Cồ-Tu biết thế chống không nổi, chạy riết vào Kinh-dô, yết kiến Cơ-Quật, nói :

— Nhạc-Dương là kẻ anh hùng, trí dũng, quân ta không thể nào chống nổi.

Cơ-Quật nghe nói bùn rùn tay chân, chưa có kể gì để cứu vãn tình thế, thì bên ngoài có quân vào bảo :

— Nhạc-Dương đã kéo quân đến vây thành.

Quan Đại-phu là Công-tôn Tiêu nói với Cơ-Quật :

— Nhạc-Dương là thân phụ của Nhạc-Thư, mà Nhạc-Thư hiện đang làm quan tại nước ta, ta nên bảo Nhạc-Thư lên mặt thành bảo Nhạc-Dương lui binh đó là thượng sách.

Cơ-Quật bảo Nhạc-Thư :

— Nếu nhà ngươi bảo được thân-phụ nhà ngươi lui binh thì ta sẽ phong cấp cho.

Nhạc-Thư nói :

— Thân-phụ tôi khi trước không chịu làm quan nước Trung-sơn, nay lại ra làm quan nước Ngụy, tất có lòng vì Ngụy, tôi e khó nói được.

Cơ-Quật ép mãi, Nhạc-Thư bất đắc dĩ phải trèo

lên mặt thành xin tiếp kiến Nhạc-Dương.

Nhạc-Dương đang đốc quân vây thành, trông thấy Nhạc-Thư cả tiếng mắng lớn :

— Kẻ quân tử không ở nước nguy, không thờ triều loạn. Nay ngươi tham phú qui theo Trung-sơn, ta phụng mệnh vua Ngụy đem quân đến đánh, ngươi nên vào bảo vua Trung-sơn đầu hàng thì tình cha con mới vẹn toàn được.

Nhạc-Thư nói :

— Hàng hay không là do quyền của vua Trung-sơn, con không biết làm sao được, nhưng xin cha tạm hoãn binh để con vào thương lượng đã.

Nhạc-Dương nói :

— Ta hoãn cho một tháng để toàn tình cha con, ngươi hãy trôi vào cùng vua tôi nước Trung-sơn bàn bạc gấp kèo trẽ.

Nói xong, Nhạc-Dương truyền lệnh hoãn binh, không cho đánh vội.

Cơ-Quật thấy quân Ngụy vây thành mà không đánh, cho là Nhạc-Dương vì thương con không nỡ phá thành. Vì vậy chẳng nghĩ gì đến việc quân cả.

Khi quá một tháng, Nhạc-Dương sai người đến trước cửa thành kêu hỏi. Vua Trung-Sơn lại sai Nhạc-Thư ra điều đình.

Nhạc-Thư xin thêm một kỳ hẹn nữa, Nhạc-Dương lại cho thêm một tháng.

Cứ như thế qua kỳ hẹn, mà quân Nhạc-Dương vẫn chưa công thành. Tây-môn-Báo thấy vậy nói với Nhạc-Dương :

— Quan Nguyên-soái không muốn đánh nước

Trung-sơn hay sao ? Tại sao đóng quân lâu ngày như vậy ?

Nhạc-Dương nói :

— Vua Trung-sơn không biết thương dân, vì thế mà dân không phục nếu ta đánh gấp thì hại dân. Ta ba lần hoãn hẹn, chẳng những vì tinh cha con mà chính là để mua chuộc lòng dân đó.

Các viên cận tướng của Nhạc-Dương thấy Nhạc-Dương vừa được tiến cử đã làm quan to, lòng đã bắt binh, nay nhân cơ hội Nhạc-Dương đóng quân lâu ngày không đánh, liền sai người về nước Ngụy báo với vua Ngụy :

— Nhạc-Dương đem quân đánh Trung-sơn thắng luôn mấy trận, hiện đang vây phủ Kinh-thành, thế mà chỉ vì một lời nói của Nhạc-Thư mà án binh bất động, dù biết tinh cha con nặng đường nào. Xin Chúa-công triệu Nhạc-Dương về, nếu không e hao quân tổn của mà chẳng ích gì.

Vua Ngụy hỏi Địch-Hoàng :

— Theo ý nhà ngươi thi thế nào ?

Địch-Hoàng nói :

— Chắc Nhạc-Dương có mưu kế chi đây, xin Chúa-công chờ ngai.

Vua Ngụy nghe Địch-Hoàng nói bỏ qua việc ấy. Trong lúc đó Nhạc-Dương vẫn án binh bất động.

Qua một thời gian, không thấy vua Ngụy tỏ thái độ gì với Nhạc-Dương, các quan triều đua nhau dâng thư lên vua Ngụy, tìm đủ lời lẽ chứng minh rằng Nhạc-Dương có ý phản Ngụy. Người thì nói vua Trung-sơn sắp đem nửa nước trao cho Nhạc-Dương, kẻ lại nói Nhạc-Dương bàn mưu với vua Trung-sơn đem binh-trò về đánh Ngụy. Những bức thư ấy vua Ngụy xếp

Lại bỏ đây vào một chiếc hộp lớn.

Mặc dầu vậy, vua Ngụy thỉnh thoảng sai người đe vu rượu thịt ra thường cho Nhạc-Dương và lập sẵn tôn phu để chờ Nhạc-Dương về phòng thường.

Nhạc-Dương nghe Ngụy-hầu không để ý đến lời sám tú, một mực tin tưởng ở lòng mình, cùn động, cố sức phá thành, truyền các tướng ngày đêm công kích không ngớt.

Thình Trung-sơn kiên cố lương thực lại nhiều, Cồ-Tu và Công-tôn Tiêu ra lệnh cho quân sĩ canh phòng rất cẩn mật, vì vậy Nhạc-Dương định đi ba tháng mà chưa phá được.

Nhạc-Dương tức giận, cùng với Tây-môn-Bio ra trước vòng quân, xem xét rồi truyền quân dùng tên nỏ bắn vào thành.

Cồ-Tu đang dẫn quân canh tuần bị một mũi tên vong mang. Công-tôn-Tiêu thất kinh, vào nói với Cơ-Quật:

— Quân Ngụy công thành rất gắt, Cồ-Tu tử nạn, thế rất nguy, nay phải dụng kế này mới được.

Cơ-Quật hỏi:

— Nên dụng kế gì?

Công-tôn-Tiêu nói:

— Nhạc-Thư đã ba lần xin hoãn hạn mà Nhạc-Dương đều chấp thuận, thế thi đủ biết cái lòng yêu con của Nhạc-Dương rồi. Nay ta trói Nhạc-Thư đem treo trên mặt thành, nếu Nhạc-Dương không rút quân ta sẽ giết Nhạc-Thư. Lím như thế tất Nhạc-Dương không dám đánh nữa.

Cơ-Quật nghe lời, trói Nhạc-Thư lại, treo lên, rồi gọi Nhạc-Dương đến xem, Nhạc-Thư kêu khóc rất thảm thiết.

Nhạc-Dương trông thấy mảng lớn :

— Mày là đĩa bất tri. Làm quan ở nước người ta, đã không biết mưu kế chiến thắng, lại không biết tùy cơ ứng biến để cầu hòa, bây giờ còn kêu khóc làm chi?

Nói xong, Nhạc-Dương trương cung toan bắn Nhạc Thư.

Nhạc-Thư sợ hãi kêu ầm lên. Cơ-Quật cũng thắt kinh truyền quân mò trói thả Nhạc-Thư xuống.

Nhạc-Thư nói :

— Thân phụ tôi vì nước không kể đến tình cha con. Thôi thì Chúa-công liệu kế chống giữ, còn tôi, tôi xin chết trước mặt Chúa-công để đến cái tội không làm lui được quân giặc.

Công-tôn Tiêu nói với Cơ-Quật :

— Người cha đánh thành thì người con đương nhiên có tội. Cũng nên cho Nhạc-Thư chết.

Cơ-Quật nói :

— Nhạc-Thư đâu có tội gì ?

Công-tôn Tiêu nói :

— Tuy nhiên, hễ Nhạc-Thư chết thì tôi có kế làm lui được quân giặc.

Cơ-Quật đang lúc bối rối nên nghe lời, cầm thanh kiếm đưa cho Nhạc-Thư. Nhạc-Thư cầm cõi tự vận. Công-tôn Tiêu nói :

— Tình người ta không gì nặng bằng tình cha con. Nay mò lấy ruột gan Nhạc-Thư nấu canh đem dâng cho Nhạc-Dương, hễ Nhạc-Dương thấy thịt con tất đau lòng xót dạ, trễ biếng việc quân. Chừng ấy ta thừa cơ phản công át toàn thắng.

Cơ-Quật bắt đầu đi phài theo lời, đem thịt Nhạc-

Thư nêu canh rồi gửi cả thủ cấp sang dinh Nhạc-Dương.  
Nhạc-Dương thấy thủ cấp của con hét to :

— Thằng bắt hiếu vô đạo ấy không nghĩ đến tình cha  
con, cứ một lòng theo giặc đè cầu vinh thì chết cũng  
đáng.

Mảng rồi bưng bát canh ăn hết. Lại nói với sứ giả :

— Vua ngươi cho canh, đợi khi phá thành rồi ta sẽ  
trả ơn. Böyle giờ ta nấu vạc dầu đè sẵn, chờ vua tôi nước  
ngươi đó.

Sứ-giả vể báo với Cơ-Quật. Cơ-Quật biết Nhạc-  
Dương nặng tình nước hơn tình nhà, lại thấy quân Ngụy  
công thành mỗi lúc một hăng, liệu thế giữ thành không  
nỗi, nếu đè giặc bắt mang nhục, liền vào hậu cung thắt  
cõi chết.

Công-tôn Tiêu mở cửa thànhxin hàng. Nhạc-Dương  
không cho hàng kè tội Công-tôn Tiêu rồi đem chém đi.  
Đoạn giao năm ngàn quân cho Tây-môn-Báo đóng giữ ở  
đây, còn mình thu hết đồ bảo-ngọc chờ về nước Ngụy.

Vua Ngụy nghe tin Nhạc-Dương diệt được nước  
Trung-sơn liền thân hành ra khỏi thành đón tiếp đè ủy-  
lao, và nói :

— Tướng quân vì nước bỏ con, thật là lỗi tại  
ta đó.

Nhạc-Dương lạy nói :

— Con tôi bất tri, thờ đứa hôn quân vô đạo, chết  
đã đành. Phần tôi có khi nào lại nghĩ tình riêng mà phụ  
tâm lòng tin cậy của Chúa-công.

Ngụy hầu truyền bài tiệc ở nội dài, thường cho  
Nhạc-Dương mấy chén rượu. Nhạc-Dương tiếp lấy uống  
cạn, lòng khoan khoái nghĩ đến sự đặc thắng của mình  
vừa qua.

Tiệc xong, Ngụy hầu nội thị đem đưa cho Nhạc-Dương một chiếc hộp lớn niêm phong cẩn thận. Nhạc-văn-tưởng là trong chiếc hộp ấy có đồ châu ngọc quý báu, mà vua Ngụy tưởng đến công lao mình nên tặng thưởng. Ngờ đâu, lúc mở hộp ra, trong đó toàn là những bức thư và những tờ sớ của các quan nói Nhạc-Dương là kẻ phản-phúc.

Nhạc-Dương thất kinh nói:

— Xem thế thi thấy rõ trong triều rất có nhiều người phi-báng minh. Nếu Chúa-công không có lòng tin người thì làm sao ta thành công được.

Ngày hôm sau, Nhạc-Dương vào triều lạy tạ. Ngụy-hầu ban thưởng vàng bạc rất hậu. Nhạc-Dương từ chối súp lạy nói:

— Diệt được nước Trung-sơn là nhờ ở lòng tin cậy của Chúa-công, chứ không phải do tài năng của tôi.

Vua Ngụy nói:

— Không có ta thì không ai dùng được Tướng-quân, không có Tướng-quân thì không ai làm nỗi công việc của ta. Nhưng Tướng-quân đã chịu nhiều khổ nhọc, vậy ta phong cho Tướng - quân đất Linh - thọ (thuộc nước Trung-sơn) để hưởng lộc.

Phong đất xong, vua Ngụy không còn cho Nhạc-Dương giữ binh quyền nữa. Địch-Hoàng lấy làm lạ, hỏi vua Ngụy:

— Tài năng và triết đúc Nhạc-Dương dường ấy sao Chúa-công không lưu lại dùng?

Vua Ngụy chỉ cười, không đáp. Địch-Hoàng lui ra, nói với Lý-Khắc:

— Chúa-công đối xử với Nhạc-Dương như vậy là có ý gì?

Lý-Khắc nói :

— Nhạc - Dương đến con mình mà không yêu, huống chi người khác. Xưa Quản-Trọng nghi Dịch-Nha cũng vì lẽ đó.

Nhân-xel :

— Đã dùng người phải tin người. Đã tin người không dè cho người ta có cảm giác bị nghi kỵ. Nếu đã bị nghi kỵ không ai còn trung thành với mình.

Nhạc Dương đem hết tài năng giúp nước, diệt nước Trung Sơn, bỏ tình phụ tử, thực ra làm việc thành công không phải ở tài năng Nhạc-Dương mà do bản lĩnh biết dùng người của vua Ngụy.

Không ai trung thành với một kẻ bị mất lòng tin. Nhạc Dương đứng trước cái thế khó xử, một bên là tình phụ tử, một bên là tình vua tôi, hổn vì một đàng mất một đàng, đó là lẽ đương nhiên. Trường hợp Nhạc-Dương không thể đem sánh với Dịch-Nha được. Dịch-Nha làm thịt con đem dâng Tề Hoàn Công là để cầu thân, tự ý mình tạo ra câu chuyện dứt bỏ tình cha con, còn Nhạc Dương đứng trong tình trạng rắc rối ngoài ý muốn, bắt buộc Nhạc Dương phải tìm lối mới đường để giải quyết.

Nếu bảo rằng : Nhạc-Dương làm kẻ bất nghĩa. Tình cha con là tình thiêng-liêng, máu mủ mà nỡ bỏ đi thì còn tình nào mặn mà hơn ? Nhạc Dương giết con để cầu vinh.

Nói thế quá khắt khe. Tình cha con thiêng-liêng thật, song một kẻ có tri, muốn thành công một việc lớn, không thể vì một chút tình riêng như vậy mà bỏ tay trước mưu mô của địch.

Vua Trung-Sơn đem Nhạc-Thư trả trên mặt thành, buộc

Nhạc Dương rút quân, chính là một hành động về chiến tranh tâm lý. Lấy tình cha con trấn áp kẻ anh hùng. Nếu Nhạc Dương vì tình ấy mà bỏ tay hoặc phản vua Ngụy thì còn gì khi phách anh hùng ?

Không kề tình cha con, làm tròn một trách vụ lớn lao, không mang tiếng phản Chúa, Nhạc-Dương đã lựa chọn con đường vinh dự của mình đầu rẳng con đường vinh dự ấy một phần nào bị tồn thương.

Trong đời, tình cảm và quyền lợi hay mâu thuẫn, đụng chạm với nhau, nhiều lúc phải dứt bỏ những hại nhỏ để đạt lợi lớn.

Kẻ đại lượng không xét việc một cách nhỏ nhen. Đưa con hứa, không làm ích lợi gì cho quốc gia dân tộc, chẳng lẽ vì chút tình cha con ấy mà người cha bỏ tay trước đại sự sao ?

Tuy nhiên, sự việc ở đây chúng ta thấy quan hệ nhất là bài học biết dùng người của vua Ngụy. Nếu vua Ngụy dùng Nhạc-Dương mà tỏ cùi chỏ nghi ngờ, tất nhiên tình chúa tôi không có lòng tốt đối với họ.

Có kẻ vì quyền lợi mà phản phúc, thì cũng có kẻ vì bất mãn mà phản phúc. Lòng trung thành của người dưới nhận nhiều do người trên tạo nên. Kẻ lãnh đạo phải thấy vai trò quan hệ trong việc đối xử của mình đối với kẻ thừa hành. Thái độ hách-dịch nghi-kỵ khinh miệt kẻ dưới đều là những nỗi mộng phát sinh việc phản phúc vậy.



## ĐIỀN-TỬ-PHƯƠNG VỚI THẾ-TỬ KÍCH :

— Chỉ có kẻ bẩn tiện mới được kiêu ngạo. Còn kẻ quyền quý mà kiêu ngạo thì nguy hiểm. Vua mà kiêu ngạo thì mất nước, quan mà kiêu ngạo thì tan nhà.

Vua Ngụy lấy được nước Trung-sơn thấy Trung-sơn là miền hẻo lánh, cần phải có người tâm phúc đến trấn thủ, nên sai Thế-tử Kích làm Trung-sơn quân.

Thế-tử Kích kéo quân ra đi bỗng gặp Điền-tử-Phương ngồi trên một chiếc xe cũ đi đến, Thế-tử Kích cung kính xuống xe, đứng bên đường chực tiếp kiến. Điền tử-Phương vẫn nghiêm nhiên đi thẳng, không hề để ý đến cử chỉ cung kính của Thế-tử Kích.

Thế-tử Kích tức giận, cho người đến ném xe Điền tử-Phương lật lại, hỏi :

— Người quyền quý nên kiêu ngạo, hay kẻ bẩn tiện nên kiêu ngạo ?

Điền-tử-Phương mỉm cười nói :

— Chỉ có kẻ bẩn tiện mới được quyền kiêu ngạo còn kẻ quyền quý mà kiêu ngạo thì nguy hiểm. Vua mà kiêu ngạo thì mất nước, quan mà kiêu ngạo thì tan nhà. Xe bẩn tiện ăn rau mầm, mặc vải thô; ngồi chiếu rách, không phải sơ ai, không phải cầu lụy ai, có kiêu ngạo cũng chẳng hề chi.

Thế-tử Kích nghe nói hờn bỏ đi. Vua Ngụy hay được việc ấy có ý phục Điền tử-Phương là người liêm khiết

*Nhân-xel :*

— Bản-tánh con người khi độc lập với sinh hoạt xã-hội thì bản-tánh ấy mới từ chối được.

Trong đời người thường hay có những việc trái ngược. Kẻ có vị tự cho mình cao cả, nắm quyền hành trong tay, khinh thế ngạo vã. Họ có biết đâu chính tánh ngạo nghẽ của họ là liều thuốc độc, đưa họ đến chỗ tan biến địa vị.

Còn những kẻ nghèo hèn, không có địa vị gì, lại sợ uy thế của người trên, dám ra nịnh hót, sợ sệt.

Xem thế thì tánh tình con người ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt xã hội, mà con người chỉ thấy cái lợi trước mắt không thấy cái hại ở xa.

Tóm lại, những kẻ không ngạo nghẽ thì lại ngạo nghẽ, còn kẻ có ngạo nghẽ mà không hại gì, thì lại không dám ngạo nghẽ với ai. Tất cả đều chịu ảnh hưởng bởi sinh hoạt xã-hội mới thấy chân tướng của đời sống con người. Kẻ không cần đến địa vị, không cầu cạnh ai, không sợ ai uy hiếp, sống một cuộc đời liêm khiết thì dù có ngạo nghẽ vẫn chẳng hại gì.

Kiêu ngạo là tánh khinh người. Không thể bao giờ là tánh tốt hay tánh xấu được. Vì ở đời có những cái đáng khinh, và có những cái đáng quý. Cái đáng khinh mà không khinh. Cái đáng quý mà không quý thì không gọi là người biết.

Khinh những kẻ lâng khinh tức là tự trọng, quý những kẻ đáng quý tức là tự rắn mình. Biết trọng và tự rắn là hai điều không bao giờ, mà chỉ có những bậc thức giả mới làm nổi.

Trái với quan niệm ngày nay, nhiều người không phân được cái lâng khinh và cái đáng quý. Họ kiêu ngạo chỉ vì để tỏ cái uy quyền của họ đối với kẻ khác mà thôi, hoặc có người kiêu ngạo chỉ để dum người khác, làm mất thề diện kẻ khác, như vậy quan niệm kiêu ngạo rất tai hại.

## HÀ-BÁ CƯƠI VỢ :

— Ké có quyền muốn sử dụng quyền mình không  
khó, cái khó là ở chỗ làm cho dân phục.

Bấy giờ nơi Nghiệp-đô, thuộc nước Ngụy, khuyết  
thức Thái-thú, vua Ngụy hỏi quan cản thần Địch-Hoàng :

— Nên cho người nào ra trấn giữ ở đó ?  
Địch-Hoàng nói :

— Nghiệp-đô ở giữa Thượng-đăng và Hàm-Đan, tiếp  
giáp với Hàn và Triệu, cần phải có người giỏi đến đó  
mới được, xin Chúa-công sai Tây môn-Báo.

Vua Ngụy nghe lời, sai Tây môn-Báo ra trấn  
Nghiệp-đô.

Tây môn-Báo tuân lệnh, đến nơi trông thấy phong-  
cánh Nghiệp-đô tiêu-diệu, nhân dân thưa-thót, liền hỏi  
thăm các bậc phụ-lão.

Các bậc phụ-lão đều nói :

— Dân chúng tôi khổ sở vì nỗi Hà-Bá lấy vợ.

Tây-môn Báo ngạc nhiên hỏi :

— Quái ! Hà-Bá lấy vợ thế nào xin nói cho tôi rõ.

Các bậc phụ-lão nói :

Sông Chương-thủy phát nguyên từ Cô-linh<sup>b</sup>, qua  
Sa thành, chảy đến Nghiệp-đô này, gọi là sông Chương-Hà.  
Hà-Bá là vị thần con sông ấy. Thần lại thích vợ đẹp,  
mỗi năm bắt nạp một người con gái nếu không thần dâng  
nước, cửa nhà sập hết.

— Tại sao biết được Hà-Bá cướp vợ ?

Các bậc phụ-lão nói :

— Bọn đồng cốt ứng lên nói như vậy, dân chúng sợ  
mực ngập lụt nên phải vâng theo. Mỗi năm các bậc hảo

lão trong làng cùng với đồng cốt bắt dân phải chịu mấy trăm vạn quan tiền dùng làm phí tồn trong việc lấy vợ cho Hà-Bá. Nếu còn thừa thì chia nhau.

Tây môn-Báo hỏi :

— Chúng nó lấy tiền chia nhau dân chúng không nói gì sao ?

— Các bậc phụ-lão nói :

— Bọn đồng cốt có công cúng tế, còn các hào-lão có công thu tiền, họ ăn vào đầy dân chúng đâu dám nói. Chỉ có một điều rất khò là hễ đến đầu năm, bọn đồng cốt xem thấy con gái nhà ai có sắc đẹp thì bảo người con gái ấy đáng làm vợ Hà-Bá. Người nào chịu đút lót tiền bạc thì họ mới tha, đi tìm người con gái khác, còn kẻ nào nghèo không có tiền đút lót thì phải nạp con gái.

Tây môn-Báo hỏi :

— Bọn đồng cốt làm cách nào để nạp người con gái cho Hà-Bá ?

Các bậc phụ-lão nói :

— Chúng lập một nhà trại cung trên mé sông, mua các lẽ vật cúng tế, rồi chọn ngày tốt cho người con gái ấy tắm rửa sạch sẽ, cho ngồi trên một chiếc bè cỏ, thả trôi giữa dòng. Bè cỏ ấy trôi độ vài dặm thì chìm xuống nước. Chính cái nạn ấy làm cho dân chúng cực khò. Người nào thương con không muốn nộp cho Hà Bá thì bỏ nhà cửa, dắt nhau đến xứ khác sinh nhai, vì vậy mà làng xóm tiêu diệt buồn bã.

Tây môn-Báo hỏi :

— Các người ở đây có thường bị lụt chăng ?

Các bậc phụ-lão nói :

— Năm nào dân chúng cũng có nộp con gái, vì vậy Hà-Bá không trách phạt.

Tây môn-Báo nói :

— Thần đã linh thiêng như vậy, thế thì hôm nào nạp con gái ta đến dự xem sao.

Chẳng bao lâu đến kỳ cưới vợ cho Hà-Bá, các phụ lão đến bầm, Tây môn-Báo liền mặc áo dài mao chỉnh tề, thản hành ra tận bờ sông. Giữa lúc đó các vị hào lão và dân chúng trong vùng đã đến xem đông nghẹt.

Bọn hào lão đưa ra một mụ đồng cốt đã già, vẻ mặt hiu-hiu tự đắc, theo sau chừng vài mươi đệ tử, khăn áo sắc sỡ, tay mỗi người cầm một bình hương.

Tây môn-Báo gọi bà đồng ấy lại và nói :

— Ta muốn xem mặt vợ Hà-Bá kỳ này ra thế nào ?

Bà đồng sai đệ tử dẫn đến một nàng con gái không đẹp lảm, đôi dòng nước mắt ràn rụa chảy xuống má trông có vẻ sợ hãi lảm.

Tây môn-Báo nói :

— Vợ Hà-Bá phải là một mỹ nữ tuyệt đẹp mới phải, người này trông sắc đẹp tâm thường ta e. Hà-Bá không chịu đâu.

Đoạn Tây môn Báo quay lại nói với người đồng cốt :

— Tôi phiền bà xuống hỏi với Hà-Bá rằng quan Thái thú mới đến muốn khen cho Hà Bá một người vợ tuyệt đẹp. Vì vậy xin hẹn lại vài hôm nữa.

Dứt lời, Tây môn-Báo sai kè tài hữu bà bà đồng cốt ném xuống sông ai nấy trông thấy sợ hãi.

Tây-môn Báo ngó yết, chờ đợi mọi lúc rồi nói :

— Bà đồng này đã già, làm không được việc. Ta sai đi từ nay giờ mà chưa trở về báo tin. Vậy phải cho một người đệ tử xuống đó thúc hối.

Tiếp đó là một người đệ tử bị ném xuống sông Cử thế liên tiếp ba người. Cuối cùng Tây môn-Báo nói với bọn hào lão :

Bọn ấy đều là đàn bà, đi đứng chậm chạp nỗi nang không nên lời. Ta phiền các ngươi xuống đó thuật lại ý kiến ta với Hà-Bá xem thế nào ?

Nói xong truyền quân bắt một hào lão trong bọn. Cả bọn đều sợ hãi, quì lạy và nói :

— Ấy là bà đồng im cách lừa phỉnh dân chúng để lấy tiền, chúng tôi thật không biết đến, xin ngài rộng lòng tha thứ, đừng bắt chú g tôi xuống đó mà oan mạng.

Tây-môn-Báo trợn mắt hé :

— Thế thì lâu nay các ngươi đã phỉnh phờ dân chúng để lấy tiền sống trên xương máu mọi người, tội ấy đáng chết.

Cả bọn đều sụp lạy xin tha. Tây-môn Báo nói :

— Bà đồng cốt đã chết rồi, từ nay về sau nếu ai còn nói đến chuyện Hà-Bá lấy vợ nữa ta sẽ bắt người ấy ném xuống sông.

Từ bấy giờ dân chúng được sống yên, khỏi ai phỉnh phờ bóc lột nữa. Những gia đình đi lánh nạn hay tin bồng bé nhau trở về.

Tây-môn Báo lại khiến dân đào sông ngòi, khai thông với sông Chương-thủy, nước trong vùng không còn đọng lại nữa nên chẳng bao giờ ngập lụt, ruộng nương cũng nhờ con sông ấy có đủ nước cày bừa, lúa đồng tốt tươi, cỏ hoa thơm nước.

*Abén xót :*

— Tất cả những gì sơ hở, cuồng tín, đều bị  
“người đời lợi dụng bắt nạt.”

Từ xưa, nền phong kiến nước Tàu đã có rất nhiều dị doan, thuyết thần quyền phần lớn ngự-trị trong tư tưởng người dân.

Sở dĩ tư tưởng thần quyền trưởng thành và được phổ biến là do nền văn minh khoa học thuở ấy chưa phát triển,

việc giải thích những hiện tượng thiên nhiên rất mù mờ. Một khác, đối với chế độ phong kiến, tư tưởng thần quyền chính là vũ khí có lợi cho việc trị dân, gieo vào óc dân chúng một quyền-lực trấn áp, tập cho dân chúng liên tưởng đến quyền lực người trên.

Nói về tư tưởng thì thời nào cũng vậy, dù xã hội văn minh đến đâu, khoa học tiến bộ đến đâu cũng không thể giải quyết hết mọi thắc mắc của tư tưởng. Đã không giải quyết được, tất tư tưởng phải tự mình giải quyết lấy mình, nghĩa là tìm lấy nó con đường sáng trong lý : ưởng.

Tư-tưởng con người lại là chỗ phức tạp, đnh hưởng nhiều mặt trong lê sống, cho nên, nói đến tư-tưởng là nói đến lãnh vực tin-tưởng của con người. Mỗi người có một hoàn cảnh khác biệt thì nhân sinh quan sẽ không giống nhau, và sự tin-tưởng cũng khác nhau.

Gần đây, đối với tư-tưởng người ta phân chia làm hai lãnh vực : tin-ngưỡng và mê-tin.

Tin-ngưỡng chỉ cho những đức tin cao cả, tốt đẹp cho lê sống con người, và có thể giải thích được lòng tin ấy bằng một lý lẽ cẩn-bản.

Mê-tin chỉ cho những sự tin-tưởng vô căn cứ, mà sự tiến bộ loài người đã khám phá ra, thấy được cái sai lầm của sự tin-tưởng ấy.

Tuy nhiên, cả hai lãnh vực cũng đều nằm trong sự tin-tưởng cả, chỉ khác là hiện tại đã thấy được cái sai, hoặc cái đúng của sự tin-tưởng ấy hay chưa.

Thật ra, từ chỗ đúng đến chỗ sai chỉ là kết quả của thời gian và hoàn cảnh sinh hoạt của loài người minh xác. Cái đúng trước kia có thể là cái sai của ngày nay, và cái đúng của ngày nay có thể là cái sai của ngày sau. Hoặc cái sai của thời trước trở lại là cái đúng của thời nay chẳng hạn. Bởi vậy, tư-tưởng con người luôn luôn đi trước thời đại, đi

## HÀ-BÀ CƯỚI VỢ

trước thực tế, và bị thực tế của thời đại theo đuổi mãi, và càng theo đuổi từ tương càng đi xa hơn mà thực tế chẳng bao giờ đuổi kịp.

Xã hội tiến bộ có thể giải thích được một ít từ tương sai lầm, nhưng lại để ra một số từ tương mới phức tạp hơn.

Trở về lãnh vực mê tín, xã hội nào cũng không tránh khỏi. Vì xã hội càng văn minh tiến bộ càng bóc trần mọi sai lầm của từ tương.

Việc Hà-Bà cưới vợ, trong câu chuyện nầy chúng ta không lấy óc mê tín của dân chúng làm đối tượng đề bàn luận. Cái chúng ta đáng nói là đời nào cũng có bọn lợi dụng óc mê tín con người để trực lợi. Những bọn đầu cơ từ tương thường gieo rắc những cuồng tin trong xã hội, rồi tự mình dựng ra lừa phỉnh. Kẻ có tài năng, tiền quyền đoạt vị, bóc lột dân chúng đã đánh, còn những kẻ chỉ có tài xấu quyết, lừa gạt, cũng lợi dụng lòng tin của con người sống trên hành động bất lương, thực con người chẳng còn chút gì đạo đức cả.

Loài người càng tiến bộ, kỹ thuật lừa gạt càng tinh vi hơn, mà kẻ bị lừa gạt không bao giờ thấy được mình là nạn nhân của xã hội. Thật là khờ tâm.

Ở đây chúng ta lại thấy tri chính trị của Tây môn-Báo. Một kẻ nắm trong tay trọng quyền, thì dù có ra lệnh cấm đoán hay giết hết bọn đồng bóng cũng không ai dám phản đối. Nhưng Tây môn-Báo, không dùng quyền lực của mình, mà dùng mưu trí của mình để làm cho dân chúng sáng mắt không còn mê tín nữa.

Những lầm lẫn về từ tương phải dùng từ tương răn dạy, giáo hóa, chính là một chính sách hay của các nhà lãnh đạo có tài vậy.



## NGÔ-KHỜI SÁT THÊ CẦU TƯỚNG

— Nước không ngăn nước phải  
kiết, cây không gốc cay phải  
chết, người quên ơn tổ tiên, cha  
mẹ chẳng bao giờ nên相遇.

Ngô-Khời là người nước Vệ. Lúc nhỏ tánh du đãng, nên bị người mẹ trách mắng mãi.

Mỗi hôm Ngô-Khời cắn cảnh tay chảy máu, rồi thề với người mẹ :

— Từ nay con xin từ giã mẹ đi học phương xa, nếu không làm đến bậc khanh-tướng, lên xe xuồng ngựa thì quyết không trở về nước Vệ để trông thấy mặt mẹ nữa.

Người mẹ khóc nức nở, Ngô-Khời vẫn cất bước ra đi.

Lang-thang mấy ngày, Ngô-Khời tìm đến nước Lỗ, vào học thầy Tăng-Sâm là mon-dệ của Đức Không-Tú.

Ngô-Khời ngày đêm chăm chỉ, không quản khó nhọc. Quan Đại-phu nước Tề là Điền-Cư đến nước Lỗ nghe nói Ngô-Khời là người ham học, mới tìm đến dọ hỏi dò lời, Ngô-Khời ứng đáp thông suốt như nước chảy, Điền-Cư khen nức nở, và gả con gái mình cho Ngô-Khời.

Được mấy năm, Tăng-Sâm biết được Ngô-Khời còn mẹ già, không ai nuôi dưỡng, mới hỏi Ngô-Khời :

— Con đi học lâu ngày, không về thăm mẹ sao đành lòng ?

Ngô-Khời đáp :

— Con đã thề, nếu không làm nên khanh-tướng quyết không trở về thấy mặt mẹ già.

Tăng-Sâm nói :

— Đối với người khác mới nên thế, còn đối với mẹ sao lại thế như vậy ?

Từ đó Tăng-Sâm có ý ghét Ngô-Khởi. Chưa bao lâu, có tin người mẹ Ngô-Khởi chết, Ngô-Khởi ngửa mặt lên trời kêu to ba tiếng rồi lại lau nước mắt đọc sách như thường.

Tăng-Sâm nồi giận nói :

— Ngô-Khởi không về đền tang mẹ, thế là kẻ mất gốc. Nước không nguồn nước phải kiệt, cây mất gốc cây phải chết, người quên ơn tò tiên, cha mẹ chẳng bao giờ nên được. Ngô-Khởi không phải là học trò của ta nữa.

Nói xong sai môn đệ đuổi Ngô-Khởi đi. Ngô-Khởi bỏ đạo nho, sang học tập binh pháp. Trong ba năm, học đã thành nghề, Ngô-Khởi mới xin làm quan nước Lỗ. Quan Tướng-quốc nước Lỗ là Công-nghi-Hưu thường bàn việc với Ngô-Khởi, thấy Ngô-Khởi là kẻ có tài, liền tâu với vua Lỗ, dùng Ngô-Khởi làm quan Đại-phu.

Bấy giờ quan Tướng quốc nước Tề là Điền-Hòa, muốn cướp nước Tề, nhưng sợ nước Lỗ xưa nay vốn thông giao với Tề, tất đem quân vắn tội, nên tìm kế sang đánh Lỗ trước, để cho Lỗ sợ uy.

Công-nghi-Hưu bàn với Lỗ Mục-Công :

— Muốn lui binh Tề phải dùng Ngô-Khởi mới được.

Lỗ Mục-Công nói :

— Ta cũng biết Ngô-Khởi là kẻ có tài, song Ngô-Khởi kết duyên với con gái họ Điền nước Tề, chỗ tình vợ chồng sao khỏi thiên vị.

Công-nghi-Hưu cho là phải, cáo từ trở về tướng phủ, nhưng vừa ra khỏi triều lại gặp Ngô-Khởi đi đến.

Ngô-Khởi hỏi Công-nghi Hưu :

— Quân Tề kéo đến rất đông, chẳng hay Chúa-công đã sai ai đi dẹp giặc chưa ? Tôi tuy bất tài, song nếu được làm tướng thì quyết không đe một tên quân Tề nào trốn thoát.

— Tôi vốn biết tài năng của tướng quân, nên đã đe nghị với Chúa-công đôi ba phen, nhưng Chúa-công thấy tướng quốc kết duyên với họ Điền, vì thế mà nghi ngờ không quyết.

Ngô-Khởi nói :

— Muốn làm Chúa-công khỏi nghi ngờ tôi nghĩ cũng chẳng khó gì.

Ngô-Khởi liền trở về dinh hỏi vợ là Điền-thị :

— Tại sao người ta quí vợ ?

Điền-thị nói :

— Vì người vợ là nội tướng, biết trông nom cửa nhà, giúp cho chồng dựng nên sự nghiệp.

Ngô-Khởi hỏi :

— Có phải người vợ luôn luôn mong muốn người chồng lập nên sự nghiệp và danh vọng lớn không ?

Điền-thị đáp :

— Phải.

Ngô-Khởi nói :

— Thế thi ta yêu cầu nàng giúp cho ta một việc để ta lập nên danh vọng.

Điền-thị nói :

— Tôi là đàn bà, làm sao có thể giúp được việc khó khăn như vậy ?

Ngô-Khởi nói :

— Nay quân Tề đánh Lỗ, vua Lỗ muốn phong ta làm Đại-tướng, ngọt không đúng. Nếu ta được cái đầu

của nàng đem dâng cho vua Lỗ, tất vua Lỗ không nghĩ nữa.

Điền-thị kinh sợ, chưa kịp nói tiếng nào thì Ngô-Khởi đã rút gươm chém một nhát, đầu Điền-thị rơi xuống đất.

Ngô-Khởi lấy lụa bọc chiếc đầu của Điền-thị, xách vào triều tâu với vua Lỗ :

— Tôi một lòng tận trung báo quốc, chỉ vì vợ tôi mà Chúa-công nghi ngại không dùng. Nay tôi chém đầu vợ tôi, để Chúa-công khỏi nghi ngại gì nữa.

Lỗ Mục-Công không vui, nói :

— Như thế là Tướng quân lầm rồi !

Một lúc sau, Công-nghi-Hưu vào yết kiến, Lỗ Mục-Công nói :

— Ngô-Khởi giết vợ để cầu làm tướng. Người như thế thật là tàn nhẫn, lương tâm khó hường được.

Công-nghi-Hưu nói :

— Ngô-Khởi không quí vợ mà ham công danh, nếu Chúa-công không dùng tất Ngô-Khởi sang giúp Tề cầu phú quý.

Lỗ Mục Công suy tính một lúc rồi hạ lệnh cho Ngô-Khởi làm Đại tướng, Tiết-Liêu và Thân-Tướng làm Phó tướng đem hai vạn quân ra đánh Tề.

Những tướng theo Ngô-Khởi đều là kẻ tham-danh vọng, lúc được làm tướng iở ra hõng hách, vênh vang, nhưng Ngô-Khởi, trái lại lúc nào cũng tỏ ra bình dân, cơm ăn áo mặc không khác gì quân sĩ, nâm không trái nệm, đi không ngồi xe, thấy quân sĩ khiêng vật gì nặng chay đến giúp. Trong quân có ai đau ốm, Ngô-Khởi đích thân đến chẩn sóc thuốc men. Quân sĩ cảm cát ân áy dốc lòng đánh giặc.

Bấy giờ quân Tề đã kéo đến đóng nơi Nam-Bì (đất Lỗ) Khi nghe tin Ngô-Khởi cầm binh, Điền-Hòa cười lớn nói với hai viên Thượng Tướng là Điền-Kỵ và Đoàn-Băng :

— Người ấy là rể họ Điền, chỉ biết háo sắc, chứ biết gì đến việc quân cơ. Nước Lỗ đến ngày suy vong mới dùng người ấy làm tướng.

Đến khi hai bên đóng quân giáp nhau, Điền-Hòa không thấy Ngô-Khởi ra khiêu chiến mới mặt sai người dò xem Ngô-Khởi làm gì. Tên thám tử về báo :

— Ngô-Khởi đang cùng với một tên quân hèn mạt nhất trải chiếu dưới đất, ngồi chia canh cùng ăn.

Điền-Hòa nghe nói cười lớn :

— Phép làm tướng phải giữ được uy nghiêm thì quân sĩ mới sợ. Nay Ngô-Khởi có hành động như thế làm sao cầm quân đánh giặc ? Ta không còn lo gì nữa.

Điền-Hòa lại sai Trương-Sửu giả cách sang xin giảng hòa để dò xét quân tình Ngô-Khởi.

Ngô-Khởi liền đem các đoàn quân tinh nhuệ giấu ở sau núi, còn những quân lão nhược thì giàn ra đàng trước, và làm ra vẻ sợ sệt, trong lúc tiếp kiến Trương-Sửu.

Trương-Sửu nói :

— Tôi nghe Tướng-quân giết vợ để được làm tướng có thật như thế chăng ?

Ngô-Khởi đáp :

— Tôi dẫu hèn mạt, nhưng cũng có bước vào cửa thánh, dám đâu làm chuyện vong tình như vậy. Vợ tôi lâm bệnh, ta thế trong lúc tôi được gia phong, vì vậy người ta làm tướng nên dị nghị.

Trương-Sửu nói :

— Nếu ngài còn vị họ Điền, thử xin cùng chúng tôi  
giảng hòa có được chăng ?

Ngô-Khởi nói :

— Tôi là một thư sinh, tài năng thô thiển, dám đâu  
chống lại với họ Điền. Nếu tướng quân cho tôi được  
giải hòa thật là may mắn.

Nói xong, Ngô-Khởi lưu Trương-Sửu ở lại trong  
đinh, mờ tiệc đãi đàng, không nói gì đến việc quân nứa.

Tiệc xong, Trương-Sửu cáo từ ra về. Ngô-Khởi lập  
tức chia quân làm ba toán, thẳng đường kéo sang.

Điền-Hòa được tin Trương-Sửu về nói, có ý khinh  
quân Ngô-Khởi lão nhược không đề phòng chút nào.  
Bỗng nghe có tiếng trống vang dậy trước dinh, lại có tin  
biáo quân Lỗ thình lình kéo tới.

Điền-Hòa kinh sợ, ngựa không kịp đồng yên, quân  
không kịp mặc áo giáp, vội vã kéo quân ra nghênh chiến.

Quân Lỗ xông vào đánh rất hăng, quân Tề hàng ngũ  
tan rã, kéo nhau bỏ chạy.

Ngô-Khởi đốc quân rượt theo, cho đến đất Bình-Lục  
(đất nước Tề) giết quân Tề chết hơn nứa, rồi mới  
trở về.

Điền-Hòa kiềm điềm tàn quân, lòng đau như cắt,  
trách Trương-Sửu :

— Nhà ngươi mang trách nhiệm, dọ thám không  
xong, nên mới thất bại như vậy.

Trương-Sửu nói :

— Tôi thấy sao về thuật lại vậy, có ngờ đâu lại  
mắc mưu kế Ngô-Khởi.

Điền-Hòa thở dài, than :

— Ta những tướng Ngô-Khởi là kẻ bất tài, chẳng

ngờ và dựng binh chẳng khác Tôn-Vũ ngày xưa. Nếu Lỗ dùng Ngô-Khởi mãi thì nước Tề khó yên được. Ta muốn sai một người sang Lỗ, một mặt thông với Ngô-Khởi, hai bên cùng bắc việc binh, không xâm phạm với nhau nữa, chẳng biết lợi hại thế nào ?

Trương-Sửu nói :

— Nếu thế thì sai người sang giao ước với vua Lỗ, chứ tư thông với Ngô-Khởi ích gì ?

Điền-Hòa nói :

— Nhà ngươi không hiểu ý ta. Đó là kế ly gián. Ta muốn làm cho vua Lỗ nghi ngờ Ngô-Khởi mà không dùng hàn nữa.

Trương-Sửu nói :

— Nếu vậy tôi xin liều chết, đi việc này để chuộc tội bắt cần vừa rồi.

Điền-Hòa liền chọn hai người mỹ nữ tuyệt đẹp cùng với lụa là châu báu để Trương-Sửu sang dâng cho Ngô-Khởi làm lễ vật.

Ngô-Khởi vốn là kẻ háo sắc, thấy gái thì nhận lời ngay, nói với Trương-Sửu :

— Nếu Tề không xâm phạm Lỗ thì Lỗ chẳng bao giờ xâm lấn Tề làm chi !

Trương-Sửu trở về thuật lại lời nói của Ngô-Khởi cho Điền-Hòa nghe. Điền-Hòa mừng rõ cõi ý tiết lộ cho mọi người biết việc Ngô-Khởi ăn lè của mình mà rút quân. Tin ấy thấu đến tai Lỗ Mục-Công, vua giận lắm, toan bắt Ngô Khởi trị tội.

Ngô-Khởi hay tin, bỏ nhà trốn sang nước Ngụy, vào tro nơi nhà Địch-Hoàng.

Gặp lúc Ngụy-hầu đang cần người trấn thủ Tây-Hà,  
Địch-Hoàng liền giới thiệu Ngô-Khời.

Ngụy-hầu đòi Ngô-Khời vào nói :

— Ta nghe tướng quân làm quan ở nước Lỗ, có công trạng rất nhiều cù sao lại bỏ trốn sang Ngụy ?

Ngô-Khời nói :

— Vua Lỗ nghe lời nịnh, không muốn tin dùng tôi, nên tôi phải trốn sang đây. Nay Chúa-công có lòng khiêm tốn, biết dùng kẻ sĩ, các người hào kiệt ai cũng theo phò, vậy tôixin cầm roi theo hầu trước ngựa Chúa công lòng cũng vui.

Ngụy-Hầu phong cho Ngô-Khời làm quan trấn-thủ Tây-hà.

Ngô-Khời đến Tây-Hà lo luyện tập quân sĩ, hết lòng thương yêu kẻ dưới, lại đắp thành để chống lại quân Tân, chấn dân an cư lạc nghiệp.

Ngô-Khời từ khi đến trấn thủ Tây-hà, cậy mình có công nhiều, mong mỗi chức Tướng-Quốc sẽ về tay mình, nay nghe Ngụy Vũ Hầu phong cho Điền-Văn, lòng tức giận, bỏ Tây-Hà trở về triều vấn nạn.

Khi về đến triều mòn, gặp Điền-Văn đi chầu về.  
Ngô-Khời hăm hầm mặt giận hỏi :

— Ngài có biết cái công Ngô-Khời như thế nào không ? Tôi sẽ nói cho ngài nghe !

Điền-Văn chỉp tay đáp :

— Tôi thật chưa rõ, xin tướng quân dạy bảo.

Ngô-Khời nói :

— Làm tướng đem quân đánh giặc, khiến cho quân sĩ nghe tiếng trống liều chết quên mình, việc đó ngài bằng Ngô-Khời chẳng ?

Điền-Văn nói :

— Tôi không bằng.

Ngô-Khởi nói :

— Trị trăm quan, thân muôn dân, làm cho khắp phủ huyện thái bình no ấm, ngài có bằng Ngô-Khởi chẳng ?

Điền-Văn nói :

— Tôi không bằng ?

Ngô-Khởi nói :

— Trấn thủ nơi Tây-Hà, khiến cho nước Tân không dám xâm nhập bờ cõi, Hán và Triệu đều phải kính phục thế thì ngày có bằng Ngô-Khởi này chẳng ?

Điền-Văn đáp :

— Tôi không bằng ?

Ngô-Khởi nói :

— Ba điều ấy ngài không bằng Ngô-Khởi, thế mà chức vị của ngài lại ở trên Ngô-Khởi là thế nào ?

Điền-Văn nói :

— Chúa-công cho tôi là cựu công thần, phong làm tướng quốc, tài năng của tôi không xứng đáng, tôi lấy làm hổ thẹn. Nhưng ngày nay tân quân còn ít tuổi, các đại thần và trăm họ chưa đủ lòng tin, tôi tưởng chưa phải lúc chúng ta kề công vội.

Ngô-Khởi ngẫm nghĩ một lút rồi nói :

— Nhưng thôi ! Thế nào ngôi Tướng-quốc của ngài cũng phải nhường lại cho tôi mới hợp lẽ.

Nội thi hay được việc ấy thuật lại với Ngụy Vũ-Hầu. Ngụy Vũ-Hầu biết Ngô-Khởi có ý oán vọng mình, bèn lưu lại triều, chọn người khác đến trấn thủ Tây-Hà.

Ngô-Khởi sợ Ngụy Vũ-Hầu giết, bỏ sang nước Sở.

Sở Niệu-Vương (Hùng-Nghi) vốn nghe tiếng Ngô-Khởi là người tài, liền cho làm Tướng-quốc. Ngô-Khởi

cảm cãi ơn ấy, muốn cho nước Sở được hùng cường, mời tâu với Sở Niệu-Vương :

— Nước Sở ta đất rộng, dân đông lẽ ra phải đè ép chư hầu, chiếm lấy ngôi bá chủ. Thế mà lâu nay nước Sở không quật cường nỗi là chưa biết cách nuôi quân Đời sống quân sĩ rất cần thiết. Hễ cấp lương hậu thì quân sĩ nức lòng đánh giặc. Nay trong triều có những quan chức không cần vân hưởng lộc vua, có những họ đã xa dòng vua, vẫn được của kho phụ cấp. Như thế là phi. Xin Đại-vương bỏ những quan chức không cần thiết bỏ cấp phí cho những người đã xa dòng vua, lấy số lương ấy cấp cho các chiến sĩ. Nếu làm như thế mà nước không hùng mạnh tôi xin chịu tội chết.

Sở Niệu-Vương theo kế ấy, các quan triều đều can Sở Niệu-Vương không nên dùng lời nói của Ngô-Khởi

Sở Niệu-Vương nói :

— Nước Sở đã lâu đời, không cường thịnh, nay được Ngô-Khởi bày kế hay, lẽ gì lại bỏ.

Nói xong, giao cho Ngô-Khởi sửa đổi quan chế, từ bỏ những quan chức không cần hàng mấy trăm viên, các con em quan Đại-thần không hưởng thụ cấp nữa. Lại ra một định lệ cho công tộc từ nǎn đời trở lên coi như người dưng, tự làm lấy mà ăn không phải hưởng công lộc.

Chính sách ấy là lợi cho ngân quỹ nước Sở hàng năm hơn mấy vạn héc lúa.

Ngô-Khởi dùng số lương ấy cấp phát cho binh sĩ mà luyện tập. Quân sĩ kè nào cố gắng được hưởng số tiền xứng đáng.

Vì thế, trong quân, tinh thần ghen đua nồi lên khá cao. Chỉ trong một thời gian ngắn, binh lực nước Sở trở nên hùng mạnh, chẳng nước nào dám xâm phạm cả.

Đến khi Sở Niệu-Vương mất, thi thoả chưa kịp liệm, những con em các quý thích Đại-thần lâu nay bất mãn vì chính sách truất lương, nồi lên làm loạn, đuổi đánh Ngô-Khởi.

Ngô-Khởi biết mình cự không nổi, chạy vào cung ôm thi thể Sở Niệu-Vương để chờ các loạn thần sờ Không dám xâm phạm đến.

Tuy nhiên, các loạn thần không kiêng nề gì cả, giương cung bắn mấy mũi, tên găm vào thi thể Sở Niệu-Vương. Và Ngô-Khởi cuối cùng cũng chết trong đám loạn tiễn.

### *Nhận xét :*

— Đức thắng tài vi quân-tử,  
Tài thắng đức vi tiêu-nhân

Theo quan niệm A-dâng, đây nên sự nghiệp đều phải có đủ hai phương diện : tài và đức.

Lời xưa lại nói : « Đức thắng tài vi quân-tử, tài thắng đức vi tiêu-nhân ». Đức nhiều mà tài ít là bậc quân tử, tài nhiều mà đức ít là kẻ tiêu nhân.

Quan niệm trọng đức khinh tài là khuôn thước để cân nhắc giá trị con người. Nhưng tại sao phải trọng đức khinh tài ?

Đức được nói chung với đạo, tức là đạo-đức. Đạo-đức là sự xử giữa mọi người trong xã-hội, phát xuất từ linh vực tinh thần, bảo vệ nhân-luân, phát triển nết-cách.

Các cõ-thư giảng rằng : « Đức là cái điều mà được ».

Chu-Mục đời Hậu-Hán nói : « Đắc kỳ thiên tính vi chí đức ». (Được thiên-tinh-vi chí-đức).

Mạnh-Tử nói : « Con người đến với thế giới, mờ mắt nhìn năm màu bảy sắc, mê loạn, cho nên trước cần phải hiết ta sẽ được cái gì, mà không được những cái gì ? Nhiều kẻ lầm tưởng rằng phải lấy ở bên ngoài mới gọi là được, và vì thế kẻ ấy sinh ra không chịu cho bao giờ. Thiên hướng về dục vọng ngũ quan, nên sinh ra him lấp, càng ham lấp thì càng làm hẹp cái vòng sống của mình để rồi tiêu tan vào cõi chết. Chỉ có những người biết a cho a nhiều, mở rộng cái vòng sống của mình ra vô tận thì mới mong bất diệt được. »

Lời luận trên đây của Mạnh-Tử để cốt nghĩa thiên tình, và cũng để minh định chữ « đức » theo nghĩa thời xưa : Đức giả, đắc dã.

Như vậy, theo quan niệm Đông-phương, đức là tinh thần vị tha, mưu cái được cho người mà không mưu riêng cho mình.

Ngày nay, hiểu về chữ đức, tuy không phải tuân theo quan niệm thời xưa, song cũng không ngoài cẩn hãi ấy. Nghĩa là kẻ có đức không vì lợi riêng mình làm thí hại lợi chung nhiều người. Không hướng cái vui mirth trên đau khổ của kẻ khác.

Quan niệm đạo đức đi vào chính trị, người xưa lại phân ra hai loại chính trị. Tiêu nhân và Đại-nhân. Chính trị của Đại-nhân đến thân mình ra cung hiến cho xã hội, không vì bản thân, nhứt hay cái chính-trị của Đại-nhân lên cao hơn, gọi là thốn-t-nhâ-i, và như vậy mới gọi là Đức.

Còn nói đến tài thì tất cả những gì dùng để thu được được của thiên hạ gọi là tài.

Đoạt ái thi thành, dùng mánh khẽ xảo quyết gai găm, đem bà tặc lười chinh phục, nịnh hót người trên, phản đối sự việc một cách sảng suối v.v... đều gọi là tài.

Tóm lại, « Đức là cái ban cho, mà « tài » là cái thu đoạt. Thu đoạt ít mà ban cho nhiều là quân tử, thu đoạt nhiều mà ban cho ít là tiểu-nhân. Ban cho và thu lấy là sự kiện liên hệ giữa sự sống con người.

Bậc quân-tử bao giờ tài cũng không bằng đức. Bởi vậy khi họ đem tài ra hành động một việc gì là nhầm vào ích lợi chung nhiều người, không nhầm lợi riêng bản thân họ. Còn kẻ tiểu nhàn đem tài ra thi tho chỉ nhầm vào lợi riêng của họ mà thôi. Kẻ tiểu nhàn ưa thu đoạt mà không ban cho. Nếu có ban cho ai điều gì thì đây cũng chỉ là mưu lợi cho mình. Người quân tử thích ban cho mà không thích thu đoạt. Nếu có thu đoạt cũng chỉ vì lợi chung nhiều người chứ không vì lợi riêng mình.

*Luận về tài-đức, đề đánh giá con người thì trường hợp Ngô-Khởi thề với mẹ không làm nên khinh thường không trở về thấy mặt mẹ. Đến lúc thành tài, giết vợ cầu quan, coi danh vọng mình hơn hiếu nghĩa. Thế thì Ngô-Khởi trong bản thân mình hơn mọi đau khổ của kẻ khác thật không phải là quân tử. Ngô-Khởi nằm trong lãnh vực « tài thắng đức ».*

So về tài, đức, thì tài chẳng khác gì súc ngựa, mà đức chẳng khác kẽ cám cương. Tài không có đức như con ngựa không cương, sẽ lao mình vào bát cứ một nơi nào gây ra tai-trong thảm-họa.

Ngô-Khởi thiếu đức, không phải là mẫu người quân-tử, tuy nhiên, trên phương diện lạm chi, chúng ta cũng phải công nhận Ngô-Khởi là người có chí. Từ lúc lêu lõng, ăn chơi, để vì một lời thề mà bỏ nhà du học, rèn đức tài năng mình đến bậc ấy thì cũng ít kẻ làm được. Mẹ chết chỉ khóc lên ba tiếng, rồi lau nước mắt cầm sách đọc. Như vậy Ngô Khởi không phải không thương mẹ, tư tưởng tham địa vị quá nặng, tạo cho Ngô-Khởi trở thành phi thường như vậy.

Thiếu đức, nhưng tài Ngô-Khởi thật siêu việt. Lá làm tướng biết lợi dụng quân tình, hòa minh trong cuộc sống tầm thường của binh sĩ cảm mến. Lúc ra làm tướng biết cách làm cho dân kính phục, mưu cầu cho dân được an cư lạc nghiệp. Lá lên cầm vân nước, biết cách làm cho nước hùng cường. Lá bị người ta nghi ngờ biết cách tìm đường tiến thủ. Thật là kè tài trí. Song tiếc cái tài trí, ấy chỉ nhắm vào mục đích cõi địa vị cho mình, do đó kè có tài đã chết với chữ « tai ». Tài già, tai dã.

*Ham làm khanh tướng, Ngô-Khởi đã chết vì nghiệp Khanh-tướng, cũng không phải là gì, vì luật tạo hóa những người nào thích thu đoạt của thiên hạ sẽ bị súc mâu thuẫn trong thiên hạ phản ứng.*

*Cho nên sống trong đời, thu đoạt không phải là đạt được, mà ban cho mới gọi là đạt được.*

**TIMISACH.COM.VN**

## NGHIÊM-TOẠI TRÀ THÙ BẠN

— Trong lúc phủ quý đứng quên thuở hàn vi.

Quan Tướng-quốc nước Hàn là Hiệp-Lũy, thuộc nhò sống trong hàn vi, cùng với Nghiêm-Toại, tự là Trọng-Tử, người Bộc-Dương, thuộc nước Vệ kết giao tinh bạn.

Hiệp-Lũy nghèo, còn Nghiêm-Toại giàu, nên Hiệp-Lũy vẫn sống nhờ Nghiêm-Toại. Nghiêm-Toại lại đem một ngàn nén vàng giúp cho Hiệp-Lũy, để Hiệp-Lũy có phương tiện đi chui du các nước. Vì thế mà Hiệp-Lũy sang được nước Hàn, làm đến quan Tướng-quốc.

Sau đó, Nghiêm-Toại hay tin tìm đến nước Hàn,

dè nhờ Hiệp-Lüy tiến cử mình. Nhưng Hiệp-Lüy tánh cẩn trọng, không cho ai được vào yết kiến riêng bao giờ.

Vì vậy, Nghiêm-Toại chờ đến hơn một tháng mà vẫn không gặp mặt Hiệp-Lüy.

Quá nóng lòng, Nghiêm-Toại đem lê vật đút lót với các quan cản thìn dè được xin vào yết kiến vua Hàn. Vua Hàn muốn dùng Nghiêm-Toại làm quan, Hiệp-Lüy hay được, kề những điều dở của Nghiêm-Toại, và can vua Hàn không nên dùng.

Nghiêm-Toại biết được, căm giận vô cùng, bỏ nước Hàn đi chu du thiên hạ, tìm người dung si để mưu hại Hiệp-Lüy.

Khi Nghiêm Toại đến nước Tề, trong thấy đám đồ tè có một người tay cầm cii búa lớn đang bồ một con trâu. Nhát búa hạ đến đâu thì gần cốt con trâu đứt phăng đến đấy.

Nghiêm-Toại đứng ngâm nghĩa hời lâu, thấy người ấy mình cao tám thước, mắt tròn râu vền, trán cao và gõ, tiếng nói giống như người nước Tề, liền dọ hỏi lai lịch. Người ấy nói :

— Tôi họ Nhập, tên Chính, vốn người nước Ngụy chỉ vì vụng tö nên đic tôi với hương thôn, phải dài mẹ già sang đây làm nghề đồ-tô để nuôi sống.

Sáng hôm sau, Nghiêm-Toại đến miệt Nhập-Chinh ta quán uống rượu. Hai người uống được vài tuin, Nghiêm Toại đưa cho Nhập Chính một trăm nén vàng, và nói :

— Tôi nghe tráng sĩ có mẹ già, nên dâng của này để phượng dương.

Nhập-Chinh nói :

— Ngài cho tiền để phụng dưỡng mẹ già tôi, chắc  
ngài có việc gì muốn dùng đến tôi. Nếu không rõ rõ tôi  
đâu dám nhận.

Nghiêm-Toại liền kè hết đầu đuôi câu chuyện Hiệp-Lũy bới nghĩa và tỏ ý muốn nhờ Nhiếp-Chính giết Hiệp-Lũy để báo thù.

Nhiếp-Chính nói :

— Ngày xưa, Chuyên-Chư cũng là một dung-si, có  
nói câu : "Lão mẫu hãy còn, không đem thân giúp ai cả".  
Nay tôi còn mẹ già, không thể nhận lời giúp ai được.

Nghiêm-Toại nói :

— Tôi mến nghĩa, nguyện giúp đỡ tráng-si để kết  
tinh anh em. Tôi đâu dám đem thù riêng của tôi đặt trước  
lòng hiếu tử của tráng-si.

Nhiếp-Chính bắt đắc dĩ phải nhận vàng, đem một  
nửa cho người chị tên là Doanh : còn một nửa thì ngày  
nào cũng mua món ngon vật lạ để phụng dưỡng mẹ già.

Được hơn một năm, mẹ Nhiếp-Chính chết, Nghiêm-  
Toại khóc buồn, lo việc tống táng. Nhiếp-Chính mang  
cái ơn ấy, nói với Nghiêm-Toại :

— Thân tôi ngày nay là của ngài, nếu ngài muốn dùng  
làm việc gì tôi cũng không dám tiếc.

Nghiêm-Toại hỏi kế báo thù Hiệp-Lũy. Nhiếp-Chính  
nói :

— Quan Tướng-quốc là kè quyển-quí, đi đâu có  
quân lính theo hầu, cần phải dùng kế chứ không phải chỉ  
dùng sức mà thôi.

Nghiêm-Toại hỏi :

— Tráng-si định dùng kế chi ?

Nhiếp-Chính đáp :

— Nay tôi đãt con dao nhọn vào mình, đến đó lén giết Hiệp-Lüy. Còn kế-hoạch thì tùy cơ ứng biến. Kể từ nay tôi không còn trông thấy mặt ngài nữa, và ngài cũng không nên hỏi đến việc của tôi.

Nhiếp Chính đến nước Hán, trọ nơi một quán cơm, rồi lén vào thành dò thám.

Một hôm vừa tan triều, Nhiếp-Chính trông thấy Hiệp Lüy ngồi trên xe, hai bên quân lính theo hầu rất đông, đưa về dinh. Nhiếp-Chính lẩn theo Đì đến sân tướng phủ Hiệp-Lüy xuống xe, bước vào trong ngồi trước án thư xem các giấy má. Bốn bể quân sĩ canh gác rất nghiêm.

Đợi cho Hiệp-Lüy có hơi mệt, Nhiếp-Chính bước vào nói với quân canh :

— Tôi có việc cần bầm với quan Tướng-quốc.

Bọn quân canh thấy là mặt, cản không cho vào. Nhiếp Chính lấy tay gạt bọn quân canh ngã lăn, rồi tiến lên thêm.

Hiệp-Lüy trông thấy sợ hãi toan bỏ chạy, nhưng Nhiếp-Chính nhanh như chớp, rút dao đâm vào bụng Hiệp-Lüy một nhát thấu đền lưng, không kịp la một tiếng.

Nhiếp Chính thấy bên ngoài náo động, quân lính vây đồng nghẹt, biết không trốn thoát được, lại sợ người ta biết mình là ai, vội dùng dao tự rạch mặt và khoét bỏ đôi mắt mình rồi đâm vào cổ tự vẫn.

Hàn-hầu được tin Hiệp-Lüy bị ám sát, vội vã truyền xe giá đến tận tướng dinh, lúc đó kẻ sát nhân đã tự hủy mình rồi, và cũng không biết người đó là ai nữa.

Hàn-hầu liền ra lệnh cảng thây Nhiếp-Chính giữa chợ, truyền khắp dân chúng, ai biết được tông tích kẻ sát nhọn đến khai báo thì được thưởng một ngàn nén vàng.

Tin ấy đồn đến nước Ngụy. Người chí Nhiếp-Chính hay được lẩn xuống đất khóc, và nói :

— Người đó tức là em ta rồi.

Nói xong, lên đường thẳng qua nước Hán, ôm thây Nhiếp-Chính khóc.

Người giữ chợ thấy thế lại hỏi. Người chị Nhiếp-Chính nói :

— Tôi tên là Doanh, chị của xác chết này. Vì vậy tôi mới đến đây than kídóc.

Người giữ chợ nói :

— Nàng là chị của kẻ sát nhơn, tất biết kẻ sát nhơn là ai ? Tại sao lại có hành động như vậy ?

Nàng Doanh nói :

— Em tôi tên Nhiếp-Chính, vì nghĩa mà giết quan Tướng-quốc để trả ân một người. Nay việc đã như vậy nếu tôi không đến nhận em tôi thật là bất nghĩa với đứa em, còn đến đây nhận nói cho mọi người biết, để liên lụy đến người ân nhân của em tôi lại là bất tín. Vì vậy tôi chỉ nói rằng em tôi vì nghĩa mà hành động thôi.

Nói xong, nàng Doanh đập đầu vào cột tư vận.

Hàn-hầu biết việc ấy khen nàng Doanh có nghĩa, truyền đem hai chị em mai táng, rồi phong cho Hán-sơn Kiền làm Tướng-quốc.

### *Nhận xét,*

— Quyền cao chức trọng mà không biết xử thế thì chẳng khác một cái đích để cho mọi người làm bia.

Lời xưa nói : « một trăm người bạn chưa đủ, một kẻ thù cũng đã quá nhiều ! »

Có một trăm người bạn, trong gian nguy chưa chắc đã có một người giúp đỡ, còn có một kẻ thù thì bất kỳ trong trường hợp nào kẻ ấy cũng chực hại ta.

Thù và bạn là mối liên hệ trong đời sống con người, kẻ thù giả không thể không để tâm đến. Trong đời sống không ai không có bạn, và cũng không ai tránh khỏi thù hận, nếu kẻ ấy tham gia vào sinh hoạt xã hội. Chính yếu tố bạn và thù gây ảnh hưởng nhiều vào việc họa phúc trong đời sống con người nhiều hơn hết.

Nhưng thế nào là bạn ? Thế nào là thù ?

Định nghĩa thù và bạn một cách rộng rãi thì chẳng phải chỉ những người gần ta, chơi thân với ta là bạn. Còn thù không phải chỉ những bắt binh ta, oán ghét, toan tìm mưu hại ta như thời đầu

Nhiều người không biết mặt ta, không quen với ta cũng vẫn là bạn. Lời xưa nói : « Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ». Kẻ không biết ta là ai, nhưng cùng một tâm trạng, một chí hướng mà mến dâm, vẫn là bạn, không cần phải quen mặt biết người. Còn kẻ thù của chúng ta không cần là kẻ biết mặt chúng ta mới là thù, mà kẻ thù chúng ta chính là những kẻ bôi phục những hành động của chúng ta hằng ngày. Như vậy, bạn và thù có thể là một số đông người, cuộc sống liên hệ đến chúng ta hằng ngày, không cần phải quen biết gì hết.

Để giảng giải quan niệm trên, có nhân thường nói : « Họa phúc do nhân cảnh vần thì » Họa phước do mình tạo nên cần gì phải hỏi ai. Hễ chúng ta làm lành thì chúng ta có nhiều bạn lành, chúng ta làm dữ có nhiều kẻ thù dữ. Thù và bạn đều do chúng ta tạo ra cả.

Quan niệm bạn và thù rất quan hệ trong lê sống, nhất là đối với những kẻ có quyền thế trong xã hội. Tuy nhiên, nhiều người có quyền thế địa vị lại ít trông thấy lê đó. Họ chỉ thấy những người bạn hay những người thù trước mắt mà không nhìn thấy những người bạn và những người thù sau lưng. Bạn và thù trước mắt dễ thấy, dễ giữ gìn, còn bạn và thù sau lưng không thể biết được, rất khó tự vệ.

Hơn nữa, kẻ có quyền thế cứ tướng mင h dù sức mạnh  
để bảo vệ lấy mình, nên trong công việc làm, họ gây nhiều ác  
cảm mà không để ý. Những kẻ đó thật ra chỉ là những kẻ  
thiên cản. Họ có biết đâu dù một kẻ bẩn tiện đến đâu, trong  
lúc họ liều chết, họ cũng có thể diệt được kẻ thù của họ.

Trường hợp Hiệp Lũy, một kẻ phản bội, lúc nghèo hèn  
thì thường dựa người khác, đến lúc thành đạt lại quên ơn.  
Hiệp-Lũy ngồi trong trường phủ, với chức vụ Tướng quốc  
tướng không ai có thể làm hại được mình, thật là một điều  
lầm lẫn vậy.

Cho nên, muốn tránh kẻ thù không gì tốt hơn là tự mình  
đừng gây thù. Đừng gây thù không phải mọi việc gì cũng  
không dám làm, mà chỉ cần từ bỏ những việc làm thất nhân  
tâm mà thôi. Bởi vì, chỉ có những việc thất nhân tâm mới  
làm cho người ta thù hận, còn việc phải, có lợi cho  
cho nhiều người, không phải riêng cho mình, thì ít ai cho đó  
là thù.

Chúng ta chỉ sợ những kẻ thù chính đáng, mà không nên  
cần nệ những kẻ thù không chính đáng.

Đối với nàng Doanh, chị Nhiếp-Chính, đương nhiên  
là kẻ thù của triều đình nước Hán, vì em nàng đã giết quan  
Tướng quốc của họ, tuy nhiên, nàng Doanh đã đem khi phách  
của mình ra dám làm một chuyện chính đáng, để những kẻ  
thấy xa hiều rộng như vua Hán phải khâm phục. Cho nên,  
bạn và thù đều do ở hành động của con người mà ra cả.



## SÔ-KÝ KHUYÊN VUA SỞ

— Tôi học nghề đàn tết phải biết chơi đàn. Cũng như Đại-vương làm vua tết biết lễ trị nước. Nếu Đại-vương bỏ nước không trị thì cũng như tôi ôm đàn mà không gảy. Tôi ôm đàn mà không gảy được tết Đại-vương không thỏa lòng. Đại-vương làm vua mà bỏ việc trị nước thì thiên hạ oán hận.

Bấy giờ nước Tề do họ Điền soán đoạt, truyền ngôi đến Điền-nhân-Tề thì nước Tề giàu mạnh. Vua Tề thấy hai nước Ngô, Việt suy yếu vẫn lạm xưng vương vị, bèn nghĩ thăm :

— « Nước Tề ta đâu kém Ngô, Việt, tại sao ta vẫn giữ chức hầu ».

Liền tự xưng vương hiệu, xưng là Tề Uy-Vương.

Tề Uy-Vương từ khi lên nối ngôi, đắm say tiêu sái. Ít chăm nom đến việc quốc chính. Trong khoảng chín năm qua, các nước Hàn, Ngụy, Lỗ, Triệu thường đem quân đến đánh. Các tướng trấn nơi biên ài nhiều khi cự không lại phải làm sớ về triều cắp báu.

Một hôm, có một gã thư sinh vào yết kiến Tề Uy-Vương và nói :

— Tôi vốn người bản quốc, có biết về đàn cầm, nghe Đại-vương thích âm nhạc, nên xin vào yết kiến.

Tề Uy-Vương sai người đặt một cái ghế trước mặt mình, rồi hỏi :

— Nhà ngươi tên họ là chi ?

Sô-Ký thư sinh nói :

— Tôi họ Sô, tên Ký.

Tề Uy-Vương sai nội thị lấy một cây đàn cầm đưa đến và nói :

— Nhà ngươi từ xa đến đây hầu ta chắc là nghe ươn tuyệt hảo. Vậy thử gảy lên một bản xem nào.

Sô-Ký cầm đàn lên dây nhưng không gảy.

Tề Uy-Vương lấy làm lạ hỏi :

— Đã so dây sao lại không gảy, hay là nhà ngươi khinh ta không biết nghe đờn.

Sô-Ký đặt cây đàn xuống và nói :

— Tôi biết là biết về nhạc lý, còn gảy lên tiếng đàn đó là việc của bọn nhạc công, tôi đâu có biết gảy cũng không dám gảy hầu Đại-vương.

Tề Uy-Vương hỏi :

— Nhạc lý như thế nào ?

Sô-Ký nói :

— Nhạc lý về đàn cầm thì « cầm » có nghĩa là cầm chỉ những sự cầm tay giữ vững chính đạo. Thời xưa, vua Phục-Hi chế ra đàn cầm gồm có năm dây, dây lớn là vua, dây nhỏ là bệ tông, sau Văn-Vương và Vũ Vương mỗi người lôi thêm một dây nữa để cho inh ý vua tôi được hợp nhau. Xem thế dù biết rằng vua tôi có tương đặc thì chính lệnh mới được hòa hợp. Đầu cái đạo trị nước cũng chỉ như thế mà thôi.

Tề Uy-Vương nói :

— Nhà ngươi nói nghe rất phải, đã biết cầm lý thì thế nào cũng thông thạo về cầm âm, vậy thử gảy lên một khúc đàn nghe thử.

Sô-Ký nói :

— Tôi học nghề đàn tất phải biết chơi đàn. Cũng như Đại-vương làm vua tất phải biết trị nước. Nếu Đại-vương bỏ nước không trị thì cũng như tôi ôm đàn mà không gảy. Tôi ôm đàn mà không gảy thì Đại-vương không được thỏa lòng, Đại-vương làm vua mà bỏ việc trị nước thì thiên hạ oán hận.

Tề Uy-Vương ngạc nhiên nói :

— Nhà ngươi đến đây cốt mượn cây đàn để khuyên ta. Ta hiểu rồi.

Nói xong, lưu Sô-Ky ở lại hữu thất. Sáng hôm sau, Tề Uy-Vương tắm gội sạch sẽ, mời Sô-Ky vào để bàn việc. Sô-Ky khuyên Tề Uy-Vương tiết chế tữu sắc, bỏ nịnh cầu hiền, luyện tập quân sĩ kinh doanh nghiệp bá.

Tề Uy-Vương rất hài lòng, phong Sô-Ky làm Tướng quốc.

Trong triều có kẻ biện-sĩ là Thuần-vu-Khôn, vốn là một tay mưu lược, thấy Sô-Ky chỉ nói mấy câu mà được làm Tướng quốc, lòng không phục, đem đồ đảng minh sang dinh Sô-Ky để dùng lời nhục mạ.

Sô-Ky tiếp đãi rất tử tế. Thuần-vu-Khôn nét mặt rất kiêu ngạo, nghiêm nhiên ngồi ở ghế trên, to tiếng nói với Sô-Ky :

— Tôi vừa nghĩ được mấy điều, muốn đem giải bày cùng quan Tướng-quốc chăng biết có nên chăng ?

Sô-Ky nói :

— Xin ngài cứ cho biết.

Thuần-vu-Khôn nói :

— Con không lia mẹ, vợ không lia chồng.

Sô-Ky nói :

— Xin vâng, từ nay tôi xin ở luôn bên cạnh vua, không dám rời.

Thuần-vu-Khôn lại nói :

— Dù gỗ cức làm bánh xe, lại bôi vào mỡ, thế thi  
đã trơn láng lắm rồi, song nếu lạm cái lô vuông thì không  
thì nào chuyền vận được.

Sô-Ký nói :

— Xin vâng, tôi chẳng bao giờ làm điều gì trái nhân  
tình.

Thuần-vu-Khôn nói :

— Cán cung cứng đến đâu, có lúc phải uốn cong,  
nước nguồn chảy ra bè tự nhiên mà họp.

Sô-Ký nói :

— Xin vâng, từ nay tôi phải yêu mến muôn dân.

Thuần-vu-Khôn lại nói :

— Áo hò cùu dẫu nát, không nên đem da chó vá  
vào.

Sô-Ký nói :

— Xin vâng, tôi sẽ kén chọn người hiền mà dùng,  
không dám cho kẻ tiêu nhơn lẩn vào việc nước.

Thuần-vu-Khôn lại nói :

— Các vật nặng không dùng cân thì không hiểu  
được trọng lượng, dây đan không so thì không thể nào  
hòa hợp được.

Sô-Ký nói :

— Xin vâng, tôi xin chỉnh đốn pháp luật để sửa chữa  
những kẻ tà tâm.

Thuần-vu-Khôn nin lặng, sụp lạy rồi lui ra. Khi  
qua khỏi cửa các môn đệ theo hầu hỏi nhò :

— Lúc mới vào sao thầy có ý kiêu ngạo, mà đến lúc  
về thầy lại chịu khuất phục ?

Thuần-vu Khôn nói :

— Ta mới ngỏ năm điêu, quan Tướng-quốc rõ đặng ý ta, ứng đối thông suốt, thế là một bậc đại tài, ta không sánh kịp.

Từ bấy giờ các biện sĩ nghe tiếng Sô-Ký không ai dám đến nước Tề. Sô-Ký lấy lời nói của Thuần-vu-Khôn sửa sang việc nước, thường dò xét các quan ấp tè xem ai hiền ai nịnh.

Trong triều ai cũng khen quan Đại-phu đất A là một người hiền mà chê quan Đại-phu đất Túc-Mặc là người biếng nhác.

Sô-Ký cho người đến dò xét. Sau khi rõ sự thực, Sô-Ký vào tâu lại với Tề Uy-Vương. Tề Uy-Vương liền triệu quan Đại-phu đất A và đất Túc-Mặc đến.

Quan Đại-phu đất Túc-Mặc đến trước, Tề Uy-Vương không nói gì cả. Đợi cho quan Đại-phu đất A đến, Tề Uy-Vương mới triệu tập quần thần để định việc thưởng phạt. Quần thần đều định nịnh rằng quan Đại-phu đất A thế nào cũng được trọng thưởng, còn quan Đại-phu đất Túc-Mặc tất bị quở mắng.

Tề Uy-Vương lâm triều, gọi quan Đại-phu đất Túc-Mặc đến, nói :

— Từ khi nhà ngươi ra trấn thủ Túc-Mặc, ngày nào ta cũng nghe lời chê bai. Ta cho người dò xét nơi Túc-Mặc thì thấy ruộng nương mờ rộng, nhân dân giàu có, công việc không bị chậm trễ. Thế là bởi nhà ngươi chuyên lòng trị dân, không chịu đem lễ vật đút lót cho những kè thân cận ta, nên họ tìm lời chê bai sàm nịnh.

Nói xong liền già phong cho quan Đại-phu Túc-Mặc. Đoạn gọi quan Đại-phu đất A đến, nói :

— Từ khi nhà ngươi ra trấn nơi đất A, ngày nào

ta cũng nghe những lời khen ngợi, ta sai người dò xét đất A thì thấy ruộng đất bỏ hoang, nhân dân đói rét. Hôm trước quân Triệu đến xâm lấn bờ cõi mà nhà ngươi cũng không biết cứu. Thế mà nhà ngươi chỉ biết đem lẽ vật đút lót cho những kẻ tâm phúc ta đè mua chuộc lấy tiếng thơm, kỳ thực, người đã hại dân phản nước.

Nói xong, truyền võ sĩ nấu một vạc dầu, bắt quan Đại-phu đất A bỏ vào đấy để làm gương. Lại đòi những kẻ nào ngợi khen quan Đại-phu đến trách mắng và giết hơn mười kẻ tâm phúc của mình để răn quan Đại-phu đất A.

Mọi người trông thấy ai cũng run sợ. Người ngay nức lòng, kẻ gian vờ mặt.

Từ đấy, Tề Uy-Vương kén chọn người tài, cho đi trấn thủ các quận. Sai Đàm-Tử đi trấn thủ Nam-thành để chống cự với Sở, sai Điền-Miện đi trấn thủ Cao-đường để chống cự với Yên, còn hai chức Tư-khẩu và Tư-mã cũng chọn người giỏi cả.

Vì vậy chẳng bao lâu trong nước cường thịnh, Tề Uy-Vương nghĩ công Sở-Ký, đem đất Hạ-Bì phong tặng, và nói :

— Nước Tề ngày nay hùng mạnh như vậy là nhờ ở công nhà ngươi đó. Ta đặt tên cho ngươi là Thành-Hầu.

Sô-Ký tạ ơn xong lại tâu :

— Trong năm đời làm bá chủ thì Tề Hoàn-Công và Tần Văn-Công là thịnh hơn cả. Sở dĩ hai vua ấy được hùng cường nhờ bên trong biết trị nước, bên ngoài biết dùng chính nghĩa chế chư hầu. Nay Đại-vương lấy danh hiệu Thiên-tử nhà Châu sai khiến chư hầu, thì sự nghiệp của Đại-vương chẳng kém gì Tề-Hoàn Công thuở nọ.

Tề Uy-Vương nói :

— Ta đã tiếm xưng vương hiệu lẽ nào lại còn vào chầu Châu-Vương được.

Sô-Ký nói :

— Tự xưng vương là để tỏ uy dung đối với chư hầu, chứ không phải xưng vương để đối địch với nhà Châu. Khi Đại-vương vào chầu Thiên-Tử, hãy tạm xưng là Tề-hầu, như thế tất Thiên-Tử yêu mến đức khiêm tốn của Đại-vương vậy.

Tề Uy-Vương theo lời, sửa soạn áo mao vào triều Châu.

Bấy giờ là năm thứ sáu đời Châu Liệt-Vương. Nhà Châu suy yếu đã lâu, các chư hầu đều bỏ, không đến triều cống, nay Tề Uy-Vương đến, cả triều đều mừng rỡ. Châu Liệt-Vương phán :

— Các chư hầu lâu nay phản phúc, không nước nào thản phục. Nay được hiền hầu nghỉ đến, lòng ta rất bùi ngùi cảm động.

Nói xong, Châu Liệt-Vương đem đồ chầu báu phong tặng cho Tề Uy-Vương.

Tề Uy-Vương bái lịnh, trở về nước, ai trông thấy cũng ca tụng là người hiền đức. Tiếng đồn vang khắp chư hầu.

*Nhân-xel :*

— Nói lời phải không bằng làm cho người ta nhận thức được lời phải.

Sô-Ký gảy đàn can vua Tề là một nghệ thuật chính-trị.

Tại sao phải gọi là một nghệ thuật chính-trị ?

Vì, chính trị là đường lối an bang tể thế, còn nghệ thuật chính trị tức là phương pháp để thực hiện đường lối đó.

Sở dĩ gọi là nghệ thuật, vì phương pháp thực hiện chính-trị rất phức tạp, tinh nhạy, tùy lúc, tùy người, tùy thời. Cho nên kẻ làm chính-trị phải có nghệ thuật, mà người đời thường cho đó là một mưu mò, xảo quyết, hoặc là thủ đoạn chính-trị.

Tuy nhiên, dẫu muôn gọi bằng gì đi nữa, thì mục đích của phương pháp thực hiện chính trị là đặt mình lên trên mọi sự việc, hoàn cảnh, để giải quyết sự việc, hoàn cảnh ấy theo ý chí của mình.

Nghệ thuật chính trị là chinh phục hoàn-cảnh và nhân-tâm, lôi cuốn mọi người vào một mục đích duy nhất, cho nên nghệ thuật chính trị phải luôn luôn đặt trước một đối tượng mà đối tượng ấy không lúc nào giống nhau. Đối tượng không giống nhau thì nghệ thuật luôn luôn biến đổi.

Con người thời xưa, nhân tâm thời xưa không giống với xã hội thời nay, con người thời nay, nhân tâm thời nay, cho nên người làm chính trị thời nay không thể giống với con người làm chính trị thời xưa về phương diện nghệ thuật được, mặc dù mục đích vẫn không khác mấy.

Sô-Ký chỉ rành về nhạc lý, không biết khảy đòn, mà đem đòn đến gảy cho vua Tề nghe, mục đích không phải gảy đòn, mà là để giặc nghe vua Tề. Vua Tề là một kẻ ham mê tiêu sái, thích đòn ca múa hát nếu không dùng cày đòn thì đời nào vua Tề chịu cho Sô-Ký, một gã bạch diện thư sinh vào yết kiến. Đem đòn vào yết kiến vua Tề, đó là một nghệ thuật chính trị của Sô-Ký.

Muốn làm cho người ta giắc ngô trước nhất phải làm cho người ta chịu nghe lời phái của mình, mà muôn cho người ta chịu nghe lời phái trước tiên phải gảy cảm tình với người ta đã. Việc gảy cảm tình với kẻ khác không gì hơn là tìm cái mà người ta ưa thích để được gần gũi.

Sô-Ký ôm đòn đến yết kiến vua Tề, nhưng không gảy

cho vua Tề nghe tiếng đòn, mà gảy cho vua Tề nghe những lời lẽ về chính trị. Đó là một phương pháp chính trị.

Phương-pháp về chính-trị có lúc gần như thủ đoạn xảo quyệt, trái với những đức tính « tin, nghĩa » thời xưa. Tuy nhiên đó, chẳng qua là đối với những kẻ cõi chăp, còn những kẻ thấy xa, suy rộng, không đem phương pháp ấy kết tội một cách hổ đồ, mà chỉ xét mục đích của phương pháp ấy có chính đáng không. Nếu hành động bằng « tin, nghĩa » mà mục đích của hành động ấy không chính đáng thì việc tin nghĩa ấy cũng chẳng đáng khen gì.

Người làm chính trị tánh tình như nước : tuy mềm mà không yếu, tuy mạnh mà không cứng, có thể biến đổi từng hình thái mà vẫn không thay đổi.

Muốn được vậy, người làm chính trị phải có một tâm hiều biết khá cao về mọi phương diện, vượt hẳn lên trên sự hiều biết tầm thường, lấy thành công làm mục đích chính, quên mọi cá tính của mình. Sô-Ký đúng là một kẻ chính-trị vậy.



## ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ CỦA VỆ-UỐNG

— Thuật dụng người đời hỏi chữ tín. Không có đức tin thì không ai chịu cõi súc giúp mình. Kẻ có chữ tin trước khi dùng người rất cần đo suy tính, đến khi chọn được người giao trách nhiệm không còn nghi ngờ, đầu có ai dám pha cung mặc, không bao giờ nói sai lời.

Công-tôn Uống gọi là Vệ-Uống, từ thuở bé theo học về bình-danh, có chí lớn, song thấy nước Vệ nhỏ yếu.

không đủ đẽ thi thố tài năng mình, nên bỏ nước Vệ sang nước Ngụy vào làm gia thần cho quan Tướng-quốc nước Ngụy là Điền-Văn.

Điền-Văn chết, Công-tôn Tọa lên thay làm Tướng-quốc, Vệ-Uởng trở thành gia thần của Công-tôn Tọa. Công-tôn Tọa biết Vệ-Uởng là người có tài mưu tâu với vua Ngụy cho Vệ-Uởng làm chức Trung Thú-tử. Vì chức này tùy thuộc chức Tướng-quốc, nên mỗi khi có việc gì cần, Công-tôn Tọa mời Vệ-Uởng đến bàn bạc.

Chẳng bao lâu, Công-tôn Tọa bị bệnh. Ngụy Huệ-Vương thân hành đến thăm, thấy bệnh Công-tôn Tọa quá nặng, Ngụy Huệ-Vương úa nước mắt, hỏi :

— Quan Tướng-quốc mà từ trần thì ta biết chọn ai thay thế ?

Công-tôn Tọa nói :

— Vệ-Uởng đầu tuồi trẻ, nhưng là bậc kỳ tài, nếu Đại-vương tin dùng, người đó hơn tôi nhiều.

Ngụy Huệ-Vương nín lặng. Công-tôn Tọa lại nói tiếp :

— Nếu Đại-vương không muốn tôi dùng người ấy thì nên giết đi, nếu đẽ người ấy sang nước khác tất có ngày nguy hại cho nước Ngụy.

Ngụy Huệ-Vương nhận lời. Nhưng khi lên xe ra về, Ngụy Huệ-Vương thở dài than :

— Công-tôn Tọa bị bệnh sinh ra mê man xui ta dùng Vệ-Uởng làm Tướng-quốc là sai, lại bảo ta không dùng thì giết Vệ-Uởng đi, đừng cho đến nước khác. Ôi chao ! Vệ-Uởng có gì mà Công-tôn Tọa cho là quan hệ đến thế.

Lúc Ngụy Huệ-Vương đi khỏi, Công-tôn Tọa kêu Vệ-Uởng đến nói :

— Vừa rồi ta có đề nghị với Đại-vương dùng nhà người. Đại-vương không bằng lòng. Ta lại nói : « Nếu không dùng thi giết nhà người đi vì nhà người là bậc nhân tài, đê đi nước khác có hại ». Nay ta nói thực với nhà người. Nhà người hãy mau trốn đi kẽo mang họa.

Vệ-Uòng nói :

— Đại vương đã không nghe lời quan Tướng-quốc mà tung tôi, thi Đại-vương đâu có nghe lời quan Tướng-quốc mà giết tôi !

Vệ-Uòng không chịu đi trốn. Quan Đại-phu là Công-tử Cung có quen với Vệ-Uòng, liền tiến dẫn Vệ-Uòng với Ngụy Huệ-Vương. Ngụy Huệ-Vương cũng không chịu dùng.

Giữa lúc đó, Vệ-Uòng nghe tin nước Tân đang ra lệnh cầu hiền, Vệ-Uòng liền bỏ Ngụy sang Tân, xin vào yết kiến Cảnh-Giám là người hầu cận của Tân Hiếu-Công.

Cảnh-Giám thấy Vệ-Uòng nói năng thông suốt, liền dẫn vào ra mắt Tân Hiếu-Công. Tân Hiếu-Công hỏi đến việc nước, Vệ-Uòng viện dẫn các đời vua như Hi, Nông Nghiêu, Thuấn để trả lời.

Tân Hiếu-Công ngồi nghe, ngủ thiếp lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, Cảnh-Giám vào yết kiến, Tân Hiếu-Công trách mắng :

— Vệ-Uòng là kè gác đồn, nói toàn chuyện viễn vông, sao nhà người lại đem vào yết kiến ta ?

Cảnh-Giám sợ sệt cúi đầu lui ra, trở về nói với Vệ Uòng :

— Tôi đưa tiên sinh vào yết kiến Chúa-công, sao tiên sinh lại nói toàn là chuyện viễn vông đê tôi phải bị trách mắng.

Vệ-Uờng nói :

— Tôi đem để đạo nói với Chúa-công nhưng Chúa-công không hiểu. Vậy xin cho tôi vào yết kiến lần nữa.

Cảnh-Giám nói :

— Chúa-công đã không bằng lòng, tiên sinh chờ nóng lòng vào vội.

Vệ-Uờng thở dài, đợi đến năm ngày lại nói với Cảnh-Giám xin vào yết kiến Tân Hiếu-Công.

Tân-Hiếu-Công cho Vệ-Uờng vào. Vệ-Uờng giải bày những công việc vua Hạ-Vũ và vua Thang.

Tân Hiếu-Công ngồi nghe một lúc rồi cũng ngủ thiếp đi. Vệ-Uờng lui ra, đến cửa cung thì gặp Cảnh-Giám đứng chờ.

Cảnh-Giám hỏi :

— Ngày hôm nay thế nào ?

Vệ-Uờng nói :

— Tôi dùng Vương-đạo mà giải, nhưng Chúa-công vẫn cứ thiu thiu ngủ, chẳng dè ý.

Cảnh-Giám nói :

— Ông vua dùng người khác nào kè săn bắn dùng cung, mong sao sớm tối có lợi ngay, thế mà tiên-sinh đem Đế-đạo, Vương-đạo toàn là chuyện xa vời, làm sao Chúa-công không chán ghét.

Vệ-Uờng nói :

— Lúc trước tôi chưa biết chí hướng của Chúa-công thế nào, tôi sợ Chúa-công có chí cao mà nói thấp làm rầy tai ch้าง ? Nay tôi đã dò được ý rồi, giả thử tôi vào yết kiến Chúa-công lần nữa lo gì không hợp ý.

Cảnh-Giám nói :

— Tiên-sinh hai lần vào yết kiến Chúa-công, hai lần làm cho Chúa-công ngủ say, thế thì tôi đâu có vị nè tiên-sinh đến bực nào cũng chẳng dám cho tiên sinh vào yết kiến lần nữa.

Vệ-Uòng buồn bã, thở dài. Sáng hôm sau Cảnh-Giám vào cung tạ tội không dám nói đến tên Vệ-Uòng nữa.

Khi Cảnh Giám lui ra, Vệ-Uòng đón ở cửa Ngõ-môn, hỏi :

— Ông có lâu với Chúa-công cho tôi vào yết kiến nữa chăng ?

Cảnh-Giám nói :

— Tôi không dám nhắc đến tên tiên-sinh.

Vệ-Uòng nói :

— Tôi nói đến Đế đạo, Vương đạo, Chúa-công không bằng lòng, nay tôi còn việc Bả đạo, dám chắc Chúa-công sẽ hợp ý.

Cảnh-Giám nói :

— Tôi chỉ sợ Chúa-công giận không muốn nghe nữa mà thôi. Vậy tiên sinh hãy thư thả, đợi năm ngày nữa, chờ Chúa-công nhắc đến, tôi sẽ lừa lời khai tấu.

Qua năm ngày, nhân lúc Tân Hiếu-Công đang uống rượu, Cảnh Giám đứng hầu, có con chim hồng bay qua, Tân Hiếu-Công bỏ ly rượu xuống, nét mặt buồn bã.

Cảnh-Giám khép nép nói :

— Chẳng hay có việc gì mà Chúa-công thẫn thờ ?

Tân Hiếu-Công nói :

— Ngày xưa Tề Hoàn-Công có nói : « Ta được Quản Trọng khác nào chim hồng có cánh. Nay ta hạ lệnh cầu biển, đã hơn mấy tháng mà kiếm không được người

hiền, khác nào như chim hồng có chí bay nhảy mà thiếu lông cánh. Vì vậy ta buồn.

Cảnh Giám tâu :

— Vệ-Uống có ba thuận : Đế-đạo, Vương-đạo và Bá-đạo. Hai thuật Đế-đạo và Vương-đạo Chúa-công đã nghe rồi, vậy thì cũng nên cho trình bày thêm Bá-đạo xem sao.

Tần Hiếu-Công nghe nói đến Bá-đạo lấy làm hợp ý, truyền lời Vệ-Uởng đến.

Tần Hiếu-Công hỏi Vệ-Uởng :

— Nhà ngươi biết về Bá-đạo, sao không nói trước cho ta nghe ?

Vệ-Uởng nói :

— Không phải tôi không muốn nói đến nhưng Vương-đạo với Bá-đạo khác nhau không thể trình một lúc. Vương-đạo thì cốt lấy dân tình làm căn bản, còn bá-đạo cốt lấy sức mạnh làm nồng cốt. Mà đã lấy sức mạnh làm nồng cốt thì tất phải trái lòng dân.

Tần Hiếu-Công biến sắc mặt, chổng thanh kiếm hỏi :

— Bá-đạo cần gì phải trái lòng dân mới làm được.

Vệ-Uởng nói :

-- Bá-đạo doạt lấy sự thành công cấp thời, nếu không dùng sức mạnh dè cương ép dân tình thì ai mà tuân theo. Trái lại Vương-đạo phải giác ngộ nhân dân làm cho nhân dân tự nguyện thi hành bồn phận cứu nước. Hai đạo ấy khác nhau xa lăm. Xưa Quản-Trọng giúp Tề Hoàn-Công, đập phá hết các tờ chức cũ, thay vào đó các tờ chức mới như đặt ra phép nội chính và quân lệnh, chia nước Tề ra làm hai mươi lăm hương, đồi hết luật lệ cũ. Trong lúc đó những kẻ vì lợi riêng, thấy cái lợi

trước mắt không thấy cái lợi trăm năm vẫn đem lòng hắt mǎn, đến khi nước được cường thịnh dân được sung sướng mới biết Quản-Trọng là bậc đại tài.

Tề Hiếu-Công nói :

— Nếu nhà ngươi quả có tài như Quản-Trọng thì ta sẽ giao hết việc quốc chính cho. Nhưng nhà ngươi cho ta biết dự tính của nhà ngươi như thế nào ?

Vệ-Uờng nói :

— Nước giàu thì quân hùng, mà quân hùng thì phải mở mang ruộng đất, đẽ cho dân nộp thuế sung túc tiền kho đầy đủ mới luyện tập quân sĩ. Tuy nhiên, điều cốt yếu là phải cho dân an, mà dân an thì pháp luật phải được nghiêm minh, kè lanh đạo luôn luôn nêu gương tín nghĩa.

Tần Hiếu-Công nói :

— Hay lắm, cái thuật ấy ta có thể theo được.

Vệ-Uờng nói :

— Dùng người là một nghệ thuật. Tìm không được người giỏi mà dùng thì hư nước. Nhưng đã tìm được người giỏi rồi mà không biết dùng cũng chẳng lợi gì.

Tần Hiếu-Công hỏi :

— Thế nào là thuật dùng người ?

Vệ-Uờng nói :

— Thuật dùng người đòi hỏi chữ tín. Không có đức tin thì không ai chịu cố sức giúp mình. Kẻ có chữ tín trước khi dùng phải đắn đo suy nghĩ. Đến khi chọn được người rồi giao trách nhiệm không còn nghi ngờ, đâu có ai dám pha cỗng mặc, không bao giờ nói sai lời.

Nói đến đây, Vệ-Uống bái tạ lui ra.

Tần Hiếu-Công nói :

— Ta còn đang muốn nghe nhà ngươi nói, cớ sao lại từ giã vội ?

Vệ-Uống nói :

— Xin Chúa-Công nghĩ kỹ trong ba ngày, xem lời nói tôi hơn thiệt như thế nào. Nếu Chúa-Công cần hỏi đến tôi chẳng dám giấu.

Nói xong Vệ-Uống lui về, Cảnh-Giám thấy thế, trách :

— Chúa-Công đang ngồi khen lời của tiên sinh, sao tiên-sinh không nhận cơ hội ấy mà bày tỏ cho cạn lời.

Vệ-Uống nói :

— Tôi xem ý Chúa-Công chưa quyết định được lẽ hơn thiệt. Vì vậy, để cho Chúa-Công có thời giờ tĩnh đã.

Sáng hôm sau, Tần Hiếu-Công cho người sang triệu Vệ-Uống. Vệ-Uống từ chối không vào, nói :

— Hôm qua tôi đã tâu với Chúa-Công rồi. Nay chưa được ba ngày tôi dám đâu vào yết kiến.

Cảnh-Giám khuyên Vệ-Uống chờ nên từ chối làm phật ý vua Tần.

Vệ-Uống nói :

— Tôi vừa định ước với Chúa-Công mà đã thất tín như vậy làm sao sau này tôi thủ tin với Chúa-Công cho được ?

Bấy giờ Cảnh-Giám mới chịu phục. Qua đến ngày thứ ba, Tần Hiếu-Công sai người đem xe đến rước Vệ-Uống vào triều bàn việc.

Vệ-Uống vào, đưa ý kiến chỉnh đốn công việc triều chính nước Tần, hai bên bàn bạc suốt ba ngày liền mà không hề mỏi mệt.

Tân Hiếu-Công phong Vệ-Uởng làm Tướng-quốc, lại truyền khắp triều thần biết, tất cả chính lệnh đều do Vệ-Uởng định đoạt.

Bấy giờ Vệ-Uởng mới đem tân lệnh ra ban bố trong dân chúng.

Tân lệnh như sau :

1.— *Định-đô* : Đất Hàm-Dương là nơi danh lam thắng cảnh ở nước Tân, xung quanh có núi non bao phủ, sông núi hiền trờ, nay phải thiên đô ra đó để định Vương-nghiệp.

2.— *Kiến-huyện* : Các thôn trấn trong nước đều đổi ra làm huyện, mỗi huyện có viên lệnh thừa, để coi việc hành pháp. Ai trái luật tùy nặng nhẹ xét xử.

3.— *Thồ-tịch* : Tất cả những đất bỏ hoang ở ngoài cõi, trừ những đường dành cho xe, ngựa đi lại, còn bao nhiêu bắt dân phải khai phá cho thành diền. Lúc nào ruộng ấy thành thực, nhà nước mới dặng lập thuế.

4.— *Định-phú* : Ruộng đất cứ chia từng mảnh mà thu. Thuế ruộng đất ấy đều nộp về công sản, bỏ chế độ tư nhân chiếm hữu.

5.— *Bản-phú* : Con trai phải biết cày ruộng, con gái phải biết dệt ciri. Ai cày được nhiều ruộng, dệt được nhiều vải thì gọi là lương dân, được miễn dịch trong một nhà. Người nào nghèo khổ quá thì được thu vào làm nô bộc ở các nhà quan lại. Người nào lang thang ngoài đường không có việc gì thì coi là kẻ biếng nhác, bắt lương. Nghề thợ và buôn bán đánh thuế rất nặng.

6.— *Khuyến-chiến* : Cứ theo quân-công mà định quân tửc. Ai chém được một cái đầu thì thường một cắp, ai lùi bước thì chém ngay. Kẻ có công nhiều được thường xe cộ, áo quần, tùy ý muốn hoa mỹ thế nào cũng được, không hạn chế. Kẻ nào không có công, đầu nhà giàu cũng bắt phải mặc vải, đi chân không. Ra trấn, kẻ có chức vụ

không lập được công thì sẽ mất chức.

7.— *Cấm gian* : Cứ năm nhà gọi là « bảo », mười nhà gọi là « liên », một nhà có lối chín nhà phải tố cáo, nếu không tố cáo thì chín nhà bị tội. Ai tố cáo được kẻ gian được coi là một chiến sĩ đánh giặc, cũng được thưởng. Ai chưa chấp kẻ gian thuộc vào tội đồng lõa phải chết chém. Các quan cơm có người ngủ trọ phải khai báo với nhà chức trách. Trong dân chúng, người nào có tội thì tài sản phải tịch biên sung công.

Lệnh ấy vừa ban bố trăm họ xôn xao. Kẻ cho là phải, người bảo rằng không.

Vệ-Uòng cho người đi nghe ngóng, bắt tất cả những người xôn xao dư luận vào trại mắng :

— Chúng bay là dân, luật lệ trong nước ban hành phải tuân theo, nếu bảo là không đúng túc là ngang ngạnh, còn bảo là đúng túc là kẽ ô mị, hai kẽ ấy đều có tội như nhau.

Mắng xong, truyền biên lấy họ tên rồi đem đày ra biển cảnh. Quan Đại-phu là Cam-Long và Đô-Trí vì tội nghị luận tân lệnh đều bị giáng làm thứ dân.

Từ bấy giờ mọi người đều khiếp sợ, không ai dám nói gì.

Vệ-Uòng sửa sang cung khuyết ở đất Hàm-Dương rồi chọn ngày thiêng đó.

Thế-tử Tứ có ý không thuận, chê tân-lệnh là không phải.

Vệ-Uòng nồi giận nói :

— Pháp luật không thi hành được bởi người trên. Nay Thế-tử là kẻ nối ngôi vua không thể hình được, nhưng nếu tha thì trái phép.

Vệ-Uòng liền tâu với Tân Hiếu-Công, bắt quan.

Thái-sư và Thái-phó là người dạy ngôi Thế-tử học, làm tội.

Quan Thái-sư là Công-tôn Giả và quan Thái-phó là Công-tử Kiều đều bị cắt mũi.

Dân chúng thấy vậy bảo nhau :

— Thế-tử trái lệnh còn phải mang họa huống hồ kẻ khác.

Từ đó, dân chúng việc gì cũng tuân theo, không ai dám khinh thường tân lệnh. Bấy giờ nước Tân của bỏ rơi ngoài đường cũng không ai dám lượm, trong nước không có kẻ phi gian, dân chúng chỉ lo tròn bồn phận giúp nước.

*Nhận xét :*

**TÌM SÁCH.** — *Những người tài thời nào cũng không thiếu nhưng những kẻ biết dùng người tài xưa cũng như nay, thật rất ít.*

*Nhân tài không phải là những kẻ đang ngồi trên địa vị cao, mà chính là những kẻ đem thân giúp cho những người tạo nên cái địa-vị ấy. Cho nên, xưa cũng như nay, nói đến nhân tài người ta không chú trọng ở những kẻ ngất ngưởng trên ngai vàng, trên thế lực, mà người ta hướng về thôn dã, không đua chen với quyền thế địa vị.*

Bất kỳ một chế độ nào, một xã hội nào, với thời gian nào, một cảnh én không tạo nồi mùa xuân, một cây cao không thành khu rừng, một dòng suối không làm thành sông lớn. Trong lãnh vực chính trị rất cần nhiều người đứng ra góp sức mới dựng nên xã hội hùng mạnh.

Tuy nhiên, đương lối cũng có một chế độ xã hội không phải ai cũng đủ sức thấu triệt, trong đó cần một người tài năng đứng ra lãnh đạo giỏi, thì mọi việc mới trôi chảy, đưa đến thành công.

Cũng như một ngôi nhà cần phải có cột kèo, tường vách, nhưng nếu chúng ta không có một đồ án xây cất, và một thợ khéo để xây cất thì cột kèo sẽ không thể trở thành một ngôi nhà theo ý muốn.

Một ông vua, một kẻ lãnh đạo trong nước, chẳng qua là một chủ nhân ông, bỏ tiền ra mua cột kèo, cây gỗ, vật dụng, còn người tạo nên ngôi nhà chính là kẻ lập đồ án và người thợ khéo xây cất.

Người chủ nhà biết tìm người khéo lập đồ án, và xây cất thì ngôi nhà chắc chắn, đẹp đẽ; còn nếu sử dụng người không tinh vi, ngôi nhà sẽ xấu, và sập đồ ngay.

Như vậy, dùng người là yếu tố cần thiết cho những kẻ muốn cất nhà, cần thiết cho những người đứng ra lãnh đạo quốc gia. Tuy nhiên, việc dùng người không phải dễ. Một phu ông có tiền lại dốt nát, không hiểu nổi việc lợi hại trong kế hoạch xây cất, thường bị những bọn thợ lợi dụng để trục lợi. Một kẻ lãnh đạo quốc gia thiếu sáng suốt không huân nob; kế hoạch đại quy mô, và lợi dân ích quốc, khiến cho kẻ có tài không theo giúp, còn kẻ lợi dụng lại theo hùa để mưu việc vĩnh thản.

Vua Ngụy không dùng Vệ-Uống chỉ vì vua Ngụy không tin tài năng của Vệ-Uống. Mà không tin tài năng của Vệ-Uống chỉ vì vua Ngụy không đủ khả năng để hiểu cái tài năng của Vệ-Uống.

Tần Hiếu-Công hai lần nói chuyện với Vệ-Uống mà không hiểu được Vệ-Uống chỉ vì trình độ hiểu biết của Tần Hiếu-Công còn non kém.

Vua Nhụy cũng như vua Tần đều chuộng hiền đai sĩ. Đã có lòng chọn hiền đai sĩ mà không dùng được kẻ hiền thật là chuyện lạ.

Ấy vậy, nhân tài không phải ai cũng thấy được. Người tài đứng trước mắt mà không biết người tài, chỉ vì mình

không đủ sức nhận ra chân tướng của kẻ khác. Người dốt không thấy được kẻ thông minh, người mù không thấy được ánh sáng.

Vệ-Uởng đem vương đạo và để đạo ra trình bày với vua Tân mà vua Tân không hiểu nổi cái hay của nó, đến lúc Vệ-Uởng đem bá đạo ra nói, vua Tân mới hài lòng. Như vậy, trình độ lãnh hội chính trị của vua Tân mới chỉ ở mức bá đạo chứ không thè thực hành để đạo hoặc vương đạo được.

Một ông chủ nhà chỉ đủ sức xây cất một căn nhà theo kiểu nhỏ, người thợ không thè đem đồ án của một ngôi biệt thự ra bàn. Hai lần nói chuyện với vua Tân về để nghiệp và Vương-nghiệp chính Vệ-Uởng đã dong luring vốn liếng của vua Tân là bao nhiêu đẽ biết cách sử dụng.

Luận về bá đạo thì Quản-Trọng và Vệ-Uởng đều là những tay chính trị có tài. Tuy hai người ở vào hai thời kỳ, song việc làm không khác gì nhau. Vì bá đạo là việc làm đem lại ích lợi cấp thời nên cả hai người đều chủ trương pháp trị. Lấy pháp luật ổn định trật tự xã hội, lấy các nguồn lợi của dân làm nguồn lợi cho nước.

Còn vương đạo thì dùng nhân trị, dùng nhân đức rèn luyện nhân dân, làm cho nhân dân hiểu rõ bồn phận đối với nước. Cả hai đường lối tuy cũng đưa đến việc nước giàu dân mạnh, song một bên có tính cách cấp thời, một bên với tính cách vĩnh viễn.



## TÔN-TÂN, BÀNG-QUYÊN

— Đại gian tự tin, đại nịnh tự trung

Vua nước Ngụy là Ngụy Huệ-Vương thấy nước Tân dùng Vệ-Uòng xây dựng chính trị nước Tân hùng mạnh liền ra bàn cầu hiền, chọn anh tài trong thiên hạ ra giúp nước.

Bấy giờ tại đất Dương-thành, thuộc địa phận nhà Châu có một chỗ gọi là Qui-cốc. Chỗ ấy núi cao, rừng rậm, âm khí nặng nề, không phải là chỗ người ở được.

Tuy nhiên, trong núi ấy lại có một người ăn-sì họ Vương tên Hù, thường ngày tu luyện.

Trước đây, tại Vân-mộng Sơn, có người nước Tống là Mạc-Địch, cũng tu luyện, thường đi hái thuốc, tu hành tại đây.

Mạc-Địch không có vợ con gì cả. Chỉ phải nguyện đi chu du thiên hạ, đem chủ nghĩa kiêm ái mà cứu dân độ thế, còn Vương Hù thì lại không đi đâu nữa được, chỉ ăn nơi Qui-cốc, người ta thường gọi là Quý-cốc tiên-sinh.

Quý-cốc tiên sinh là người thông hiểu đạo lý, gồm có mấy môn học văn mà mọi người không thể hiểu nổi.

1.— *Số học* : Nhất quyết tương vi đều gồm trong bàn tay, xem việc trước, đoán việc sau, nói gì cũng linh nghiệm.

2.— *Binh học* : Lục thao tam lược, biến hóa vô cùng, bày trận hành binh qui thần không biết.

3.— *Du học* : Nhờ rộng, nghe nhiều hiểu rõ lý thế, buông lời hùng biện, muôn miệng khôn đương.

4.— *Xuất thế học* : Giữ toàn chân tính, luyện thuốc nuôi mình, không đau không chết, đặc đạo thành tiên.

Quý-cốc tiên sinh đã có mấy môn học đó, lê ra không

còn xuất thân ở cõi trần, nhưng vì muốn siêu độ cho mấy người đệ-tử thông-minh để cùng về tiên cảnh nên mới mượn nơi Quý-cốc để nương thân.

Ban đầu Quý-cốc tiên sinh thỉnh thoảng ra chợ xem bói cho mọi người, nói đâu trúng đó, sau dần có nhiều người mến tài, tinh nguyễn theo học, xin làm đệ-tử.

Quý-Cốc tiên-sinh lại xem xét từng người, ai học được môn gì thì truyền cho môn ấy, có ý vừa để gây một ít nhân tài giúp cho bầy nước vừa là để xem người nào có tiên cốt thì truyền đạo sau đem về tiên giới.

Tiên sinh ở đó chẳng biết là bao lâu, học trò đến học không biết bao nhiêu, ai đến cũng dừng, ai về cũng không giữ lại.

Trong số học trò đồng thời, được mấy người nổi tiếng là Tôn-Tần người nước Tề, Bàng-Quyên, Trương-Nghi người nước Ngụy kế làm anh em, cùng học về môn ác thuyết, mỗi môn có một tính chất đặc biệt riêng.

Bàng-Quyên theo học đã ba năm, tự cho mình là giỏi lắm. Một hôm gặp một người đi gánh nước cho biết nước Ngụy đang xuất hiện của để chiêu hiền, cầu võ tướng.

Nghe tin ấy, Bàng-Quyên lòng khấp khởi, muốn trở về nước Ngụy để tỏ cho thiên hạ biết tài năng của mình, nhưng lại sợ tiên sinh không đồng ý, nên không dám nói.

Tuy nhiên, thoáng qua nét mặt, tiên sinh đã thừa biết ý định của Bàng-Quyên, mỉm cười nói :

— Thời vận nhà ngươi đã đến, sao không xuống núi cầu lấy giàu sang ?

Bàng-Quyên mừng rỡ sụp lạy, thưa :

— Đệ tử cũng đã có ý ấy, nhưng chẳng biết việc ra đi này có được toại nguyện chăng ?

Tiên-sinh nói :

— Vậy thì người đi hái một cành hoa đem về đây ta đoán thử.

Bàng-Quyên vội vàng xuống núi tìm hoa. Nhưng lúc đó vào tháng sáu, khí trời nóng nực, các cây cối ít nở hoa, nên Bàng-Quyên tìm mãi không có. Loanh quanh một lúc, Bàng-Quyên gặp được nhánh hoa cỏ, liền nhặt cả gốc, định đem về trưng. Song lại nghĩ rằng cành hoa này chất mềm thân yếu, không phải là giống hoa quý, nên Bàng-Quyên lại bỏ đi, rồi dạo gót đi tìm cành hoa khác.

Tìm mãi, Bàng-Quyên không thấy thứ hoa nào khác, bất đắc dĩ phải tìm đến chỗ cũ, nhặt cành hoa đã bỏ lúc nãy, giấu trong tay áo đem về.

Trông thấy tiên sinh đang chờ, Bàng-Quyên nói :

— Trên núi không có hoa.

Tiên-sinh nói :

— Hoa nở trong tay áo nhà ngươi sao bảo lại không có ?

Bàng-Quyên không giấu được, phải đê trình. Cành hoa ấy bị nhặt lên và phơi nắng nên đã héo rũ. Tiên-sinh nói :

— Nhà ngươi có biết thứ hoa này tên gì không ? Đây là hoa Mã-đầu-linh, mỗi lần nở mười hai nụ, úng vào cái số năm nhà ngươi được về vang. Hoa này thấy mặt trời thì héo, tức là sau này nhà ngươi sẽ lừa phỉnh người ta nên bị người ta lừa dối lại. Vậy nên lấy điều đó mà răn. Ta có tám chữ này, nhà ngươi nên ghi nhớ. « Gặp đê thì vinh, gặp ngựa thì hỏng ».

Bàng-Quyên lạy tạ rồi nói :

— Lời dạy bảo của tiên sinh, đệ-tử chẳng bao giờ quên.

Bàng-Quyên chào thầy già bạn, xuống núi. Tôn-Tân theo đưa vài dặm đường. Bàng-Quyên nói với Tôn-Tân :

— Tôi cùng anh lâu nay giao kết, tuy không là dòng

mẫu, nhưng tinh như ruột thịt. Chuyện này, nếu tôi gấp bước tiến thân, thế nào cũng tiến cù anh, đè cùn nhau chung vui phú quý.

Tôn-Tân nói :

— Hiện đệ có giữ được lời chăng ?

Bàng-Quyên nói :

— Nếu tôi sai lời với hiền huynh tôi sẽ chết dưới muôn ngàn mũi tên.

Tôn-Tân nói :

— Đa tạ hựu tình, cần gì phải thế độc như thế !

Nói xong, hai người cùng gật lệ chia tay. Tôn-Tân trở về núi, mặt còn bùi ngùi chưa ráo lệ, tiên sinh thấy thế hỏi :

— Bàng-Quyên đi, người luyến tiếc làm sao ?

Tôn-Tân thưa :

— Nghi định đồng học, sao khóc nhở nhau.

Tiên-Sinh nói :

— Người xét tài Bàng-Quyên có đáng làm tướng chăng ?

Tôn-Tân thưa :

— Được nhờ tiên-sinh dạy bảo đã lâu, lẽ nào lại không làm được.

Tiên-Sinh lắc đầu, nói :

— Chưa làm được.

Tôn-Tân lấy làm lạ, hỏi vì cớ gì, tiên sinh không nói.

Ngày hôm sau, tiên sinh gọi các môn đệ đến bảo :

— Ban đêm ta rất ghét tiếng chuột kêu, vậy các người phải thay phiên nhau mà thức để đuổi chuột cho ta.

Môn đệ đều vâng lệnh chia nhau mỗi người thức một đêm để đuổi chuột.

Khi đến lượt Tôn-Tân phải thức, tiên sinh lấy trong

gói ra một quyền sách và nói :

— Đây là mười ba thiên binh pháp của ông nội người là Tôn-Vũ. Trước kia Tôn-Vũ đem dâng cho vua Hạp-Lư nước Ngô, Hạp-Lư dùng theo phá tan được quân Sở. Sau Hạp-Lư tiếc quyền sách ấy không muốn truyền bá cho mọi người, nên làm một chiếc hộp sắt giấu dưới chân cột Tô-dài. Từ khi quân Việt dốt đài, quyền sách ấy chẳng còn ai biết đến nữa. Ta vốn có chơi thân với Tôn-Vũ, được xem sách ấy, nên tự tay chủ giải, những điều bí mật trong sự hành binh đều ở trong sách ấy mà ra. Ta chưa từng đem dạy ai, nay thấy người có lòng trung thành, muốn chỉ bảo.

Tôn-Tăn nói :

— Tôi, cha mẹ mất sớm; gấp lúc nước nhà biến cõi, họ hàng mỗi người mỗi nơi, đâu biết Tồ-phu tôi có sách ấy, nhưng không ai truyền bǎo cho. Tôn-sư đã nhọc công chủ giải, sao không truyền cùi cho Bàng-Quyên lại chỉ truyền riêng cho tôi?

Tiên-sinh nói :

— Được cuốn sách này khéo dùng thì làm lợi cho thiện hạ, không khéo dùng thì làm hại to. Bàng-Quyên không phải là kè trung hậu, ta đâu có thể truyền dạy được.

Tôn-Tăn lánh sách, lấy tã lui ra, đem về phòng ngày đêm học tập. Sau đó ba ngày, tiên-sinh đòi lấy quyền sách, Tôn-Tăn đem nộp. Tiên-Sinh theo từng thiên hỏi lại, Tôn-Tăn ứng đáp trôi chảy, không sai một chữ nào.

Tiên-sinh mừng rõ nói :

— Người biết dụng tâm học như thế, tồ-phu người tuy đã qua đời nhưng tiếng vẫn còn thơm.

Nhắc lại Bàng-Quyên, sau khi từ biệt Tôn-Tăn thẳng đường đến nước Ngụy, vào cầu cạnh quan Tường-quốc là Vương-Thác. Vương-Thác đem Bàng-Quyên vào tiền cùi cùng Ngụy Huệ-Vương.

Khi Bàng-Quyên vào chầu, gấp lúc người nhà bếp đem dâng món dê hầm, Ngụy Huệ-Vương vừa cầm đũa. Bàng-Quyên mừng rõ nghĩ thầm :

— Thầy ta bảo : "hết gấp dê thi vịnh". Lời nói ấy

quá không sai.

Huệ-Vương thấy Bàng-Quyên tướng mạo khôi ngô, có ý kinh trọng, buông dũa chào hỏi.

Bàng-Quyên sụp lạy. Ngụy Huệ-Vương đỡ dậy, hỏi :

— Chẳng hay tài học của tráng sĩ như thế nào ?

Bàng-Quyên nói :

— Tôi là học trò của Quỷ-Cốc tiên-sinh, mấy năm nay theo học rành nghề binh pháp, dù tài làm tướng.

Đoạn Bàng-Quyên trình bày tất cả mọi hiều biết của mình. Ngụy Huệ-Vương hỏi :

— Nước Ngụy ta phía Đông có nước Tề, phía Tây có nước Tân, phía Nam có nước Sở, phía Bắc có nước Hán, Triệu, Yên đều là những nước hùng cường. Vì rồi nước Triệu lại cướp mất đất Sơn của ta, thù ấy chưa báo được, chẳng hay tráng sĩ có kế gì hay giúp ta chăng ?

Bàng-Quyên nói :

— Đại-vương mà dùng tôi làm tướng, tôi tướng đánh trận nào cũng thắng, thôn tính cả thiên hạ còn được, kè gi các nước ấy.

Ngụy Huệ-Vương nói :

— Tráng-si nói quá, e hành động không kịp với lời nói.

Bàng-Quyên tâu :

— Tôi lượng sức tôi. Chẳng lẽ có thể làm được lại không nói. Nếu tôi không thôn tính sâu nước ấy gồm vào tay Đại-vương, xin chịu tội.

Ngụy Huệ-Vương rất hài lòng, phong cho Bàng-Quyên làm Nguyên-soái, kiêm chức quân-sư, con trai Bàng-Quyên là Bàng-Thống, Bàng-Mai đều được làm tướng cả.

Được đặc dụng, Bàng-Quyền chăm lo luyện tập binh sĩ, trước tiên sang đánh nước Vệ và Tống. Đến đây tháng đến đó. Vệ, Tống, Lỗ, Trịnh sợ hãi phải sai sứ sang triều cống.

Nước Tề thấy nước Ngụy binh hùng tướng mạnh, sợ đê lâu ngày gây nhiều thế lực trong chư hầu, với sa<sup>i</sup> tướng sang biên thùy trấn giữ. Bàng-Quyền liền kéo đại binh ra đánh, cả thắng quân Tề, lấy làm vinh quang tự phụ.

Bấy giờ Mặc-Địch đi ngao du trong thiên hạ nhân qua Quỳ-Cốc vào thăm bạn, gặp Tôn-Tẫn, cùng nhau đàm luận thế sự, Mặc-Địch khuyên Tôn-Tẫn nên đem tài năng xuống núi giúp đời.

Tôn-Tẫn nói :

— Tôn sư tôi thường nói : « cuộc thế hỗn độn, thiên hạ đang tranh giành, xâu xé nhau, người trung kệ nịnh không phân biệt, nước không có vua hiền, chỉ bằng ăn tham tu luyện cho đắc đạo là hơn. »

Mặc-Địch nói :

— Tiên-sinh vốn là bạn tôi, nhưng mỗi người có một quan niệm khác nhau. Tiên-sinh muốn an phận tu hành, không muốn dự vào thế-sự. Còn tôi, tôi lại muốn đem đạo kiêm-ái phò biến trong đời, để cứu vớt thiên hạ. Chúng ta xuất thân ở cõi thế, dù có tu hành đạo lý nào thì cõi thế cũng là gốc. Nếu bỏ gốc, chỉ nghĩ riêng phận mình cho nhàn cư sao phải. Chính vì thế sự mà ta phải rèn luyện tài năng, vì thế-sự mà ta phải đem thân giúp đỡ, đem lại thái bình hạnh phúc cho thiên hạ. Ý niệm như thế đâu phải là đê cầu vinh, hưởng lạc ?

Tôn-Tẫn nói :

— Tiên-sinh nói cũng phải, song phần tôi, tôi đã có người bạn là Bàng-Quyền được ra làm quan nước Ngụy,

hẹn với tôi khi nào đặc chí sẽ tiến dẫn nhau, vì vậy tôi phải chờ đợi.

Mặc-Địch nói :

— Bàng-Quyên đã là tướng nước Ngụy rồi, thế thì tôi xin vi anh đến nước Ngụy dò xem ý Bàng-Quyên như thế nào.

Mặc-Địch từ biệt, đi đến nước Ngụy, nghe Bàng-Quyên khoe tài nói năng quá lè, lại không có ý muốn tiến dẫn Tôn-Tân, liền xin vào yết kiến Ngụy Huệ-Vương.

Ngụy Huệ-Vương lâu nay đã nghe tiếng Mặc-Địch, lòng kính nể, sai người đi rước vào đàm đạo.

Mặc-Địch nói qua về binh pháp và thế chiến đương thời trong thiên hạ. Ngụy Huệ-Vương thích lắm, muốn lưu Mặc-Địch ở lại làm quan. Mặc-Địch từ chối, nói :

— Tôi vốn là kẻ quê mùa, không quen mặc áo, đội mǎo, tôi có biết người cháu Tôn-Vũ là Tôn-Tân, hiện nay ăn tại Quỳ-Cốc, dù tài thao lược, có thể giúp cho Đại vương được.

Ngụy Huệ-Vương hỏi :

— Tôn-Tân ở Quỳ-Cốc tức là bạn đồng môn với Bàng-Quyên, vậy thì sức học của hai người ai hơn ai kém ?

Mặc-Địch nói :

— Tôn-Tân và Bàng-Quyên tuy bạn học, song tài năng cách biệt, Tôn-Tân được cái bí truyền của Tồ-phụ, dẫu trong thiên hạ cũng không địch nổi dùng nói chỉ đến Bàng-Quyên.

Nói xong, Mặc-Địch từ tạ ra đi. Ngụy Huệ-Vương liền cho đòi Bàng-Quyên đến hỏi :

— Ta nghe nói Tôn-Tân bạn học với tướng quân, có những binh pháp bí truyền của Tồ-phụ, tài ấy có thể san bằng tể thế, sao tướng quốc không vì ta mà triệu Tôn-Tân đến giúp ?

Bàng-Quyên nói :

— Không phải tôi không biết tài Tôn-Tân, song trộm nghĩ rằng Tôn-Tân là người nước Tề, họ hàng đều sống trên đất Tề, nay nếu làm quan với Ngụy sao khỏi trọng Tề khinh Ngụy ?

Ngụy Huệ-Vương nói :

— Kẻ sỉ bao giờ cũng chết với người tri kỷ, cần gì phải lừa người bạn quốc mới dùng được ?

Bàng-Quyên nói :

— Đại-vương đã muốn-dùng Tôn-Tân, tôi xin viết thư gọi đến.

Tuy ngoài miệng nói thế, song trong lòng không muốn Tôn-Tân đến, sợ Tôn-Tân đoạt lấy quyền lợi của mình. Tuy nhiên, vua Ngụy đã quyết, Bàng-Quyên không thể bỏ qua. Liền viết một phong thư dâng trình Ngụy Huệ-Vương.

Ngụy Huệ-Vương dùng xe tứ mã cùng hoàng kim, ngọc bích sai người cầm thư của Bàng-Quyên đến Quý-Cốc đón Tôn-Tân.

Tôn-Tân được thư mở ra xem, trong thư đại ý nói :

— « Quyên này nhờ ơn anh, đến nước Ngụy được trọng dụng ngay. Mấy lời hẹn nhau trong khi giãn biệt, vẫn ghi nhớ bên lòng. Nay tôi tiến cử anh lên Ngụy-Vương và phái người đến đón để cùng nhau chung hưởng phú quý. »

Tôn-Tân đem thư trình Quý-Cốc tiên-sinh. Quý-Cốc tiên-sinh thấy Bàng-Quyên đã lập được công danh, thế mà không có một chữ gởi thăm thay, thật là đùa bội nghĩa. Lại xét thấy Tôn-Tân không thể cùng với Bàng-Quyên sống chung được, song không lẽ ngăn cản đe phụ lòng Ngụy Huệ-Vương, bèn bảo Tôn-Tân đi hái cành hoa đe bói xem.

Bấy giờ vào tiết tháng chín, Tôn-Tân thấy trên án có bình hoa, bèn rút lấy một cành đem trình, rồi cầm lại.

Tiên-sinh nói :

— Cánh hoa này đã bị bẻ, không được toàn hảo, nhưng tuyết sương đầm dãi vẫn không rụng, dấu có bị tàn hại cũng chẳng hề chi. Vả lại cầm trong bình, người đều quý trọng. Cái bình tượng trưng cho nền chung đình, như thế chắc rồi sẽ danh tiếng lẫy lừng. Sự nghiệp của nhà ngươi không phải nhất thì đặc ý được, mà kết cuộc sẽ nên danh ở quê hương mình. Vậy nay ta đổi lại chữ này để làm tên.

Nói xong, Tiên-sinh đem chữ tên « Tân » thêm chữ « nhựt » ở bên tả thành ra chữ « Tận » theo nghĩa thì chữ « Tận » là một thứ cực hình chặt chân, nay Quỹ Cốc tiên sinh đổi như thế là biết được Tôn-Tân thế nào cũng bị chặt chân, nhưng cơ trời không dám tiết lộ cho biết.

Khi Tôn-Tân ra đi, Tiên-sinh lại trao cho một cầm nang và dặn lúc nào gặp việc nguy cấp lâm mới giờ xem.

Tôn-Tân lạy tạ Tiên-sinh, rồi theo sứ giả nước Ngụy xuống núi.

Tôn-Tân đến nước Ngụy, vào yết kiến Bàng-Quyên nơi tướng phủ để cảm ơn tiền dân mình.

Bàng-Quyên tỏ vẻ ngạo nghê, đặt Tôn-Tân vào yết kiến Ngụy Huệ-Vương.

Ngụy Huệ-Vương thấy Tôn-Tân đến với vàng bước xuống thềm đón tiếp rất cung kính.

Tôn-Tân sụp lạy nói :

— Tân này là kẻ thất phu ở nơi thôn dã, đại-vương đừng lẽ đón rước, Tân này lấy làm xấu hổ.

Ngụy Huệ-Vương nói :

— Mặc-Địch có nói tráng sĩ được binh thư bí truyền của Tồ-phụ là Tôn-Vũ, vì vậy ta rất khát vọng. Nay được tráng sĩ đến đây, lòng ta tưởng không còn gì quý hơn.

Nói xong, Ngụy Huệ-Vương quay lại hỏi Bàng-Quyên :

— Ta muốn phong cho Tôn-Tẫn làm phó quân sự để cung túc quân giữ việc binh quyền, ý tưởng quân thế nào ?

Bàng-Quyên nói :

— Tôi và Tôn-Tẫn là bạn đồng song, mà Tôn-Tẫn lại là bậc anh của tôi, lẽ nào đè Tôn-Tẫn ở dưới chức tôi. Chỉ bằng đợi lúc nào Tôn-Tẫn lập được công tôi sẽ nhường chức và chịu dưới quyền Tôn-Tẫn thì mới thuận.

Ngụy Huệ-Vương nhận lời, liền đưa Tôn-Tẫn vào một phủ riêng.

Sở dĩ Bàng-Quyên mượn có ấy để không cho Ngụy Huệ-Vương phong chức cho Tôn-Tẫn là vì không muốn đè Tôn-Tẫn chia quyền của mình. Lòng Bàng-Quyên rất nham hiểm.

Từ đó, Tôn-Tẫn và Bàng-Quyên thường đi lại với nhau. Bàng-Quyên thấy Tôn-Tẫn học được binh thư bí truyền mà không hề thô lộ, mới nghĩ ra một kế đe dò xét.

Một tối, Bàng-Quyên đặt tiệc mời Tôn-Tẫn đến dự, Hai người uống rượu đến say, Bàng-Quyên đem việc binh thư ra hỏi Tôn-Tẫn thì Tôn-Tẫn trả lời thông suốt. Kế đó Tôn-Tẫn hỏi Bàng-Quyên vài câu, Bàng-Quyên không nói được.

Bàng-Quyên giả cách nói :

— Điều đó có phải ở trong binh pháp của Tôn-Vũ chẳng ?

Tôn-Tẫn đáp phải. Bàng-Quyên nói :

— Trước kia đệ cũng được Tiên-sinh truyền dạy, nhưng vì không dụng tâm nên quên mất cả. Nếu hiền huynh cho đệ mượn xem lại thì quý hóa biết chừng nào.

Tôn-Tân nói :

— Sách ấy do Tiên-sinh chủ giải rõ ràng, khác với chính bản. Tiên sinh chỉ cho mượn trong ba hôm thì lấy lại.

Bàng-Quyên hỏi :

— Hiền huynh có nhớ chăng ?

Tôn-Tân nói :

— Tôi cũng còn nhớ mang máng ít điều.

Bàng-Quyên muốn Tôn-Tân truyền lại cho mình tập binh thư bị truyền ấy, song chưa tiện nói ra, nên làm lơ.

Cách đó mấy ngày, Ngụy Huệ-Vương muốn thử tài Tôn-Tân, bày việc thao luyện nơi thao trường, ra lệnh cho Bàng-Quyên và Tôn-Tân trình bày binh pháp.

Bàng-Quyên lập ra trận nào Tôn-Tân cũng biết và nói rõ cách phá, còn Tôn-Tân lập ra một trận, Bàng-Quyên mù tịt, không biết đâu mà nói cả.

Bàng-Quyên hỏi nhỏ Tôn-Tân :

— Trận ấy là trận gì vậy ?

Tôn-Tân nói :

— Đó là trận «Điên đảo bát môn».

Bàng-Quyên hỏi :

— Trận ấy biến hóa như thế nào ?

Tôn-Tân đáp :

— Nếu đánh thì nó biến ra trận Trường-xà.

Bàng-Quyên liền đến tâu nhỏ Ngụy Huệ-Vương. Đến khi Ngụy Huệ-Vương hỏi lại thi Tôn-Tân cũng nói y như vậy.

Ngụy Huệ-Vương cho tài Bàng-Quyên không kém gì

Tôn-Tân, lòng rất vui.

Tuy nhiên, Bàng-Quyên sau khi về trường phủ, thấy tài năng mình sút kém Tôn-Tân nhiều, sinh ra ghen ghét, muốn tìm cách hại Tôn-Tân, nên giả cách thân mật hỏi :

— Họ hàng đại huynh ở nước Tề, nay đại huynh phò Ngụy sao không cho đón cả về đây để cùng chung hưởng phú quý.

Tôn-Tân nghe nói trả nước mắt đáp :

— Tức đệ không rõ cảnh khổ của nhà tôi. Tôi mồ côi mẹ lúc bốn tuổi, mồ côi cha lúc chín tuổi. Nhờ có ông chú là Tôn-Kiều nuôi dưỡng. Chú tôi làm quan tại Tề-khanh Công. Sau Điều-thái Công đuổi chú tôi ra bè, các bè tôi Tề-khanh Công phần nhiều bị giết, họ hàng tôi tan nát mỗi người một nơi. Hai người anh họ tôi là Tôn-Bình, Tôn-Trác đem tôi chạy sang đất nhà Châu lánh nạn, vì gặp lúc mất mùa, lại đem gởi tôi một nơi. Từ đó, tôi bị lưu lạc mòi mình. Sau lớn lên nghe Quỳ-Cốc tiên-sinh đạo cao học rộng nên đến xin làm môn đệ. Tôi chẳng co tin tức gì về quê quán.

Bàng-Quyên lại hỏi :

— Bây giờ đại-huynh còn tưởng nhớ đến phần mộ ông cha nơi quê hương chăng ?

Tôn-Tân nói :

— Người ta không phải là cỏ cây, có bao giờ quên được cội rễ. Khi ra đi Tiên-sinh có nói về sau tôi sẽ lập công danh ở quê cũ. Tuy nhiên, nay đã làm tôi nước Ngụy thì việc đó nói đến làm chi.

Bàng-Quyên giả ý nói :

— Đại huynh nói phải lắm. Thân trai hờ-thì bôn phuơng, chốn nào có thể lập thân được thi ở, cần gì phải nói đến quê hương.

Cách đó nửa năm, Tôn-Tân quên những lời đã nói.

Một hôm đi chầu về, bỗng có một người nói tiếng Sơn-dông, xưng tên là Đinh-Ất, quê ở Lâm-Tri đi buôn bán ở đất Châu. Tôn-Binh và Tôn-Trác có nhờ cầm phong thư đến Quỷ-Cốc đưa nhờ cho Tôn-Tân, nhưng đến đó nghe Tân đi làm quan nước Ngụy, nên lại phải đến đây.

Nói xong, đưa cho Tôn-Tân một phong thư. Tôn-Tân mở ra xem trong thư đại ý nói gấp việc không may, nhà cửa bị tan nát, nay nhờ vua Tề thương hại, triệu về làng cũ, nên muốn gọi Tân về để lập sự nghiệp.

Tôn-Tân thấy thư của hai anh, quá súc cảm động khóc đì. Đoạn viết một phong thư trả lời, trao cho Đinh-Ất, ý nói: dẫu nhớ đến quê hương nhưng đem thân phò Ngụy, chưa thể về được, đợi lúc nào lập nên sự nghiệp sẽ về thăm.

Đinh-Ất nhận thư của Tôn-Tân từ giã ra đi.

Ai ngờ, tên Đinh-Ất này chẳng phải là khách buôn, mà chính là tên Từ-Giáp của Bàng-Quyên sai đến, giả cách đánh lừa Tôn-Tân.

Bàng-Quyên được bức thư phúc đáp của Tôn-Tân liền giả chữ viết vào sau cùng bức thư một câu: "Em dẫu làm quan nước Ngụy, nhưng nghĩ đến quê hương lòng riêng canh cánh. Bất nhặt, em sẽ tìm cách về Tề để một nhà sum họp. Nếu vua Tề dùng em, thì em hết sức giúp".

Đoạn đem vào tâu với Ngụy Huệ-Vương:

— Tôn-Tân phò Ngụy nhưng lại tư thông với Tề.  
Nếu không lo trước e làm hại.

Ngụy Huệ-Vương xem xong, nói:

— Tôn-Tân lòng nhớ nước cũ, có lẽ cho là ta chưa

được trọng dụng nên không muốn ở đây.

Bàng-Quyên nói :

— Tồ-phụ Tôn-Tần là Tôn-Vũ, làm Đại-tướng nước Ngô, sau cũng lại trở về Tề. Thế thì quê cha đất tò không ai quên được. Đại-Vương dầu có trọng dụng Tôn-Tần, mà Tân không muốn ở Ngụy thì chẳng ích chi. Tài Tôn-Tần không kém tôi, nếu Tôn-Tần về Tề thì Tề và Ngụy không khỏi tranh hùng, chỉ bằng giết quách.

Ngụy Huệ-Vương nói :

— Tôn-Tần vì lời ta mà đến đây, nay tội trạng chưa rõ, nếu giết sao khỏi mang tiếng là bạc đãi kẻ sĩ.

Bàng-Quyên nói :

— Đại-vương nói rất phải. Vậy để tôi tìm lời khuyên giải. Nếu Tôn-Tần nhất quyết không chịu ở Ngụy thì sẽ tìm cách khu-xử.

Nói xong, Bàng-Quyên lui ra, trở về dinh Tôn-Tần, giả cách hỏi :

— Nghe nói Đại-huynh vừa được thư nhà gửi đến ?  
Tôn-Tần lòng thật thà, đâu ngờ lòng dạ thâm độc của Bàng-Quyên, nên cứ thật tinh bày tỏ.

Bàng-Quyên nói :

— Tình gia đình, quê hương, ai chẳng nhớ nhung.  
Sao Đại-huynh không làm sớ xin vua Ngụy thời gian vài tháng để về thăm nhà rồi sẽ trở lại.

Tôn-Tần nói :

— Tôi chỉ sợ Đại-vương nghi ngờ không cho phép.

Bàng-Quyên nói :

— Đại-huynh cứ vào tàu xin, đệ xin hết lòng giúp sức.

Tôn-Tần hứa theo lời. Ngay đêm ấy, Bàng-Quyên vào nói với Ngụy Huệ-Vương :

— Tôi đã hết lời khuyên giải, nhưng Tôn-Tần một mực muốn về Tề. Nếu Tôn-Tần có dâng sớ xin đi, xin Đại-vương bắt tội tư thông với giặc, giao cho tôi xử trí. Tôi sẽ có cách làm cho Tôn-Tần phải chịu mệnh.

Ngụy Huệ-Vương gật đầu. Hôm sau, Tôn-Tần dâng biểu xin nghỉ hai tháng để về nước Tề thăm viếng.

Ngụy Huệ-Vương nồi giận phết ngay mấy câu vào tờ sớ, kết tội tư thông với Tề, rồi giao cho Bàng-Quyên xử trí.

Nội thị lập tức bắt trói Tôn-Tần giải đến dinh Bàng-Quyên.

Bàng-Quyên trông thấy làm ra vẻ sợ hãi, chạy đến nói:

— Tại sao đại-huynh lại phải bị như thế này ?

Nội-thị truyền lại cho Bàng-Quyên nghe lệnh của vua Ngụy. Bàng-Quyên nói với Tôn-Tần :

— Đại-huynh bị oan tình, tiêu đê sẽ liều chết vào tâu với vua Ngụy minh oan việc này mới được.

Nói xong, Bàng-Quyên bỏ ra đi, vào tâu với vua Ngụy:

— Tôn-Tần tư thông với nước Tề, tội ấy đáng chết, song Đại-vương vì sợ mang tiếng không nỡ giết, vậy thì nên chặt chân Tôn-Tần khiến cho Tôn-Tần trở thành phế nhân, không về Tề được, ta không phải lo hậu hoạn.

Ngụy Huệ-Vương nhận lời. Bàng-Quyên trở về phủ, bảo Tôn-Tần :

— Đại-vương giận lắm, muốn giết đại huynh, tiêu đê hết lời tâu xin đại huynh mới được toàn tánh mạng, nhưng Đại-huynh phải bị chặt chân và thích chử vào mặt. Đó là luật của nước Ngụy.

\* Tôn-Tần nói :

— Tiên-sinh có nói số tội phải bị tàn hại, nhưng chẳng hề chi. Nay được hiền đệ thương tình giải cứu, ơn ấy chẳng dám quên.

Bàng-Quyên truyền quân trói Tôn-Tân lại, chặt hai bàn chân mất nửa rồi thích chử vào mặt: "tư thông ngoại quốc".

Tôn-Tân đau quá lăn xuống đất bất tỉnh. Bàng-Quyên giả ý kêu khóc, lấy vải băng bó cho Tôn-Tân, rồi sai người khiêng ra ngoài tau quản dùng lời ngon ngọt để an ủi.

Cách một tháng sau, Tôn-Tân vết đau đã lành, nhưng bị mất hết hai nửa bàn chân, không làm sao đi được, chỉ ngồi một chỗ, đành làm một phế nhân đau khổ. Thường ngày, Bàng-Quyên sai người đem cơm nuôi nướng, Tôn-Tân vẫn coi Bàng-Quyên là kẻ ăn nhân cừu mang mình, không hề có ý nghĩ gì khác.

Một hôm, Bàng-Quyên thân hành đến thăm, nói với Tôn-Tân :

— Nay Đại-huynh bị tàn phế, tài năng không sử dụng được, thật uổng công học tập bấy lâu. Đại-huynh có học được binh thư bí truyền của Tôn-Vũ, cảm phiền đại-huynh truyền lại cao dzì, đệ sẽ nhờ đại huynh mà cứu nhân độ thế.

Tôn-Tân nhận lời, Bàng-Quyên liền đưa cho Tôn-Tân giấy bút để chép những lời chú-giải của Quý-Cốc tiên-sinh. Lại sai đưa gia đình của mình là Thành-Nhi ở đó hầu hạ Tôn-Tân.

\* Một hôm, Bàng-Quyên gọi Thành-Nhi về tư dinh hỏi : xem Tôn-Tân đã chép được bao nhiêu. Thành-Nhi nói :

— Tôn-Tân chỉ chép được năm ba tờ.

Bàng-Quyên trợn mắt hét :

— Mày có nhiệm vụ ở đó hầu hạ, tại sao không hối thúc ?

Thành-Nhi sợ hãi lui ra. Đến cửa dinh, gặp tên hầu hạ của Bàng-Quyên, Thành-Nhi phàn nàn :

— Thế này thì bỏ mạng, ai đời bọn tôi mà có quyền gì lại hối thúc kẻ có quyền.

Tên hầu-cận hối :

— Mày muốn nói ai vậy ?

Thành-Nhi nói :

— Quan Nguyên-soái bắt ta phải hối thúc Tôn-Tân viết binh-thư. Ta làm sao hối thúc được.

Tên hầu cận nói :

— Mày không biết, Quan Nguyên Soái ngoài mặt tuy làm ra vẻ kính trọng và yêu mến Tôn quân, nhưng trong lòng ghen ghét. Sở dĩ còn giữ lại tánh mạng của Tôn quân là vì quan Nguyên-soái muốn Tôn quân truyền binh-thư cho. Lúc Tôn-quân viết xong, tất phải chịu chết đói. Đó là việc kín, mày chớ nên tiết lộ.

Thành-Nhi đem lời nói ấy báo cho Tôn-Tân biết. Tôn-Tân biến sắc, nghĩ thầm :

— « Bàng-Quyên bắt nghĩa như thế ta lại truyền binh pháp cho hắn sao ! Nhưng mạng ta ở trong tay hắn, nếu không viết, hoặc viết xong đều khó bảo tồn được. »

Tôn-Tân nghĩ mãi mà không tìm ra kế thoát thân. Bỗng sực nhớ đến cầm nang của Quỷ-Cốc tiên sinh có trao cho trong lúc tiễn biệt, liền mở ra xem.

Đó là một bức lụa, màu vàng, bên trong chỉ viết một chữ : « Cuồng ».

Tôn-Tân hiểu ý, ngay buổi chiều hôm ấy, bọn thủ hạ đem cơm đến Tôn-Tân đập đồ, trợn mắt héto lớn :

— Chúng đem thuốc độc hại tao !

Nói xong, lấy những tờ giấy đã viết bỏ vào lửa đốt, miệng làm nhảm, chửi rủa mãi không thôi.

Thành-Nhi không hiểu Tôn-Tân giả điên vội chạy đi báo với Bàng-Quyên.

Ngày hôm sau, Bàng-Qnyên đến xem, thấy Tôn-Tân nằm lăn xuống đất, mặt mày lem luốt, đôi mắt đỏ hoe, lúc thì cười, lúc lại khóc.

Bàng-Quyên bước đến hỏi :

— Đại-huynh vì có gì mà cười, khóc như vậy ?

Tôn-Tân ngoe ngác, nhìn Bàng-Quyên rồi nói :

— Ta cười là cười vua Ngụy, muốn hại mệnh ta, nhưng ta có hơn mươi thiên binh giúp sức, làm gì ta nỗi.

Còn ta khóc là khóc cho nước Ngụy không có Tôn-Tân thì không có ai làm đại-tướng.

Nói xong, lại trộn mặt nhìn Bàng-Quyên, rồi phục xuống đất lạy lia lịa, miệng nói :

— Xin Quý-Cốc tiên sinh cứu mạng.

Bàng-Quyên nói :

— Tôi là Bàng-Quyên đây, đại huynh không nhận ra ư ?

Tôn-Tân cứ nằm chặt áo Bàng-Quyên không chịu buông, miệng cứ kêu Tiên-sinh cứu mạng.

Bàng-Quyên sai người hầu gỡ tay Tôn-Tân ra, và hỏi Thành-Nhi :

— Tôn-Tân phát bệnh từ bao giờ ?

Thành-Nhi nói :

— Bệnh mới phát đêm vừa rồi.

Bàng-Quyên lên xe về phủ, lòng nghi hoặc, sợ Tôn-Tân tìm kế đánh lửa mình, mới sai người khiên Tôn-Tân đặt vào một chuồng lợn rất bẩn thỉu.

Tôn-Tân xõa tóc cà mặt mày, rồi cứ nằm ở đấy.

Bàng-Quyên lại sai người giả cách thương mến, lén đem cơm cho Tôn-Tẫn ăn, Tôn-Tẫn biết là kế của Bàng-Quyên, liền đồ mâm cơm xuống đất trộn mắt hét :

— Chúng bay lại đem thuốc độc đến đây định hại ta sao ?

Tên quân hầu nhất mâm cơm lên, rồi lấy cục bùn đưa cho Tôn-Tẫn. Tôn-Tẫn cầm lấy cục bùn mà ăn.

Tên quân hầu vể báo lại với Bàng-Quyên. Bàng-Quyên cho Tôn-Tẫn điên thật, không đề ý đến nữa.

Từ đó thả lỏng Tôn-Tẫn, mặc ý ra vào.

Tôn-Tẫn hoặc sớm đi chiều về, hoặc nằm i trong chuồng lợn, không ai nói đến. Có lúc Tôn-Tẫn nằm giữa chợ cười khóc một mình. Dân chúng thấy vậy động lòng đem cơm cho Tôn-Tẫn ăn.

Tuy thế Bàng-Quyên vẫn còn đề phòng truyền cho địa phương mỗi ngày sáng ra phải trình báo Tôn-Tẫn ở đâu.

Trong lúc ấy, Mặc-Địch sang chơi nước Trị, ở nhà Điện-Ký. Bỗng có người học trò là Cầm-Hoạt vừa ở nước Ngụy đến.

Mặc-Địch hỏi thăm :

— Tôn-Tẫn ở nước Ngụy có đặc dụng không ?

Cầm-Hoạt đem việc Tôn-Tẫn bị chặt chân thuật lại cho Mặc-Địch nghe. Mặc-Địch nói :

— Ta muốn tiến cử hắn té ra lại làm hại hắn, thật tội nghiệp. Mặc-Địch đem tài năng của Tôn-Tẫn và sự ganh ghét độc ác của Bàng-Quyên thuật lại với Điện-Ký. Điện-Ký vào tàu với Tề Uy-Vương.

Tề Uy-Vương muốn đem quân đón Tôn-Tẫn về nước. Điện-Ký nói :

— Bàng-Quyên đã không muốn cho Tôn-Tẫn làm quan ở Ngụy thi khi nào lại để Tôn-Tẫn thoát ra nước ngoài. Muốn đem Tôn-Tẫn về phải dùng kế mới được.

Tề Uy-Vương liền sai Thần-vu-Khôn làm sứ đem trà sang vua Ngụy, còn Cầm-Hoạt giả tên quân hầu đi theo.

Khi vào yết kiến vua Ngụy xong, hai người ở nơi quan trọ. Cầm Hoạt len lỏi đi tìm Tôn-Tẫn. Khi đến một giếng lạn kia, thấy Tôn-Tẫn đang dựa lưng vào thành giếng, mặt mày lem luốt, áo quần bẩn thỉu. Cầm-Hoạt bước dến nói :

— Tôn-huynh khὸ đến thế này ư ? Tôn-huynh còn nhớ tôi đây là Cầm-Hoạt chăng ? Thầy tôi hay được tôn huynh bị hám oan nên tâu với vua Tề. Vua Tề muốn lập kế đem Tôn-huynh về nước, sai Thần-vu-Khôn giả cách dâng trà để đến đây báo tin cùng Tôn-huynh.

Tôn-Tẫn nhìn Cầm-Hoạt, mắt ứa lệ nói :

— Tôi tưởng thân này không còn thấy mặt quê hương, ngờ đâu lại có cơ hội thoát nạn. Tuy nhiên, Bàng-Quyên vẫn còn dang ngờ vực lâm, sợ không đi lợt.

Cầm-Hoạt nói :

— Không hề chi ! Việc này chúng tôi đã sắp đặt xong. Tôn-huynh cứ an dạ.

Tối hôm ấy, Cầm-Hoạt đem Tôn-Tẫn giấu kín trong xe, lấy quần áo Tôn-Tẫn cho một tên đầy tớ là Vương-Nghĩa, để cho Vương-Nghĩa giả Tôn-Tẫn đi lang thang khắp chợ. Ai trông thấy cũng tưởng là Tôn-Tẫn thật. Cứ thế tinh bao.

Sáng hôm sau Thần-vu-Khôn vào từ giã Ngụy Huệ-Vương, rồi lén lên xe trở về nước, một cách yên lành.

Vương-Nghia già Tôn-Tân đi lang-thang được ba hôm, đợi cho Thần-vu-Khôn đưa Tôn-Tân ra khỏi biên giới rồi bỏ quần áo bên giếng lạn và trốn đi theo.

Quan địa phương không thấy Tôn-Tân đâu nữa, liền vào báo với Bàng-Quyên :

Bàng-Quyên cho là Tôn-Tân đã nhảy xuống giếng tự vẫn, cũng không căn tra hỏi nữa.

Thần-vu-Khôn dẫn Tôn-Tân về đến Lâm-Trì, thay đổi y quan, tắm rửa sạch sẽ rồi mới đưa vào ra mắt Tề Uy-Vương.

Tề Uy-Vương muốn cho Tôn-Tân làm quan, Tôn-Tân nói :

— Tôi chưa có chút công gì, không dám nhận chức. Bàng-Quyên đang ghen ghét, nếu biết tôi làm quan nước Tề tất sanh chuyện, chỉ bằng, hãy tạm giấu đi, đợi có việc gì dùng đến, tôi xin tân lực.

Tề Uy-Vương theo lời, cho Tôn-Tân ở nơi nhà Điện-Kỵ. Điện-Kỵ đãi Tôn-Tân như vị thượng khách.

Tề Uy-Vương trong lúc nhàn rỗi thường cùng với các công-tử trong Tôn-tộc, tổ chức cuộc đua ngựa, bắn cung ở nơi giáo trường.

Điện-Kỵ vì súc ngựa yếu nên bị thua luôn.

Một hôm, Điện-Kỵ đưa Tôn-Tân đến trường bắn để xem. Tôn-Tân thấy ngựa của Điện-Kỵ không kém lâm, mà ba vòng đều thua cả, mới nói :

— Ngày mai lại đánh cuộc. Tôi sẽ có cách giúp ngài thắng.

Điện-Kỵ nói :

— Nếu quả tiên sinh có cách làm cho tôi thắng được, ngày mai tôi sẽ đánh cuộc với nhà vua một nghìn đồng vàng.

Tôn-Tân nói :

— Xin ngài cứ yên tâm.

Ngày hôm sau, Điền-Ký vào tâu với Tề Uy-Vương, xin cùng các công-tử đua ngựa, với số tiền cuộc một nghìn đồng vàng.

Tề Uy-Vương nhận lời, truyền các công tử dắt ngựa đến.

Điền-Ký hỏi Tôn-Tẩn :

— Cách quyết thắng của Tiên-sinh như thế nào ?

Tôn-Tẩn nói :

— Những ngựa tốt ở nước Tề đều tập trung vào nhà vua nếu cứ theo thứ tự mà tranh giải thi khó thắng. Thì lè đua chia ra làm ba vòng tất phải có ba hạng : Nhất nhì, ba. Ngài phi bộ vòng đầu, lấy con ngựa hạng ba của ngài đem đua với hạng nhất của nhà vua. Sau đó, lấy con ngựa hạng nhất của ngài đua với con ngựa hạng nhì của nhà vua và lấy con ngựa hạng nhì của ngài đua với con ngựa hạng ba của nhà vua. Như thế, vòng nhì và vòng ba ngài sẽ thắng. Thua một vòng, được hai vòng tất có lời.

Điền-Ký vỗ tay khen, rồi dùng yên vàng nệm gấm thắng vào con ngựa hạng ba, giả làm con ngựa hạng nhất, đem đua vòng đầu.

Sức ngựa của Điền-Ký thua quá xa. Khán giả vỗ tay cười ríu rít. Điền-Ký thua mất nghìn vàng.

Đến vòng thứ hai và ba, ngựa của Điền-Ký đều thắng cả. Điền-Ký lại được cuộc hai nghìn đồng vàng. Vua Tề ngạc nhiên hỏi :

— Cơ gì hôm nay ngựa nhà ngươi lại mạnh sức như vậy ?

Điền-Ký tâu :

— Được cuộc ngày hôm nay không phải do sức ngựa của tôi, mà do kế hoạch của Tôn-Tẩn.

Điền-Ký kè lại kế của Tôn-Tẩn, Tề Uy-Vương khen.

Nhắc lại Ngụy-Vương từ khi bỏ Tôn-Tẩn, giao cho

Bàng-Quyên lấy cớ đất Trung-sơn xa, xin đem quân đánh Hàm-Đang để báo thù nước Triệu là hơn.

Ngụy Huệ-Vương nhận lời. Bàng-Quyên liền điêm năm trăm cỗ xe, kéo đến vây thành Hàm-Đang ngày đêm công phá rất ngặt. Quân Triệu bị thua luôn mấy trận, không dám giao chiến. Triệu Thành-hầu sợ hãi đem đất Trung-sơn đút lót cho nước Tề để xin cầu cứu.

Tề Uy-Vương vốn biết tài Tôn-Tẫn muốn phong làm đại tướng sai đi cứu Hàm-Đang.

Tôn-Tẫn từ chối :

— Tôi là kẻ bị hành hình mà được sống thừa, nếu được làm đại tướng không khỏi quân địch chê cười nước Tề ta không có người giỏi. Xin Đại-vương cử Điện-Kỵ làm Đại-tướng thi hơn.

Tề Uy-Vương liền cử Điện-Kỵ làm Đại-tướng, Tôn-Tẫn làm quân sư. Tôn-Tẫn luôn luôn giấu mặt trong xe, bày mưu cho Điện-Kỵ.

Điện-Kỵ muốn đem quân đến cứu Hàm-Đang, Tôn-Tẫn can :

— Tướng nước Triệu không địch nổi Bàng-Quyên. Ta đem quân đến đó e thành đã bị hạ rồi, chỉ bằng cứ đóng quân ở giữa đường, tuyên bố là đi đánh Tương-Lăng. Bàng-Quyên hay được thế nào cũng trở về. Chừng đó ta chặn đường phục binh thế nào cũng thắng.

Điện-Kỵ theo lời. Quả nhiên tướng nước Triệu là Ngưu-Tuyễn cự không lại Bàng-Quyên phải dâng thành đầu hàng. Bàng-Quyên sai người về báo với vua Ngụy, rồi tính việc tấn binh. Bỗng được tin tướng nước Tề là Điện-Kỵ đem quân đánh Tương-Lăng, Bàng-Quyên hoảng sợ, vội rút quân về.

Khi đến Quế-Lăng cách hai mươi dặm, thì gặp quân Tề. Bàng-Quyên sai người cháu họ là Bàng-Thống ra đầu

chiến. Bên kia Tôn-Tẫn đã biết trước sai tiều tướng Viên Đạt đem binh ra phục sẵn.

Bàng-Thống vừa kéo binh tới, Viên-Đạt xông ra trận đánh. Vừa giết được một số binh Ngụy, Viên-Đạt bỏ chạy. Bàng-Thống sợ kế không dám đuổi theo, trở lại báo với Bàng-Quyên.

Bàng-Quyên nồi giận nói :

— Viên tiều tướng như thế còn không thắng nồi, làm sao bắt được Điền-Ký ?

Nói rồi dẫn đại binh đến nơi. Vừa đến Quế-Lăng thì gặp quân Tề, bày thế trận. Bàng-Quyên trông thấy trận pháp giống như trận « điên đảo bát môn » mà lúc Tôn-Tẫn đến nước Ngụy bày ra, lòng nghi hoặc nghi thắc :

— Làm sao Điền-Ký lại biết được trận này. Hay là Tôn-Tẫn đã lén trốn về Tề rồi chăng ?

Còn đang nghĩ ngợi, thì Điền-Ký đã cởi ngựa xông ra hét lớn :

— Tướng Ngụy có ai dám cùng ta giao chiến chăng?

Bàng-Quyên nói với Điền-Ký :

— Tề và Ngụy vẫn hòa hiếu, Ngụy đánh Triệu có can hệ gì đến Tề, mà nước Tề lại sinh sự như vậy ?

Điền-Ký nói :

— Nước Triệu đem đất Trung-sơn dâng cho Chúa-công ta, làm sao Chúa-công ta lại không sai quân đến cứu. Nếu nước Ngụy muốn ta rút quân về thì phải cắt đầu đem dâng mới được.

Bàng-Quyên nồi giận mắng :

— Người có tài gì dám đối địch với ta ?

Điền-Ký nói :

— Người tự đắc là có tài, vậy có hiểu trận pháp của ta chăng ?

Bàng-Quyên nói :

— Đó là trận Điện-đảo bát môn, đưa con nít bên nước Ngụy cũng biết phá, huống chi ta là học trò của Quý-cốc-tử, trong tay điều khiển hàng vạn tinh binh !

Điện-Kỵ cười lớn nói :

— Nhà ngươi nói phách lối như vậy, nhưng có đánh phá trận chăng ?

Bàng-Quyên dù không biết cách phá, nhưng sợ thất thế, làm ra vẻ thông thạo nói với Điện-Kỵ :

— Ta sợ gì trận pháp ấy.

Nói xong liền quay ngựa trở về dinh, gọi ba tướng, Bàng Thống, Bàng-Anh và Bàng-Mao đến bảo :

— Ta đã được nghe Tôn-Tân giảng về trận « Điện đảo bát môn ». Trận này có thể biến hóa ra trận trường xà, đánh đầu thi đuôi úng, không khéo bị vây. Nay ta vào đánh trận này, ba người đều lãnh một đạo quân, hễ thấy trận biến thì đồng tiến một lượt, khiến cho đầu đuôi không tiếp ứng kịp, như vậy mới mong phá nỗi.

Bàng-Quyên phân phối xong, liền tự mình lãnh năm ngàn quân xông vào trận.

Vừa đến giữa trận, bốn mặt có tám lá cờ hiệu, mỗi lá cờ một sắc, làm Bàng-Quyên loá mắt, không biết đường nào tấn thối. Bàng-Quyên xông bên tả, đánh bên hữu, chỗ nào cũng thấy gươm giáo như rừng, bốn bề tiếng chiêng trống vang trời, hơi khói toả lên nghi ngút. Bàng-Quyên sợ hãi không biết lối nào trở ra, cũng không biết hướng nào mà đánh, giục ngựa chạy một hồi, bỗng thấy lá cờ treo ở giữa đè ba chữ « Quân-sư Tôn », Bàng-Quyên mồ hôi toát ra như tắm, nói lầm bầm :

— Thôi rồi ! Quả thị thắng què đó đã lên trốn về nước Tề. Ta đã làm mưu nó rồi.

Đang cơn nguy cấp, may được Bàng-Anh, Bàng-Thống xông vào phá vòng vây giải cứu. Năm ngàn quân tiên phong đều bị chết hết, không còn sót một người nào. Bàng-Mao bị Điền-Anh giết chết, thiệt hại ước hai vạn quân.

Bàng-Quyên biết được Tôn-Tân ở trong quân Tề, sợ quá, cùng với Bàng-Anh và Bàng-Thống lén bỏ về trại, dang dêm trốn về nước Ngụy.

Ngụy Huệ-Vương nghĩ đến cái công lấy được Hàm-Đang, nên tha tội cho.

Tề Uy-Vương từ đó tin dùng Điền-Ký và Tôn-Tân, giao cả kinh quyền cho hai người.

Sô-Ký sợ sau này Điền-Ký sẽ thay mình làm Tướng-quốc, nên cùng với Công-tôn Duyệt bày mưu đánh dò Điền-Ký và Tôn-Tân.

Chẳng bao lâu, Bàng-Quyên sợ nước Tề dùng Tôn-Tân thì nước Ngụy khó thắng nổi, nên mới sai người tư thông với Sô-Ký, dùng lẽ vật đút lót, đe Sô-Ký tâu với Tề Uy-Vương đừng dùng Điền-Ký và Tôn-Tân nữa.

Sô-Ký nghĩ ra một kế, sai Công-tôn Duyệt giả làm người nhà Điền-Ký, đem tiền nhờ một lão thầy bói ở Ngũ-cô bói việc hung kiết.

Công-tôn Duyệt nói :

— Tôi là người nhà của Điền-Ký, nay Điền-Ký đã nắm được binh quyền trong tay, muốn mưu việc lớn, nên sai tôi đến đây nhờ Bốc-sư xem thử có thành công chẳng ?

Người Bồ-cư từ chối không nhận. Công-tôn Duyệt bước ra ngoài một lúc thì có bọn sai nhán của Sô-Kỵ áp đến bắt lão thầy bói đem về nạp cho Sô-Kỵ.

Sô-Kỵ vào chầu Tề Uy-Vương, tâu việc Điền-Kỵ xem bói, và dẫn cả lão thầy bói đến làm chứng.

Từ đó Tề Uy-Vương đem lòng ngờ vực Điền-Kỵ, thỉnh thoảng sai người dò xét hành động.

Điền-Kỵ hay được, giả bệnh từ chức, giao cả binh quyền lại. Tôn-Tân cũng xin từ chức quân sư.

Bàng-Quyên nghe tin mừng rõ nói với các tướng :

— Từ nay nước Ngụy ta có cơ hoành hành trong thiên hạ rồi.

Liền tâu lại với Ngụy Huệ-Vương xin đem quân đánh nước Hàn để trả thù cái ý định Tề giúp Triệu, đánh Ngụy.

Bàng-Quyên cùng Thái-tử Thân đem quân đánh nước Hàn.

Khi ra đến Ngoại-hoàng có một người mặc áo vải, xưng là Tử-Sinh xin vào yết kiến thái tử.

Thái-tử Thân hỏi :

— Tiên-sinh hạ cố đến thăm tôi có điều chi chỉ bảo.

Tử-Sinh nói :

— Thái-tử đi đánh nước Hàn, tôi có thuật bách chiến bách thắng, chẳng biết thái-tử có muốn nghe chẳng ?

Thái-tử Thân nói :

— Việc ấy ta muốn nghe lắm, xin tiên-sinh cứ nói.

Tử-Sinh nói :

— Thái-tử tự lượng sức mình có làm giàu hơn nước Ngụy, ngôi cao hơn Vương-chức chăng ?

Thái-tử Thân nói :

— Làm thế nào hơn được ?

Tù-Sinh nói :

— Nay Thái-tử làm tướng đi đánh Hàn, may ra nếu thắng thì cũng chỉ giữ lấy vị vương. Còn như rủi bị thua, địa vị mình khó giữ được. Chi bằng không đánh không sợ thua, không sợ mất địa-vị. Đó là cái kế bách chiến bách thắng của tôi.

Thái-tử Thân nói :

— Phải làm ! Tôi xin theo lời dạy của Tiên-sinh. Nói xong, định kéo quân về.

Tù-Sinh nói tiếp :

— Thái-tử dẫu theo lời tôi nhưng chắc gì làm được, vì trong đời biết bao kẻ đang theo đóm ăn tàn. Thái-tử khó tự quyết.

Tù-Sinh cáo tạ ra đi. Thái-tử hạ lệnh ban sur. Bàng-Quyên cản lại, nói :

— Đại-vương một lòng tin tướng, đem ba quân giao cho thái-tử, chưa giao chiến trận nào mà Thái-tử đã rút quân về, khác nào như kẻ chiến bại, vua đã không bằng lòng, các tướng lại không phục.

Thái-tử Thân không quyết đoát nòi, phải buộc lòng tiến quân thẳng đến Kinh-đô nước Hàn.

Hàn-hầu sợ hãi sai sứ sang Tề cầu cứu.

Lúc bấy giờ Tề Uy-Vương đã qua đời, Tề Tuyên-Vương lên ngôi, nghe nước Hàn bị xâm lấn liền triệu tập quần thần nghị kế.

Quan Tướng-quốc Sô-Ky bàn không nên cứu. Điền-

Kỵ và Điện-Anh lại bảo nén cứu. Riêng Tôn-Tân không nói gì cả.

Tề Tuyên-Vương hỏi Tôn-Tân :

— Quân-sư không nói gì, có lẽ hai ý kiến cứu và không cứu đều phải cả ư ?

Tôn-Tân nói :

— Đúng vậy ! Nước Ngụy cậy mình mạnh, năm trước đánh Triệu, năm nay đánh Hàn, nếu không cứu Hàn, đế Hàn rơi vào tay Ngụy thì nước Tề không yên được. Thế thì nói không cứu Hàn là không phải. Tuy nhiên Ngụy đánh Hàn, Hàn chưa hao tòn một mũi tên nào, mà ta đã đem binh đến cứu, hứng lấy sự mệt nhọc, đế cho Hàn được yên, còn ta bị tòn, như thế cũng không nên.

Tề Tuyên-Vương hỏi :

— Như vậy phải làm cách nào ?

Tôn-Tân nói :

— Cứ ý tôi thì chưa cứu vội. Ta chỉ hứa cứu Hàn, đế cho Hàn hăng hái đánh Ngụy đã. Chờ cho hai bên tốn sức ta sẽ đem binh đánh Ngụy, như thế đỡ tốn binh lực mà dễ thành công.

Tề Tuyên-Vương vỗ tay khen, rồi cho sứ giả nước Hàn trở về báo cho Hàn-cầu biết là quân Tề sẽ đến cứu.

Hàn-hầu mừng rỡ, tức lòng chống Ngụy. Qua sáu trận giao phong, quân Hàn đều bị tòn thất, Hàn-hầu sai sứ sang Tề thúc giục cùa binh.

Nước Tề sai Điện-Kỵ làm tướng, Điện-Anh làm phó, Tôn-Tân làm quân sư đem năm trăm cỗ xe đi cứu Hàn.

Diện-Kỵ muốn đem binh thẳng đến nước Hàn, Tôn-Tân cản lại nói :

— Không nên ! Cái thuật cứu nguy phải đánh vào chỗ thiết yếu của đối phương, buộc đối phương phải đem lực lượng đến cứu cấp. Nay muốn cứu Hàn chỉ cần đem binh thẳng đến kinh đô nước Ngụy, tự nhiên quân Ngụy phải bỏ Hàn rút về.

Điền-Kỵ theo lời, hạ lệnh cho ba quân theo đường tiến sang nước Ngụy.

Bàng-Quyên thắng nước Hàn luôn mấy trận, định kéo quân vây thành Tân-Đô, bỗng nghe tin quân Tề kéo đến nước Ngụy. Bàng-Quyên vội vã truyền lệnh bỏ Hàn, đem quân đuổi theo để cứu nguy cho nước Ngụy.

Tôn-Tẩn biết Bàng-Quyên thế nào cũng đuổi theo, nói với Điền-Kỵ :

— Bàng-Quyên thắng Hàn mấy trận, tất đem lòng tự kiêu, tự phụ. Ta nên giả cách làm thế yếu để dụ nó.

Điền-Kỵ nói :

— Dụ bằng cách nào ?

Tôn-Tẩn nói :

— Thế nào Bàng-Quyên trên đường về, cũng theo dấu quân ta để dò xét quân tình. Ngày nay nơi chỗ trú quân ta đào mười vạn cái bếp, ngày hôm sau nơi chỗ trú quân khác, ta đào bếp ít đi, và cứ bót mãi. Bàng-Quyên thấy số bếp bót dần tắt nghi quân ta nhút nhát, bỏ trốn, sinh lòng kiêu căng. Chừng đó ta phục binh đánh một trận quân Ngụy phải tan.

Điền-Kỵ liền thi hành theo kế ấy.

Thật vậy, Bàng-Quyên từ đất Hàn kéo về, lòng hậm hực, đốc quân đuổi theo rất gấp.

Khi đến chỗ trú quân của Tề, Bàng-Quyên thấy bếp núc lửa đã tàn, kiềm điềm lại thấy số bếp núc hơn mươi ngàn cái. Bàng-Quyên thất kinh than :

— Ôi chao ! Quân Tề đông thế này, ta phải đề phòng, không nên khinh được.

Ngày hôm sau, đến nơi trú quân khác Bàng-Quyên đếm số bếp của quân Tề đè lại chỉ hơn năm vạn. Lại hôm sau nữa chỉ còn thấy hơn ba vạn. Bàng-Quyên vỗ tay nói :

— Đó là hổng phúc của Đại-vương.

Thái-tử Thân nói :

— Vì có gì quân-sư mừng rỡ ?

Bàng-Quyên nói :

— Tôi vốn biết người Tề hèn nhát, nay vào đất Ngụy mới ba ngày mà quân lính đã bỏ trốn hết nửa rỗi, còn tinh thần đâu chống cự nổi quân ta.

Thái-tử Thân nói :

— Trong thuật quân có nhiều cái hư thực, quân sư nên cẩn thận.

Bàng-Quyên cười lớn nói :

— Bọn Điền-Ký phen này đến nộp mình : Quyên đâu bắt tài quyết không đè bọn chúng trốn thoát.

Nói xong, chọn hai vạn quân tinh nhuệ cùng Thái-tử Thân, chia làm hai đội, đuổi gấp theo quân Tề, còn bao nhiêu bộ binh lưu lại sau, giao cho Bàng-Thống tiếp ứng.

Tôn-Tân sai người dò thăm tin tức Bàng-Quyên, biết được Bàng-Quyên cướp đường đuổi theo rất gấp sớm tối sẽ đến Mā-lăng.

Đường Mā-lăng hai bên cây cối um tùm, núi cao khe sâu, là nơi có thể phục binh được, Tôn-Tân liền truyền quân hạ cây hai bên đường bỏ ngòn ngang đè chặn lối, chỉ chứa lại một cây lớn, cạo

sách vỏ, dùng than viết sáu chữ lớn : « Bàng-Quyên chết dưới cây này ».

Lại sai hai viên bộ-tướng là Viên-Đạt và Độc Cô-Trần đem năm ngàn quân, cung nõ sẵn sàng, mai phục hai bên núi, lúc nào thấy dưới gốc cây có ánh lửa sáng thì nhất tề bắn ra một lượt. Lại sai Điền-Anh dẫn một vạn quân, mai phục cách Mă-lăng ba dặm, đợi khi quân Ngụy đi qua rồi mới đuổi theo sau truy kích.

Phân phát xong, Tôn-Tân cùng với Điền-Kỵ dẫn quân đến phía bắc đóng đồn để dự bị tiếp ứng.

Giữa lúc ấy, Bàng-Quyên trên đường về vẫn bươn ba kéo quân đi, không hề nghĩ đến cái nguy hiểm có thể xảy bất ngờ.

Khi đi đến Mă-lăng, trời đã xầm tối, lại không trăng, gấp khúc đường hẹp, cây cối ngã chật đường. Đại tiên quân đồ dồn lại. Bàng-Quyên hét lớn :

— Quân Tề sợ ta theo kịp, nên chặt cây ngăn chặn để ngăn cản. Ta há vì sự trở ngại nhỏ nhen ấy mà đe thất binh cơ sao ?

Liền đốc tiến quân tới. Vừa đi được một đoạn, thấy trên thân cây to, có nét chữ lờ mờ, không rõ là chữ gì, Bàng-Quyên hỏi quân đốt lửa lên xem.

Lửa vừa sáng, hàng chữ lộ rõ rệt. Bàng-Quyên thất kinh nói :

— Ôi thôi ! ta đã lầm kế thằng què nữa rồi.

Liền hạ lệnh cho quân sĩ trở lui lại. Nhưng đã muộn ! Hai toán quân phục của Viên-Đạt và Độc Cô-Trần thấy ánh lửa, truyền quân dùng cung nõ bắn tới như mưa, quân Ngụy rối loạn. Bàng-Quyên bị hàng vạn mũi tên găm vào mình ngã lăn xuống,

đất. Biết mình không còn sống được, thà chết sớm cho đỡ khổ. Bàng-Quyên tự rút gươm kết liễu chút hơi tàn. Bàng-Anh cũng bị chết trong đám loạn tiễn. Còn quân Ngụy chết không biết bao nhiêu mà kể.

Bấy giờ Thái-tử Thân ở hậu đạo, nghe quân tiền đạo bị bại, không dám tiến quân, định tìm đường tàu thoát. Chẳng ngờ bị Điền-Anh đem quân đến truy kích. Quân Ngụy bỏ chạy, Thái-tử Thân cô thế bị Điền-Anh bắt sống đem về nạp cho Điền-Kỵ.

Tôn-Tân chặt đầu Bàng-Quyên treo lên xe, rồi cùng với Điền-Kỵ thu quân về nước Tề.

Thái-tử Thân sợ nhục, đập đầu vào xe tự vận.

Điền-Kỵ về đến nước Tề vào yết kiến Tề Uy-Vương. Tề Uy-Vương thường Điền-Kỵ, Tôn-Tân và Điền-Anh mỗi người một chung rượu để tỏ lòng tri ân.

Quan Tướng-quốc Sô-Kỵ ngày trước ăn của lót nước Ngụy muốn hăm hại Điền-Kỵ nay ăn năn, tự thấy xấu hổ, liền cáo bệnh từ chức.

Tề Tuyên-Vương cử Điền-Kỵ lên làm Tướng-quốc Tôn-Tân làm Quân-sư, Tôn-Tân từ chối, nói :

— Tôi tàn-phế, được Đại-vương đem về dùng, nay đã báo được ơn Chúa, trả được thù riêng, lòng tôi đã thỏa, xin Đại-vương cho tôi một hòn núi hoang để được an hưởng tuổi già mà thôi.

Tề Tuyên-Vương lòng lưu luyến nói :

— Quân-sư giúp ta, cứu lấy nước Tề, ơn ấy ta chưa quên, nỡ nào để quân-sư ra đi như vậy. Một mai chầu hầu đến xâm lấn, ta biết liệu làm sao ?

Tôn-Tân liền về dinh chép hết mười ba thiên binh ~~nhà~~ của Tôn-Vũ đem dâng cho Tề Tuyên-Vương, và nói :

— Tài tôi chỉ ở trong sách này. Đại-vương lưu tôi lại cũng chỉ làm được có thể thôi.

Tè Tuyên-Vương không làm sao giữ Tôn-Tân lại được bèn cho ở núi Thạch-Lư. Tôn-Tân ở đó hơn một năm. Sau người ta không thấy Tôn-Tân đâu nữa, và đồn rằng Tôn-Tân đã thành tiên, theo Qui-Cốc Tiên-sinh rồi.

### *Nhận xét :*

— *Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo.*

Câu chuyện Tôn-Tân và Bàng-Quyên diễn hình một sự phản phúc nham hiем phi thường giữa tình bạn.

Xưa nay, chuyện bạn bè phản nhau cũng là chuyện thường, nhưng so về nham hiem không ai bằng Bàng-Quyên.

Nếu trong truyện Kiều có cái ghen của Hoạn-Thú, thì ở thời Chiến-quốc có cái nham hiem của Bàng-Quyên thật không thua kém.

Người ta nói, lòng người sâu hơn đáy biển, thật khó đò được. Nhưng vì đâu tâm trạng con người lại dã man như vậy ?

Có người bảo : Tài giã tai dã. Có tài tất có tai vạ đến. Vì Tôn-Tân có tài mới bị Bàng-Quyên ghen ghét, mưu hại, chứ nếu Tôn-Tân bất tài thì Bàng-Quyên mưu hại làm gì. Cho nên ở đời có tài đừng mừng, cũng như có quyền thế đừng cậy mạnh.

Quan niệm này cũng đúng phần nào, vì theo quan điểm xã hội chỉ có kẻ bất tài mới ganh ghét người tài năng, và người tài năng thường bị nhiều người hâm hại.

Tài nănø là yếu tố để thu đoạt những lợi ích trong đời sống con người, đem lại con người địa-vị trong xã hội. Bởi

vậy, tài năng ai cũng muốn và họ cố dùng tài năng để thu đoạt cho nhiều nhũng gì trong cuộc sống mà họ ham muốn.

Mỗi người đều dùng tài năng để thu đoạt, dĩ nhiên xã hội loài người có một mâu thuẫn tất nhiên. Mâu thuẫn giữa sự giành giật, và mâu thuẫn giữa tài năng. Muốn đem thắng lợi cho mình trong kế hoạch thu đoạt, trước hết người ta phải tìm cách hâm hại người tài. Cho nên tài năng là yếu tố mâu thuẫn chính trong cuộc sống tranh cạnh của loài người. Và người ta đã phải thở dài, nói : « tài già, tai dã ».

Xã hội loài người là một trường tranh đấu về tài năng để thu đoạt. Tuy nhiên, nó lại phực tạp vô cùng. Vì nền văn hóa tiến bộ, con người nhận thức được nhân nghĩa, nhân đạo. Nhân đạo là ánh sáng chiếu vào xã hội, buộc con người tiến bộ phải theo để tạo một xã hội đẹp đẽ. Tuy nhiên lòng tham của con người không thè gì văn minh mà giảm bớt. Nhũng kẻ sống theo bản năng dục vọng chẳng bao giờ từ bỏ lòng tham, và thỏa mãn lòng tham muôn của mình. Để phục vụ lòng tham, và cũng để cho xã hội đừng chê mình là kẻ dã man, lạc hậu, vô nhân đạo, kẻ có lòng tham từ mình bước vào linh vực giả dối, bẽ ngoài làm ra vẻ nhân đạo, bên trong tim cách phá hủy nhân đạo. Tức là họ dùng cái nhân đạo bên ngoài để che giấu ác tâm của họ bên trong, gây cho lòng người nhiều phực tạp không thè trường tượng nồi.Những thủ đoạn lừa dối, phỉnh gạt, đạo đức giả bắt nguồn từ lý do trên.

Tóm lại, tài năng là vật quý của con người, giúp xã hội tiến bộ, đưa con người vào cuộc sống vinh quang, nhưng tài năng cũng là một mối nguy hại, tạo cho xã hội những mâu thuẫn đấu tranh để tiêu diệt lẫn nhau.

Thế thì con người chúng ta nên rèn luyện tài năng hay không ?

Tài năng là vật quý của con người, giúp ích đời sống loài người, loài người không từ bỏ nó. Điều cần thiết là làm sao cho sức mâu thuẫn xã hội không vì tài năng mà giết hại lẫn nhau, hủy bỏ nhân đạo. Được vậy thì tài năng có lợi mà chẳng có hại gì.

Nhưng phải làm sao để tài năng không trở thành mâu thuẫn xã hội ?

Phần đông, con người sống theo dục vọng, luôn luôn thu đoạt những gì họ muốn của xã hội để phục vụ riêng mình. Họ cho như thế là họ đã được, nhưng rốt cuộc họ không có gì cả, vì không ai khỏi chết, và chết là mãi, nhưng gì họ đã thu được xem như không có. Tất cả đều tiêu tan. Như vậy thu không phải là được, mà chỉ tạo thành sức mâu thuẫn xã hội, rút ngắn cuộc sống của con người, tự mình làm cho mình sớm mất.

Chỉ có cho mới là trường tồn. Chỉ có cho mới gọi là được. Kể cho dù đã mất, nhưng việc họ làm vẫn còn trong xã hội, thế thì không thể gọi là mất.

Tài năng con người cũng thế. Kể có tài, nếu chỉ dùng tài mình để thu đoạt cho bản thân, thì thật là mối nguy hại, trái lại, họ biết đem tài mình mà cho thiên hạ, thì tài họ không gây mâu thuẫn xã hội, và chẳng bao giờ mất.

Nếu trong xã hội ai cũng cho mà không đoạt, thì có gì mâu thuẫn. Cái mà loài người đem cho xã hội không mất, vì xã hội là của loài người, nó sẽ công hiến cho loài người những gì họ đã góp vào.

Câu chuyện Tôn-Tẫn, Bàng-Quyên chính là câu chuyện mâu thuẫn về tài năng, mà Bàng-Quyên là người đã sống theo dục-vọng vậy.

## TÔ-TẦN và TRƯƠNG-NGHI

— Mạnh-hồ nan địch quần hồ.

Kẻ yêu biết đoàn kết bảo vệ lấy nhau  
thì nhất định trừ được bạo lực.

Tô-Tần và Trương-Nghi, hai người cùng là bạn đồng môn, học trò ông Qui-Cốc.

Sau khi từ giã thầy xuống núi, Trương-Nghi thì về nước Ngụy, còn Tô-Tần thì về Lạc-Dương, ai cũng tính về quê thăm nhà rồi sẽ lo việc tiến thân, lập công danh.

Khi Tô-Tần về đến nhà, gia đình sum họp, tướng không còn gì vui bằng.

Vài ngày sau, Tô-Tần muốn đi chơi các nước, nhưng không có tiền muốn xin người mẹ bán hết gia tài để làm lộ phí.

Người mẹ nói :

— Con không lo cày cấy làm ăn, chỉ hòng đem miệng lưỡi cầu sang, bỏ cái nghiệp đã thành, mà ước cái lợi chưa có, sau này bị nghèo túng hối-hận không kịp.

Tô-Đại và Tô-Lệ nói :

— Nếu anh có tài du thuyết sao không đến nói với Châu-Vương, ở quê hương mà tìm được vinh hiền chẳng hay hơn nước ngoài sao ?

Tô-Tần bị cả nhà ngăn trở liền xin vào yết kiến Châu Hiền-Vương, bày tỏ thuật tự-cường.

Châu Hiền-Vương mời ra ở quán trọ. Triều thần đều biết Tô-Tần vốn là một gã nông phu trước kia nên có ý khinh bỉ và cho lời nói của Tô-Tần là viễn vông không dùng được.

Tô-Tần lưu nơi quán xá gần một năm trời, vẫn không ai để ý đến, bức túc bỏ về nhà, bán hết gia sản được một trăm lưỡng vàng, may một cái áo lông cừu đen, sắm sửa xe ngựa và kè hầu hạ, còn thừa làm lộ phi đi chu du khắp nước, xem xét địa hình, địa vật và phong cảnh khắp nơi, rõ hết các điều lợi hại trong thiên hạ.

Đô một năm sau, Tô-Tần nghe Vệ-Uởng được làm Thượng-quân, vua Tân tin dùng lắm, liền di sang Hàm-Đang. Nhưng khi sang đến nơi thì Tân Hiếu-Công mất, Vệ-Uởng chẳng còn, bèn xin vào yết kiến Huệ Văn-Vương.

Huệ Văn-Vương triệu Tô-Tần vào, hỏi :

— Tiên-sinh chẳng quản đường xa mệt nhọc đến đây, chẳng hay có điều chi chỉ giáo chẳng ?

Tô-Tần nói :

— Đại-vương chế chư hầu, bắt các nơi phải cắt đất tiến dâng, như thế Đại-vương có ý muốn thôn tính thiên hạ ?

Huệ Văn-Vương đáp :

— Phải.

Tô-Tần nói :

— Đại-vương đông có Quan-hà, tây có Hán-trung nam có Ba-thục, bắc có Hồ-lạc, đó là nơi có thể gây nghiệp đế-vương. Tôi xin giúp Đại-vương thôn tính chư hầu, nuốt nhà Châu, thống nhất thiên hạ như trò bàn tay, xin Đại-vương xét lại.

Huệ Văn-Vương mới giết Vệ-Uởng, trong lòng vẫn ghét kè du thuyết, bèn từ chối :

— Con chim lông cánh chưa đầy đủ chưa thể bay cao được. Tiếc rằng tiên-sinh rất hay, mà sức ta chưa làm nổi, vậy xin đợi vài năm nữa binh lực đổi dào, ta sẽ bàn đến việc đó.

Tô-Tần lui ra, lại đem thuật của tam-vương ngũ-bá dùng công chiến mà được thiên-hạ, chép thành một quyển sách dày, ước hơn mươi vạn chữ, đem dâng cho vua Tân.

Vua Tân không có ý dùng Tô-Tần nên chỉ xem qua.

Tô-Tần lại yết kiến quan Tướng-quốc Công-tôn Diên. Công-tôn Diên ganh tài khêng tiến dâng.

Tô-Tần ở đó hơn một năm, áo lông cừu đã bạc màu, tiền lộ phí đã dùng hết, không biết xoay xở vào đâu, phải bán xe ngựa và đầy tớ để lấy tiền tiêu đỡ, rồi quay gói trở về nhà.

Mẹ Tô-Tần thấy vậy mắng nhiếc, vợ Tô-Tần đang đệt cùi cứ ngồi yên không hỏi han đến, Tô-Tần đòi quá hỏi người chị dâu xin cơm, thời người chị dâu bảo là hết cùi không nấu cơm được.

Tô-Tần úa nước mắt tư nghĩ :

“Ta bán hết tài sản, đem thân lulu lạc mấy năm chẳng làm được công việc gì để đến nỗi vợ không coi là chồng, mẹ không coi là con, chị không nhận là em. Thế thì lỗi này do ta cả, còn trách cứ ai.”

Tô-Tần thò vào gói, lục lạo xem còn sót đồng tiền nào chăng. Nhưng tiền không có, chỉ có quyển sách “Thái-công âm-phù” mà Qui-Cốc tiên-sinh trao tặng lúc giã biệt. Tô-Tần sực nhớ lời Qui-Cốc tiên-sinh có nói, nếu du thuyết không gặp vận chỉ nên đọc kỹ át có tiền ít.

Bèn đóng cửa đọc sách, đêm ngày không nghỉ. Lúc mào buồn ngủ thi dùn nhọn chích vào chân cho chảy máu ra để đau nhức ngủ không được. Khi đã hiểu hết tinh nghĩa trong sách, Tô-Tần lại đem hình thế các nước xem

kỳ càng. Được một năm Tô-Tân thấy mình thông hiều mươi phần, thầm nghĩ :

— « Sức học của ta như vậy chẳng lẽ không chiếm được ngôi khanh tướng, làm nên sự nghiệp sao ? »

Tô-Tân nói với hai người em là Tô-Đại và Tô-Lệ :

— Nay sức học của ta đã thành, lấy giàu sang làm như bờn, các em nên giúp ta tiến hành lý để đi du thuyết các nước. Ngày thành công ta sẽ diu dắt các em.

Lại đem quyền âm phủ giảng giải cho Đại và Lệ hiều, Đại và Lệ rất hãi lòng, đem tiền giúp cho Tô-Tân làm lô phi.

Tô-Tân từ biệt gia đình, cất bước phiên lưu, ý muốn qua nước Tân lần nữa, nhưng lại tư nghị :

« Ngày nay trong bảy nước, chỉ có nước Tân mạnh hơn cả, có thể giúp nên nghiệp để được. Tuy nhiên, trước kia vua Tân đã không muốn dùng ta, nay đến e lại về không thì còn mặt mũi nào trông thấy gia đình. »

Liền sanh ra một kế :

— « Tân mạnh là kẻ thù của sáu nước yếu, ta làm cho các nước cùng lòng hợp sức chống Tân, làm cô lập nước Tân thì mới có thể đứng vững được. »

Nghĩ như vậy liền sang nước Triệu. Bấy giờ Triệu Túc-Hầu đang ở ngôi, em trai là công-tử Thanh là Tướng quốc gọi là Phụng Dương-Quân.

Tô-Tân vào yết kiến Phụng Dương-Quân, Phụng Dương-Quân không thích nghe, Tô-Tân liền bỏ Triệu sang Yên, xin vào yết kiến Yên Văn-Công.

Tuy nhiên, những người thân cận không ai chịu giúp, nên Tô-Tân đợi hơn một năm mà vẫn chưa có dịp vào yết kiến được.

Lúc bấy giờ tiền lương đã hết, Tô-Tần phải nhịn đói nằm lì nơi quán trọ, người trong quán trọ đồng lòng cho vay một trăm đồng tiền Tô-Tần nhờ đó mà sống tạm qua ngày.

Một hôm, nhân lúc Yên Văn-Công đi chơi, Tô-Tần liền quỳ mọp bên đường nghênh đón. Yên Văn-Công thấy thế, cho người đỡ dậy hỏi :

— Nhà ngươi tên họ là chi, có việc gì oan ức ?

Tô-Tần nói :

— Chẳng có điều cái oan ức cả, tôi tên Tô-Tần muốn được yết kiến Chúa-công song không có người tiến dẫn, nên phải làm liều.

Yên Văn-Công nghe đến tên Tô-Tần mừng rỡ nói :

— Ta nghe nói tiên sinh năm trước có dâng cho vua Tân một tập thư mười vạn chữ, ta lấy làm hâm mộ, ước sao được thư ấy. Nay lại gặp Tiên-sinh ở đây, thực là may cho nước Yên lắm.

Dứt lời, truyền lệnh hồi loan, và đòi Tô-Tần vào đàm đạo.

Tô-Tần nói :

— Đại-vương đạt minh trong chiến quốc, đất chỉ vuông hai ngàn dặm, binh giáp vài mươi vạn, xe sáu trăm cỗ, ngựa sáu ngàn con, so với Trung-nguyên chỉ bằng một nửa, thế mà tai không nghe tiếng vỏ ngựa giao vận, mắt không trông thấy cái họa đỗ xe chém tướng, được sống cảnh thanh bình an lạc, trong lúc các nước rộn rịp dao binh, Đại-vương có biết tại sao như thế không ?

Yên Văn-Công nói :

— Ta thực không rõ, tiên-sinh cứ tường trình cho ta nghe thử.

Tô-Tần nói :

— Nước Yên sở dĩ không bị binh đao là nhờ có nước Triệu đứng che. Đại-vương không biết kết giao với Triệu, lại xu nịnh nước Tần, thật cung thẹn lâm ru ?

Yên Văn-Công nói :

— Ý tiên-sinh bảo ta làm thế nào trong lúc Tần đất rộng, binh hùng, có thè thon tinh chư hầu như tay bàn.

Tô-Tần nói .

— Cứ như ngu ý thì «mảnh hồ nan địch quấn hồ», Nước Yên dẫu yếu nhưng nếu liên kết với nước yếu khác chống lại nước Tần thì nước Tần phải sợ. Đó mới là kế làm cho nước được yên ổn lâu dài.

Yên Văn-Công nói :

— Lời tiên-sinh rất hợp ý ta, song chỉ sợ chư hầu không đồng lòng.

Tô-Tần nói :

— Tôi dẫu bất tài, xin thay mặt Đại-vương diện kiến chư hầu việc ấy.

Yên Văn-Công mừng rõ ; đem vàng bạc, ngựa xe giao cho Tô-Tần qua nước Triệu.

Bấy giờ Phụng Dương-Quân Triệu-Thành đã mất, Triệu Túc-Hầu nghe nước Yên sai du khách đến vội vã ra tiếp đón, nói :

— Thương khách hạ cổ đến nước ta chẳng hay có điều gì chì giáo chẳng ?

Tô-Tần sụp lạy thưa :

— Tôi nghe những người hiền sĩ khắp nơi đều kính mến hiền hẫu, muốn tỏ bày nguyện vọng đề hợp sức với

hiền-hữu, chỉ vì Phụng Dương-Quân là kẻ dối kỵ, ghen-ghét tài năng, cho nên hiền-sĩ bốn phương đều dùng chân không đến, cuốn lưỡi không nói. Nay Phụng Dương-Quân đã từ trần, nên tôi mới dám đến đây dâng vài lời tâm huyết. Phàm việc trị dân không gì bằng nắm được thế nước, mà thế nước không có cách nào mạnh hơn là đoàn kết. Nước Triệu so với nước Sơn-đông thì đất rộng binh hùng hơn, tuy nhiên, so với nước Tân thì kém xa. Sở dĩ Tân chưa chiếm Triệu là còn sợ Hàn, Ngụy thừa cơ đánh úp mặt sau. Vì vậy nước Tân phải lo dẹp Hàn, Ngụy trước. Ngày kia Hàn, Ngụy đã đầu Tân rồi, thi cái họa binh đao sẽ đến với Triệu.

Triệu Túc-Hữu nói :

— Thế thì phải làm sao để tránh khỏi cái nạn ấy ?

Tô-Tân nói :

— Phải giữ hai nước Hàn và Ngụy đừng cho lọt vào tay nước Tân để dùng làm binh phong cho nước Triệu. Hàn và Ngụy tuy yếu, nhưng nếu liên kết lại thì có sức mạnh phi thường, nước Tân không làm gì nổi. Theo ý tôi, các nước yếu nên hợp lại cùng ăn thề, kết làm anh em, hễ Tân đánh một nước thì năm nước cùng kéo đến cứu. Còn trong năm nước, nếu có nước nào trái lời thề thì các nước cùng đánh. Sức năm nước hợp lại thì Tân khó địch.

Triệu Túc-Hữu nói :

— Ta mới lên ngôi, tuổi còn trẻ, kinh nghiệm chưa bao nhiêu, và cũng chưa hề nghe ai nói những lời vàng ngọc như thế. Nay tiên-sinh muốn liên hiệp chư hầu để chống lại Tân, ta đồng ý cho đó là thượng-sách. Vậy thì phải nhờ sức tiên-sinh mới được.

Dứt lời, giao ấn tướng cho Tô-Tần, cho ở/một dinh thự, thường năm nén vàng kim, năm đôi bạch bích, nghìn tấm gấm vóc và cử làm chức Liên-hiệp-trưởng.

Tô-Tần mừng rõ, đem vàng bạc gởi về nước Yên để thành toán nợ nần trước kia, và định ngày sang hai nước Hán và Ngụy để thực hiện kế hoạch liên hiệp chư hầu.

Bỗng có tin Triệu Túc-Hầu triệu vào nói :

— Quan tướng quốc nước Tân là Công-tôn Diễn vừa đem quân đánh Ngụy, bắt mất viên đại-tướng là Long-Giả, chém bốn vạn năm nghìn thủ cấp, vua Ngụy phải cút mười hành đất ở Hà-bắc để cầu hòa, Công-tôn Diễn lại muốn thân hành sang đánh Triệu, biết làm thế nào ?

Tô-Tần nghe nói giận mình nghi thăm :

« Nếu quân Tân mà đánh Triệu thì kế hoạch liên hiệp chư hầu của ta phải thất bại rồi. »

Trong lúc đang bối rối, Tô-Tần nghĩ ngay được một kế, làm ra vẻ điềm tĩnh nói :

— Tôi chắc quân Tân mệt mỏi, chưa dám đem quân đánh Triệu đâu. Vạn nhất nếu kéo đến, tôi sẽ có kế hoạch làm cho quân địch phải lui.

Triệu Túc-Hầu nói :

— Lòng ta đang nghi hoặc, tiên-sinh hãy nán ở lại đây ít lâu, chừng nào quân Tân không đến, tiên sinh hãy sang Hán, Ngụy.

Tô-Tần lui ra, trở về trướng phủ gọi một tên môn hạ tâm phúc là Giả-Xá-Nhân đến nói :

— Ta cần nhà ngươi một việc. Nhà ngươi phải thận trọng lắm mới được.

Giả-Xá-Nhân nói :

— Xin quan Tướng-quốc chỉ dạy, tôi nguyện tận-lực.

Tô-Tân nói :

— Ta có một người đồng môn tên Trương-Nghi, quê ở Đại-Lương, nay ta đưa nghìn nén vàng, người già làm người lái buôn đến nước Ngụy tìm gặp Trương-Nghi làm theo y kế ta dặn.

Dứt lời, Tô-Tân đưa Giả-xá-Nhân vào hậu phòng, dặn dò mật kế.

Giả-xá-Nhân tuân lệnh, ngày đêm thẳng đường đến Đại-Lương.

Nhắc lại Trương-Nghi từ khi cùng với Tô-Tân rời Quỷ-Cốc trở về bị quân Tân đánh thua luôn mấy trận, Ngụy Huệ-Vương buồn chán không muốn nghe những lời du thuyết nữa.

Trương-Nghi dắt vợ con bỏ Ngụy sang Sở. Quan Tướng-quốc nước Sở là Chiêu-Dương thấy Trương-Nghi nói năng hoạt bát liền thu dùng làm môn hạ.

Kế đó Chiêu-Dương đem quân đánh Ngụy lấy được bảy thành Tương-Lăng, Sở Uy-Vương thường ban cho viên ngọc bích của họ Hỏa. Viên ngọc này quý lắm, Chiêu-Dương đi đâu cũng mang theo mình.

Một hôm, Chiêu-Dương ra chơi ở Xích-Sơn, các tân khách và môn đệ đi theo ước trên trăm người.

Xích-Sơn là nơi cảnh đẹp, đặc biệt cái đầm sâu, tương truyền là nơi Khương Thái-Công câu cá. Bên đầm có một cái lầu cao, mọi người đều lên lầu bày tiệc rượu vui chơi.

Khi rượu đã ngà say, các tân khách yêu cầu Chiêu-Dương cho xem viên ngọc quý. Chiêu-Dương mở hộp

lấy ra một bao gấm, bên trong ánh sáng lấp lánh chiếu đủ màu sắc. Mọi người đều reo lên. Chiêu-Dương lấy ngọc đ𝐞 lèn bàn, mọi người thay nhau cầm xem lấy làm thích thú.

Giữa lúc đó bên ngoài có tên quân hầu chạy vào báo.

— Dưới hầm có một con cá lớn nhảy lên khỏi mặt nước.

Chiêu-Dương chạy ra, đứng dựa vào lan can xem, các tân khách cũng đều chạy ra cả.

Thật vậy, một con cá lớn dài hơn một trượng, mình vàng, vảy óng ánh, cứ chốc lại vươn mình lên khỏi mặt nước, xung quanh dàn cá nhỏ cũng nhảy theo. Được một lúc, lung trời mây kéo đen nghịt, gió bắc thổi mạnh, cơn mưa to sắp đến.

Chiêu-Dương truyền thu nhật đồ đặc trở về, thì xem lại không thấy viên ngọc bích đâu, tìm mãi không có.

Khi về đến phủ, Chiêu-Dương mặt sao người dò xét xem ai lấy trộm viên ngọc bích.

Một môn hạ nói nhỏ với Chiêu-Dương :

— Trương-Nghi là kẻ nghèo hèn chắc là nó lấy trộm chứ không còn ai nữa.

Chiêu-Dương nghe lời, sai người bắt Trương-Nghi nọc ra đánh đè tra tấn.

Trương-Nghi tình thực không lấy viên ngọc, nên đánh đến đâu cũng không chịu nhận.

Bọn môn hạ đánh Trương-Nghi đến ngất đi sõng lại mới thôi.

Có người thương Trương-Nghi bị đánh oan, nên  
vực Trương-Nghi đem về nhà. Vợ Nghi trông thấy  
đau lòng nói :

— Bởi chàng theo đuổi việc đọc sách và du thuyết  
nên mới bị nhục, nếu ở nhà cày cuốc làm ăn thì đâu  
đến nỗi.

Trương-Nghi há mồm lè lưỡi hỏi vợ :

— Cái lưỡi ta có còn chăng ?

Vợ Trương-Nghi tức cười nói :

— Cái lưỡi còn đó !

Trương-Nghi nói :

— Lưỡi còn túc là tiền của, nàng chờ lo cảnh  
khốn cùng này mãi.

**T**Trương-Nghi an nghỉ một thời gian, rồi lại dẫn  
vợ con lên đường trở sang nước Ngụy.

Đến nơi, được tin Tô-Tần du thuyết vua Triệu,  
đã được phong làm tướng, Trương-Nghi đi thu xếp  
hành trang đến đó thăm.

Bỗng có Giả-Xá-Nhân, ăn mặc giả khách buôn  
đến hỏi thăm. Trương-Nghi thấy lối ăn mặc, biết là  
người nước Triệu mới đến, liền hỏi thăm tin tức  
Tô-Tần.

Giả Xá-Nhân kè lại việc giàu sang của Tô-Tần rồi  
hỏi :

— Tiên-sinh là ai, có phải bạn cũ của Tướng-quốc  
chăng ?

Trương-Nghi nói :

— Tôi cùng Tô-Tần trước kia là bạn đồng môn  
coi nhau như ruột thịt.

Giả Xá-Nhân nói :

— Nếu vậy sao tiên-sinh không đến đó thăm. Đã là tình bạn tôi đoán chắc thế nào quan Tướng-quốc tôi cũng tiến dân tiên-sinh. Nay nhân lúc hàng hóa tôi đã bán xong, sắp trở về nước Triệu, nếu Tiên-sinh không chê tôi là kè hèn mọn xin cùng tôi đồng hành cho vui.

Trương-Nghi nhận lời. Ngày hôm sau theo Giả Xá-Nhân ra đi. Khi đến kinh thành nước Triệu, Giả Xá-Nhân nói :

— Nhà tôi ở ngoài thành, tôi cần về đó có chút việc. Trong thành có sẵn nhà quán xi đê cho khách trọ, tiên-sinh vào ở đó, vài hôm thanh thoảng tôi sẽ tới thăm.

Trương-Nghi từ biệt Giả Xá-Nhân, xuống xe đi vào thành, tìm quán xá trú ngụ.

Hôm sau, trời vừa tảng sáng, Trương-Nghi đã thức dậy mượn áo mũ của chủ nhà, đê chực đưa danh thiếp vào yết kiến Tô-Tân. Tô-Tân đã dặn quân hầu không thu danh thiếp Trương-Nghi. Vì vậy Trương-Nghi đã đến năm sáu hôm mà vẫn phải về không.

Vừa giận vừa buồn, Trương-Nghi muốn bỏ đi nơi khác, song vì tiên quán không lấy gì trả, cực chẳng đã phải nhẫn nhục đê được gặp mặt Tô-Tân.

Đến ngày thứ Bảy, Trương-Nghi mới được đưa danh thiếp vào, nhưng quân hầu trong phủ lại ra bảo Trương-Nghi :

— Quan Tướng-quốc còn bận nhiều việc, chưa tiếp kiến được, phiền ngại chờ đợi ít lâu.

Trương-Nghi đành phải nán lòng chờ đợi mãi không thấy Tô-Tân đến hỏi, Trương-Nghi giận quá muốn bỏ đi, chủ quán giữ lại nói :

— Ngài ra đi có hai điều bất tiện. Một là ngài đã đưa danh thiếp vào trong trướng phủ, một mai quan Tướng-quốc cho đòi vào tôi biết trả lời làm sao ! Hai nữa, ngài còn thiếu nợ nơi quán tôi, ngài nỡ làm cho tôi thiệt hại sao ! Chi bằng ở lại đây, tôi đảm chắc ngài đã là bạn thân của quan Tướng-quốc thì sớm muộn cũng được tiếp đón nồng-hậu.

Tương-Nghi buồn quá, hỏi thăm Giả-xá-Nhân ở đâu thì không ai biết.

Cách vài ngày sau có lệnh trong trướng phủ cho khách vào. Tương-Nghi mừng rỡ, khẩn áo chỉnh tề, vào đến nơi thi thấy Tô-Tần cản dai ra vẻ, đang ngồi trên trướng, hai bên kè hẫu người hạ đồng nghẹt.

Tương-Nghi toan bước lên thăm thì tên lính hẫu ngăn lại, nói :

— Khoan ! Quan Tướng-quốc còn đang bận việc, chưa cho lệnh vào.

Tương-Nghi đứng dưới thăm, lòng nóng như đốt. Mãi cho đến lúc mặt trời gần xé bóng, nghe trên công đường có tiếng hỏi : "khách đâu rồi" Một tên lính quát to :

— Quan Tướng-quốc cho mời khách vào.

Tương-Nghi vuốt áo bước lên, lòng định ninh lúc Tô-Tần trông thấy mình sẽ chạy đến đón chào rồi rit.

Nhưng không. Tô-Tần đưa mắt lạnh nhạt nhìn Tương-Nghi và cứ ngồi yên hỏi :

— Quý huynh vẫn được bình yên chứ ?

Tương-Nghi tức giận quá, không đáp lại. Lính hẫu vào bầm dâng cơm trưa, Tô-Tần lại nói :

— Việc quan bận rộn, phiền quý huynh đợi ít lâu, bây giờ dùng tạm cơm rau rồi sẽ cùng nhau nói chuyện.

Nói xong, bảo lính hầu đặt ghế mời Trương-Nghi ngồi dưới công đường, còn Tô-Tần thì ngồi ăn ở trên Mâm cơm Tô-Tần cao lương mỹ vị ê hề, còn mâm cơm Trương-Nghi thì tương rau hầm hút. Trương-Nghi toàn đứng dậy không ăn, nhưng bụng đói quá, và lại tiền cơm quán trợ còn thiếu quá nhiều, đành phải ngâm sầu nuốt tủi, cầm đũa mà ăn, trong lòng vừa tủi vừa thẹn.

Ăn xong, Tô-Tần lại mời khách lên công đường. Trương-Nghi không nén giận được nữa, chỉ vào mặt Tô-Tần nói :

— Khốn nạn ! Ta tưởng mày là kẻ không vong tình, nên mới đến đây thăm viếng, mày lại làm nhục ta đến thế này thi còn gì tình nghĩa.

Tô-Tần chậm rãi đáp :

— Cứ lấy cái tài của quý huynh, những tưởng rằng quý huynh lập nghiệp trước ta, ngờ đâu đến ngày hôm nay quý huynh lại khổ đến thế này. Ta cũng muốn vì tình bạn tiến cử quý-huynh với Triệu-hầu, ngặt vì quý-huynh trí suy, tài lụt, không làm gì được, đành lụy đến người tiến cử.

Trương-Nghi nói :

— Kẻ đại trượng phu nếu không tự mình tìm nên phú quý thì di chết, có đâu lại đem thân cầu lụy kẻ khác.

Tô-Tần nói :

— Quý-huynh nếu có thể tự làm nên phú quý thì lại đến đây yết kiến ta làm chi ! Thôi, nay nghĩ tình đồng mon, ta giúp cho quý-huynh mười lạng vàng, quý-huynh nên tìm chỗ làm ăn cho an thân, đừng ngược mặt trong bước thang mày nữa.

Trương-Nghi hầm hầm mặt giận, cầm mười nén

vang ném mạnh xuống đất, rồi quay quâ ra khỏi tường phủ.

Về đến nhà trọ, thấy đồ đạc của mình, chủ quán đã sắp xếp sẵn đem bò ra ngoài, Trương-Nghi lấy làm lạ hỏi :

— Ông định lấy các đồ hành trang của tôi để trả nợ sao ?

Chủ quán đáp :

— Không phải ! Hôm nay ngài được vào yết kiến quan Tường-quốc, mà quan Tường-quốc đối với ngài là chỗ thâm tình, tôi đoán chắc thế nào ngài cũng được đón tiếp hậu tình, quan Tường-quốc sẽ đưa ngài đến công quán để làm tiệc đãi đặng, vì vậy tôi mới dọn sẵn để ngài khỏi mất thì giờ.

Trương-Nghi thở dài, úa nước mắt đáp gọn :

— Quân khốn nạn ! Quân khốn nạn !

Chủ quán ngạc hỏi :

— Có phải ngài không phải là bạn thân của Tường-quốc tôi chàng ? Ở đời có nhiều kẻ « thấy người ta sang bắt quàng làm họ ». Chứ thật ngài là bạn với quan Tường-quốc thì đâu đến nỗi xử tệ đến thế.

Trương-Nghi uất nghẹn không nói nên lời, đứng lặng hối lâu rồi mới đem nguồn cơn mình kể lại cho chủ quán nghe.

Chủ quán nói :

— Quan Tường-quốc quyền cao chức trọng, còn ngài là kẻ nghèo hèn, được quan tướng quốc cho mười lạng vàng thi cũng đã hân hạnh lắm rồi, sao ngài không lấy đem về trả tiền cơm nước, nếu còn thừa thì dùng làm lộ phí trả về nhà sum họp với vợ con, có hơn không ?

Trương-Nghi nói :

— Trong lúc giận, tôi đã không nghĩ đến món nợ của ông, bây giờ biết làm thế nào ?

Trong lúc bối rối, chợt có Giả-xá-Nhân đi vào, cúi chào Trương-Nghi nói :

— May hôm nay bạn việc không đến hầu Tiên-sinh được, chẳng hay Tiên-sinh đã được vào yết kiến Tô Tướng-quốc chưa ?

Câu nói ấy khiêu lại lòng căm-tức của Trương-Nghi, Trương-Nghi đập tay xuống bàn mắng :

— Đừng nhắc đến cái thằng bắt nghĩa ấy !

Giả-xá-Nhân nói :

— Tại sao Tiên-sinh lại giận dữ và nói quá lời như vậy ?

Chủ quán liền đem việc Trương-Nghi vào yết kiến Tô-Tân kè lại cho Giả-xá-Nhân nghe, và nói :

— Nay Tiên-sinh ấy không có tiền trả cho tôi, còn muốn về cũng không có tiền làm lộ-phí, thật đau đớn.

Giả-xá-Nhân nói :

— Trước kia vì tôi xui Tiên-sinh đến đây, nên Tiên-sinh mới bị nhục như vậy. Việc này cũng tại tôi, nay tôi xin trả số tiền nợ cho Tiên-sinh và thuê xe cho Tiên-sinh trở về nước Ngụy, chẳng biết ý Tiên-sinh thế nào ?

Trương-Nghi nói :

— Tôi cũng chẳng còn mặt mũi nào trở về nước Ngụy để thấy mặt vợ con nữa. Ý tôi muốn sang Tân chơi một phen cho biết, ngặt vì đường xa lại không có tiền hành lý.

Giả-xá-Nhân nói :

— Ở nước Tân lại cũng có người đồng môn với Tiên sinh nữa sao ?

Trương-Nghi nói :

— Không ! Trong bảy nước, chỉ có Tân là mạnh hơn cả. Sirc Tân có thể đánh được Triệu, nếu tôi sang Tân mà được đặc dụng, quyết đem quân đánh Triệu để trả thù Tô-Tân.

Giả xá-Nhân nói :

— Tôi có người quen ở bên nước Tân, lâu nay có ý định đến thăm nhưng chưa gặp dịp rảnh. Nay nếu Tiên sinh muốn sang Tân, nhân tiện hai ta đồng hành thì còn gì vui hơn.

Trương-Nghi mừng rỡ nói :

— Ôi chao ! Trong thế gian này có người trọng nghĩa như ngài thì cũng đủ cho Tô-Tân xấu hổ mà chết đi !

Trương-Nghi cùng Giả xá-Nhân kết làm anh em. Giả xá-Nhân thanh toán nợ nần cho Trương-Nghi xong thì hai người lên xe thẳng qua nước Tân. Dọc đường, Giả xá-Nhân sắm đủ quần áo, mua xe ngựa, thuê người hầu cho Trương-Nghi, không thiếu một món nào.

Khi đến nước Tân, Giả xá-Nhân lại bỏ ra rất nhiều vàng bạc đ𝐞 đút lót cho những kẻ thân cận vua Tân, xin tiến cử Trương-Nghi.

Bấy giờ vua Tân là Huệ Văn-Vương đang hối tiếc việc bỏ rơi Tô-Tân, lại nghe kẻ tả hữu bàn luận đến Trương-Nghi, liền cho đón Trương-Nghi vào yết kiến.

Trương-Nghi vào yết kiến, cùng vua Tân bàn việc chư hầu, vua Tân đặc ý, phong cho Trương-Nghi làm công Khách-khanh.

Giả xá-Nhân từ biệt xin đi, Trương-Nghi úa nước mắt nói :

— Trước đây tôi bị cung khốn, nhờ ngài trợ giúp. Tâm thân tôi ngày nay được hiền đạt là nhờ ngài. Tôi chưa kịp đến đáp ơn sâu, có sao ngài đã vội bỏ đi ?

Giả-xá-Nhân nói :

— Ông ấy không phải của tôi. Tôi chỉ là kẻ thừa hành lệnh của Tô Tướng-quốc.

Trương-Nghi ngạc nhiên hỏi :

— Ngài đem tiền giúp đỡ an ủi tôi, có sao lại nói đến Tô-Tân ?

Giả-xá-Nhân nói :

— Tô Tướng-quốc đem chủ trương thuyết liên hiệp chư hầu, trong lúc chưa thành hình, sợ Tân đem quân sang đánh Triệu, khiến Triệu phải cắt đất cầu hòa thì kế hoạch hỏng mất. Vì vậy Tô Tướng-quốc tìm một người tâm phúc, đến cầm quyền chính nước Tân, việc này ngoài Tiên-sinh ra thì không còn ai làm được. Do đó, Tô Tướng-quốc mới sai tôi giả người iái buôn, mời Tiên-sinh qua Triệu lại sợ Tiên-sinh thấy địa vị nhỏ nhặt không làm thỏa mãn, nên cố ý bạc đãi để làm cho Tiên-sinh tức giận. Vì vậy mà Tiên-sinh mới xảy ra cái ý sang Tân. Tô Tướng-quốc lại đưa tôi rất nhiều vàng bạc để cung ứng cho Tiên-sinh đặc dụng ở Tân. Nay Tiên-sinh đã đặc dụng rồi, nhiệm-vụ tôi cũng hết, vì vậy tôi xin từ giã Tiên-sinh để trở về báo cho Tô Tướng-quốc biết.

Trương-Nghi thở dài than :

— Thế ra bấy lâu nay ta nằm trong chiến dịch vận của Tô-Tân mà không biết. Tài năng ta thực quả không sánh kịp Tô-Tân. Vậy phiền người trở về đem lời ta cảm ơn Tô-Tân và nói với Tô-Tân rằng suốt đời ta không một giờ nói đến hai tiếng « đánh Triệu » để bảo cái ác Tô-Tân đã giúp ta nén sự nghiệp.

Giả-xá-Nhân từ giã Trương-Nghi trở về nước Triệu báo tin cho Tô-Tân biết. Tô-Tân vào tàu với Triệu Túc-Hầu :

— Tôi chắc rằng nước Tân không đem binh đánh Triệu. Xin Chúa-công cho tôi qua nước Hàn, để lo việc liên hiệp chư hầu.

Triệu Túc-Hầu nhận lời. Tô-Tân sang nước Hàn, vào yết kiến Tuyên Huệ-Công nói :

— Nước Hàn tuy không núi ít hiểm trở mà đất rộng hơn chín trăm dặm, quân vài mươi muôn, vũ khí không phải ít, thế mà cứ thỉnh thoảng bị cắt đất triều phục nước Tân. Tôi e nước Hàn có hạn mà lòng tham nước Tân vô biên. Nước có rộng đến đâu mà cứ cắt lẩn hồi thì cũng phải hết. Đại-Vương có đức hiền, lại có quân mạnh mà lại cứ phải thần phục mãi nước người thật là xấu hổ.

Tuyên Huệ-Công nói :

— Ta nghe tướng-quân đề xướng ra liên hiệp chư hầu, lấy làm thích. Nay ta nguyện đem cả nước thực hiện theo lời tướng quân, phục tùng theo các điều ước mà nước Triệu đã định.

Nói xong, đem tặng Tô-Tân năm trăm lượng vàng kim.

Tô-Tân lại lần lượt đến các nước Ngụy, Sở, Tề, vua nước nào cũng cho chánh sách liên hiệp là phải, phong cho Tô-Tân làm Liên-hiệp-trưởng, hẹn nhau hội nghị nơi Hằng-thủy.

Tô-Tân trở về báo với Triệu Túc-Hầu. Khi Tô-Tân qua Lạc-Dương (Quê hương của Tô-Tân) các nước đều sai sứ đưa tiễn, nghi trượng, cờ quạt, tiền hô hậu úng hơn hai mươi dặm đường mới hết, uy nghi chẳng khác nào một đẳng vương giả.

Châu Hiền-Vương nghe tin Tô-Tân sắp đến, sai người quét dọn đường sá sạch sẽ, và bày cung túng ngoài châte thành đê đón. Các quan đều ra đó chúc mừng.

Lúc đó, bà mẹ của Tô-Tần cũng chống gậy ra xem. Hai người em trai, chị dâu, và vợ của Tô-Tần đều che mặt không dám nhìn.

Tô-Tần ngồi trên xe, trông thấy gọi người chị dâu đến hỏi :

— Trước kia chị không nấu cơm cho tôi ăn, tại sao ngày nay lại tỏ ra cung-kinh quá vậy ?

Người chị dâu nói :

— Tôi thấy hôm nay ngài được ngồi cao, tiền nhiều, nên tôi phải kính sợ.

Tô-Tần ngâm ngùi than :

— Tình đời ám lạnh, giả người thấp cao chỉ vì tiền bạc địa vị !

Nói xong, sai lấy xe chờ tất cả thân quyến mình cùng về làng cũ, xây một ngôi nhà rất lớn, hợp cả họ hàng cùng ở, cấp tiền nong, vàng bạc cho từng người để sống một đời sung sướng.

Hai người em của Tô-Tần là Tô-Đại và Tô-Lê ham mê sự giàu sang của anh, nên cùng nhau cố sức học tập về du thuyền.

Tô-Tần ở nhà mấy hôm rồi lại lên đường sang Triệu. Vua Triệu phong làm Võ-đin-quán, sai đi ước với năm nước Tề, Sở, Ngụy, Hán, Yên dùng ngày họp nhau ở Hàng-thủy.

Tô-Tần cùng với vua Triệu đến Hàng-thủy trước, đắp một cái đài cao, để làm một nơi hội trường.

Đến kỳ, vua các nước đều lần lượt đến, chiếu vị thứ, đứng xếp hàng trên đài.

Tô-Tần từ dưới bước lên tàu với sáu vua :

— Nay nước Tân ý mạnh, áp bức các nước nhược

tiều, lẩn hối thôn tính đất đai. Không có một sức mạnh kháng cự tắt kẽ yếu phải bị kẽ mạnh vật chết. Tôi thiết tưởng sức mạnh ấy tức là sức đoàn kết của sáu nước này vậy. Lời xưa nói : « Mạnh hò nan địch quần hồ » Kẽ yếu biết đoàn kết bảo vệ nhau nhất định trừ được bạo ngược. Thế thì trong sáu nước có đồng ý liên hiệp chống Tân chăng ?

Chư hầu đều nói :

— Xin theo chánh sách của Tiên-sinh, quyết lòng đoàn kết tự vệ.

Tô-Tân nói :

— Các điều trước về liên hiệp quốc trước đây tôi đã tỏ bày với các vua rồi. Ngày nay chỉ còn việc uống máu ăn thề kết tình tương hữu, trong mục đích bảo vệ lấy nhau, tiêu trừ bạo lực.

Sáu vua đồng thanh đáp :

— Xin vâng theo lời dạy.

Tô-Tân liền bưng cái khay lẵn lượt sáu vị vua làm lễ huyết thệ, rồi tháo ra sáu bản điều trước giao cho mỗi nước một bản. Đoạn cùng nhau dự yến.

Vua Triệu nói là Tô-Tân sáng lập ra hội liên-hiệp-quốc giữ an được sáu nước nên phong tước cao, để có đủ quyền thay mặt nước Triệu đi lại sáu nước giao hảo.

Vua năm nước Tề, Sở, Ngụy, Hàn, Yên cũng đồng thanh phong cho Tô-Tân giữ chức Liên-hiệp-Trưởng, kiêm đeo ấn-tướng sáu nước, bài vàng, gươm báu, thống hạt thần dân cả sáu nước. Mỗi vua lại ban cho Tô-Tân trăm lạng hoàng kim, mười cỗ ngựa tốt.

Tô-Tân tạ ơn. Mãn tiệc, các vua đều trở về, Tô-Tân theo Triệu Túc-Hầu trở về nước Triệu.

Tô-Tần liên hiệp được sáu nước, liền sao bắn hiệp ước cho người đến bỏ nơi cửa quan nước Tần. Viên quan lại đưa trình Huệ Văn-Vương.

Huệ Văn-Vương xem qua sơ hãi hỏi quan Tướng-quốc Công-tôn Diễn :

— Nếu sáu nước ký hiệp ước chống Tần, ta còn mong gì tiến thủ nữa. Ta phải làm thế nào phá cái hiệp ước ấy mới được.

Công-tôn Diễn nói :

— Nước Triệu đứng đầu Liên-hiệp-quốc, nay Đại-vương cử binh đánh Triệu, hễ nước nào đem binh cứu Triệu trước thì diệt nước đó. Làm như thế các nước sợ át bỏ điều ước.

Trương-Nghi nghe nói thầm nghĩ :

— «Ta đã hứa với Tô-Tần không đánh Triệu để tạ ơn. Nay dè cho vua Tần nghe theo lời Công-tôn Diễn thì ta thất tin sao?»

Nghĩ như vậy, liền can :

— Sáu nước mời họp, cái thể chưa thể làm tan được. Nếu Tần đem binh đánh Triệu, tất năm nước kia họp binh đánh Tần. Ta vô tình làm cho họ thêm đoàn kết chẳng ích gì. Muốn cho hiệp ước ấy tan cǎn phải dùng kế ly gián mới xong.

Huệ Văn-Vương hỏi :

— Phải làm thế nào để thực hiện kế ly gián?

Trương-Nghi nói :

— Kế ly-gián không dùng quân sự mà phải dùng chánh-trị dè chia rẽ, chống lại chiến thuật đoàn kết. Nước gần ta nhất là Ngụy, mà xa nhất là Yên, Đại-vương đem tiền dứt lót cầu thân với Ngụy, lại đem con gái cùng thái tử nước Yên kết hôn. Các nước ấy thấy hai nước kia thân

với ta, tất nhiên nghi kỵ, bỏ hiệp ước.

Huệ Văn-Vương khen hay, lập tức sai sứ sang trả bảy thành Tương-Dương cho Ngụy để cầu hòa, nước Ngụy tự nhiên được đất, cảm cát ơn ấy vội sai sứ sang đáp lễ, và đem con gái gả cho nước Yên.

Vua Triệu hay được việc ấy đòi Tô-Tần vào trách :

— Nhà người đề ra chính sách liên hiệp-quốc, sáu nước đoàn kết chống Tần. Coi vậy thì dù biết chính sách của nhà ngươi không đủ bảo đảm cho sáu nước.

Tô-Tần sợ hãi, rướm mồ hôi trán, giây lâu nghĩ ra một kế nói :

— Tôi xin vì Đại-vương sang sứ nước Yên, làm cho nước Yên tách rời khỏi Ngụy, không theo Tần rồi sau này sẽ kiểm kẽ trừ Ngụy mới được.

Vua Triệu bằng lòng, Tô-Tần bỏ Triệu sang Yên. Vua nước Yên là Dịch-Vương cho Tô-Tần làm Tướng-quốc.

Bấy giờ Dịch-Vương mới lên ngôi, Tề Tuyên-Vương nhân cơ hội ấy đem quân đến đánh lấy mất mười thành.

Dịch-Vương nài giận trách Tô-Tần :

— Tiên quân ta nghe lời nhà ngươi vào Liên-hiệp-quốc, nay mới chết, ngọn cỏ chưa héo mà nước Tề đã vội phản, thế thì chính sách nhà ngươi không phải là kế giữ nước, lời thề của hội Liên-hiệp-quốc tại Hằng-Thủy họ không còn coi ra gì nữa.

Tô-Tần thở dài, nói :

— Tôi xin vì Đại vương sang nước Tề, khiến Tề phải trả lại mười thành cho nước Yên.

Dịch-Vương bằng lòng, Tô-Tần rời nước Yên sang Tề. Nói với Tề Tuyên-Vương :

— Yên là nước đồng minh của Đại-vương, vua

Yên là rẽ yêu của Tân, Đại-vương tham lợi lấy mười thành nước Yên, không những Yên oán Tề mà Tân cũng oán Tề nữa. Đòi mười thành lấy hai cái oán không phải là kể hay. Theo ý tôi, Đại-vương nên trả mười thành cho nước Yên, để kết thân với hai nước Yên-Tân. Tề mà được hai nước ấy làm vây cánh thì đứng ra hiệu triệu thiên hạ chẳng khó gì.

Tề Tuyên-Vương nghe theo đem mười thành trả cho nước Yên.

Tô-Tân trở về nước Yên, triều thần đều khen ngợi. Bà mẹ Dịch-Vương là Văn phu-nhân mến tài Tô-Tân, sai kè tả hữu mời Tô-Tân vào cung rồi cùng với Tô-Tân tư thông. Dịch-Vương biết, nhưng không nói. Tô-Tân sợ hãi, nên mỗi khi Văn phu nhân đòi vào cung liền kiêm cớ từ thác, nhưng không được, liền nghĩ thầm :

— «Ta cứ ở mãi đây chắc có ngày mất mạng, chỉ bằng kiêm cách đi nơi khác để giúp cho nước Yên là hơn ».

Nghĩ rồi, cho hai em là Tô-Đại và Tô-Lệ kết làm anh em với quan Tướng-quốc nước Yên là Tử-Chi để cầu thân, còn mình vào tâu với vua Yên :

— Cái thế Yên, Tề thế nào cũng xâm chiếm nhau. Hiệp-ước liên minh quốc-gia sẽ vì quyền lợi riêng mỗi nước mà tan vỡ. Tôi xin vì nước Yên sang phản gián ở Tề, may ra mới duy trì cho nước Yên được.

Dịch-Vương hỏi :

— Phản gián như thế nào ?

Tô-Tân nói :

— Tôi già là bị tội nước Yên, chạy sang Tề, vua Tề át trọng dụng tôi, tôi nhận đó làm cho nền chính trị nước Tề phải hỏng lợi cho nước Yên.

Dịch-Vương hỏi :

— Tề là một nước hội viên liên minh quốc-gia, nếu làm cho suy yếu thì không giữ đúng điều ước. Theo điều ước ở Hằng-Thủy, nhà ngươi xưởng ra thuyết liên minh tương trợ kia mà ?

Tô-Tân nói :

— Nếu không làm cho Tề yếu thì Tề sẽ xâm lấn nước Yên, bỏ điều ước.

Dịch-Vương lại hỏi :

— Thế thì chính sách của nhà ngươi làm cho các nước đồng minh phải suy nhược sao ?

— Không phải thế ! Chính sách của tôi là đoàn kết, tương thân. Kẻ mạnh bao giờ cũng ý thế hiếp kẻ yếu làm tồn thương đoàn kết. Chỉ có những kẻ yếu mới biết đoàn kết để tự vệ. Vì vậy muốn bảo vệ được liên minh, thế nước phải quân bình, đồng tiến, không để nước nào vượt quá các nước khác.

Dịch Vương băng lòng thu lại tướng ăn của Tô-Tân. Tô-Tân bỏ Yên sang Tề, được Tề Tuyên-Vương cho làm Khách-khanh.

Tô-Tân nhân đó bày cho Tề Tuyên-Vương về những thú vui săn bắn, múa hát. Tề Tuyên-Vương xuất nhiều cửa, Tô-Tân khuyên đánh thuế nặng, Tề Tuyên-Vương thích sắc đẹp, Tô-Tân xui kén chọn người cung nữ.

Quan Tướng-quốc Điền-Anh và Khách-khanh Mạnh-Kha hết sức ngăn cản, nhưng Tề Tuyên-Vương không nghe.

Chẳng bao lâu Tề Tuyên-Vương mất, Con Tề Mân-Vương lên ngôi, lấy con gái nước Tần làm Hoàng-hậu phong Điền-Anh là Tiết-Công còn Tô-Tân vẫn được giữ chức Khách-khanh như cũ.

Nhắc qua Trương-Nghi, khi nghe Tô-Tân bỏ chạy

sang Yên, đoán biết là hiệp ước liên minh sắp tan, liền tâu với Tân đài oay áp Tương-băng lại, không cho nước Ngụy nữa.

Ngụy Tương-Vương nỗi giận, sai người đến Tân đài đất. Tân Huệ-Vương sai công-tử Hoa làm Tương, Trương-Nghi làm phó, mang quân đánh Ngụy hạ được thành Bồ-Dương. Vua Tần còn đặt quan cai trị, Trương-Nghi nói :

— Chánh-sách của Tô-Tân là vận dụng đoàn kết liên minh quốc gia, chủ trương ta muốn phá chánh sách ấy không gì bằng dùng chánh trị phá vỡ đoàn kết, làm cho khối liên minh mâu thuẫn phải tan rã. Xin Đại-vương trả Bồ-Dương lại cho Ngụy và đem Thái-tử qua Ngụy xin cầu hòa.

Vua Tân cười lớn nói :

— Kẻ thắng lại phải đem con qua nước bại làm con tin và xin hòa ư ?

Trương-Nghi nói :

— Không phải ta chịu khuất phục nước bại đâu. Đó là chiến thuật địch vận để làm tan rã lực lượng địch đó.

Trương-Nghi đem những lời lợi hại của chủ trương minh giảng giải cho vua Tân rõ. Vua Tân hiểu ra mới biết Trương-Nghi là kẻ sâu sắc, liền nhận lời.

Trương-Nghi đưa Công-ứ Do sang Ngụy. Vua Ngụy cảm cái lòng tốt của vua Tân đã không dám nhận con tin, lại đem đất Thiếu-Lương cống hiến cho vua Tân, và hứa cùng Tân kết giao.

Vua Tân mừng lắm, bèn bãi chức Công-tử Diên, cho Trương-Nghi làm Tướng-quốc.

Bấy giờ Thịnh-Vương nước Sở mất, con là Hùng-

Hoè lên nối ngôi xưng hiệu Sở Hoài-Vương.

Trương-Nghi sai người đến nước Sở xin đem vợ con sang Tân và trách quan Tướng-quốc nước Sở là Chiêu-Dương trước kia đã nghi oan cho mình lấy viên ngọc họ Hòa.

Chiêu-Dương xấu hổ, về nhà lâm bệnh từ trần. Sở Hoài-Vương sợ Trương-Nghi giúp Tân, thôn tính nước Sở, lại muốn dùng hiệp liên minh quốc gia của Tô-Tân để chiêu tập chư hầu.

Các nước chư hầu đều dòm ngó nhau, chưa quyết. Trương-Nghi biết được cơ mưu của nước Sở liền tâu với Tân Huệ-Vương :

— Nay các chư hầu muốn dùng lại hiệp ước liên minh của Tô-Tân, mặc dầu Tô-Tân đã bị thất bại song chánh sách ấy rất nguy hiểm. Xin Đại-vương cho tôi sang làm quan nước Ngụy, xúi nước Ngụy cung phục nước Tân, gây mâu thuẫn với các nước liên minh tài mồi mong trừ họ được.

Tân Huệ-Vương bỗng lòng, Trương-Nghi liền bỏ Tân sang Ngụy, quả nhiên, vua Ngụy dùng Trương-Nghi làm Tướng-quốc.

Trương-Nghi xin vua Ngụy thò Tân, bãi bỏ các điều ước liên minh. Vua Ngụy lưỡng lự, chưa quyết. Trương-Nghi ngầm sai người xúi Tân đánh Ngụy, chiếm Khúc-ốc, mục đích là đe ép Ngụy phải theo Tân. Nhưng vua Ngụy lấy việc đó làm bất bình, sai người sang giao ước với Sở, thành lập liên minh quốc-gia, cử Sở Hoài-Vương làm Liên-hiệp-trưởng.

Do đó, chánh sách Tô-Tân lại một lần nữa được trọng dụng và Tô-Tân lại được hứa dải ở nước Tề.

Lúc đó, quan Tướng-quốc nước Tề là Điền-Anh

đã mất, con là Điện-Văn lên nối làm chức Tiết-công, gọi là Mạnh Thường-Quân. Mạnh Thường-Quan là người nghĩa dũng, hay chiêu hiền, dái si, tất cả các bậc hiền tài đều mến đức giao du rất nhiều.

Trương-Nghi làm Tướng-quốc nước Ngụy được ba năm thì Ngụy Tương-Vương mất, con là Ngụy Ai-Vương lên nối ngôi, Sở Hoài-Vương sai sứ sang điếu tang và ước với Ngụy cùng hưng binh đánh Tân.

Ngụy Ai-Vương băng lòng, các nước Hàn, Triệu, Yên cũng đều hưởng ứng, duy có nước Tề chưa có ý kiêng, Sở Hoài-Vương lại phải sai sứ đến nước Tề để hỏi ý.

Tề Mân-Vương họp quần thần thương nghị. Các quan đều cho rằng Tân và Tề vốn có tình thân cậu cháu không nên đánh.

Tô-Tần là kẻ xướng ra thuyết liên minh, nhất quyết xúi vua Tề nên hiệp lực đánh Tân.

Mạnh Thường-Quân nói :

— Đánh và không đánh đều có hại. Đánh thì mang oán với Tân, không đánh thì gây thù với các nước. Chi bằng cứ ra quân, đi thật chậm để nghe ngóng tình hình, rồi tùy cơ ứng biến.

Tề Mân-Vương cho là phải, liền sai Mạnh Thường-Quân đem hai mươi vạn quân để hiệp với các chư hầu.

Quân năm nước rầm rộ kéo binh đi trước còn Mạnh Thường-Quân già bệnh đón thay thuốc điều trị, chẵn chờ mãi chưa ra khỏi biên giới nước Tề.

Giữa lúc đó, thì quân các nước Hàn, Triệu, Ngụy, Yên, Sở đã họp nhau ở Hàm-cốc.

Sở Hoài-Vương tuy giữ chức Liên-hiệp-trưởng, nhưng quân binh không thống nhất, nước nào chỉ huy

quân nước ấy, vì vậy mà ~~sai~~<sup>nh</sup> lệnh không thống nhất được.

Tướng Tân giữ cửa Hầm-cốc là Vu Lý-Tật mờ toang cửa thành, ~~đem~~<sup>đem</sup> toàn lực ra đối địch. Năm nước chư-hầu cứ nhường nhau mãi, không ai chịu ra quân trước.

Vu Lý-Tật lập kế tuyệt đường vận lương của quân Sở, làm cho quân Sở rối loạn. Chẳng bao lâu Vu Lý-Tật đánh úp một trận, làm cho quân Sở cả thua bỏ chạy. Bốn nước đồng minh cũng rút binh về.

Mạnh Thường-Quân chưa đi đến nước Tân, hay được tin ấy cũng vội rút quân.

Tề Mân-Vương khen Mạnh Thường-Quân tri dũng, thường thăm cân vàng ròng để có đủ điều kiện giao du với tân khách. Từ đó, vua Tề không nghe lời Tô-Tần mà chỉ trọng Mạnh Thường-Quân thôi.

Từ khi Tô-Tần bỏ Yên sang Tề với nhiệm vụ gián điệp, cốt làm cho Tề suy yếu, để khôi phán lại ước liên minh, thì trong nước có một số người ghét. Tuy nhiên, lúc Tề Tuyên-Vương còn sống yêu dùng Tô-Tần nên họ chẳng dám làm gì. Đến khi Tề Mân-Vương lên ngôi, Tô-Tần lần lần mất tín nhiệm, họ rủ nhau mờ một số tráng sĩ, thừa cơ lén vào dinh Tô-Tần.

Tô-Tần bị đâm thủng bụng, nhưng cũng vẫn rán vào đến triều tâu với Tề Mân-Vương xin trừng trị thủ phạm.

Tề Mân-Vương cho người theo bắt, nhưng thủ phạm đã trốn mất.

Tô-Tần nói với Tề Mân-Vương :

— Muốn bắt thủ phạm xin Đại-vương chặt đầu của tôi treo ở cửa thành, yết bảng rằng : « Nếu ai biết được

điều bí mật của Tô-Tần sẽ được trọng thưởng. »  
Người nào biết được điều bí mật của tôi tức là kẻ đã  
giết tôi.

Nói xong, Tô-Tần rút lưỡi dao ở bụng ra rồi chết.

Tề Mân-Vương theo lời, đem đầu Tô-Tần treo  
nơi đông môn, và yết bàng như lời Tô-Tần đã nói.

Quả nhiên, cách hai ngày, có một người đến xung  
lã minh biết được điều bí mật của Tô-Tần.

Vua Tề cho bắt tra khảo, thì thật kẻ ấy là hung  
thủ.

Sau khi Tô-Tần chết, hành động gián điệp của Tô-  
Tần lẩn lẩn bị bại lộ. Vì vậy, Tề Mân-Vương cho Tô-  
Tần là kẻ xảo trá, lại dâm long oán ghét nước Yên,  
nên sai Mạnh Thường-Quân đem binh đánh Yên.

Tô-Đại bảo vua Yên đem con tin nạp cho Tề để  
cầu hòa. Vua Tề theo lời sai Tô-Lệ đem con tin sang  
yết kiến Tề Mân-Vương. Tề Mân-Vương tức giận, Tô-  
Tần về tội gián điệp, muốn bắt giam Tô-Lệ.

Tô-Lệ nói :

— Vua Yên muốn theo Tần, anh em tôi khuyên nên  
theo Tề, vì vậy mới sai tôi sang nộp con tin. Sao Đại-  
vương lấy tội người chết đem gán cho người sống ?

Tề Mân-Vương vui lòng tiếp đãi Tô-Lệ rất hậu.  
Tô-Lệ ở lại nước Tề làm Đại-phu còn Tô-Đại vẫn  
làm quan nước Yên như cũ.

Lại nói Trương-Nghi thấy sáu nước hợp binh  
đánh Tần không thành, kể nghe Tô-Tần bị giết, lòng  
mừng rờ, nghĩ thầm :

— « Ngày nay mới là lúc ta đem kết tài năng đê  
thi tho vây. »

Bèn nói với Ngụy Ai-Vương :

— Người yếu cần phải có kẻ mạnh bảo vệ mới khỏi lo tai nạn sau này. Vừa rồi sáu nước hiệp binh đánh Tân, mà Tân vẫn thắng thế, thì Tân là kẻ vô địch, đáng cho kẻ yếu nương dựa. Và lại trước kia Tô-Tân đe xướng thuyết liên minh quốc gia, căn cứ trên diêm đoàn kết tương trợ, nhưng Đại-vương thử nghĩ, anh em ruột một nhà còn chưa có thề đoàn kết được thì giữa chư hầu làm sao tránh khỏi mâu thuẫn được. Nay như bản thân Tô-Tân mà Tô-Tân chưa bảo vệ được huống chi bảo vệ nước. Đại-vương còn tin cái thuyết Tô-Tân không chịu thờ Tân nếu có nước nào thờ Tân hiệp binh đánh Ngụy, thì Ngụy hiềm nghèo.

Ngụy Ai-Vương nói :

— Ta cũng muốn theo lời Tướng-quốc chỉ sự Tân không chịu giao hiếu với Ngụy biết làm thế nào ?

Tướng-Nghi nói :

— Tôi xin vì Đại-vương đến tạ tội với nước Tân để nối lại tình giao hảo giữa hai nước.

Ngụy Ai-Vương bỗng lòng, sai Tướng-Nghi sang Tân cầu hòa. Từ đó, Tân, Ngụy, kết thân với nhau. Tướng-Nghi được lưu lại nước Tân làm Tướng-quốc.

*Nhận xét :*

— *Vạn hữu đều chất chứa một sức mâu thuẫn tương quan, để bảo vệ sinh tồn. Mâu thuẫn giữa cả thê này với cả thê khác*

*Tô-Tân và Tướng-Nghi đều là hai nhà chính trị lỗi lạc.*

Khác với các chính trị gia khác, chỉ dùng nhân đức, hoặc vũ lực để chinh phục và điều hành xã hội, Tô-Tân và Trưởng-Nghị dựa trên quan điểm xã hội học ương dụng một đường lối chính trị cao xa hơn.

Đó là vấn đề triết học của xã hội.

Theo quan điểm của Tô-Tân hình dung xã hội là một trạng thái biến động là một trạng thái cá thể của vũ trụ chưa dừng bên trong một sức mâu thuẫn nội tại, và sức mâu thuẫn ấy luôn luôn tranh chấp với mọi cá thể khác để vươn lên, để bảo tồn và để tiêu diệt mọi cá thể khác, đem lại nguồn sống cho mình.

Thế thì mâu thuẫn là qui luật tất nhiên của vũ trụ. Mọi cá thể trong vũ trụ phải có sức mâu thuẫn ấy. Do đó, xã hội của loài người chẳng bao giờ dứt chiến tranh. Cuộc tranh đấu của xã hội loài người là một hoạt động theo qui luật thiên nhiên.

Cũng như mọi cá thể khác, xã hội loài người không còn mâu thuẫn, tức không tranh đấu, thì xã hội loài người tự nó phải tiêu diệt, bởi vì nó ra ngoài qui luật vũ trụ.

Qui-luật của vũ-trụ tạo ra mâu-thuẫn cá thể để điều hành gaông máy của vũ-trụ. Đúng về mặt vũ-trụ, không có sinh có diệt, bởi vì diệt để mà sinh, sinh để mà diệt thì nhìn chung không mất mà cũng không thêm.

Tuy nhiên, đúng về mặt cá-thể thì có sinh có diệt. Bởi một cá-thể này mất đi, biến thành một cá-thể khác, không thể gọi là cá-thể ấy không mất được.

Luật sinh-diệt của vũ-trụ tuy không mất không thêm, và luật sinh diệt của cá-thể tuy có còn có mất, song sự còn mất ấy không phải ngẫu nhiên, mà phải nằm trong yếu tố tất nhiên là quân-bình. Thiếu quân-bình vũ-trụ sẽ xáo trộn. Thiếu

quân-bình cá-thè sẽ tiêu-diệt. Cho nên, từ cá-thè đến vũ-trụ mọi mâu-thuẫn, mọi hoạt-động, mọi sinh diệt luôn luôn nằm trong phương thức điều hành quân-bình.

Khi có một luồng nhiệt độ nung đốt, tất phải có một luồng hàn-khi vận hành để chống lại. Khi có một kẻ mạnh để bẹp kẻ yếu, tất phải có nhiều kẻ yếu liên hợp chống lại, tạo thành thế quân-bình, để bảo vệ sinh tồn.

Cho nên thế quân-bình tạo thành luật mâu-thuẫn, luật mâu-thuẫn tạo thành mọi xáo-trộn để điều hành guồng máy vũ-trụ.

Năm vũng yếu-tố quân-bình để bảo vệ sinh tồn, Tô-Tần đã tổ chức sáu nước yếu liên minh chống Tần, một nước mạnh.

**TÌM** Ý thức tờ chức liên-hiệp-quốc của Tô-Tần nhằm vào đường lối triết-học xã hội, một đường lối khá cao, mà thời nay, thế hệ chúng ta đã bắt chước làm theo.

Thời nay, sau thế chiến thứ hai, trên thế giới có hai tờ chức quốc-tế.

1.— Tờ chức Liên-hiệp-quốc, tờ chức này gồm nhiều quốc gia, trong đó không phân biệt cường-quốc và nhược-tiểu quốc. Tờ chức này không giống với tờ chức liên-hiệp-quốc của Tô-Tần thời xưa. Nó chỉ là một công cụ của các cường quốc nhằm mục đích tạo một nơi gặp gỡ, bàn bạc với nhau để gây ảnh hưởng với các nhược-tiểu-quốc, và bắt buộc các nhược-tiểu-quốc có chân trong hội liên-hiệp-quốc phải hành động theo chiều hướng của mình. Vì vậy nó mang một bộ mặt tranh chấp với nhau trên phương diện giành ảnh hưởng mà thôi.

2.— Tờ-chức A-Phi vừa thành hình, gồm các nhược-tiểu trung lập, chống lại các cường-quốc áp bức. Tờ chức này

nhân với ý thức liên hiệp chống Tân của Tô-Tần thuở trước.

Sở dĩ có những liên-minh chống đối cũng chỉ là để bảo vệ quyền sống. Nếu không có sự áp bức của cường-quốc thì không bao giờ có cuộc liên-minh của các nhược-tiểu-quốc.

Yếu tố tồn tại trong vũ-trụ là phải quan-bình. Chính yếu tố này đã phát sinh ra ý thức liên hiệp của các nhược-tiểu-quốc.

Nhưng chính sách liên-hiép chống Tân của Tô-Tần vẫn thất bại.

Xét về vũ-trụ quan thì mỗi cá-thè không những chỉ có sức mâu-thuẫn giữa cá-thè này với cá-thè khác, bên trong mỗi cá-thè lại có một sức mâu-thuẫn nội-tại nữa. Sức mâu-thuẫn nội-tại luôn luôn tìm cách vươn lên chối quan-bình của cá-thè.

Khi Tô-Tần liên minh sáu nước thành một lực lượng, thì lực lượng của sáu nước hợp thành một cá-thè, và cá-thè ấy tự mâu-thuẫn với nhau gọi là sức mâu-thuẫn nội-tại.

Cho nên, trong lúc sáu nước: Hán, Ngụy, Yên, Tề, Triệu... liên minh chống Tân, thì giữa sáu nước ấy chưa phải mâu-thuẫn với nhau đã bị tiêu-diệt.

Đó cũng là quy-luat tất-nhiên. Khi những kẻ yếu bị đe dọa, thì những kẻ ấy tự nhiên hòa hợp để chống lại đe dọa, và trong lúc họ biết bị đe dọa, họ sẽ tự tìm cách gạt bỏ mối hòa hợp ấy.

Vì như trong nhà tù, tù nhân là một nhóm người cùng một hoàn cảnh khốc-cực, bị áp-bức, họ rất dễ thông cảm, và dễ liên kết nhau để chống lại mọi áp-bức của nhà cầm-quyền. Tuy nhiên, không vì thế mà họ hy sinh hẳn những quyền lợi cá nhân họ trong nhà tù. Nếu một cá nhân được hưởng một ánh-huệ nào đó của nhà cầm-quyền, họ sẽ nảy sinh ý thức

phản bội đồng bạn ngay.

Trong xã hội cũng vậy, thời phong kiến, giai cấp bình dân thường bị giai-cấp quý-tộc áp bức, họ cùng một quan niệm chống đối. Nhưng nếu những kẻ trong giai cấp bình dân được ưu đãi, nhảy lên địa vị quý-tộc, họ sẽ quên hẳn quan niệm chống đối của họ ngay.

Chính-sách Tô-Tân thất bại chỉ vì yếu tố mâu-thuẫn nội-tại ấy.

Không phải Tô-Tân không biết cái nguy cơ trong chính sách của mình. Lúc nước Tề hùng mạnh, vượt lên các nước khác trong khối liên minh, Tô-Tân đã phải sang Tề, dùng kế sách gián điệp, làm cho nước Tề suy yếu đi, để nước Tề khởi phản bội, tách rời khỏi liên-minh sáu nước.

Thật ra, chính-sách liên-minh chống Tân của Tô-Tân không phải là sự to chăng rất phù hợp với ý-thức triết học xã-hội, dựa trên căn bản mâu thuẫn quân bình của vũ-trụ. Song chính sách ấy đi đến thất bại cũng là yếu tố tất nhiên không thể tránh được.

Mọi vật luôn phát triển, và hủy diệt không ngừng, thì chế độ xã hội của các nước súp mạnh yếu làm sao quân bình mãi được. Nay trong các nước như Oregon, chế độ xã-hội phát triển đã không đều nhau rồi. Một khi sự phát triển không đều nhau thì sức mâu-thuẫn này sanh, gây mầm chia rẽ, làm tan thương tình hòa khí với nhau, bao sao họ đoàn kết được.

Căn cứ vào luật mâu-thuẫn thì con người cũng như xã hội, chỉ có thể đoàn kết nhất thời để chống lại một trạng thái nhất thời, và không thể giữ mãi tình đoàn kết ấy lâu dài trong lúc điều-kiện sinh hoạt bên trong luôn luôn thay đổi.

Nếu không có Tương-Nghi thì chính-sách Tô-Tân chưa đến nơi thất bại sớm. Vì Tô-Tân chủ trương quân bình các

nước liên-minh, tạo hòa khí của thế yếu, thì Trương-Nghi ngược lại giúp Tân, chủ trương pha vỡ thế quân binh bằng cách mua chuộc một vài nước trong liên minh để tạo mâu thuẫn.

Cho nên, đoàn-kết hay chia rẽ chẳng qua là một việc tất-nhiên giữa hai thế mạnh và yếu. Nếu kè nào đủ tài, nắm được yếu tố xã hội, có thể thúc đẩy xã hội tiến tới mục đích sớm hơn mà thôi, và cũng không làm sao thoát ra ngoài qui luật tất-nhiên ấy được.



## TIMISACH.COM.VN

### BÌNH NGUYÊN-QUÂN và MẠNH THƯỜNG-QUÂN

—Ở đời kè trung nghĩa rất hiếm còn kẽ xui phụ rất nhiều. Tí như met phiên chợ buổi sớm người ta chen chúc, nhưng đến buổi chiều tối vắng ngắt như bãi tha ma.

Bình Nguyên-Quân cũng có lòng hiếu sĩ như Mạnh Thường-Quân, hàng ngày đón rất nhiều tân khách thường xuyên đến vài mươi người. Bình Nguyên-Quân lại dành một cái họa lầu để mỹ nữ ở. Trước họa lầu đối diện một nhà thường dân. Người chủ nhà này què một chân, sáng nào cũng khập khênh ra xách nước.

Một hôm mỹ nữ ở trên họa lầu trông thấy cười rộ lên. Người què liền đến nhà Bình Nguyên-Quân vin vào yết kiến.

Công-tử Thắng vái chào, mòi vào, người què nói :

— Tôi là một kẻ sĩ, chẳng may bị què một chân, đi không vững, ở hậu cung ngài có một mỹ nhân thấy tôi què mà cười. Thế là vô lễ. Tôi đến xin ngài cái đầu của kẻ cười đó.

Công-tử Thắng mỉm cười không đáp. Người què bỏ ra về.

Cách một thời gian sau, tân khách trong nhà lẩn hồi thưa dần. Bình Nguyên-Quân lấy làm lạ, dò hỏi. Có người nói :

— Ngài không chém mỹ nhân tức là trọng kẻ đẹp hơn kẻ sĩ, vì vậy kẻ sĩ ít muôn đến.

Bình Nguyên-Quân thất kinh, vội đem mỹ nữ ra chém, và đem đầu đến nhà người què tạ tội.

Sau đó, kẻ sĩ lại rủ nhau đến rất đông.

Hành động của Bình Nguyên-Quân vang dội đến nước Tân, vua Tân (Chiêu Tương-Vương) nói với Hướng-Thọ :

Bình Nguyên-Quân quả là một người hiền.

Hướng-Thọ nói :

— Chưa bằng Mạnh Thường-Quân.

Vua Tân nói :

— Mạnh Thường-Quân có gì đặc sắc ?

Hướng-Thọ nói :

— Mạnh Thường-Quân từ lúc bé đã biết chiêu hiền (招賢), đón rước tân khách hơn ngàn người. Sau làm Tiết-công, tan khách ngày nào cũng đến đông như hội, thế mà chưa bao giờ làm phát ý một người nào. Còn Bình Nguyên-Quân đè cho mỹ-nữ cười một người què mà không giết, mãi đến lúc tan khách đã bỏ đi mới

chém mỹ nhân để tạ tội, như thế thật quá muộn.

Vua Tân nói :

— Nước ta làm thế nào có được một người như Mạnh Thường Quân.

Hướng-Thọ nói :

— Nếu Đại-vương muốn được Mạnh Thường-Quân sao chẳng cho người di triệu ?

Vua Tân nói :

— Mạnh Thường-Quân là người nước Tề, khi nào vua Tề bằng lòng cho ta bắt hắn sang Tân ?

Hướng-Thọ nói :

— Đại-vương đem người thân qua đê làm tin, và mời Mạnh Thường-Quân đến đây phong làm tướng. Hết Mạnh Thường-Quân được phong làm tướng thì chắc Tề cũng phong người thân của Đại-vương làm tướng, chừng ấy hai nước Tân, Tề họp lại thôn tính chư hầu để như trở bàn tay.

Vua Tề khen phái, liền sai Kinh Dương-Quân sang Tề làm con tin để triệu Mạnh Thường-Quân sang Tân đàm đạo.

Các tân khách đều khuyên Mạnh Thường-Quân nên đi. Lúc bấy giờ có Tô-Đại vira ở Yên đi sứ sang Tề, nghe nói, liền vào yết kiến Mạnh Thường-Quân và nói :

— Nay Đại từ ngoài đến đây trông thấy người tượng đất và người tượng gỗ nói với nhau. Tượng gỗ bảo tượng đất : « Trời sắp mưa nhà ngươi sắp bị rã ». Tượng đất cười, nói : « Tôi là đất nắn ra, nếu có rã thì trở thành đất chẳng hề chi. Còn nhà ngươi nếu bị mưa tắt phải bị trời giật không biết về đâu ». Tân là nước hò lang, Sở Hoài-Vương trước kia cũng bị mắc

muru chết trên đất Tân. Nếu ngài sang Tân tôi e không khác nào vua Sở.

Mạnh Thường-Quân nghe nói từ chối không đi. Khuông-Chương nói với Tề Mân-Vương :

— Nước Tân đưa người thân sang làm con tin, cần tiếp kiến Mạnh Thường-Quân là có ý muốn thân Tề. Mạnh Thường-Quân không đi thì mất lòng Tân, còn nếu giữ con tin lại thì tỏ ra chưa tin cậy. Chi bằng trả Kinh Dương-Quân về, rồi sai Mạnh Thường-Quân đến đó, dùng sự tin nhiệm dãi nhau ắt được việc.

Tề Mân-Vương khen phái, nói với Kinh Dương-Quân :

— Ta sắp sai Mạnh Thường-Quân sang Tân để triều bá, há dám làm phiền tướng quân sao ?

Nói xong dùng xe ngựa đưa Kinh Dương-Quân về Tân, sai Mạnh Thường-Quân sang làm sứ giả.

Mạnh Thường-Quân cùng hơn hai ngàn tần khách đi đến Hàm — Đang vào yết kiến vua Tân.

Mạnh Thường-Quân có cái áo lông cừu trắng như tuyết, dẫu lạnh đến đâu cũng thấy ấm, liền đem dâng cho vua Tân.

Vua Tân mặc áo lông cừu vào cung khoe với nàng Yên Cơ.

Yên Cơ nói :

— Áo cừu này cũng nhiều người có, lấy gì làm quý.

Vua Tân nói :

— Giống hổ nếu không sống được vài ngàn năm thì sắc lông không trắng. Áo này phải lấy những mảnh da nơi nách con hổ ráp lại thật quý, giá đắt muôn vàng.

Bấy giờ khi trời còn ấm, vua Tân cởi áo cừu giao cho viên giữ kho cất, rồi chọn ngày lập Mạnh Thường-Quân làm Thừa-tướng.

Vu Lý-Tật sợ Mạnh Thường Quân cướp mất địa vị của mình bèn sai một mưu sĩ đến nói với vua Tân :

— Mạnh Thường-Quân người nước Tề, vì sao cũng vị Tề hơn Tân. Nếu va mượn quyền Tân mà mưu ngầm cho Tề thì Tân ắt phải nguy.

Vua Tân đem lời ấy bàn với Vu Lý-Tật. Vu Lý-Tật nói :

— Lời ấy rất phải.

Vua Tân hỏi :

— Nếu vậy thì cho Mạnh Thường-Quân về nước hay sao ?

Vu Lý-Tật nói :

— Mạnh Thường-Quân ở Tân đã hơn một tháng, khách theo hơn ngàn người, đều biết hết công việc nước Tân. Nếu đe cho về ắt có hại, nên giết đi.

Vua Tân nghe lời, khiến đưa Mạnh Thường-Quân ra ở nơi quản dịch.

Kinh Dương-Quân khi sang Tề, Mạnh Thường-Quân đối đãi rất hậu, nên mến đức, nay nghe vua Tân dự tính như vậy liền đến yết kiến Mạnh Thường-Quân nói rõ công việc.

Mạnh Thường-Quân sợ hãi, hỏi kể, Kinh Dương-Quân nói :

— Trong cung có Yên-Cơ được vua yêu mến, nói gì vua cũng nghe, ngài có thứ quý vật gì tôi sẽ vì ngài đem dâng cho Yên-Cơ, cầu nàng nói vài lời ắt ngài được thoát nạn.

Mạnh Thường-Quân đem đôi ngọc bích nhờ Kinh Dương-Quân đem dâng cho Yên-Cơ, xin giải cứu.

Yên-Cơ nói :

— Tôi chỉ thích áo hồ cừu trắng, nếu có tôi sẽ giúp cho, còn ngọc bích tôi chẳng thiển gì.

Kinh Dương-Quân bảo lại cho Mạnh Thường-Quân biết. Mạnh Thường-Quân nói :

— Tôi chỉ có một cái áo hồ cừu đã đem dâng cho vua Tần rồi, bây giờ biết lấy đâu nứa.

Đoạn hỏi các tân khách xem ai có thể tìm được áo hồ-cừu trắng chăng ?

Mọi người im lặng, Mạnh Thường-Quân đang thất vọng thì bỗng có một người bước ra nói :

— Tôi có thể kiếm được.

Mạnh Thường-Quân hỏi :

— Ngài có cách gì tìm được vật ấy ?

Người khách đáp :

— Tôi có thể giả làm chó, đi trộm được.

Mạnh Thường-Quân cười, và đồng ý cho đi. Đêm ấy người khách ăn mặc giống như một con chó, chui qua cửa còng, lén vào kho cất tiếng sủa rít. Người giữ kho tưởng chó thật không đề ý, người khách đợi người giữ kho ngủ say, mở đến lén lấy chìa khóa, mở kho ra, quả nhiên lấy được áo hồ cừu đem về nẹp cho Mạnh Thường-Quân.

Mạnh Thường-Quân mừng rõ trao áo cho Kinh Dương-Quân đem dâng cho Yên-Cơ.

Đêm hôm sau, Yên-Cơ thiết tiệc vua Tần, thò thê nói :

— Mạnh Thường-Quân là người hiền của nước Tề ai cũng biết, nay vì nè lời Đại-vương qua đây, nếu

chẳng dùng thì cho về, sao lại giết đi đè mang tiếng xấu với chư hầu.

Vua Tần khen phái, sáng hôm sau hạ lệnh cho Mạnh Thường-Quân về nước.

Mạnh Thường-Quân nói với tân khách :

— Tôi nhờ một lời nói của Yên-Cơ mà thoát khỏi chım lồng.

Trong các tân khách có người khéo làm giấy giả, liền làm cho Mạnh Thường-Quân một giấy thông hành, đổi tên họ, rồi giục Mạnh Thường-Quân nội đêm đó ra đi.

Khi đi đến Hàm-cốc, mới vừa nửa đêm, cửa quan còn khóa chặt, Mạnh Thường-Quân sợ có người theo đuổi thì không thoát nổi. Cả bọn xúm lại ngồi trước cửa quan lo lắng.

Mạnh Thường-Quân than :

— Phải đến gà gáy cửa quan mới mở, chúng ta ngồi đây mãi sao ?

Bỗng có tiếng gà gáy trong bọn khách đưa ra, Mạnh Thường-Quân lấy làm lạ, thì ra người trong bọn có người giả tiếng gà gáy rất giống.

Tiếp theo đó, những gà xung quanh xóm nghe tiếng đều gáy theo. Viên quan giữ cửa tướng trời đã sáng thực, liền dậy khám xét các giấy thông hành rồi sai mở cửa.

Mạnh Thường-Quân cùng đoàn tân khách thoát nạn, bươn bả lên đường. Mạnh Thường-Quân nói :

— Tôi thoát nạn được là nhờ tiếng chó sủa, gà gáy của các bạn.

Vu Lý-Tật nghe nói Mạnh Thường-Quân được tha về nước, vội vã vào triều nói vua Tần :

Nếu Đại-vương không giết Mạnh Thường-Quân thì công nên giữ lại làm con tin, sao lại thả ra về.

Vua Tân hối hận, lập tức sai người đuổi theo bắt lại.

Khi qua tới cửa Hầm-cốc mới biết Mạnh Thường-Quân đã giả danh qua ải.

Tướng Tân vội trở về báo lại. Vua Tân than :

— Mạnh Thường-Quân trốn thoát, nước ta không thè yên được.

Sau đó, vua Tân vào kho lấy áo Hồ cừu ra mặc, thi áo đã mất rồi, lại thấy nàng Yên-Cơ mặc áo ấy, vua Tân tra hỏi, mới biết bọn tân khách của Mạnh Thường-Quân lấy trộm đem dâng.

Vua Tân than :

— Bọn thù hạ của Mạnh Thường-Quân đông như chợ, hàng nào cũng có, nước ta thật chưa có ai bằng.

Mạnh Thường-Quân trốn khỏi nước Tân về đến nước Tề. Đường đi phải qua nước Triệu, Bình Nguyên-Quân nước Triệu hay được ra đón ngoài ba mươi dặm, rất cung kính.

Người nước Triệu nghe tiếng Mạnh Thường-Quân ai cũng muốn đến xem cho tận mắt. Nhưng khi đến nơi, thấy Mạnh Thường-Quân thân thè bé bỏng, thi thăm nghĩ :

— « Trước kia tướng Mạnh Thường-Quân là người hiền sĩ, hình vóc tắt khôi ngo, ai ngờ chỉ là kẻ thường tình như thế. »

Có người thấy Mạnh Thường-Quân mím cười châm biếm.

Đêm ấy, những kẻ cười Mạnh Thường-Quân đều bị mất đầu. Bình Nguyên-Quân biết đó là bọn tân khách của Mạnh Thường-Quân hành động, song không dám nói.

Mạnh Thường-Quân về đến nước Tề, Tề Mân-Vương mừng rõ phong làm Tướng-quốc.

Từ đó tân khách theo Mạnh Thường-Quân càng đông, chia ra làm ba hạng: Thượng đẳng gọi là « Đại-xá »; Trung-đẳng gọi là « Hạnh-xá »; Hạ-đẳng gọi là « Truyền-xá ». Đại-xá là khách có thể tự thay mình được. Hạng khách này có thể ăn thịt ngồi xe được, hạnh-xá là những khách có thể ăn thịt mà không có quyền đi xe. Truyền-xá là khách chỉ cho ăn cơm rau, không có thịt cá.

Những người trước kia có công làm gà gáy, chó sủa đều được Mạnh Thường-Quân dãi vào hàng đại-xá.

Một hôm có người mặc áo rách, chân đi giầy cỏ, thân hình vạm-vỡ đến xin yết kiến.

Mạnh Thường-Quân mời vào hỏi :

— Tiên sinh có điều chi dạy bảo ?

Người ấy nói :

— Tôi vốn nước Tề, họ Phùng tên Hoan, nghèo xơ xác, nghe tiếng ngài yêu hiền sĩ nên đến đây hầu hạ.

Mạnh Thường-Quân cho ở vào hạng truyền-xá.

Hơn mươi ngày, Mạnh Thường-Quân hỏi người truyền-xá trưởng :

— Người khách mới đến hàng ngày làm việc gì ?

Truyền-xá trưởng nói :

— Phùng tiên-sinh nghèo quá, chẳng có cái gì, chỉ có một thanh gươm không có vỏ, phải lấy dây buộc đeo ở sau lưng, ăn xong thường gõ thanh gươm hát: « Về đi thôi, ăn không có cá ».

Mạnh Thường-Quân nói :

— Người ấy trách ta cho ăn chẳng ra gì.

Liên dời Phùng-Hoan vào hạng hạnh-xá.

Năm ngày sau, Mạnh Thường-Quân hỏi thăm người Hạnh xá trưởng, thì người ấy nói :

— Phùng tiên-sinh ăn xong rồi vỗ gươm hát :  
« Về đi thôi, đi đâu chẳng có xe ».

Mạnh Thường-Quân lại đòi Phùng-Hoan lên hạng đại xá. Đoạn cho người dò xét, biết được Phùng-Hoan ngày nào cũng đạp xe đi đến tối mới về, lại vỗ gươm hát : « Về đi thôi, chẳng có gì giúp nhà ».

Mạnh Thường-Quân nhăn mặt nói :

— Người khách ấy sao lại tham quá thế ?

Bèn cho người đến dò xét, nhưng Phùng-Hoan không hát nữa.

Được một năm, vì khách khứa trong nhà mỗi lúc một đông, bồng lộc không chu cấp đủ, Mạnh Thường-Quân liền đem tiền cho người ấp Tiết vay, để lấy lợi nuôi tân khách, nhưng đến kỳ, dân chúng thiếu nợ không trả, Mạnh Thường-Quân đem việc túng thiếu ấy bàn với các tân khách và nhờ người đến ấp Tiết tra sò đòi nợ.

Người đại-xá trưởng :

— Phùng tiên-sinh lâu nay chẳng nghe có gì tài giỏi. Tuy nhiên tính chất thực thà, có thè nhò làm việc ấy được.

Mạnh Thường-Quân đem ý kiến ấy tờ bày với Phùng-Hoan. Phùng-Hoan nhận lời ngay, không hề từ chối.

Phùng-Hoan đến ấp Tiết, lấy tiền mờ tiệc đòi các người mắc nợ đến dự, và truyền rằng :

— Ai có nợ quan Tường-quốc nếu trả nòi thì trả, còn trả không nòi thì cho làm giấy ký hẹn, nhưng bằng nghèo khổ quá có thè hủy giấy nợ đi.

Dân chúng hoan hỉ đến dự tiệc, cảm ơn Phùng-Hoan và hết lòng tri ân Mạnh Thường-Quân.

Số tiền thu được tuy không đúng với số tiền phải trả, nhưng cũng được một số khá lớn.

Mạnh Thường-Quân hay tin Phùng-Hoan cho các người nghèo khổ hủy giấy nợ, vội vã triệu vào hỏi :

— Tôi đang thiếu lương thực để cung cấp cho các tân khách, tại sao tiên sinh lại làm như thế ?

Phùng-Hoan đáp :

— Tôi thu cho quan Tướng-quốc hai món lợi, một lì Tiền, hai là Đức, ấp Tiết là đất phong của quan Tướng-quốc, dân chúng ở đó sẽ cùng quan Tướng-quốc chia sẻ vui buồn, nếu không có hành động ấy đâu phải là hiền sĩ.

Mạnh Thường-Quân tuy lo lắng việc lương tiền thiếu hụt, song cũng phải bỏ qua, gượng gạo tạ ân Phùng-Hoan.

Nhắc lại Tân Chiêu-Vương từ khi đe Mạnh Thường-Quân về nước lòng nơm nớp lo sợ: nghĩ ra một kế làm cho vua tôi nước Tề ly gián, mới tuyên ngôn rằng : « Dân nước Tề chỉ biết có Mạnh Thường-Quân mà không biết đến vua Tân. Ngày kia tắt Mạnh Thường-Quân tiếm đoạt nước Tề vậy. »

Lại sai sứ đến nói với vua Sở :

— Trước kia sáu nước hợp đánh Tân, Mạnh Thường-Quân có ý giải đãi, vì không phục Sở, sau đó lại mật kế cho Tân bắt Sở Hoài-Vương. Nay Tân xin nhận cái lỗi ấy, cùng Sở giao hảo để hợp lực trừ cho được Mạnh Thường-Quân.

Vua Sở tin lời, liền thông hóa với Tân, đem con gái vua Tân lên làm chánh thất.

Vha Tề nghe dân chúng phao tin Mạnh Thường-Quân sẽ cướp nước Tề, có ý nghi, liền thu tướng ăn của Mạnh Thường-Quân, đuổi về ấp Tiết.

Các tân khách nghe Mạnh Thường-Quân bị bãi chức lẩn lẩn bỏ đi hết, chỉ còn có Phùng-Hoan vẫn theo phò bên cạnh.

Mạnh Thường-Quân về đến ấp Tiết, trai gái, già trẻ dắt nhau ra đón, ai nấy giành nhau dâng cơm nước, rượu thịt.

Mạnh Thường-Quân nói :

— Ngày nay mới biết việc thu đức của tiên sinh là cao kiến.

Phùng Hoan nói :

— Việc đó chưa phải là hay, nếu tôi được một cỗ xe, tôi sẽ làm cho ngài được trọng ở Tề.

Mạnh Thường-Quân nói :

— Tiên-sinh định thế nào tôi xin theo.

Một hôm, Mạnh Thường-Quân mua một cỗ xe trao cho Phùng-Hoan và nói :

— Xin để tiên sinh tùy ý sử dụng.

Phùng-Hoan liền lên xe đi thẳng sang nước Tân, vào yết kiến Tân Chiêu-Vương và nói :

— Tôi đến Tân là muốn giúp cho Tân mạnh hơn Tề. Tân và Tề là hai nước không thể cùng nhau đứng ngang súc được, hễ nước nào mạnh thì được thiên hạ.

Vua Tân nói :

— Tiên sinh có kế chi giúp Tân chăng ?

Phùng-Hoan nói :

— Đại-vương biết nước Tề bỏ Mạnh Thường-Quân chưa ?

Vua Tân nói :

— Ta mới được tin ấy song không tin.

Phùng-Hoan nói :

— Nước Tề sở dĩ được thiên hạ là nhờ Mạnh Thường-Quân là người hiền. Nay vua Tề nghe lời gièm pha bỏ Mạnh Thường-Quân, nên Mạnh Thường-Quân đang oán hận. Đại-vương nhân cơ hội ấy mà thỉnh Mạnh Thường-Quân sang Tân làm tướng. Mọi bí quyết của nước Tề đều ở trong tay Mạnh Thường-Quân. Như vậy, Đại-vương có thể thôn tính nước Tề một cách dễ dàng.

Bây giờ Vu Lý-Tật mới qua đời, vua Tân mừng rõ muộn có người đê phò tá, nên khi nghe Phùng-Hoan nói cả mừng, truyền lấy mười cỗ xe cùng lễ vật cho người sang ấp Tiết rước Mạnh Thường-Quân.

Phùng-Hoan nói :

— Tôi xin về nước trước đê báo cho Mạnh Thường-Quân biết.

Nói xong, từ giã ra đi. Nhưng không về ấp Tiết liền, mà lại thẳng đến kinh đô nước Tề vào ra mắt vua Tề nói :

— Tân và Tề hai nước có sức mạnh như nhau. Nước nào được người hiền thì mạnh, nước nào mất người hiền thì yếu. Nay vua Tân nhân lúc Mạnh Thường-Quân bị đuổi cho người sang rước về làm tướng. Mạnh Thường-Quân làm tướng nước Tân, trong tay đã nắm sẵn những điều bí ẩn của nước Tề, tôi e nước Tề khó giữ nỗi.

Vua Tề sợ hỏi :

— Như thế biết làm sao ?

Phùng-Hoan nói :

— Sứ thần sớm muộn gì cũng đem quân đến đất Tiết. Đại-vương nên cho người rước gấp Mạnh Thường-

Quân về triều, phong làm tướng, tăng thêm bông lộc.  
Như vậy Mạnh Thường-Quân đã biết ơn, mà nước Tân  
không làm sao mua chuộc được Mạnh Thường-Quân.

Tề Mân-Vương nhận lời nhưng lòng chưa tin, sai  
người đến biên cảnh dò xét, quả nhiên thấy nước Tân  
đem xe cộ rầm rộ đến đón Mạnh Thường-Quân.

Sứ giả trở về phi báo, Tề Mân-Vương lập tức sai  
Phùng-Hoan cầm cờ tiết đến đón Mạnh Thường-Quân  
đem về phong làm tướng, lại phong thêm đất ấp Tiết.

Sứ giả nước Tân đến nơi thì thấy Mạnh Thường-  
Quân đã làm tướng nước Tề rồi, bèn quay xe trở về.

Mạnh-Thường-Quân trở lại làm tướng nước Tề, các  
tân khách lại rủ nhau kéo đến. Mạnh-thường-Quân nói  
với Phùng-Hoan :

— Tôi đối đãi với tân khách không có gì mich lòng  
thể mà lúc bị bãi chức, khách đều bỏ tôi mà đi, may nhờ  
tiên sinh được phục chức, tướng các tân khách không còn  
mặt mũi nào ngó tôi nữa mới phải.

Phùng-Hoan nói :

— Xin ngài chờ cỗ chắp. Ở đời kè trung nghĩa rất  
hiếm, kè xu phụ thì nhiều, tỉ như một phiên chợ đô thị.  
Buổi sáng người ta chen lấn đông nghẹt, nhưng đến chiều  
thì vắng ngắt như bãi tha ma, ngài còn lạ lùng gì việc  
thế sự.

Mạnh-Thường-Quân nghe giận, trả lại hậu đãi tân  
khách như trước.

### TÍN-LĂNG-QUÂN :

Vô-Ký là con út của Ngụy Chiêu-Vương, có tính  
khiêm cung, qui trọng kè sỉ, tiếp đãi mọi người rất sốt  
sắng.

Một hôm Vô-Ký đang dùng cơm sáng, trông thấy một con chim cưu bị một con chim rao đuôi theo bắt ăn thịt, con chim cưu sợ hãi chui vào gầm bàn. Vô-Ký liền che chở cho chim cưu, đuổi chim rao đi. Lúc chim rao đã mất dạng, Vô-Ký mới thả chim cưu ra, chẳng ngờ một con chim rao khác đậu trên mái ngói đớp lấy chim cưu xác.

Vô-Ký tự trách mình :

— « Con chim cưu ấy tránh nạn vào với ta mà ta không bảo tồn nó được thật là bất tri ».

Nghĩ như vậy, cả ngày không ăn uống gì cả.

Mọi người hay việc đều kinh phục Vô-Ký và nói :

— Con chim cưu mà Vô-Ký chưa nỡ phụ huống hồ những kẻ trung thành.

Từ đó kẻ sĩ không kẽ hiền ngu đều tìm đến, khách trong nhà hơn ba ngàn người chẳng nào Mạnh-Thường-Quân và Bình-Nguyễn-Quân.

Nước Ngụy có một lão sĩ tên là Hầu-Danh, đã hơn bảy mươi tuổi, nhà nghèo, làm chức giữ cửa ở Di-Môn. Vô-Ký nghe tiếng là người hiền, và có nhiều kỳ kế, người trong vùng thường gọi là Hầu-sinh, liền đem xe đến tận nhà yết kiến, lấy hai mươi nén Hoàng kim làm lè ra mắt.

Hầu-sinh nói :

— Tôi trọn đời chịu nghèo nàn, quyết không nhận lè vật của ai.

Vô-Ký không thể nài ép được, muốn tò long cung kính của mình đối với Hầu-sinh, bèn đặt một lè đại yến, mời một bữa tiệc rất long trọng. Các công tòn quý khách tựu đến, Vô-Ký chừa một cái ghế danh dự bên tả, rồi sắp xe đến Di-Môn mời Hầu-sinh.

Hầu-sinh nhận lời, lên xe ra đi không hề nhún nhường. Khi đi ngang qua chợ, Hầu-sinh nói với Vô-Kỵ :

— Tôi có một người bạn tên là Chu-Hợi làm nghề mồ lợn, muốn đến thăm, Công-tử có thể cùng tôi vào chợ chăng ?

Vô-Kỵ nói :

— Tôi xin theo tiên-sinh.

Hầu-sinh xuống xe, đi thẳng vào chợ, ngồi trước hàng thịt nói chuyện với Chu-Hợi, trong lúc đó Vô-Kỵ đứng chờ.

Hầu-sinh thỉnh thoảng liếc nhìn Vô-Kỵ, thấy Vô-Kỵ mặt mày vẫn tươi tắn không hề phật ý.

Hầu-sinh từ biệt Chu-Hợi rồi lại lên xe nghiêm nhiên ngồi như trước, đi mãi từ giờ ngọ đến giờ thân mới về đến phủ.

Quý khách thấy Vô-Kỵ thân đi đón khách, ai nấy đều đứng dậy chờ xem, thì ra khách là một ông già râu bạc trắng, quần áo rách rưới có vẻ bần hàn, đều lấy làm lạ.

Vô-Kỵ dẫn Hầu-sinh giới thiệu khắp mọi người, chừng đó họ mới biết Hầu-sinh là kẻ giữ cửa Di-Môn, đều tỏ ý không vui.

Vô-Kỵ mời Hầu-sinh ngồi nơi ghế đầu, Hầu-sinh không hề nhún nhường, bưng ly rượu uống và nói :

— Tôi phận nghèo nàn, dốt nát, được Công-tử hạ minh đến đón, chờ lâu trong chợ, lại cho ngồi trên các tân khách, lẽ ra tôi tự xét phận, nhưng sở dĩ tôi làm như thế là để cho công tử được tiếng quý mến kẻ sĩ vậy.

Các tân khách đều cười thầm. Bữa tiệc tan, Hầu-sinh tiễn cù Chu-Hợi là người hiền, Vô-Kỵ lại đến tận

nơi yết kiến, nhưng Chu-Hội tuyệt nhiên không đáp lě. Thé mà Vô-Ký vẫn không hờn trách, dù biết Vô-Ký là kẻ chuộng hiền, dãi si như thế nào.

### Nhận-xét :

Giúp người không vì lợi, đó là nghĩa  
Đem tiền của mua chuộc để mưu lợi  
riêng, đó là hành động chính phục.

Mạnh Thường-Quân, Bình Nguyên-Quân, Tin Lăng-  
Quân được người đời sau cho là ba kẻ nghĩa hiệp.

Nghĩa hiệp vì ba kẻ ấy đem tiền riêng, của riêng giúp đỡ những kẻ túng cùng. Trong số ba người này có Mạnh Thường-Quân được ca tụng nhiều hơn, mà ngày nay, mỗi khi nhắc đến việc trợ giúp, người ta nhắc ngay đến tên Mạnh Thường-Quân để tượng trưng kẻ làm việc nghĩa.

Tuy nhiên, thế nào là nghĩa ?

Kẻ làm việc nghĩa giúp người không dụng tâm, không mưu lợi cho mình.

Trường hợp Mạnh Thường-Quân, Bình Nguyên-Quân, Tin Lăng-Quân có phải là những kẻ giúp người không mưu lợi chăng ?

Bình Nguyên-Quân, Mạnh Thường-Quân, Tin Lăng-  
Quân sống trong thời Xuân Thu chiến quốc, một thời hỗn  
loạn của Trung-Hoa, yếu tố nhân tài được chú trọng. Giai  
cấp tri thức bình dân hòa mình trong đồng ruộng, sống trong  
dân chúng, một số đỗ kỹ với giai-cấp quý-tộc không chịu đem  
tài năng mình ra thi tho, một số khác bắt phục bọn vua  
chúa tàn ác, không muốn ra làm tôi, nguồn nhân tài bị tàn  
mác, lồng chùm vào thôn dã, chỉ có một số ít người mưu  
được lợi riêng, nhảy ra tác động trên vũ trường chính-trị,  
làm đảo lộn thế cuộc.

*Yếu tố anh hùng tạo thời thế hiện rõ trên thế chiến. Vì nước nào thu đoạt được nhiều nhân tài, nước ấy từ chỗ yếu hèn trở nên hùng mạnh không may chốc.*

Rất kinh nghiệm này, các nước đua nhau khai thác nhân tài để xây dựng sự nghiệp đế-vương. Một số nhân tài được các nhà vua mua chuộc, nhảy ra giúp nước, như Không-Tử ở nước Lỗ, Quản-Trọng ở nước Tề, Đấu Việt-Tiêu ở nước Sở v.v... Nhưng phần nhiều họ bị giao cấp hoàng-tộc lợi dụng và phản bội, Phải bỏ nước này sang nước khác, hoặc bị chết chóc, từ bỏ chức vụ trở về nỗi thôn dã.

*Mạnh Thường-Quân, Bình Nguyên-Quân, Tin Lăng-Quân không phải những kẻ hành động vì nghĩa, mà vì chính trị.*

Chính những kẻ ấy đã thấy rõ yếu tố nhân tài đối với thời thế, nên đã tìm cách thu hút nhân tài, tạo cho mình một lực lượng, để hòng bước lên đài chính trị.

Về ý thức giao cấp tri thức, bình dân thời nào cũng vậy, rất chán ghét bọn tham quân vô lại, cay thế cậy thần, khinh miệt kẻ nghèo khó. Mặt khác, họ lại thích những người phóng khoáng, biết tài năng và chiều chuộng họ.

*Mạnh Thường-Quân, Tin Lăng-Quân, Bình Nguyên-Quân đã khoác được một bộ mặt phóng khoáng, biết tài năng và chiều chuộng, hợp với ý muốn của giao cấp tri thức bình dân, cho nên ba người này đã thu thập được một số tri thức bình dân khá đông, tạo thành một lực lượng hậu thuẫn.*

Chính sách chính trị của Mạnh Thường-Quân không giống như Quản-Trọng, Tô-Tần, Không-Tử đem tài năng của mình chiếm một địa vị quốc gia, rồi dùng địa vị ấy thực hiện một đường lối nội trị, ngoại giao, tranh đoạt chư hầu. Mạnh Thường-Quân thấy rõ quan chúng là

một lực lượng hùng hậu, tài năng của quân chúng là một kho vô tận không thể nào khai thác hết, cho nên Mạnh Thường-Quân đã lấy lực lượng quân chúng làm lực lượng minh, lấy tài năng quân chúng làm tài năng minh bằng cách h p quân lãnh đạo.

Hình thức tổ chức tân khách của Mạnh Thường-Quân là một hình thức lập hội, chỉ có khác ở chỗ lập hội thì có tôn-chỉ mục đích, những hội viên nào hội trước hết phải chấp nhận tôn chỉ mục đích ấy. Còn Mạnh Thường-Quân khoảng dãi tân khách không có mục đích nào cả, chỉ đem tình cảm chiêu dụ nhân tài, để nhân tài mang ơn mình, chịu khuất thân theo mình và giúp đỡ, thế thôi.

Tuy nhiên, dù không có mục đích tôn chỉ, ý thức Mạnh Thường-Quân vẫn là ý thức phôi-thai của tổ chức hội và đảng chính trị.

Hội và đảng chính trị có một cơ sở vững chắc, thu hút một nhóm quân chúng có ý thức tranh đấu cùng một mục đích, một quyền lợi, vì vậy các tổ chức ấy được bền vững, và tinh túy hơn. Song không vì thế mà không có những cái bẩn lợi của nó. Bởi lẽ quân chúng pharc tạp, trong lúc có những người vào hội, vào đảng để tranh đấu cho quyền lợi minh, chịu tần tuy hy sinh vì hội, vì đảng thì cũng có người lợi dụng tổ-chức ấy để mưu lợi riêng của mình, và cuối cùng họ phản bội.

Tổ chức của Mạnh Thường-Quân, Tin Lãng-Quân, Bình Nguyên-Quân không tinh túy, chỉ là một tổ chức gây cảm tình, dĩ nhiên trong đó có những kẻ lợi dụng hùa theo để kiếm ăn, lúc Mạnh Thường-Quân còn tiền bạc, còn địa vị thì họ trung thành, lúc hết tiền, thất thế những kẻ lợi dụng ấy tìm đường lánh xa.

Cái thất bại của Mạnh Thường-Quân tất không tránh khỏi.

*Đem nhân-sinh quan rọi vào ý thức chính trị của Mạnh Thường-Quân thì thấy Mạnh Thường-Quân có những điểm khác thường.*

*Làm chính trị có hai mục đích: Mưu lợi cho cá nhân và mưu lợi cho dân tộc.*

*Kẻ mưu lợi cá nhân dùng quyền lợi dân tộc cung cống quyền lợi riêng mình. Kẻ mưu lợi dân tộc hy sinh quyền lợi riêng mình để bảo vệ quyền lợi dân tộc.*

*Mạnh Thường-Quân dùng quyền lợi dân tộc cung cống quyền lợi riêng mình, rồi hy sinh quyền lợi riêng mình cho bọn tân khách.*

*Bên ngoài, hình như Mạnh Thường-Quân là kẻ háo danh, nhờ người khác giúp mình đạt danh vọng, và chỉ cần danh vọng mà thôi. Nhưng đi sâu vào kẽ sách, ta thấy Mạnh Thường-Quân là kẻ có bản lãnh chính trị. Mạnh Thường-Quân nắm vững yếu tố anh hùng tạo thời thế. Nếu không nhờ ở bàn tay anh hùng không thể xoay chuyển nỗi thời thế. Tuy nhiên, anh hùng tạo thời thế thì thời thế cũng xoay đồi anh hùng. Kẻ có tài đem thân lo việc nước, đến lúc thành đạt ít ai không nghĩ đến quyền lợi mình. Đã nghĩ đến quyền lợi mình tất sanh tâm phản bội.*

*Mạnh Thường-Quân dùng người tài không dùng cá nhân, mà dùng tập thể. Tài năng tập thể nếu biết khai thác thật là một cái kho vô tận. Đã vậy, tài năng tập thể không đi đến chỗ độc tài cá nhân.*

*Nắm một khối tài năng đem phụng sự quốc gia, rồi lấy quyền lợi quốc gia chu cấp cho khối tài năng ấy, Mạnh Thường-Quân không phải là kẻ tham lam, địa vị, mà chỉ là một nhà chính trị, một cái máy khai thác nhân tài phụng sự quốc gia mà thôi.*



## LẠN TƯƠNG-NHƯ

— Ta xem nước là trọng, mà xem thù riêng là khinh.

Bấy giờ nước Triệu phong Liêm-Pha làm Tướng-quốc. Liêm-Pha là người có sức khỏe lại giỏi việc dùng binh nên chư hầu đều sợ.

Quân Tân thường đến nước Triệu cướp phá, Liêm-Pha đốc quân đánh đuổi, quân Tân thua luôn mấy trận phải cùng Triệu giao hòa.

Vua Triệu lại còn yêu dùng một tên nội thị là Mục-Hiền cho làm một chức Hoạn-gia-quan, được tham dự quốc chính.

Một hôm, có người đem bán cho Mục-Hiền một viên ngọc bích. Mục-Hiền thấy đẹp bò năm trăm lượng vàng ra mua rồi đem khoe với người thợ ngọc.

Người thợ ngọc ngạc nhiên nói :

— Đây là viên ngọc bích của họ Hòa, trước kia vua Sở thường cho Chiêu-Dương. Trong lúc Chiêu-Dương đang ăn tiệc, bỗng mất ngọc, nghi cho Trương-Nghi lấy trộm, vì vậy Trương-Nghi bỏ Sở sang Tân. Kẻ lấy trộm không biết là ai, ngày nay viên ngọc quý này lọt về tay ngài, xin ngài hãy cất kỹ chờ nên phô bày với mọi người.

Mục-Hiền hỏi :

— Viên ngọc này quý giá về cái gì ?

Người thợ ngọc nói :

— Viên ngọc này ở chỗ tối tự nhiên phát ra ánh sáng, có thể trù duỗi được ma quỷ nên gọi là viên dạ quang.

Nếu đè chõ ngồi, mùa đông có thể thay cho lò sưởi, mùa hè có thể thay cho quạt mát trong vòng năm thước, cuối nhặng không dám đậu đến.

Mục-Hiền thử xem, quả nhiên viên ngọc có công dụng như thế, bèn thuê thợ làm một cái hộp, cắt rất tinh tế.

Chẳng bao lâu, có kẻ đem việc ấy nói với vua Triệu. Vua Triệu hỏi Mục-Hiền, Mục-Hiền không muốn đem dâng. Vua Triệu giận, nhân lúc đi săn ghé vào nhà Mục-Hiền lục soát, lấy được viên ngọc.

Mục-Hiền sợ Triệu-Vương trị tội, toan trốn đi. Có tên xá-nhân tên Lạn Tương-Như nắm áo hỏi :

— Ngài đi đâu bây giờ ?

Mục-Hiền nói :

— Trước ta theo vua Triệu hội chư hầu, vua Yên thấy ta, đem lòng mến, cầm tay nói : « ta với nhà ngươi cùng kết giao ». Vì vậy ta muốn sang nước Yên.

Lạn Tương-Như nói :

— Ngài làm rồi ! Lúc bấy giờ vì Triệu mạnh, Yên yếu, mà ngài được vua Triệu yêu dùng nên vua Yên mới làm thân với ngài đè cầu lợi. Nay ngài bỏ Triệu, trốn qua Yên, tất vua Yên sợ vua Triệu giận, phải bắt ngài đem nạp.

Mục-Hiền nói :

— Nếu thế thì ta phải làm thế nào ?

Lạn Tương-Như nói :

Ngài chỉ có cái tội không sớm dâng ngọc cho Đại-vương mà thôi. Nay nếu ngài ăn năn hối lỗi vào vập đầu khàn khoản, chắc Đại-vương dung thứ.

Mục-Hiền theo lời. Quả nhiên vua Triệu không bắt tội. Mục-Hiền trọng cái trí khôn của Lạn Tương-Như nên đãi làm thượng khách.

Gặp lúc người thợ ngọc nước Triệu sang nước Tân, vua Tân sai sứa ngọc, người thợ ngọc đem việc viên ngọc bích của họ Hòa tiết lộ, vua Tân gọi lòng tham, muốn đoạt cho được viên ngọc ấy.

Người cận thần vua Tân là Nguy-Nhiêm nói :

— Đại-vương nếu muốn viên ngọc sao không đem mười lăm thành Tây-dương mà đổi ?

Vua Tân ngạc nhiên nói :

— Đáu ngọc có quý đến đâu cũng chỉ là món bảo vật, còn đắt đai nước Tân là xương máu của tiền nhân, sao Thùa-tướng lại nghĩ như vậy ?

Nguy-Nhiêm nói :

— Nước Triệu lâu nay vốn sợ Tân, Đại-vương đem thành đổi ngọc, tất nước Triệu phải thân hành mang ngọc đến. Hèn ngọc đem đến thì giữ lấy. Như vậy đổi thành chỉ là mượn tiếng mà lấy ngọc là chuyện thật.

Vua Tân mừng rõ liền viết thư sai sứ đem đến Triệu, tỏ ý như vậy.

Vua Triệu được thư, triệu quần thần đến hỏi ý.

Liêm-Pha nói :

— Nếu trao ngọc cho Tân tất bị lừa, ngọc mất mà thành chẳng được.

Lý-Khắc nói :

— Nên kén một dũng sĩ, đắt ngọc theo mình đến đó, hễ nhận được đắt mới giao ngọc bằng không đem ngọc về.

Vua Triệu lại nhìn Liêm-Pha hỏi ý, nhưng Liêm-Pha cúi đầu không đáp :

Mục-Hiền nói :

— Tôi có một xá nhân tên Lạn Tương-Như, người

Ấy đã có sức mạnh lại nhiều mưu trí. Nếu cần đi sứ nước Tân thì không ai hơn được.

Vua Triệu sai Mục-Hiển đòi Lan Tương-Như đến. Lan Tương-Như vào triều kiến xong, vua Triệu hỏi :

— Vua Tân xin đem mười lăm thành đồi lấy viên ngọc bích của ta. Tiên sinh nghĩ thế nào ?

Lan Tương-Như nói :

— Tân đem mười lăm thành đồi viên ngọc, như thế giá trị viên ngọc đã quá lầm rồi, còn gì không đồi.

Vua Triệu nói :

— Nếu Triệu giao ngọc mà Tân không giao thành thì sao ?

Lan Tương-Như nói :

— Thi đó là lỗi nước Tân.

Vua Triệu nói :

— Những kẻ mạnh thường lấy sức mạnh làm lẽ phải.

Lan Tương-Như nói :

— Nếu Đại-vương sợ, tôi xin đem ngọc sang Tân, nếu được đền thì tôi giao ngọc, bằng không, tôi xin bảo vệ viên ngọc tới cùng.

Vua Triệu mừng rõ, phong cho Lan Tương-Như làm Đại-phu, đem ngọc bích sang Tân.

Lan Tương-Như đem ngọc đến Hàm-Đang, vua Tân hay tin ngồi trên chương đài họp cả triều thán lại và cho Lan Tương-Như vào yết kiến.

Lan Tương-Như vào dâng ngọc, nhưng đè cái hộp lại, chỉ dâng bao gấm. Vua Tân mở bao gấm lấy viên ngọc ra xem, quả nhiên là viên ngọc quý, không có dấu vết gì, ánh sáng lấp lánh, những chỗ chạm khắc tinh vi.

Vua Tân xem xong khen ngợi không tiếc lời, truyền cho quân thắn mỗi người xem một chút, rồi lại đưa vào cung cho các phi hậu cùng xem.

Một lúc lâu viên ngọc mới được đem ra, đặt trên án vua.

Lạn Tương-Như đứng một bên chờ đợi, không thấy nói đến chuyện cắt đất giao thành liền sanh ra một kế, quì trước mặt vua tâu :

— Viên ngọc ấy tuy quý thật, song cũng có ít tí vết töi xin chỉ cho Đại-vương xem.

Vua Tân sai kè tả hữu lấy ngọc bích trao cho Lạn Tương-Như.

Lạn Tương-Như cầm viên ngọc lui ra mấy bước, đứng dựa vào điện, trọn mắt nói với vua Tân :

— Ngọc bích họ Hòa là của quý trong thiên hạ. Đại-vương muốn đòi mười lăm thành lấy viên ngọc này. Lúc tiếp được thư của Đại-vương quân thắn nước tôi đều cho là Tân ý mạnh, đoạt lấy ngọc chứ không giao thành. Riêng tôi, tôi chỉ nghĩ rằng bọn quan cộc, áo vài như chúng tôi giao du với nhau còn không phụ lời huống hồ một ông vua. Vì thế tôi khuyên vua Triệu nên kính nề Đại-vương, lấy chữ tín làm trọng. vua Triệu nghe lời sai tôi đem dâng ngọc. Trước lúc tôi ra đi, vua Triệu trai chạy năm ngày, tờ ra rất cung kính. Nay Đại-vương tiếp tôi rất ngạo慢, ngồi mà nhận ngọc, đưa cho kè tả hữu xem rồi lại đưa vào hậu cung cho mỹ nữ xem, như thế thì quả Đại-vương không có ý cắt đất giao thành để đòi ngọc, cho nên buộc lòng tôi phải lấy viên ngọc lại. Nếu Đại-vương bắt tôi, tôi quyết đập nát viên ngọc và đầu tôi nơi chân cột này để cho thiên hạ rõ lòng dối gạt của Đại-vương.

Nói xong, Lạn Tương-Như cầm ngọc bích giờ cao chực đập vào cột.

Vua Tân tiếc viên ngọc sơ đập mất, nói :

— Quan Đại-phu chờ nóng giận, bàn quốc đâu dám thất tín với Triệu.

Liền sai các quan lấy bản đồ nước Tân ra, chỉ mười lăm thành nói :

— Đây là những thành ta định giao cho Triệu để đổi ngọc.

Lạn Tương-Như nghĩ thăm :

— Đó là kế hoãn binh của vua Tân, tìm cách gạt chứ không thực tâm ».

Liền quỳ tâu :

— Vua Triệu lúc sai tôi đem dâng ngọc có làm trai giới năm ngày, nay Đại-vương nhận ngọc, xin cũng làm y như vậy, tôi mới dám dâng.

Vua Tân liền cho người đưa Lạn Tương-Như ra nghĩ ngoài công quán, tắm rửa sạch sẽ, đe chịu năm ngày trai chạy.

— Lạn Tương-Như mang ngọc ra ngoài công quán, nhủ thăm :

— « Ta đã hứa với vua Triệu nếu Tân không giao thành đổi ngọc, quyết không dễ ngọc lọt vào tay Tân. Nay vua Tân tuy chịu trai giới, nhưng lúc được ngọc không chịu giao thành thì sao ! »

Nghĩ rồi, gọi một tên hầu cận vào bảo già cách ăn mặc ra người nghèo khổ, bỏ ngọc bích vào cái túi và buộc chặt sau lưng theo đường tắc trốn về tâu với vua Triệu :

— Xét thấy vua Tân không thiệt tình đổi thành lấy ngọc, nên kè hẫu này mang ngọc về trả lại.

Trong lúc ấy thì Lạn Tương-Như vẫn thản nhiên ở nơi nhà công quán.

Năm ngày sau, vua Tân làm một tiệc lễ, mời các nước chư hầu và cả triều thần đến khoe viên ngọc quý.

Lạn Tương-Như ung dung vào triều. Vua Tân trông thấy trong tay không có ngọc bích, liền hỏi :

— Ta đã trai giới năm ngày, bày trọng lễ đè nhận ngọc, cớ sao sứ giả lại không mang ngọc đến?

Lạn Tương-Như nói :

— Nước Tân từ các đời Mục-Công đến nay, kè đến hai mươi đời vua đời nào cũng dùng việc đổi gạt đè mưu lợi. Nếu kè xa thì như Kỳ-Tư lừa Trịnh, Mạnh-Minh lừa Trần. Kè gần thì Thương-Uởng lừa Ngụy, Trương-Nghi lừa Sở, việc trước còn dành rành, không giữ được tín nghĩa. Tôi nay sợ Đại vương lừa, làm thất tin với vua nước tôi nên tôi đã sai người mang ngọc về nước Triệu rồi.

Vua Tân giận tái mặt nói :

— Sứ giả bảo ta trai giới năm ngày, đè rồi không thực hiện đúng lời hứa, thế thì khinh ta quá lắm.

Liền hô tả hữu trói Lạn Tương-Như lại.

Lạn Tương-Như không hề sợ sệt đâu :

— Xin Đại-vương nguôi giận. Nếu tôi sợ chết tôi đã trốn đi, đâu còn ở lại đây. Tôi tự biết cái tội đánh lừa Đại-vương đáng chết, nên tôi đã gởi lời về tâu lại với vua nước tôi đừng mong tôi trở về nữa, vậy xin Đại-vương cứ giết. Nay chư hầu đã biết cái cớ vì Tân muốn

được ngọc mà giết sứ Triệu, phải trái không còn che giấu được.

Vua Tân và quân thắn đưa mắt nhìn nhau, không ai có ý kiến gì. Các sứ giả chư hầu đứng xem, ai cũng thấy tánh mạng Lạn Tương-Như chẳng khác nào lông hồng trước gió. Bọn ta hữu sẵn sàng, chỉ chờ lệnh là bắt Lạn Tương-Như đem chém.

Vua Tân đưa tay ra lệnh bảo thôi, rồi quay lại nói với quân thắn :

— Giết Lạn Tương-Như cũng không lấy được ngọc, lại mang tiếng bất nghĩa. Chỉ bằng liệu cách khác thì hơn.

Nói xong, tiếp dãi Lạn Tương-Như rất hậu, rồi cho về nước.

Vua Triệu thấy Lạn Tương-Như trở về mừng rỡ, cho là người hiền dùng làm Thượng đại-phu.

Vua Tân không lấy được ngọc, lòng hậm hực, tuy nhiên lại sợ nước Triệu gây hấn, nên sai sứ đến ước với Triệu hội tại Mảnh-Trì đê giao hiếu.

Vua Triệu nói :

— Trước kia nước Tân dùng mưu hội kiến, đánh lừa nước Sở, bắt vua Sở giám tại Hàm-Đang đến phải bỏ mạng, nay lại mời ta đi hội, át cũng có âm mưu thế chăng ?

Liêm-Pha và Lạn Tương-Như bàn với nhau, rồi tâu với vua Triệu :

— Tân mời hội kiến, nếu ta không đi tỏ ra ta yếu ớt. Xin Đại-vương cứ đi.

Vẫn thấy vua Triệu còn e ngại, Lạn Tương-Như nói :

— Tôi xin theo Đại-vương đê che chở.

Và Liêm-Pha nói :

— Tôi ở lại giúp Thái-tử giữ nước.

Vua Triệu mừng rõ nói :

— Nếu được Lạn Tương-Như theo hộ giá thì còn sợ gì.

Bình Nguyên-Quân tâu :

— Trước kia vì Sở Hoài-Vương tin lời Tân, chỉ đi một cỗ xe đến Hàm-Đang, lâm biến không biết đâu đỡ gạt. Nay tuy có Lạn Tương-Như theo hầu, song Đại-vương 'cũng phải dùng năm ngàn quân tinh nhuệ, đóng cách Mĩnh Trì ba mươi dặm để yểm hộ mới được.

Vua Triệu nói :

— Liêm-Pha phải ở nhà giữ nước, còn ai có thể làm tướng điều khiển quân đội ấy ?

Triệu-Thắng tâu :

— Tôi xin giới thiệu một người có thể làm tướng được. Người ấy là Lý-Mục, hiện làm diển-bộ thu thuế ruộng.

Vua Triệu nói :

— Người làm việc ấy tại sao lại có tài làm tướng ?

Lý-Khắc nói :

— Trước đây nhà tôi qua kỳ hạn không nộp thuế, Lý-Mục cứ theo pháp mà trị, bắt gia nhân tôi giết chín người. Tôi giận lắm kêu đến quở trách. Lý-Mục nói : « Nước trị được là nhờ luật lệ, nếu vị nè ngài mà dung túng thi luật lệ hỏng. Hễ luật lệ hỏng thi tất nước yếu, giặc sẽ xâm lấn bờ cõi, chừng đó nước Triệu còn không giữ được huống hồ nhà của ngài ». Tôi xét thấy con người như thế có tài làm tướng.

Vua Triệu nghe theo lời, đài Lý-Mục đến phong làm trung quân Đại-phu, cho quân xuất năm ngàn quân đi

sang Tân. Bình Nguyên-Quân lại đem đại binh phòng hờ lúc bắt trắc. Liêm-Pha đưa ra tận biên giới, nói với vua Triệu :

— Đại-vương đi vào nơi hò lang, thực là nguy hiểm. Nay tôi xin ước cùng Đại-vương nếu quá ba mươi ngày mà Đại-vương không trở về tôi xin noi gương nước Sở lập Thái-tử lên ngôi, đè làm tuyệt lòng trông ngóng của người Tân.

Vua Triệu hài lòng, cùng Lạn Tương-Như thẳng đến Mānh-Trì. Lúc đó vua Tân cũng đã đến, cùng nhau lưu trú nơi quán dịch.

Cách vài ngày sau, hai vua làm lễ hội kiển, mở tiệc đãi dâng đè bàn quốc sự.

Tiệc rượu được nửa chừng, vua Tân nói :  
— Tôi trộm nghe vua Triệu giỏi về môn âm nhạc, nay nhân cuộc vui xin nhà vua cho tôi được thưởng thức tài nghệ ấy.

Nói xong, sai người hầu cận lấy cây đàn bảo sắc ra, đe trước mặt vua Triệu. Vua Triệu đỏ mặt nhưng không dám từ chối, liền cầm đàn lên gảy một khúc Tương Linh. Vua Tân khen không ngớt lời, liền bảo quan Thái-sử chép việc ấy. Quan Thái-sử lấy thẻ, cầm bút viết : « năm... tháng... ngày... vua Tân cùng vua Triệu họp ở Mānh-Trì ; vua Tân sai vua Triệu gảy đàn sắc ! »

Lạn Tương-Như thấy vua Tân làm nhục vua mình, với vã bước đến cầm cái phẩu đựng rượu nói với vua Tân :

— Vua Triệu biết Đại-vương giỏi về âm nhạc nước Tân, yêu cầu Đại-vương đánh cái phẩu này làm vui.

Vua Tân giận tái mặt. Lạn Tương-Như không chút sợ hãi, nói tiếp :

— Đại-vương cậy nước Tần mạnh chỉ muốn sai  
khiến các nước khác mà không kính nè lân bang chǎng ?  
Nếu vậy là Đại-vương đã làm nhục nước tôi, tôi xin  
dùng cái chết đe dòi lấy cái chết của Đại-vương mà rửa  
mối quốc nhục.

Bọn tá hưu đều bất bình, muốn xông vào lôi Lan-Tương-Như ra, Lan Tương-Như trợn đôi mắt tròn vo,  
chân mày dựng ngược, hét :

— Các ngươi bước tới một bước, ta cùng vua các  
người không còn.

Vua Tần sợ hãi, lấy tay ra hiệu cho bọn tá hưu lui  
ra, rồi lấy tay gõ vào cái phavenport rượu.

Lan Tương-Như nói :

— Xin Đại-vương khiến quan Thái-sử chép việc này  
vào sử.

Vua Tần phải nghe theo, quan Thái-sử lại phải chép  
vào tu năm... tháng... ngày... vua Triệu cùng vua Tần hội  
kiến ở Manh-Trì. Vua Triệu sai vua Tần gõ vào chiếc  
phavenport rượu đe giúp vui."

Vua Tần thấy không thể dùng uy áp chế vu Triệu  
được, liền cùng với vua Triệu ăn uống chuyện trò thân  
mật, đoạn giả say bãy hội.

Quan Khác-nhanh nước Tần là Hồ-Thương nói  
nhỏ với vua Tần :

— Sao Đại-vương không truyền bắt giữ vua Triệu  
và Lan Tương-Như lại.

Vua Tần nói :

— Ta được tin mật báo cho hay nước Triệu phòng  
bị rất cần mật. Nếu ta làm không nên chuyện sẽ đe trò  
cười cho thiên hạ về sau. Chi bằng đợi dịp khác.

Vua Tân cùng vua Triệu đính ước làm anh em, lại sai Thái-tử nước Tân làm An Quốc-Quân sang làm con tin nước Triệu.

Quần thần lấy làm lạ hỏi:

— Đổi với nước Triệu chỉ nên giao hiếu cũng đủ, việc gì phải hạ mình gởi con tin?

Vua Tân mỉm cười nói:

Các ngươi chỉ nghĩ đến danh dự mà không nghĩ đến cái lợi của nước Tân. Nước Triệu đang mạnh, nhưng lại sợ Tân, lúc nào cũng phòng thủ. Nay ta làm cho Triệu thấy lòng tin của ta thì mới có cơ hội mưu lợi cho Quốc-gia. Quần thần nghe nói đều khâm phục.

Vua Triệu từ tạ vua Tân trở về nước vừa đúng ba mươi ngày.

Khi về triều, nghĩ đến cái công của Lạn Tương-Như vua Triệu nói với các quan :

— Ta được Lạn Tương-Như chẳng khác nào được ngồi trên tầng núi, chẳng lo gì sóng gió. Nay ta phong cho Lạn Tương-Như chức Thượng-tướng tướng cũng chưa xứng đáng.

Liêm-Pha thấy vậy bất bình, về đến dinh hắn học :

— Ta có công to đánh thành, cướp đất, còn Lạn Tương-Như chỉ lấy chút công chót lưỡi mà thứ vị lại ở trên ta. Và lại hắn là một tên xá nhân của kẻ hoạn quan, xuất thân từ kẻ hèn mọn, ta đời nào chịu đứng dưới hắn. Nếu trông thấy mặt hắn ta giết ngay.

Lạn Tương-Như nghe những lời nói ấy, mỗi khi gặp buồm chầu đều cáo bệnh không đến, không chịu cùng Liêm Pha gặp mặt :

Bọn xá nhân đều cho Lạn Tương-Như là nhát, nhìn nhau mỉm miệng cười chê.

Bỗng một hôm Lạn Tương-Như ra đường, gặp Liêm-Pha từ xa đi tới trước sau có quân sĩ ồ ạt theo hầu. Lạn Tương-Như trông thấy đạo tiền đội của Liêm-Pha liền bảo tên đánh xe vào ngõ hẻm, chờ cho Liêm-Pha qua khỏi mới qua.

Bọn xá nhân thấy thế tức giận xúm lại nói với Lạn Tương-Như :

— Chúng tôi bỏ làng xóm, xa thân thích, đến đây hầu hạ ngài, coi ngài là bậc trượng phu. Ngày nay ngài cùng Liêm tướng quân cùng phò một chúa, ngồi thứ lại ở trên, thế mà bị Liêm tướng quân nói dọa một câu, chẳng dám đến triều, lại tránh mặt cả ngoài đường nữa. Tại sao ngài lại sợ Liêm tướng quân quá vậy ? Chúng tôi xấu hổ thay cho ngài, mà không muốn theo phò ngài nữa.

Lạn Tương-Như buồn bã nói :

— Ta tránh Liêm tướng quân là vì một duyên cớ khác chó đâu phải khiếp sợ. Các ngươi chưa hiểu đó thôi.

Bọn xá nhân hỏi :

— Xin ngài cho biết cái duyên có gì lại làm cho ngài chịu nhục vậy ?

Lạn Tương Như nói :

— Các ngươi xem Liêm tướng quân uy lực có bằng vua Tân không ?

Bọn xá nhân nói :

— Không bằng.

Lạn Tương-Như nói :

— Lấy cái uy lực của vua Tân trong thiên hạ không ai dám chống, thế mà ta dám đương nhiên mắng vào mặt vua Tân, làm nhục cả quần thần nước Tân nữa. Ta đâu

hèn hả sợ Liêm-Pha hay sao ? Tuy nhiên, ta nghĩ lại, sở dĩ nước Tân sợ nước Triệu không dám đánh là vì nước Triệu có ta và Liêm-Pha. Nếu ta cùng Liêm-Pha xung đột, hại lẫn nhau, át Tân sẽ thừa cơ đánh Triệu. Vì vậy ta xem nước là trọng, mà thù riêng là khinh.

Bọn xá-nhân nghe nói đều kinh phục.

Cách đó mấy hôm, bọn xá nhân họ Lạn và bọn xá nhân họ Liêm gặp nhau ở quán rượu. Hai bên tranh nhau chỗ ngồi. Xá nhân họ Lạn nói :

— Chủ ta vì nước mà phải nhường Liêm tướng quân, chúng ta cũng nên vì ý chủ mà nhường khoách họ Liêm vậy.

Liêm-Pha từ đấy càng thêm kêu ngạo, trái lại Lạn Tương-Như lại càng nhường nhịn, nhở vạy hai bên không xích mích nhau.

Chẳng bao lâu có người ở Hà-dông tên Ngu-Khanh đến chơi nước Triệu. Nghe bọn xá nhân nói lại bèn vào yết kiến vua Triệu, nói.

— Trọng thần của Đại-vương ngày nay có phải là Liêm-Pha và Lạn Tương-Như chăng ?

Vua Tân đáp phái. Ngu Khanh nói :

— Tôi nghe các người bấy tôi ngày trước đều một lòng yêu mến lẫn nhau, hiến thân cho nước. Nay Đại-vương có hai vị trọng thần mà đề cho họ thù ghét nhau thật không phúc cho nước Triệu.

Vua Triệu ngạc nhiên hỏi :

— Có gì xảy ra giữa Liêm-Pha và Lạn Tương-Như sao ?

Ngu-Khanh đem lời nói bọn xá nhân kè lại và nói tiếp :

— Họ Lạn càng nhường, họ Liêm càng làm cao, ở triều có việc không cùng bàn, hoạn nạn tất sẽ không cùng giúp nhau. Như thế Đại-vương làm sao trông cậy vào họ được. Tôi xin vì Đại-vương tìm cách nối lại mối tình giữa hai người ấy.

Vua Triệu khen phái, nhờ Ngu-Khanh đến giàn xếp.

Ngu-Khanh đến yết kiến Liêm-Pha, trước tiên ca tụng công lớn của Liêm-Pha. Liêm-Pha mừng lắm, Ngu-Khanh nói :

— Kẻ công thì không ai bằng tướng-quân, nhưng nói đến đức thì không ai bằng Lạn Tương-Như.

Liêm-Pha cau mặt nói :

— Lạn Tương-Như là kẻ hèn mọn, lấy chót lưỡi lập nên công danh, có gì mà đáng gọi là đức ?

Ngu-Khanh nói :

— Lạn Tương-Như đâu phải là kẻ hèn nhát. Nếu hèn nhát đâu dám đương nhiên mắng vua Tân trước mặt công chúng. Chẳng qua Lạn Tương-Như nghĩ đến việc lớn mà nhường nhịn tướng-quân đó.

Nói xong, thuật lại mọi lời của Lạn Tương-Như nói với bọn xá nhân, và nói tiếp :

— Tướng quân không đặt mình ở nước Triệu thì thôi nếu muốn đặt mình ở nước Triệu mà hai vị đại thần một người nhường, một người kiêu, tôi e tiếng tốt không về tướng quân đó.

Liêm-Pha hờ thẹn nói :

— Nếu tiên sinh không nói, tôi không bao giờ thấy được điều lỗi của tôi. Tôi thật kém hơn Lạn Tương-Như nhiều lắm !

Nói xong, Liêm-Pha tự trần vai áo, cầm roi đến tận cửa họ Lạn tạ tội :

— Bỉ nhẫn hép hòi, không hiểu đức khoan hồng của Tương-quốc rộng rãi đến thế. Bỉ nhẫn dẫu chết cũng chưa đáng tội.

Nói xong, quỳ mãi ở sân. Lạn Tương-Như chạy đến đỡ dậy nói :

— Hai ta sánh vai chung phò xã tắc. Tướng quân hiểu lòng nhau thế đã là một ân huệ đối với tôi rồi, xin chờ tị hiềm như thế.

Liêm-Pha nói :

— Tôi tính thô bạo, đội ơn tướng quân bao dung, nghĩ lấy làm hòi thiện.

Lạn Tương-Như nói :

— Từ nay đôi ta nguyện kết thành sinh tử, dù chết cũng không đòi lòng.

Hai người thề nguyên xong, mở tiệc uống rượu cho đến sáng.

### Nhận xét :

— Cơ thể mạnh vì tràng khổ đột nhập.  
Dân tộc một nước biết đoàn kết,  
ngoại bang không thể xâm lấn.

*Tri và dũng là hai yếu-tố cần thiết để kẻ anh hùng tạo thành sự nghiệp.*

*Tri là sự hiểu biết, là đường lối hướng dẫn công việc làm của mình đến chỗ hoàn-bì.*

*Dũng là sức mạnh, không sợ sệt, không khuất phục một áp lực nào.*

*Nếu chỉ có dũng mà không có tri, thì cái dũng ấy chỉ đưa con người làm một vật hy-sinh, không bảo vệ được đường lối hành động của mình, nếu chỉ có tri mà không có*

dũng làm cho con người nhút nhát, chỉ ?đám nói mà không dám làm.

Cho nên, hai phương diện ấy thiếu một thì không thể thành anh hùng được.

Lạn Tương-Như hai lần đem cái dũng cứu lấy danh-dự nước Triệu, nhưng Lạn Tương-Như không phải là kẻ bất tri. Lần trước, đem ngọc vào nước Tân, nếu là kẻ thiểu tri, thì Lạn Tương-Như không thể bình yên trở về Triệu, mà ngọc cũng mất. Lần thứ nhì, nếu là kẻ thiểu tri thì không biết cách nào gữ nhục cho nước Triệu được.

Điều đáng khen là kẻ có tri dũng như vậy lại còn có đức nhẫn nhục nữa. Đối với kẻ địch thì Lạn Tương-Như không sợ chết, đem cái chết của mình đổi lấy danh-dự, làm được việc phi-thường, còn đối với người đồng triều, cùng phò vua giúp nước thì lại hết sức ôn hòa.

Lạn Tương-Như đã biết phân biệt đâu là bạn, đâu là thù.

Quan niệm bạn và thù của Lạn Tương-Như rất cao cả, không gò bó trong phạm vi tình-cảm.

Bạn không phải là những người sống gần ta, ăn uống chung với ta, thường giao thiệp chung với ta, đem lời đưa nịnh làm vừa lòng ta, mà bạn là những kẻ cùng chung một chí-hướng, một mục đích, một nhiệm-vụ.

Thù không phải là kẻ hàng ngày khinh miệt ta, mà thù là những kẻ không sống cùng một mục đích, một lý-tưởng, một nhiệm vụ.

Lạn Tương-Như bị Liêm-Pha khinh bỉ mà không giận, không trả thù chỉ vì Lạn Tương-Như nhận được chân giá trị của nghĩa chữ bạn.

Những kẻ sống với lý trí không để bản năng đè hèn của con người làm mờ ám, mà quên những cái hại lớn.

*Lời xưa nói : Tiều bắt nhẫn tắt loạn đại mưu .. (Không nhẫn được việc nhỏ tát hại kẽ lớn). Nếu sống mà hành động cầm tinh của mình, không xét đến cái hại chung thì sao gọi là tri-thức?*

Liêm-Pha và Lan Tương-Như cùng phò nước Triệu, cả hai đều đem trí óc, năng lực mình giúp cho nước Triệu hùng mạnh, Nếu Lan Tương-Như và Liêm-Pha mâu thuẫn nhau, đe cho nước ngoài thừa dịp diệt nước Triệu thì Liêm-Pha cũng mất, mà Lan Tương-Như cũng không còn.

Kẻ tri thức bao giờ cũng thấy cái hại xa, mà tránh cái lợi gần.

Và lại, Lan Tương-Như đã nổi tiếng là một kẻ tri dũng, nếu không trấn áp được bức tức nhỏ nhen trong người mình đâu còn gọi là dũng.

Cái dũng của hạng người tri thức khác với hành động vũ-phu, đem sức mạnh mình ra đe dọa, liều lĩnh, còn cái dũng của kẻ tri-thức phải dùng nó đạt một ý chí lớn lao. Trấn áp được dục vọng trong con người, chính Lan Tương-Như đã dùng cái dũng, mà kẻ ưa-n hèn không làm được.

Liêm-Pha đe lòng ghen hờn mình nổi lên, gây bất bình với Lan Tương-Như, tức là Liêm-Pha không có cái dũng.

Cái dũng của kẻ tri-thức không phải chỉ dùng nó để đối phó, trấn áp mọi áp lực bên ngoài, mà cái dũng còn phải vận dụng đe trấn-áp mọi bản năng dục vọng trong người mình nữa. Như thế mới gọi là dũng.

Nhiều người chỉ có cái dũng bên ngoài mà không có cái dũng bên trong. Thiếu cái dũng bên trong cũng tai hại, hèn mọn không khác gì thiếu cái dũng bên ngoài.

Trong một gia đình, tình anh em là trọng, với tình mẫu mà ấy đáng lẽ phải chung vai đau cật, cùng một mục đích

xây dựng, thế mà chỉ vì một quyền lợi nhỏ nhen, anh em xích mich nhau, kiện tụng với nhau, nhờ người ngoài can thiệp vào đe họ phá nát cả sự nghiệp, rồi cuộc hai anh em đều trơ mắt ếch nhìn nhau.

Trong một nước cũng vậy, một dân tộc khác nào như con trong một gia đình, nếu vì quyền lợi mâu thuẫn, tranh giành nhau, nhờ người ngoài can thiệp, thì nước đâu còn nữa. Tình dân tộc mà chưa thương nhau thì người ngoài có ai thương倜傥 đến mình. Họ giúp đỡ chặng qua đe lợi dụng cơ hội chà đạp một dân tộc, đem lại ưu thế cho họ đấy thôi.

*Lan Tương-Như* sở dĩ không đe cho lòng ghen hờn mình nồi lên, chỉ vì thấy được mối nguy hại ấy.

Một kẻ trí thức tự hào mình là kẻ dũng mà không thăng noban năng lực vọng tăm thường thì không thể gọi là dũng. Một dân tộc tự cho mình là văn minh mà không tự giải quyết được mâu thuẫn của tình cảm dân tộc, đe cho nước ngoài lợi dụng can thiệp vào thì không gọi là dân tộc tự cường được.

Đã văn minh phải tự cường. Đã tự cường phải biết tự trọng, dẹp bỏ mọi mâu thuẫn nhỏ nhen đe cùng xây-dựng.

*Lan Tương-Như* không phải khiếp sợ Liêm-Pha, mà là một hành động tự cường vậy.



## LÃ BẤT-VI BUÔN VUA BÁN CHÚA

— Giúp một người lên làm vua thống  
trị sơn hà không phải lợi sao ? Đã  
lấy được lợi tức là buôn vậy.

Vua nước Tân là An Quốc-Quân có hai mươi người con trai, đều là con của nàng hầu, không phải là con của vợ chính thức. Người vợ chính thức của An Quốc-Quân là Sở-Phi, gọi là Hoa-Dương phu nhân chưa có con trai, còn mẹ của Dị-Nhân là Hạ-Cơ, chết sớm, vì vậy Dị-Nhân có độc, bị đưa sang nước Triệu làm con tin, suốt thời gian dài dằng dặc không ai hỏi thăm tới.

Khi Vương-Tiễn đem binh đánh Triệu, vua Triệu giận Tân muốn đem Dị-Nhân giết đi, Bình Nguyên-Quân can ngăn, Vua Triệu bèn đem Dị-Nhân an trí nơi tùng đài, ngày đêm khen quan canh giữ rất ngặt.

Bấy giờ có người ở Dương-Địch, họ Lã tên Bất-Vi, hai cha con đều làm nghề lái buôn, đi lại các nước, mua rẻ bán mắc, nên có vốn to. Khi đến Hàm-Đang, trông thấy Dị-Nhân mặt trắng môi hồng, đâu trong lúc phong trần mà vẫn đượm mùi phú quý, liền hỏi thăm.

Có người nói :

— Đó là con trai Quốc-Quân nước Tân, sang Triệu làm con tin. Vì quân Tân sang đánh Triệu, nên vua Triệu muốn đem giết đi, may Bình Nguyên-Quân can gián vua Triệu mới đem an trí tại đây.

Bất-Vi nghĩ thăm :

— « Đó là một món hàng có lợi to, sao ta không dùng buôn bán ».

Nghĩ vậy liền trở về hỏi người cha :

— Trong nghề buôn, buôn gì lợi nhất ?

Người cha nói :

— Buôn châu ngọc lợi nhất.

Lã Bất-Vi nói :

— Còn buôn vua có lợi chăng ?

Người cha cười nói :

— Vua thì làm thế nào buôn được ?

Lã Bất-Vi nói :

— Giúp một người lên làm vua thống trị sơn hà, như thế chẳng lợi sao. Đã lấy được lợi tức là buôn vậy.

Người cha nói :

— Nếu làm được vậy sẽ lợi gấp nghìn lần buôn châu ngọc, nhưng tìm đâu ra con người ấy ?

Lã Bất-Vi kè lại chuyện Dị-Nhân bị an trí, rồi đem trăm nén vàng kết thân với Công-tôn Kiến là người vua Triệu sai giam giữ Dị-Nhân.

Qua một thời gian đi lại, Bất-Vi được tiếp kiến Dị-Nhân, giả cách không biết là ai, hỏi thăm lý lịch. Dị-Nhân thực tình nói rõ.

Một hôm, Công-tôn Kiến đặt tiệc, có mời Lã Bất-Vi đến dự. Tiệc rượu nửa chừng, Bất-Vi thừa lúc Công-tôn Kiến bỏ ra nhà xi, nói nhỏ với Dị-Nhân :

— Vua Tân nay đã già, người yêu nhất hiện nay của vua Tân là Hoa-Dương phu nhân, mà Hoa-Dương phu nhân lại không con. Sao Điện-hạ không nhơn lúc này trở về Tân, thờ Hoa-Dương phu nhân xin làm con, mai sau hy vọng nối nghiệp.

Dị-Nhân úa nước mắt nói :

— Tôi chẳng dám mong điều đó, song mỗi khi nhắc đến quê hương, lòng tôi như lửa đốt, chỉ hiềm nỗi không biết làm sao để thoát thân mà thôi.

Bất-Vi nói :

— Tôi dẫu nghèo nhưng nguyện đem nghìn vàng sang Tân bàn với Hoa-Dương phu nhân để lập kế đưa Điện-hạ về nước. Ý Điện-hạ nghĩ như thế nào ?

Dị-Nhân nói :

— Nếu được như ý muốn của ngài, sau này may được phú quý, nguyện xin cùng ngài chung hưởng.

Dị-Nhân nói vừa dứt lời, Công-tôn Kiến cũng vừa bước đến hỏi :

— Lã quân nói chuyện gì thế ?

Bất-Vi đáp :

— Tôi hỏi thăm Vương-tôn về viên ngọc nước Tân, nhưng Vương-tôn không biết.

Công-tôn Kiến không ngờ, cứ rót rượu uống say rồi đi nghỉ.

Từ đó Bất-Di và Vị-Nhân thường đi lại với nhau. Bất-Vi đưa cho Dị-Nhân năm nén vàng để mua chuộc kẻ tả hữu. Đoạn lên sang nước Tân, mang theo rất nhiều vàng ngọc, lập kế vào yết kiến Hoa-Dương phu nhân.

Hoa-Dương phu nhân thấy ngọc ngà rất nhiều, lòng mừng rỡ hỏi Lã Bất-Vi :

— Vì có gì nhà ngươi lại đến yết kiến ta ?

Lã Bất-Vi nói :

— Tôi là người quen với Vương-tôn Dị-Nhân. Từ khi Tân đánh Triệu, vua Triệu đã mấy lần đem đòi Vương-tôn ra chém, may nhờ có quan thần nước Triệu tâu xin, Vương-tôn mới được sống sót.

Hoa-Dương phu-nhân nói :

— Vì cớ gì mà quần thần nước Triệu lại xin cho  
Đi-Nhân khỏi chết ?

Lã Bất-Vi nói :

— Vương-tôn là người chí hiếu, từ lúc xa quê  
hương xứ sở, hằng mong được về quê cũ để phụng  
dưỡng phu-nhân, mặc dầu phu-nhân không phải là mẹ  
ruột, song Vương-tôn có lòng yêu mến lắm. Các quan  
nước Triệu thấy lòng hiếu thảo ấy, ai cũng kính phục.

Hoa-Dương phu nhân nói :

— Thế thì nhà ngươi sang đây để làm gì ?

Lã Bất-Vi nói :

— Phu-nhân là người được vua Tần yêu quý hơn  
cả. Tuy nhiên, thói thường ít người yêu quý đàn bà mãi  
mãi cho đến lúc tóc bạc răng long. Tôi vì mến đức phu-  
nhân nên đến đây dâng một lời. Muốn mai sau phu-nhân  
khỏi bị bạc đãi, xin phu-nhân hãy lựa trong các con chồng  
một người làm dưỡng tử, mai sau người ấy được lên  
làm vua thì quyền hành phu-nhân không bị mất. Đi-Nhân  
là người hiền, hiếu thảo, nếu phu nhân cắt nhắc lên làm  
đích tử, sau này địa vị phu nhân vững như bàn thạch.

Hoa-Dương phu-nhân cho lời nói của Lã Bất-Vi  
là phải.

Một đêm cùng với An Quốc-Quân uống rượu, Hoa-  
Dương bỗng ứa nước mắt khóc.

Vua Tần hỏi :

— Ai khanh vì cớ gì lại buồn ?

Hoa-Dương nói :

— Thần thiếp nghĩ vì không con, mà trong các con của  
Đại-vương chỉ có Đi-Nhân là hiền hơn cả. Thần thiếp ao

ước được nuôi Dj-Nhân làm dưỡng tử đè sau này lên ngôi thì thần thiếp mới có chỗ nhờ cậy được.

Vua Tân băng lòng cho, phu-nhân nói :

— Đại-vương hôm nay nghe lời thiếp, nhưng ngày mai biết đâu lại nghe lời các cung nữ khác.

Vua Tân lấy ra một cái thẻ viết bốn chữ « Đích-Tử Dj-Nhân ». Viết xong bẻ hai, đưa cho Hoa-Dương một nửa.

Hoa-Dương nói :

— Dj-Nhân hôm nay đang làm con tin nơi nước Triệu, biết làm thế nào ?

Vua Tân nói :

— Đợi lúc nào nước Triệu xin hòa ta sẽ đón Dj-Nhân về.

Hoa-Dương nói :

— Dj-Nhân ngày đêm mong nhớ, đợi đến lúc đó e thân thề mỏi mòn.

Đoạn nàng đem lời của Lã Bất-Vi thuật lại.

Vua Tân liền dời Lã Bất-Vi vào hỏi :

— Tiên sinh có kế gì giải cứu Dj-Nhân về nước chúng ?

Lã Bất-Vi nói :

— Nếu Đại-vương quả lập Vương-tôn lên nối ngôi, tôi đây chẳng riêng thân già, nguyện đem lẽ vật đút lót với nhà quyền thế nước Triệu, tất có thề cứu được về.

Vua Tân và Hoa-Dương mừng rõ, đem nghìn vàng giao cho Lã Bất-Vi đè thực hiện ý định đó.

Bất-Vi từ biệt mang lẽ vật vào yết kiến Công-tôn Kiến rồi nói riêng với Dj-Nhân những việc mình đã làm, Dj-Nhân cảm tạ không ngớt lời.

Bấy giờ Lã Bất-Vi có lấy một người con gái khá đẹp.. ở Hâm-Đang, tên là Triệu-Cơ, đã có mang hai tháng. Nàng này giỏi về nghề múa hát.

Lã Bất-Vi tự nghĩ:

— « Dị-Nhân về nước tất được làm vua, nếu ta đem bà này dâng cho hắn, may mà sinh được con trai. Đó tức là hồn máu của ta. Đứa con trai ấy sau này lên làm vua thì thiên hạ nhà họ Doanh sẽ về họ Lã ta, như vậy, việc phá sản của ta không uồng phí. »

Nghỉ rồi liền bày tiệc mời Công-tôn Kiến và Dị-Nhân đến nhà thết đãi.

Tiệc rượu bày đủ thứ món ngon vật lạ, và có dàn hát rất vui.

Rượu được nửa chừng, Bất-Vi nói:

— Bỉ nhân mới lấy được đứa hầu non, biết múa hát xin gọi nàng ra đây để giúp vui, xin hai ngài chờ cho là đường đột.

Nói xong, sai con hầu vào trong gọi Triệu-Cơ ra.

Triệu Cơ gót hài thoăn thoắt, bước ra vái chào Dị-Nhân và Công-tôn Kiến vội vàng đáp lễ.

Bất-Vi sai Triệu-Cơ nâng chén mời Dị-Nhân, Dị-Nhân ngửa mặt nhìn Triệu-Cơ thấy rõ ràng là một giao nhân mày ngài, mắt phượng, da tuyêt, tóc mây. Cái vẻ đẹp ấy trong thiên hạ ít ai sánh kịp.

Công-tôn Kiến và Dị-Nhân tâm hồn mê mẫn ngây mãi không chán Lã Bất-Vi lại bảo Triệu-Cơ múa hát. Tay chân nàng uyển chuyển, dáng điệu như cành mai trước gió.

Triệu-Cơ múa xong, Bất-Vi lại bảo nàng dâng rượu, đoạn nàng trở vào phòng. Ba người cùng nhau uống đến

say mềm. Công-tôn Kiến say quá, nằm ngủ khì. Dị-Nhân lòng còn mê màn Triệu-Cơ, mượn say nói nhỏ với Bất-Vi :

— Tôi ở đất khách xa xôi, một thân trơ trọi, nếu ngài thương tình cho tôi nàng hầu ấy làm vợ thì may mắn cho đời tôi biết bao !

Lã Bất-Vi giả cách giận dữ nói :

— Tôi lấy lòng tốt mời Điện-hạ đến đây dự tiệc, lại đưa thê thiếp ra hầu để tỏ lòng kính mến, thế mà Điện-hạ lại muốn cướp người yêu của tôi thì còn tình nghĩa gì nữa.

Dị-Nhân hờ hững quì xuống đất nói :

— Tôi quá say đã nói lỡ lời, xin ngài rộng lòng tha thứ.

Bất-Vi đỡ dậy nói :

— Tôi vì Điện-hạ, mưu tính đường về, cái gia sản nghìn vàng tôi còn chưa tiếc, huống chi một đứa con gái. Tôi xin đem dâng cho Điện-hạ để dùng việc sửa túi nâng khăn.

Dị-Nhân bái tạ. Giữa lúc Công-tôn Kiến thức dậy, Dị-Nhân cùng Công-tôn Kiến lên xe ra về.

Đêm ấy, Lã Bất-Vi nói với Triệu-Cơ :

— Vương tôn nước Tân đem lòng yêu nàng, chẳng biết nàng nghĩ thế nào ?

Triệu-Cơ nói :

— Thiếp đem thân thờ chàng, nay lại vừa có thai hai tháng, chàng nỡ nào bắt thiếp phải thờ người khác.

Bất-Vi nói :

— Nàng thờ suốt đời, chỉ là thờ cái gã lái buôn. Còn vị Vương-tôn kia là con của vua Tân, sau sẽ nối ngôi,

làm chủ thiên hạ. Nếu nàng băng lòng sau này nàng sẽ là Hoàng-hậu, phú quý suốt đời. Khối thịt trong bụng nàng hiện giờ, sẽ là một vị thái-tử, như thế ta cũng được nhở, xin nàng vì ta chớ tiết lậu.

Triệu-Cơ nói :

— Mưu tính của chàng dẫu khờ cực đến đâu thiếp cũng phải theo song đường ái ân phải dứt, lòng thiếp không dành

Triệu-Cơ nói xong úa nước mắt khóc.

Lã Bắt-Vi an ủi :

— Nếu nàng không quên chút tình cũ thì sau khi chiếm được thiên hạ nhà Tần rồi hai ta lại kết thân tình vợ chồng như xưa.

Hai người nhìn mặt nhau thề nguyên, rồi cùng đi ngủ. Tình ái ân lại nồng thắm hơn những đêm xưa.

Hôm sau, Bắt-Vi di đến công án, nói với Dị-Nhân :

— Điện-hạ không chê đứa tiểu thiếp của bì nhân, vậy hôm nay tốt ngày, tôi xin đưa nàng đến ngủ sở đê hầu hạ.

Dị-Nhân nói :

— Tâm lòng tốt của Tiên-sinh, tôi dẫu chết chưa đáp nổi.

Công-tôn Kiến nói :

— Đã có cái lương duyên ấy, tôi xin đứng ra làm mối cho.

Bèn sai người nhà làm tiệc mừng, rước nàng Triệu-Cơ đến cùng Dị-Nhân.

Dị-Nhân yêu Triệu-Cơ lạ thường. Được hơn một tháng, Triệu-Cơ nói với Dị-Nhân :

— Thiếp hầu Điện-hạ, trời cho may đã có thai rồi.

Dị-Nhân đâu biết đó là hòn máu của Lã Bất-Vi, tin lời nói của Triệu-Cơ, vui sướng chẳng cung.

Triệu-Cơ đã mang thai hai tháng mới lấy Dị-Nhân, lẽ ra tám tháng sau khai hoa nở nhụy, nhưng lại không, có lẽ trời sinh một chân mệnh Đế-vương khác với người thường chẳng, mãi đến mười hai tháng, Triệu-Cơ mới sinh được một đứa con trai, khi sinh có ánh đố rực nhà, trăm thứ chim bay đến lượn múa. Đứa bé mũi to mắt dài, trán rộng, mỗi con mắt có hai tròng con ngươi, trong miệng có vài cái răng, tiếng khóc rất lớn.

Dị-Nhân nói :

— Ta nghe các chân chúa sinh ra đều có các điểm lạ. Thằng bé này tướng mạo đã khác thường [lại] sinh vào ngày mồng một tháng giêng, ngày sau tắt cầm quyền chính trong thiên hạ.

Lã-Bất-Vi nghe tin Triệu-Cơ sinh con trai, mừng cái kế của mình đã thành tựu.

Dị-Nhân đặt tên cho đứa bé là Triệu-Chính.

Năm Triệu-Chính lên ba tuổi, quân Tần lại vây đánh Hầm-Đang, Bất-Vi nói với Dị-Nhân :

— Vua Triệu lại giận đến Điện-hạ thì làm thế nào, chỉ bằng bò trốn về nước.

Dị-Nhân nói :

— Việc này xin nhờ tiên sinh trù tính giúp.

Lã Bất-Vi bèn lấy vàng bạc dứt lót cho các quân tướng giữ cửa nam và nói :

— Tôi từ Dương-Địch sang đây kêuon bán, đem cả gia đình theo, chẳng may gặp quân Tần kéo đến vây thành lâu quá, nay xin đem dâng hết tiền vốn cho các ngài, chỉ xin các ngài thả chúng tôi ra ngoài thành để trở về Dương-Địch thăm viếng.

Viên tướng giữ thành đồng ý, Lã Bát-Vi liền bảo  
Đị-Nhân mật đem mẹ con Triệu-Cơ gởi ở nhà bà mẹ,  
rồi bày tiệc mời Công-tôn Kiến đến tỏ ý xin trở về  
Dương-Địch, và nói :

— Tình quen biết lâu nay, trong cách biệt, tôi xin  
dâng chén chia bôi.

Đoạn ép Công-tôn Kiến uống đến say mèm.

Đến nửa đêm, Đị-Nhân dồn lớp, lẩn trong đám đầy  
tớ của Bát-Vi, đi ra khỏi cửa nam, quân trong thành  
không ngờ, mở cửa đưa cả đoàn người qua ải.

Lúc bấy giờ tướng Tân là Vương-Hạc, đóng cách  
ngoài thành năm mươi dặm, bỗng gặp đoàn người lạ mặt,  
quân Tân áp lại bắt.

Lã Bát-Vi chỉ Đị-Nhân nói với quân Tân :

— Đây là Vương-tôn nước Tân, bấy lâu nay làm  
tin nước Triệu, nay thoát được, các ngươi nên trình lại  
chủ tướng.

Quân Tân nghe nói sợ hãi, nhường ngựa cho Đị-  
Nhân và Bát-Vi đi, dẫn đến bản doanh của Vương-Hạc.

Vương-Hạc hỏi rõ lai lịch rồi cho mời vào, lấy mũ  
áo cho Đị-Nhân thay, đặt tiệc khoản đãi.

Vương-Hạc nói :

— Đại-vương ngự giá đến đây dốc chiến, hành cung  
cách đây mươi dặm, tôi xin đưa ngài sang đó yết kiến.

Tiệc xong, Vương-Hạc lấy xe đưa Đị-Nhân đi.

Lã Bát-Vi nói với Đị-Nhân :

— Hoa-Dương phu nhân là con gái nước Sở, nay  
Điện-hạ muốn làm con của phu-nhân phải dùng y phục  
nước Sở để tỏ tình quyến luyến.

Dị-Nhân theo lời, vào ra mắt vua Tân và Hoa-Dương phu-nhân.

Vua Tân trông thấy Dị-Nhân về mừng rỡ nói với Bất-Vi:

— Nếu không có tiên sinh thì con ta không sao về đây, liền phong Bất-Vi làm chức Thái-phó.

Hoa-Dương phu nhân thấy Dị-Nhân ăn mặc theo lối người nước Sở lấy làm lạ hỏi :

— Con ở Hàm-Đang sao lại bắt chước cách ăn mặc của người nước Sở.

Dị-Nhân cúi lạy đáp :

— Đứa con bắt hiếu này ngày đêm nhớ đến mẹ hiền, cho nên chẽ ra quần áo nước Sở, để tỏ lòng thương nhớ.

Hoa-Dương phu nhân nói :

— Từ nay thiếp xin dùng Dị-Nhân làm con.

Vua Tân nói :

— Từ nay ta đổi tên con là Tử-Sở.

Đoạn nói với Bất-Vi.

— Ta cấp cho ngươi hai trăm mẫu ruộng ăn lộc, và tòa nhà ở Đông-cung, để ở đó dạy dỗ Tử-Sở.

Bất-Vi tạ ơn lui ra. Còn Tử-Sở thì theo Hoa-Dương phu nhân ở trong cung thất.

Từ khi vua Tân đem Tử-Sở và Lã Bất-Vi về nước, Lã Bất-Vi muốn cho Tử-Sở chồng được làm vua, liền lập mưu đầu độc vua Tân chết.

Quần thần biết việc đó, nhưng vì sợ Lã Bất-Vi thùn với Tử-Sở nên không dám nói :

Tử-Sở đứng chủ tang rồi lên ngôi hiệu là Trang Tương-Vương, Hoa-Dương phu nhân lên làm Hoàng-thái-hậu, lập Triệu-Cơ lên làm Hoàng-hậu, con là Triệu-

Chính làm Thái-tử. Sau đó Trang Tương-Vương lại bỏ chữ Triệu đi chỉ lấy chữ Chính mà thôi, gọi là Thái-tử Chính.

Lã Bắt-Vi được Trang Tương-Vương cho làm Thừa-tướng, phong làm Văn-tín-Hầu, ăn lộc mười vạn nóc nhà ở Lạc-Dương, Hà-Nam.

Lã Bắt-Vi bắt chước theo chính sách Mạnh Thường-Quân, Tin Lăng-Quân, Bình Nguyên-Quân, đặt ra tân quán để thu hút tân khách. Vì vậy các hiệp sĩ, hào kiệt khắp nơi đến hơn vài ngàn người.

Bấy giờ Châu Noãn-Vương đem Tây-châu giao cho nước Tần, xưng thần, Đông-Châu Quân ngày đêm cung cống phần đất của mình. Kịp hay tin vua Tần chết liền sai sứ đến các nước bàn cách hợp nhau đánh Tần.

Lã Bắt-Vi hay tin nói với vua Tần :

Tây-Châu mất, Đông-Châu chỉ còn như một cái dây. Nay tự cho mình là con cháu Văn, Vũ, cõ động thiên hạ, chỉ bằng diệt phứt đi, để dứt lòng trông mong của thiên hạ.

Vua Tần liền sai Lã Bắt-Vi làm Đại-tướng, mang mười vạn quân đi đánh Đông-châu, bắt được Đông châu Quân đem về, lấy cả bảy ấp Củng-thành.

Diệt xong nhà Châu, vua Tần sai Mông-Vụ cử binh đánh Hàn lấy được Thành-cao, Huỳnh-dương, đặt ra quân Tam-xuyên.

Sau đó, vua Tần lại nghĩ đến cái thù của vua Triệu muốn giết mình khi làm con tin, liền sai Mông-Vụ đánh Triệu.

Mông-Vụ đánh lấy được ba mươi bảy thành nước Triệu, đặt thành quận Thái-nguyên.

Tiếp đó quân Tần lại kéo sang đánh Ngụy. Quân Ngụy thua to.

Nhưng Chiêu-tướng Vương nước Tần, lên ngôi được ba năm bị bệnh. Thủ-tướng Lã Bất-Vi vào thăm, lén sai tên nội thị cầm bức thơ trao cho Vương-hậu (Triệu-Cơ) nhắc lại lời thề thưở nọ. Vương-hậu chưa quên tình cũ, bèn triệu Bất-Vi vào cung vui cuộc giỗ mưa.

Bất-Vi lại đem thuốc dâng cho vua. Vua Tần đau một tháng thì mất. Bất-Vi đưa Thái-tử Chính lên ngôi, bấy giờ mới có mười ba tuổi tôn Vương-hậu lên làm Vương Thái-hậu, phong em là Thành Kiệu làm Trường-an-quân. Việc nước đều do tay Lã Bất-Vi cẩn đáng cả.

Lã Bất-Vi từ khi làm Thủ-tướng quyền cao chức trọng lại có sức khỏe nên được Vương thái-hậu yêu dấu lắm, ngày đêm tự do vào cung gấm không kè đến ai hết.

Đến khi vua Tần trưởng thành, Lã Bất-Vi có ý nè, nhưng Vương thái-hậu càng ngày càng đa dâm, thường đòi vào cung Cam-toàn.

#### Lã Bất-Vi nghĩ thăm :

— “Địa vị ta ngày nay rất trọng, nếu rủi ro thì họa đến cấp kỳ, chỉ bằng tìm cách xa lánh Vương thái-hậu thì hơn.”

Nghĩ mãi, Lã Bất-Vi không tìm ra kế. Chỉ có cách là tìm người khác thay mình làm cho Vương thái-hậu thoả tình dục mới được.

Nhưng Lã Bất-Vi tìm mãi không có người nào đủ sức khỏe để làm cái việc đó.

Một hôm, Lã Bất-Vi nghe nói một người tên Lao-Ái, dương vật to đến nỗi có tiếng các dâm phụ trong xóm tranh nhau mua lòng Lao-Ái, vì sự tranh giành và ganh tỵ ấy, Lao-Ái bị mắc tội đa dâm.

Lã Bất-Vi cố tình tha cho Lao-Ái, đem về tướng phủ làm xá nhân.

Tục nước Tần khi làm mùa xong, trong nước mờ hôi vui chơi ba ngày. Những ngày ấy, dân chúng ai có trò gì hay, lại đều đem ra giúp vui, không câu chép. Lã Bắt-Vi khiến lấy một khúc gỗ vuông làm một cái bán xe, sai Lao-Ái xỏ dương vật vào bánh xe quay tít mà dương vật không hề gì cả. Người trong chợ đều che mặt, cười ầm lên.

Vương thái-hậu nghe việc ấy, riêng hỏi Lã Bắt-Vi.

Lã Bắt-Vi nói :

— Thái-hậu muốn thấy người ấy chăng ?

Thái-hậu cười không đáp, một lúc lâu mới nói :

— Nhà ngươi nói đùa đấy chứ ? Người ngoài kia nào lại được vào nội cung.

Lã Bắt-Vi nói :

— Tôi có một kế có thể đưa người ấy vào cung.

Vương thái-hậu hỏi :

— Kế gì vậy ?

Lã Bắt-Vi nói :

— Tôi sai người phát giác tội dâm dục của nó, bắt đem thiến đi. Trong lúc đó thái-hậu bỏ tiền ra đút lót với bọn hành hình bảo thiến đổi, rồi cho nó vào làm hoàn quân hầu Thái-hậu, như thế sẽ được lâu dài.

Thái-hậu mừng rỡ nói :

— Kế ấy rất kỳ diệu.

Liền lấy trăm nén vàng trao cho Lã Bắt-Vi.

Bắt Vi mật gọi Lao-Ái đến nói cho biết. Lao-Ái vốn tinh đa dàm, mặt mày hờn hờ, cho là chuyện hi hữu.

Cách đó ba ngày, tội của Lao-Ái bị phát giác. Lã Bắt-Vi bảo viên quan hành hình bắt Lao-Ái đem thiến, rồi đem trăm nén vàng đút lót cho viên quan hành hình bảo lấy dương vật con lừa thế vào.

Viên quan hành hình được vàng, làm y kẽ.

Sau khi già cách thiến xong, viên quan hành hình lấy máu chó thoa vào dương vật một con lừa bị cắt, rồi giơ lên cho quân sĩ xem, bảo là của Lao-Ái đó, Ai nấy đều tin là thật.

Lã Bất-Vi tâu với vua Tân xin cho Lao-Ái vào làm hoạn quân chầu Thái-hậu. Vua Tân nhậm lời, thế là Lao-Ái được tiến vào cung.

Đêm ấy, Lao-Ái hầu Thái-hậu ngủ.

Và sáng hôm sau, Thái-hậu đòi Lã Bất-Vi vào ban thường rất hậu, nói :

— Ta đến lại công lao của nhà ngươi đó.

Từ đó, Lã Bất-Vi thoát khỏi được bàn tay đâm dục của Vương-thái-hậu.

Thái-hậu cùng Lao-Ái ở với nhau như vợ chồng, không bao lâu Thái-hậu có thai.

Sợ rằng lúc sanh đẻ không thể giấu được, Thái-hậu sai Lao-Ái đem tiền lót với thầy bói bảo nói dối là ở trong cung có ma, sức khỏe của Thái-hậu không an, cần phải tránh ra ngoài hai trăm dặm.

Vua Tân lâu nay có ý nghi Lã Bất-Vi tư thông với Vương-thái-hậu nay Thái-hậu ra đi là dịp thuận tiện để cho Lã Bất-Vi và Thái-hậu xa cách nhau, vua Tân nhận lời, có ngờ đâu đó là chuyện khác.

Thái-hậu cùng Lao-Ái ra ở nơi Ung-Thành, ở đó có một cung điện cũ, gọi là Đại-trịnh-cung.

Từ đó, Lao-Ái và Thái-hậu càng tự do hơn, mặc tình hoa nguyệt...

Chỉ trong hai năm, Thái-hậu đẻ luôn hai người con trai, làm một cái nhà kín đẻ nuôi. Thái-hậu lại ước riêng

với Lao-Ái, lúc vua Tân chết sẽ cho đứa con trai nối nghiệp.

Dân chúng vùng đó cũng nhiều người biết nhưng không dám nói đến.

Thỉnh thoảng, Thái-hậu cho người về triều tâu với vua Tân nói : Lao-Ái thay vua, hầu nuôi có công, xin phong đất.

Vua Tân vâng mệnh Thái-hậu phong cho Lao-Ái làm Trường-tín-hầu, cho đất Sơn-dương.

Riêng phần Thái-hậu, ngày ngày ban thưởng cho Lao-Ái rất hậu.

Lao-Ái ngày ngày săn bắn, chơi bời, muốn gì cũng được, trong nhà nuôi hơn vài nghìn gia đình, các tần khách cầu được tin đạt đến xin làm xá nhán hơn nghìn người. Lao-Ái lại đút tiền cho những kẻ thân thể tại triều để gây bè đảng, thế lực cho mình.

Những kẻ xu nịnh đã ngả về phe Lao-Ái. Vì vậy, chẳng bao lâu thành thế của Lao-Ái to hơn Lã Bát-Vĩ.

Mùa xuân năm ấy có sao chòi mọc, đuôi dài tỏa khắp bầu trời. Quan Thá-sử đoán biết trong nước sẽ có biến.

Vào năm ấy, vua Tân sấp sửa ra đi, quan Thá-sử tâu :

— Năm nay có sao chòi mọc. Đại-vương nên cẩn thận, chờ nên rời khỏi cung.

Vua Tân suy nghĩ một lúc rồi sai đại tướng Vương Tiên cùng với Lã Bát-Vĩ diễm binh ở Hàm-Đang ba ngày, giao việc triều chính lại sai Hoàng-Xì đóng quân nơi Kỳ-Sơn hơn ba mươi vạn, để phòng biến cố.

Điều bác xong, vua Tân lên xe đến Ung-Thành.

Bấy giờ vua Tân đã hai mươi sáu tuổi, còn chưa làm lễ đội mũ. Thái-hậu sai làm lễ đội mũ và đeo gươm ở miếu Đức Công, cho trăm quan uống rượu luôn năm ngày, vui chơi hì hạ.

Thái-hậu cùng vua Tân ăn uống ở cung Đại-Trịnh, Lao-Ái cùng các tả hữu quí thân tò chúc đánh bạc.

Qua bốn ngày Lao-Ái cùng trung đại phu Nhan-Tiết đánh thua luôn. Lao-Ái tức giận cùng rủ Nhan-Tiết đánh nữa, Nhan-Tiết say rượu không chịu đánh, Lao-Ái tức giận tát vào mặt Nhan Tiết một tát, Nhan-Tiết nắm giải mū của Lao-Ái giật đứt.

Lao-Ái chỉ vào mặt mắng :

— Ta là già phụ của vua Tân, mà là đứa đê hèn sao dám vô lễ.

Dứt lời, rượt theo Nhan-Tiết đánh.

Nhan-Tiết sợ chạy vào cung Đại-Trịnh, gặp lúc vua Tân vừa bước ra, Nhan-Tiết vập đầu kêu cứu, và kè lại lời nói của Lao-Ái tự xưng là già phụ của vua.

Lại nói rằng Lao-Ái không phải là hoạn-quan, hiện ăn ở với Thái-hậu được hai người con giấu nuôi nơi cung kín.

Vua Tân giận tái mặt, lấy binh phù đi triệu Hoàng-Xi phải lập tức đem quân đến.

Hai tên nội sứ là Tú và Tá Qua-Kiệt, vốn là bè đảng của Lao-Ái, hay được tin vội chạy đến nói với Lao-Ái.

Lao-Ái cả sory, chạy đến dinh Thái-hậu kè rồ sự tình.

Thái-hậu nói :

— Việc nguy đến thế biết làm sao ?

Lao-Ái nói :

— Nay quân Hoàng-Xi chưa đến, ta nên đem hết quân cung kỵ và thị vệ đánh cung kỵ-niệm để bắt vua Tân. May mà đánh phá được thì vợ chồng ta mới mong an toàn.

Thái-hậu nói :

— Quân cung kỵ khi nào lại chịu nghe lời ta.

Lao-Ái nói :

— Xin mượn ấn ngọc của Thái-hậu già làm ngự bảo, đem dùng nói dối là cung kỵ-niệm có giặc, vua có lệnh đòi tất cả quân cung kỵ đến cứu già, chắc nghe theo. Bọn xá nhân và tân khách của tôi ước nghìn người, có thể làm nên việc.

Thái-hậu bấy giờ tâm thần bối rối, nói :

— Mặc chàng muốn làm sao thì làm.

Bèn lấy ấn trao cho Lao-Ái già làm ngự thư đòi tất cả cung kỵ và vệ tốt, hợp với các tân khách và bọn xá nhân của mình rồi cùng nói với nội-sử Tú, Tá Qua-Kiệt chia nhau kéo đến vây cung vua Tân.

Vua Tân trèo lên đài hỏi quân sĩ ý gì lại đến vây cung.

Quân sĩ đều nói :

— Trương-tin-hầu nói là hành cung có giặc nên đến cứu già.

Vua Tân nói :

— Giặc chính là Lao-Ái, chứ trong cung làm gì có giặc.

Bọn cung kỵ và vệ tốt nghe nói, nửa tan ra về, còn một nửa trò giáo đánh lại với Lao-Ái.

Bọn xá nhân và tân khách của Lao-Ái chống lại, hai bên ấu đả nhau.

Vua Tân hạ lệnh ai bắt sống được Lao-Ái thường tiền năm trăm vạn, chém được Lao-Ái thường năm vạn, chém đầu nghịch đảng được thăng lên một trật.

Được lệnh bọn hoạn quan và bọn mục nhâ, ngữ nhân liều chết ra đánh. Bọn tân khách và xá nhân bị

giết hơn vài trăm người. Lao-Ái bị thua, đánh tháo ra circa chạy trốn, xảy thấy binh Hoàng-Xi kéo đến, bắt Lao-Ái trói lại. Cả bọn nội-sử Tú, Tá Qua-Kiệt đều bị bắt giao cho ngục lại tra khảo.

Vua Tân thân hành đến cung Đại-Trịnh khám xét, bắt được hai đứa con giàn sinh của Lao-Ái ở trong phòng kin. Vua Tân sai tả hữu bỏ vào túi vài vật chết. Thái-hậu đau xót vô cùng nhưng không dám hé môi, chỉ đóng circa nầm khóc mà thôi.

Vua Tân không vào cung yết kiến Thái-hậu, trở về cung kỷ-niêm xem lời cung của Lao-Ái, thấy Lao-Ái thú nhận việc thiến dối là do mưu của Lã Bát-Vi. Vua cài giận đem Lao-Ái ra chợ xé xác, các đồ đảng như nội-sử Tú, Tá Qua-Kiệt đều bị giết. Thái-hậu đưa án ngọc cho đảng nghịch không đáng làm quốc mẫu, giảm bớt lộc nuôl, đày ra cung Hoắc-dương, cắt ba trăm quân canh giữ, ai vào ra tra xét kỵ càng.

Dẹp xong loạn Lao-Ái, vua Tân trở về Hàm-Đang. Lã Bát-Vi sợ tội, giả xưng bệnh, không dám ra yết kiến. Vua Tân muốn giết nốt, đem lời hỏi quân thần. Những người thân thích của Lã Bát-Vi nói :

— Lã Bát-Vi có công lập lên tiên-vương, công trạng ấy rất lớn. Tội của Lao-Ái chưa rõ ràng, không nên bắt tội lây.

Vua Tân theo lời, tha cho Lã Bát-Vi khỏi chết, nhưng bãi chức Thừa-tướng.

Hoàng-Xi có công dẹp loạn, được gia phong hai tật. Năm ấy vào tháng tư mùa hạ, sương tuyết xuống nhiều, nhân dân lạnh lẽo, nhiều người bị chết rét. Họ cho rằng vì vua Tân đày Thái-hậu ra Hoắc-Dương nên có điềm lạ ấy.

Quan Đại-phu Trần Trung can :

— Thiên hạ không ai không có mẹ. Con không nhìn mẹ là trái đạo, xin Đại vương đón về Hàm-Đang phụng dưỡng cho thuận lẽ trời.

Vua Tân giận dữ, bắt Trần-Trung lột hết quần áo, bỏ nằm trên bàn chông, đánh đến chết, rồi phơi thi thể ngoài cửa khuyết, lại truyền rằng : « Ai nói đến chuyện Thái-hậu sẽ nhìn vào tấm gương này ».

Sau khi Trần-Trung bị giết, quần thần có nhiều người liều mình can gián. Nhưng hễ ai can gián, vua Tân truyền lệnh chém đầu.

Chỉ trong thời gian ngắn, hai mươi bảy vị đại thần đều bỏ mạng, dân chúng sợ hãi đều cho vua Tân là kẻ bắt hiếu.

Bấy giờ có người ở đất Trường-châu tên Mao-Tiêu đến Hàm-Đang du ngoạn, vào ở nơi quán trọ, nghe việc ấy, lòng tức tối nói :

— Con mà giam mẹ thì còn trời đất gì nữa.

Nói rồi bảo chủ quán lấy nước cho mình tắm rửa để sang triều can vua.

Chủ quán nói :

— Hai mươi bảy cái đầu của các vị đại-thần đã rơi cũng vì can vua, nhà người là kẻ tầm thường, sao lại nghĩ đến cái chết vô ích đó.

Mao-Tiêu nói :

— Hai mươi bảy người ra can bị giết, nhưng biết đâu có thêm một người nữa thì vua nghe.

Chủ quán cười lớn, cho Mao-Tiêu là đứa ngu xuẩn.

Sáng hôm sau, đầu canh năm, Mao-Tiêu gọi chủ trọ

Lấy cơm ăn thực no mới ra đi. Chủ quán nắm áo giữ lại nói :

— Nhà ngươi đã đi tắt không trở về.

Mao-Tiêu không nghe, dứt áo ra đi. Đến cửa khuyết, Mao-Tiêu quì xuống đất hô lớn :

— Tôi là khách nước Tề tên Mao-Tiêu, xin dâng lời can Đại-vương.

Quân vào báo. Vua Tân sai nội thị ra hỏi can về việc chi, có phải can về việc Thái-hậu chăng ?

Mao-Tiêu nói :

— Tôi chính vì việc ấy mà đến.

Nội thị vào tâu, vua Tân nói :

— Khách không thấy đống xương người chết ở đây cửa khuyết đấy sao lại liều lĩnh đến thế ?

Mao-Tiêu nói :

— Trên trời có hai mươi tám vì sao gọi nhị thập bát tú. Đại-vương đã giết hai mươi bảy người rồi, thế thì tôi chết thêm nữa cho đủ số hai mươi tám. Người đời ai cũng phải chết, há lại sợ cái chết sao ?

Nội thị vào tâu, Vua Tân nói :

— Đứa cuồng si này, dám phạm đến luật cấm của ta. Liền truyền quân nấu một chảo nước sôi, và nói :

— Ta sẽ lược sống thằng này để nó không được cùng chất vào đống thây ấy cho đủ hai mươi tám.

Quân lính ùa vào bắt Mao-Tiêu dẫn vào.

Mao-Tiêu già sờ sệt, bước rón rén, và nói :

— Tôi thấy mặt vua tắt bị chết, vậy để cho tôi kéo dài cái phút sống được một chút có hě chi.

Quân sĩ dẫn Mao-Tiêu đến trước mặt vua Tân. Mao-Tiêu quỳ mọp dưới thềm tâu :

— Đã nhiều người chết mà tôi còn đến can, ấy là tôi không sợ chết. Vì như kè đói, đang muốn ăn, Đại-vương cho ăn, thế thì kè đói càng sung sướng.

Vua Tân lấy làm lạ hỏi :

— Nhà ngươi lại muốn chết ư ? Xem cái chết như kè đói khát cần được ăn uống ư ?

Mao-Tiêu nói :

— Tüm Đại-vương, nếu không muốn chết tôi đâu dám đến đây phạm luật cấm. Xin Đại-vương giết tôi đi, kè tôi được thoả lòng. Nếu tôi còn sống giờ phút nào tôi sẽ khὸ lầm.

Vua Tân nói :

— Tại sao nhà ngươi lại muốn chết, cái mà ai cũng sợ.

Mao-Tiêu nói :

— Không có gì lạ cả. Cũng như ở đời ai cũng sợ tiếng bắt hiếu, thế mà ở đời lại có kẻ thích làm điều bắt hiếu. Việc muốn chết của tôi cũng như một kẻ bắt hiếu đã làm.

Vua Tân biết Mao-Tiêu dùng lời nói khéo léo để khuyên mình, liền cười lớn nói :

— Kẻ làm điều bắt hiếu vẫn còn được sống, kẻ muốn chết sẽ tan xương, sẽ bị luộc sống trong chảo này.

Mao-Tiêu bình tĩnh đáp :

— Đại-vương nghĩ thế là lầm. Hai kè ấy đều chết có kẻ bắt hiếu sẽ bị thiên hạ nguyền rủa, dân chúng rời bỏ. Nếu kè ấy là vua sẽ bị mất nước, nếu kè ấy là dân sẽ bị tù đày lao khὸ, rồi không tránh được cái chết.

Câu nói ấy làm cho vua Tân đổi sắc mặt, ngồi im suy nghĩ.

Mao-Tiêu thấy vậy biết lời nói mình kích động tâm hồn vua Tân, liền đứng dậy, cởi áo chực nhảy vào chảo nước sôi.

Vua Tân vội vã bước xuống, nắm Mao-Tiêu lại, truyền quân dẹp chảo nước sôi đó.

Mao-Tiêu la lớn :

— Xin Đại-vương cho tôi được chết khỏi trông thấy những cảnh bất hiếu trên đời.

Vua Tân bảo Mao-Tiêu mặc áo vào, rồi mời ngồi nói :

— Những người can trước kia chỉ nói cái tội của ta, mà không nói cho ta nghe lẽ hơn thiệt. Nay nhà ngươi làm cho ta hiếu được điều lợi hại, vậy ta sẽ nghe theo lời.

Mao-Tiêu nói :

— Đại-vương đã nghe lời tôi, xin lập tức rước Thái-hậu về. Còn đồng thây nơi cùa khuyết là cốt huyết của trung thần, xin cho thu táng.

Vua Tân liền sai quan Tư-Lý thu nhặt thi hài hai mươi bảy người đã chết đem chôn nơi núi Long-thủ, khắc một tấm bia « hộp trung mộ ». Rồi ngự giá đi đón Thái-hậu.

Hai mẹ con thấy nhau đều khóc oà.

Thái-hậu nói :

— Mẹ con ta được thấy mặt nhau là nhờ Mao-Tiêu. Công ấy rất trọng.

Kiệu Thái-hậu được rước về Hàm-Đang bá quan ra đón, tiễn hô, hậu ứng trông rất vui vẻ. Dân chúng khen ngợi vua Tân là người có hiếu.

Vua Tân phong cho Mao-Tiêu làm quan Thái-phó, tước Thượng-khanh. Tuy nhiên, vua Tân nghĩ đến chuyện xưa, sợ Lã Bát-Vi tư thông vào nội công, nên xuống chiếu, bắt Lã Bát-Vi rời khỏi kinh đô, đến ở nơi đất phong tại Hà-Nam.

Các nước nghe tin Lã Bát-Vi bị cất chức, đuổi về đất phong, liền sai sứ đến thăm viếng, mời làm tướng.

Vua Tân sợ các nước dùng Lã Bát-Vi có hại cho Tân, bèn tự tay viết một phong thư, gửi cho Lã Bát-Vi, đại lược nói :

« Nhà ngươi có công gì với Tân mà được phong làm Vạn-hộ, nhà ngươi cũng chẳng phải thân thuộc của vương tộc mà gọi là thượng phụ. Trái lại Tân có ơn với nhà ngươi rất lớn. Cái loạn Lao-Ái đáng lẽ phải nghiêm trị, thế mà ta không nỡ giết, cho nhà ngươi đến ở đất phong, ngươi lại không biết cải hối, tư thông với các nước, trái với lương khoan dung của ta. Từ nay nhà ngươi phải đem gia quyến đến Thục-quận, lấy thành huyện ti lam chỗ dung thân suốt đời. »

Lã Bát-Vi đọc thư xong, nổi giận nói :

— Ta bỏ cả sản nghiệp, phủ lập tiên vương công áy ai bằng, vua sao nỡ phụ ta như thế.

Qua một lúc, Bát-Vi thở dài nói :

— Ta là con nhà lái buôn, đem mưu trí buôn vua bản chúa, làm cho dòng họ người tuyệt tự, trời nào dung ta.

Lã Bát-Vi buồn bã mấy hôm, rồi bỏ thuốc độc vào rượu tự vận.

*Nhân-xel :*

— Anh hùng tạo thời thế, và thời thế cũng tạo anh hùng.

Trong đời cái gì đi đến tinh vi cũng tác động vào xã hội một cách phi thường.

Lã Bát-Vi, con mồi gá buôn vàng ngọc, có một gia tài khổ dì, đáng lẽ Lã Bát-Vi nói theo nghề buôn vàng ngọc để

cùng cố và phát triển sự nghiệp của mình, thì Lã Bất-Vi lại có đầu óc khác hơn cha mình, không dùng nghề buôn của mình làm giàu trên việc buôn ngọc vàng, mà quay qua chuyện bán vua bán chúa.

Theo Lã Bất-Vi thì bất kỳ bỏ tiền ra, làm gì có lời tức là buôn rồi. Đã là buôn chỉ cần lời, mà lời gì bằng buôn vua bán chúa.

Với đầu óc chưa đựng âm mưu to tát ấy, Lã Bất-Vi đã thành công trong chính sách thương mãi của mình.

Có người nói : « Lã Bất-Vi sở dĩ thực hiện được đường lối buôn vua bán chúa của mình là nhờ cơ hội con vua Tần bị bỏ rơi ở Triệu. Nếu không có cơ hội ấy, Lã Bất-Vi tài gì làm nỗi sự nghiệp phi thường ấy, »

**T**Đành vậy ! Ở đời ban giờ cũng phải nhờ ở cơ hội mới được được thành công. Kẻ làm chính trị phải có cặp mắt nhận xét thời thế, kẻ làm tướng phải có cặp mắt quan sát chiến trận, thì Lã Bất-Vi một con buôn rành nghề cũng phải có cặp mắt nhận xét phẩm chất của món hàng.

Nếu Lã Bất-Vi không phải là một tay buôn phi thường thì làm gì thấy rõ cái lợi buôn vua bán chúa, đe chớp lấy cơ hội ngàn vàng đó.

Một nhà chính trị, miru lấy địa vị, theo phò một ông vua lưu vong để phục nghiệp, là chuyện thường. Một tướng tài, trong lúc mất nước, đem tài năng mình khuất phục kẻ thù, để miru đỡ cho vua mình về nước, cũng là chuyện thường thấy. Lã Bất-Vi là một con buôn mà có đầu óc khoáng đạt, thâm độc, dám đem vốn liếng mình ra buôn một ông vua để thu lợi quả là một chuyện lạ.

Dưới mắt một thương gia rành nghề, ông vua chỉ là một món hàng đe cho họ lợi dụng thu lợi.

Đưa một đứa con rời trở về nước Tân làm vua, Lã Bát-Vi đã xứng đáng là một con buôn chính trị. Nhưng cái thâm độc không phải ở chỗ đưa con vua Tân về nước Tân, mà ở chỗ cấy vào dòng máu vua Tân một dòng máu của mình. Để mưu đoạt lấy sự nghiệp về sau. Kế hoạch Lã Bát-Vi đã thành công, mặc dù Lã Bát-Vi chỉ hưởng lợi được nửa đời, rồi lại bị chết, song Tân Thủy-Hoàng đứa con của Lã Bát-Vi còn mãi trên ngôi vua, quả thật là chuyện hi hữu.

Đời nay, nói đến Lã Bát-Vi, người ta có cảm giác đó là một kẻ xảo quyệt, đa tà.

Tuy nhiên, có kẻ cho Lã Bát-Vi không phải là một con buôn, mà là một nhà chính trị, lợi dụng nghề buôn để mưu đồ sự nghiệp chính trị cho mình. Nếu Lã Bát-Vi là một con buôn làm sao nắm quyền Tướng-quốc nước Tân.

Nói như vậy chúng ta đánh giá các thương gia chỉ có tài buôn bán mà không có tài lãnh đạo chính trị sao?

Thương gia là những kẻ nhiều mưu lược nhất, đem trí óc mình ra tranh lợi, thì khi họ bước vào lĩnh vực chính trị, với mưu lược của họ, họ vẫn có khả năng lãnh đạo chính trị. Hơn nữa, một con buôn chính trị tất nhiên phải có khả năng về chính trị.

Chỉ có khác là, các nhà chính trị chân chính làm chính trị để giúp cho quốc thái dân an, đem lại quyền lợi cho dân, cho nước thì các nhà buôn chính trị chỉ nhắm vào mục đích dùng chính trị để thu lợi. Cho nên, những kẻ dùng chính trị để thu lợi chẳng qua là thủ đoạn tạm thời, không thể bền vững được, vì nó trái ngược với quyền lợi chân chính của đại đa số nhân dân. Lã Bát-Vi thất bại trên đường chính trị chỉ vì lẽ đó.

Hình thức buôn chính trị không phải riêng một Lã Bát-Vi ở thời chiến quốc, mà thế giới càng tiến bộ, thương mại

càng phát triển, thì hình thức buôn vua bán chúa, lấy chính trị làm cơ sở thương mãi trở nên phức tạp phi thường.

Một nước kỹ nghệ càng mạnh, phát triển khi giới chiến tranh, muốn được tiêu thụ số khai giới ấy để làm giàu tất nhiên phải gây chiến. Hành động gây chiến để tiêu thụ vũ khí là một hành động của con buôn chính trị rồi. Làm giàu trên việc giết người, tuy không chính đáng, nhưng các con buôn chính trị phần nhiều chỉ biết có lợi, mà không nghĩ đến nhân đạo, nên họ vẫn đưa nhau làm công việc ấy.

Mà muốn dùng chính trị để làm giàu, các con buôn chính trị tất phải tìm ưu thế trên vũ trường chính trị, để có đủ khả năng lũng đoạn chính trị trong nước, trong thế giới, đem lại lợi ích cho việc buôn bán của mình.

Cho nên, thời chiến quốc chỉ có một Lã Bát-Vi, mà thời nay không biết bao nhiêu là Lã Bát-Vi sống dưới hình thức con buôn chính trị, mà chúng ta, nếu không đề ý nhận xét không làm sao thấy rõ chân tướng của họ.

Lã Bát-Vi là con buôn chính trị có đủ tài trí để gây dựng uy thế, sự nghiệp mình. Nhưng trong đời, cũng có kẻ vì cơ hội may mắn mà cũng đạt được địa vị.

Như trường hợp Lao-Ái, chẳng qua là một gã dâm đãt, có dương vật to lớn và mạnh, nhưng gấp lúc Thái-hậu nhà Tân là con đàn bà dâm loạn, Lã Bát-Vi không chịu nổi, đem Lao-Ái trán vào cung, cốt để cứu vãn cho mình ngờ đâu với chút tài mọn ấy, Lao-Ái cũng làm nên địa vị.

Giả thử, nếu trong cung không có Thái-hậu nhà Tân đê dâm, thì dù dương vật của Lao-Ái có to và mạnh đến đâu cũng chẳng làm được việc gì.

Trời khiến luật cung cầu, có kẻ dại người thiểu để sang bằng nhau. Song, trong đời, khi có cái được phi thường

thì cũng có cái mắt phi thường. Nếu Lao-Ái tư thông với một người đàn bà da dâm trong dân già, không phải là Thái-hậu nước Tân, thì không có địa vị gì, mà cũng không bị bắt đầu như vậy.

Cho nên, lời xưa thường nói : « Leo cao té nặng ».

Có tài mà cậy chi tài.

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Kẻ có tài mà còn không dám cậy tài, huống hồ Lao-Ái, chỉ có chút trời sinh ấy, lê ra phải nép mình trong chăn gối để cầu sống cho yên thân với cửa các lầu hồng, lại bắt chước bọn nữ lưu, tưởng mình có thể dùng chăn gối làm chiến trường chính-trị, lớn tiếng khoe khoang để phai thiệt mạng.

Lao-Ái quả thật là đứa ngu xuẩn.

TINHSAI.COM.VN

## KINH-KHA VÀ THÁI-TỬ ĐAN

Tráng sĩ một đi không trở lại  
Đòng sông Dịch-thủy rẽ đổi nơi.  
Rượu nồng máu hán đầy với ấy.  
Tiếng trúc còn vang mãi với đời.

Nước Tân bấy giờ mạnh lắm, Hán, Triệu, Yên, Sở, Ngụy, chẳng khác nào như những con cừu non trước miệng một con hùm dữ.

Thái-tử Đan nước Yên đang làm con tin ở Tân, thấy quân Tân cử đại binh đánh Triệu mãi, biết họa tắt lây đến nước Yên, ngầm sai người đưa thư cho vua Yên bảo nên đề phòng việc chinh chiến. Lại bảo vua Yên nói dối bệnh, sai người sang đón Thái-tử về nước.

Vua Yên theo kế, sai sứ-giả đến Tân. Vua Tân nói :

— Vua Yên chưa chết, Thái-tử chưa được về trừ phi lúc nào chim quạ trắng đầu, ngựa mọc sừng thì mới được.

Thái-tử Đan ngửa mặt lên trời kêu to, khí uất xông thẳng đến trời, khiến cho đầu chim quạ đều trắng hết, vua Tân vẫn chẳng cho về.

Thái-tử Đan bèn đổi quần áo, hủy hình dung, giả làm một tên đầy tớ, đánh lừa quân canh ra khỏi Hàm-cốc, rồi lẩn về nước Yên.

Lúc đó vua Tân đang bận việc Hàn, Triệu, chưa rảnh để đến hỏi tội Thái-tử Yên trốn về.

Khi Thái-tử Đan về đến nước Yên, giận vua Tân lầm, bèn xuất cửa kho, họp nhiều tân khách để lo việc báo thù.

Qua một thời gian ngắn, Thái-tử Đan tìm được những tay dũng sĩ như Hạ-Phù, Tống-Ý. Lại có Tân Vũ-Dương mới mười ba tuổi đủ can đảm giết người thù giữa chợ, ai nấy đều khiếp sợ không dám đến gần. Thái-tử Đan thấy vậy tha tội cho Tân Vũ-Dương và nuôi trong nhà làm môn hạ.

Bấy giờ tướng Tân là Phàn Ô-Kỳ bị tội chạy sang nước Yên, trốn trong rừng sâu, nghe tin Thái-tử Đan hiếu khách, liền tự xuất thân xin theo. Thái-tử Đan đãi làm bậc thượng tân, xây một ngôi thành ở phía đông sông Dịch-thủy cho Ô-Kỳ ở, gọi là Phàn-quán.

Quan Thái-phó Cúc-Võ sợ làm như thế sẽ chọc tức vua Tân, bàn với Thái-tử Đan :

— Phàn Ô-Kỳ là kẻ thù của Tân, được Yên trọng đãi tất Tân sanh sự oán thù. Chỉ bằng đưa Phàn Ô-Kỳ sang nước Hung-nô để Tân khỏi mượn cơ sinh sự. Rồi tay

kết với Tam-Tấn, nam liêna với Tề Sở, bắc kết Hung-nô.  
Như vậy mới báo thù Tân được.

Thái-tử Đan nói :

— Kế của Thái-phó là kế lâu ngày. Lòng Đan này như lửa đốt, không thể chờ lâu được. Vả lại Phàn Tướng-quân đang lúc cùng khổn theo ta, ta nỡ nào sơ Tân mà đem bỏ Phàn Tướng-quân nơi hẻo lánh. Đan này thà chết chứ không thể làm được, xin Thái-phó nghĩ cho Đan này kế khác.

Thái-phó Cúc-Võ nói :

— Lấy Yên mà chống với Tân thì chẳng khác nào lấy trứng chọi vào đá. Tài năng tôi nồng cạn, không tin được việc lớn, nhưng có quen một người là Điện-Quang. Người này có trí khôn lại sức khỏe hơn người, ắt giúp cho Thái-tử được việc.

Thái-tử Đan liền cậy Cúc-Võ đến trước Điện-Quang. Khi Điện-Quang đến nơi, Thái-tử thân ra ngoài cửa quan đón tiếp rất cung kính. Điện-Quang tuổi quá già, run rẩy trèo ngồi lên ghế, những người đứng hầu đều cười thầm. Thái-tử Đan liền đuổi kè tà hưu đi hết, rồi quay dưới đất nói :

— Cái thế ngày nay Yên-Tân không thể cùng tồn tại được, nghe tiên sinh là người trí dũng kiện toàn, chẳng hay có kế gì cứu được nước Yên chăng ?

Điện-Quang từ chối :

— Tôi tuổi già, sức yếu, còn làm gì được nữa.

Thái-tử Đan nói :

— Bạn bè của tiên sinh có người nào trí dũng như tiên sinh lúc còn trẻ chăng ?

Điện-Quang nói :

— Lựa một người dùng không phải dễ. Kẻ vú dũng chưa chắc đã dùng được. Hiện nay môn khách của Thái-tử được bao nhiêu người xin cho tôi xem hết, thử có người nào dùng được chăng ?

Thái-tử Đan liền gọi bọn Hạ-Phù, Tống-Ý, Tân Vũ-Dương đến chào Điền-Quang.

Điền-Quang xem qua một lượt, hỏi rõ tên họ, rồi nói với Thái-tử :

— Tôi xem những khách của Thái-tử không người nào dùng được cả. Hạ-Phù là người có máu hăng, giận thì đỏ mặt. Tống-Ý là người có máu uất, giận thì xanh mặt, Tân Vũ-Dương là người có máu hờn giận thì mặt trắng chợt. Tâm hồn con người mà để cho cảm giác biểu lộ ra nét mặt tắt không dùng được. Tôi có biết Kinh-Kha là người thần dũng, mừng giận không hình ra mặt, dường như hơn những người này.

Thái-tử Đan nói :

— Kinh-Kha hiện giờ ở đâu ?

Điền-Quang nói :

— Kinh-Kha là dòng dõi quan Đại-phu nước Tề, tên là Khánh-Phong. Khánh-Phong chạy sang Ngô, ở đất Chu-phương, sau nước Sở đánh giết Khánh-Phong, họ hàng lại chạy sang nước Vệ, đem kiếm thuật đến Vệ Nguyên-Quân cầu dùng, nhưng Vệ Nguyên-Quân không dùng. Kinh-Kha bỏ Vệ sang nước Yên gặp Cao Tiệm-Ly là người thòi sáo rất hay. Kinh-Kha tính ham rượu, thường ngày cùng Cao Tiệm-Ly uống rượu. Hết Cao Tiệm Ly thòi sáo thì Kinh-Kha cũng cất giọng hát theo. Hát xong lại chảy nước mắt khóc rồi lại than thở, cho thiên hạ không ai biết mình. Kinh-Kha quả là kẻ trí dũng, tôi không bằng Kinh-Kha được.

Thái-tử Đan cung phụng Kinh-Kha chỉ là một hành động tri ân và khích-lệ khách anh hùng mà thôi. Một kẻ coi thân mình nhẹ như lông hồng, xem cái chết như trò chơi thì đâu cần dục tánh. Nếu Kinh-Kha thích rượu ngon gái đẹp không thè nào đem thân chết ở đất Tân trong lúc Kinh-Kha đã biết một di không về.

Lấy hành động cung phụng của Thái-tử Đan gắn cho Kinh-Kha cái tội ham mê nhục dục quả thật không đúng.

Thời Xuân-Thu chiến quốc, những hiệp-khách không thiếu gì, như Chuyên-Chư đi học nghề làm cá nướng ở Ngũ-hồ để trả trộm vě ám sát vua Ngô là Vương-Liên, Yên-Ly ám sát Khánh-Kỵ... những người đó cũng là những tay hiệp khách anh hùng, song so với Kinh-Kha thì không bằng ở nhiều phương diện.

Chuyên-Chư, Yên-Ly chẳng qua vì chịu ơn Công-tử Quan và Hap-Lư mà hành thích người thù của họ, việc hành thích ấy chỉ mang tánh cách cá nhân, còn Kinh-Kha mang dao nhọn vào Tân là mang cả cái sứ mệnh của sáu nước như bị tiêu sáp bị tiêu diệt vì bao chúa nhà Tân.

Hơn nữa, vào Tân, một đại cường quốc lúc bấy giờ, khác nào vào một cái hang cọp, nếu Kinh-Kha không có cái dũng phi thường của người anh-hùng thì không thè nào hành động nỗi, đừng nói đến chuyện thất bại.

Bằng chứng là Tân Vũ-Dương một dung sĩ nước Yên mới mười ba tuổi đã dù can đảm giết người thi giặc chợ thé mà lúc vào Tân thấy một vua Tân đã khiếp sợ, thì dù biết uy bạo vua Tân đến bực nào, và uy dũng của Kinh-Kha đến bực nào. Giết bạo chúa nhà Tân cứu nạn diệt quỷ cho các nước như bị tiêu không thành, người đời thường đồ lối cho Thái-tử Đan. Nếu Thái-tử Đan không quá nóng lòng, đợi cho tìm được tay kiếm-sĩ Cúp-Nhiếp, bạn của Kinh-Kha đi

theo giúp sức, thì có lẽ cuộc hành thích Kinh-Kha không đến nỗi quá thất bại như vậy.

Hành động của Kinh-Kha là hành động cuối cùng tượng trưng cho lòng căm phẫn và ý chí bất khuất của các nhược tiêu quốc sắp bị tiêu diệt.

Tuy nhiên, xã hội loài người có phân cõ hợp, hợp để rời phân, phân để rời hợp là trạng thái biến động của vũ-trụ dù ai anh hùng, ai hào kiệt cũng không xoay đồi được vận mệnh biến thiên.



**TIMSACH.COM.VN**

**TIMSACH.COM.VN**

---

*Giấy phép : 3724 TBTTCH / BC3 / XB ngày 30-11-1667*

**Giá : ~~250~~\$00**

溫故知新  
TINHACH.COM.VN

In tại nhà in tiếng của nhà xuất bản  
G.P. : 3724/TBTTCH/BC3/XB ngày 30-11-67